

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM MẠNH HÀ

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG CHỌN NGHỀ
CỦA HỌC SINH LỚP 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI - 2011

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM MẠNH HÀ

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG CHỌN NGHỀ
CỦA HỌC SINH LỚP 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

- 1. PGS.TS. Lê Khanh**
- 2. PGS. Trần Trọng Thủy**

HÀ NỘI - 2011

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
ĐTB	Điểm trung bình
GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
HS	Học sinh
Slượng	Số lượng
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TLH	Tâm lý học

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ, ĐỒ THỊ, BIỂU ĐỒ

Stt	Tên bảng	Số trang
1.	Bảng 2.1. Độ tin cậy của bảng hỏi dành cho HS (điều tra tại Trường THPT Số 1 Bát Xát, năm học 2007 – 2008)	62
2.	Bảng 2.2. Độ tin cậy bảng hỏi dành cho giáo viên và cha mẹ học sinh.	63
3.	Bảng 2.3. Một số thông tin chung về khách thể điều tra (học sinh lớp 12).	63
4.	Bảng 2.4. Mẫu khách thể phỏng vấn sâu.	65
5.	Bảng 2.5. Một số thông tin chung về khách thể thực nghiệm.	69
6.	Bảng 3.1. Mức độ đầy đủ trong nhận thức của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề	80
7.	Bảng 3.2. Đặc điểm nhận thức của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề	81
8.	Bảng 3.3. Mức độ hiểu biết chính xác và sâu sắc của nhận thức khi chọn nghề của HS lớp 12	83
9.	Bảng 3.4. Đặc điểm tâm lý của biểu hiện ở mặt nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 (nhìn từ góc độ học lực)	86
10.	Bảng 3.5. Thái độ của HS lớp 12 đối với việc tìm hiểu thông tin có liên quan đến nghề lựa chọn.	87
11.	Bảng 3.6. Đặc điểm tình cảm của HS lớp 12 với nghề lựa chọn	89
12.	Bảng 3.7. Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề (Bảng tổng hợp)	90
13.	Bảng 3.8. Mối quan hệ giữa tính tự giác trong hoạt động chọn nghề và thời điểm bắt đầu hoạt động này	94

14.	Bảng 3.9. Mức độ tích cực thực hiện các hành động chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp của HS lớp 12.	100
15.	Bảng 3.10. Tính hợp lý và khoa học trong việc thực hiện các hành động chọn nghề	101
16.	Bảng 3.11. Bảng tổng hợp đặc điểm hành động của HS khi chọn nghề	103
17.	Bảng 3.12. Mối quan hệ giữa các đặc điểm tâm lý với hoạt động chọn nghề.	109
18.	Bảng 3.13. Các hình thức hướng nghiệp cho HS lớp 12 ở các trường THPT.	113
19.	Bảng 3.14. Ảnh hưởng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp tới các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS.	116
20.	Bảng 3.15: Các hành động trợ giúp của gia đình đối với con cái trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp.	118
21.	Bảng 3.16: Ảnh hưởng của yếu tố thị trường lao động đến quyết định chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay.	124
22.	Bảng 3.17. Đặc điểm định hướng giá trị nghề của HS khi chọn nghề.	127
23.	Bảng 3.18: Động cơ chọn nghề chủ đạo khi quyết định chọn nghề của HS lớp 12.	131
24.	Bảng 3.19: Mức độ tích cực của các đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 A4 trường THPT Trần Nhân Tông (trước khi tổ chức thực nghiệm)	138
25.	Bảng 3.20: Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở từng mặt nhận thức, thái độ, hành động trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 A4, trường THPT Trần Nhân Tông trước khi tổ chức thực nghiệm.	139
26.	Bảng 3.21 Kết quả trắc nghiệm nghề nghiệp phù hợp của HS lớp 12 ^{a4} .	140
27.	Bảng 3.22. Tình cảm của HS đối với nghề lựa chọn	141
28.	Bảng 3.23. Đặc điểm tâm lý (biểu hiện ở cả 3) trong hoạt động chọn	142

	ngành của HS lớp 12 A4 trước và sau khi có thực nghiệm tác động.	
29.	Bảng 3.24. Bảng kiểm nghiệm t-test sự thay đổi trước và sau thực nghiệm	143
30.	Bảng 3.25. Sự thay đổi trong lựa chọn nghề của HS lớp 12A4 sau thực nghiệm tác động.	144
31.	Bảng 3.26. Bảng kiểm t-test về sự thay đổi về tình cảm của HS đối với nghề lựa chọn trước và sau thực nghiệm.	145
B	Tên biểu đồ	Số trang
32.	Biểu đồ 3.1. Mức độ chủ động và tự giác thực hiện hành động chọn nghề của HS lớp 12	92
33.	Biểu đồ 3.2. Mức độ tích cực thực hiện các hành động tìm hiểu đầy đủ những thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề một cách khoa học.	97
34.	Biểu đồ 3.3: Đặc điểm tâm lý biểu hiện cả ở 3 mặt (nhận thức, thái độ, hành động)	105
35.	Biểu đồ 3.4: Mức độ triển khai các hoạt động hướng nghiệp cho HS lớp 12 THPT.	111
36.	Biểu đồ 3.5: Lượng kiến thức, kỹ năng mà gia đình cung cấp cho HS trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp.	120
38	Biểu đồ 3.6: Cơ cấu lĩnh vực nghề nghiệp lựa chọn trong kỳ thi tuyển sinh 2010.	126
C	Tên đồ thị	Số trang
37.	Đồ thị 3.1. Mối quan hệ giữa đặc điểm tâm lý chung và chất lượng chọn nghề của HS.	107
38.	Đồ thị 3.2: Yếu tố bạn bè và ảnh hưởng của nó tới quyết định chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	122
39.	Đồ thị 3.3: Động cơ chọn nghề của HS lớp 12 THPT hiện nay.	130

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ, ĐỒ THỊ, BIỂU ĐỒ	iv
MỤC LỤC	viii
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu:	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	2
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu:	3
6. Giả thuyết khoa học.	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Đóng góp mới của luận án	4
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN TÂM LÝ HỌC VỀ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HOẠT ĐỘNG CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH THPT	6
1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề.	6
1.1.1. Nghiên cứu đặc điểm tâm lý hoạt động chọn nghề trong TLH nước ngoài.	6
1.1.2. Nghiên cứu đặc điểm tâm lý hoạt động chọn nghề trong TLH Việt Nam.	14
1. 2. Một số vấn đề lý luận về đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT.	18
1.2.1. Khái niệm nghề	18

1.2.2. Khái niệm hoạt động chọn nghề.	24
1.2.3. Tư vấn nghề như một biện pháp định hướng chọn nghề một cách phù hợp.	33
1.2.4. Khái niệm “đặc điểm tâm lý” trong hoạt động chọn nghề của HS THPT	34
1.2.5. Những đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT	40
1.2.6. Sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS THPT	45
1.2.7 Một số yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT.	46
CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	59
2.1. Tổ chức nghiên cứu	59
2.2. Phương pháp nghiên cứu	60
2.2.1. Nhóm phương pháp thu thập thông tin	60
2.2.2. Phương pháp thực nghiệm tác động.	68
2.2.3. Phương pháp thống kê toán học	73
2.3. Cách đánh giá các mức độ biểu hiện của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	74
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN	79
3.1. Thực trạng đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	79
3.1.1. Đặc điểm nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	79
3.1.2. Đặc điểm thái độ trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	87
3.1.3. Đặc điểm hành động trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	91
3.1.4. Đặc điểm tâm lý chung của HS lớp 12 biểu hiện trong hoạt động chọn nghề.	104

3.1.5. Ảnh hưởng của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề tới sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS lớp 12.	106
3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	110
3.2.1. Hoạt động GDHN của nhà trường và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề.	110
3.2.2. Hoạt động GDHN của gia đình và đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề.	116
3.2.3. Mối quan hệ bạn bè và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề.	121
3.2.4. Biến động của thị trường lao động và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề.	123
3.2.5. Ảnh hưởng của định hướng giá trị nghề và động cơ chọn nghề của HS tới đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT.	126
3.3. Những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 thông qua tác động vào các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề.	133
3.4. Kết quả thực nghiệm biện pháp tác động tâm lý	136
3.5. Đặc điểm tâm lý của một số trường hợp điển hình trong hoạt động chọn nghề.	146
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	150
1. Kết luận.	150
2. Kiến nghị	153
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.	157
TÀI LIỆU THAM KHẢO	158
PHỤ LỤC	165

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bước vào lứa tuổi 16, 17, HS THPT đã có được mức độ trưởng thành về tư tưởng và tâm lý đủ để các em bắt đầu xây dựng cho mình những kế hoạch của cuộc sống tự lập, trong đó có việc hoạch định một hướng nghề nghiệp trong tương lai. Nghề nghiệp - việc làm không chỉ tạo ra thu nhập để đáp ứng các nhu cầu sống mà còn là phương tiện để các em HS hiện thực hóa những hoài bão, ước mơ, thể hiện trách nhiệm công dân của mình. Thế nhưng, chọn được một nghề phù hợp không chỉ với mong muốn, khả năng của bản thân mà còn phù hợp với yêu cầu chung của nghề và xã hội lại không phải là chuyện đơn giản, nhất là với những bạn trẻ còn đang ngồi trên ghế nhà trường với vốn hiểu biết, kinh nghiệm còn hạn chế. Thực tế thời gian qua cho thấy, việc chọn nghề của học sinh trung học phổ thông (THPT) còn nhiều bất cập, nhiều em có quan niệm học đại học là con đường duy nhất để dẫn đến thành công, có địa vị cao trong xã hội. Số khác lại lấy sự đánh giá, phán xét thiếu căn cứ của dư luận xã hội để lựa chọn nghề mà không cần quan tâm mình có phù hợp với nghề đó hay không. Theo thống kê, hàng năm chúng ta có gần 450 nghìn cử nhân đại học, cao đẳng tốt nghiệp ra trường, nhưng có đến 63% không có việc làm, 37% số còn lại có việc làm thì hầu hết phải đào tạo lại và có nhiều người không làm đúng nghề mình đã học. [83] Trong khi đó, có đến 69% các doanh nghiệp, khu chế xuất trong cả nước thiếu hụt trầm trọng lao động có tay nghề đã qua đào tạo. [61]. Vậy đâu là nguyên nhân của hiện trạng này? Biện pháp nào có thể cải thiện được thực trạng đó? Câu trả lời chỉ có thể có lời giải khi chúng ta tìm hiểu và phân tích những đặc điểm tâm lý đã điều khiển hoạt động chọn nghề của học sinh trong mối liên quan tới các yếu tố ảnh hưởng khác như gia đình, nhà trường, xã hội... Tuy nhiên hiện nay, để điều chỉnh, điều khiển quá trình chọn nghề của học sinh, chúng ta mới chủ yếu dừng lại ở các biện pháp tác động giáo dục, sư phạm mà chưa chú ý thật đầy đủ đến các biện pháp tác động tâm lý. Sự thiếu hụt này xuất phát từ chỗ hiện chưa nhiều các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tâm lý đề cập đến vấn đề chọn nghề của HS THPT cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Vì thế, việc nghiên cứu

các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT sẽ là căn cứ khoa học để tổ chức các hoạt động GDHN một cách có hiệu quả, đáp ứng được không chỉ nhu cầu của HS mà còn những yêu cầu của nền kinh tế - xã hội trong giai đoạn hội nhập và phát triển hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn các đặc điểm tâm lý biểu hiện trong hoạt động chọn nghề của nhóm HS lớp 12, chỉ ra các yếu tố tâm lý – xã hội có ảnh hưởng đến các đặc điểm này, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp tác động tâm lý nhằm nâng cao hiệu quả chọn nghề của các em.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu lý luận:

Khái quát và hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về đặc điểm tâm lý của HS THPT trong hoạt động chọn nghề (các khái niệm và một số đặc điểm tâm lý cơ bản của hoạt động chọn nghề và các nhân tố tâm lý – xã hội có ảnh hưởng tới đặc điểm này...) nhằm xây dựng cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án.

3.2. Nghiên cứu thực tiễn:

Khảo sát thực trạng những đặc điểm tâm lý cơ bản trong hoạt động chọn nghề của HS thể hiện ở 3 mặt: nhận thức, thái độ, hành động và ảnh hưởng của nó đến hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT. Chỉ ra những những yếu tố ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của các em hiện nay.

3.3. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả chọn nghề của học sinh và thực nghiệm biện pháp tư vấn nghề cho HS THPT trước khi các em có quyết định lựa chọn nghề, nhằm giúp các em có được sự lựa chọn nghề phù hợp.

4. Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành động của HS lớp 12 THPT.

4.2. Khách thể nghiên cứu

Thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên những nhóm khách thể như sau:

- + 709 HS lớp 12 tại 6 trường THPT ở Hà Nội, Thái Bình và Lào Cai.
- + 60 giáo viên đang trực tiếp tham gia giảng dạy môn “Giáo dục hướng nghiệp” và 12 cán bộ là lãnh đạo tại các trường THPT.
- + 120 cha mẹ HS có con trong diện nghiên cứu.

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

5.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu:

Đặc điểm tâm lý biểu hiện trong hoạt động chọn nghề rất đa dạng, phong phú và phức tạp, do đó chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu một số đặc điểm tâm lý nổi trội biểu hiện trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT (hệ chính quy) được thể hiện ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành động và một số nhân tố tâm lý – xã hội (hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhà trường, gia đình, nhóm bạn bè, đồng cơ, định hướng giá trị nghề...) có ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm lý này.

5.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu:

Để đảm bảo tính đại diện vùng miền trong nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn 3 tỉnh, tại Hà Nội nghiên cứu tại 2 trường THPT Trần Nhân Tông và Trường THPT Đống Đa; tại Thái Bình nghiên cứu tại Trường THPT Nguyễn Trãi và trường THPT Nguyễn Đức Cảnh; tại Lào Cai nghiên cứu ở Trường THPT Số 1 và số 2 Bát Xát.

5.3. Giới hạn về khách thể nghiên cứu:

Để thực hiện được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, chúng tôi lựa chọn 3 nhóm xã hội sau với tính cách là khách thể nghiên cứu của đề tài: một là nhóm HS lớp 12; hai là nhóm giáo viên và đội ngũ lãnh đạo nhà trường, và ba là nhóm cha mẹ HS có con đang theo học lớp 12 tại các trường THPT.

5.4. Giới hạn về phương pháp luận tiếp cận vấn đề nghiên cứu:

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu đề ra, đề tài được tiến hành trên cơ sở vận dụng các phương pháp tiếp cận chính sau: Tiếp cận hoạt động, tiếp cận hệ thống... của Tâm lý học hoạt động.

6. Giả thuyết khoa học

Chúng tôi cho rằng, đặc điểm tâm lý nổi bật trong hoạt động chọn nghề của đa số học sinh lớp 12 hiện nay là chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về đối tượng lựa chọn; chưa có thái độ thật tích cực; chưa thể hiện tính chủ động và tích cực trong các hành động chọn nghề. Những đặc điểm tâm lý này có mối quan hệ chặt chẽ đến đến những sai lầm trong lựa chọn nghề của các em. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, song nguyên nhân chủ yếu là do các hoạt động GDHN cho HS ở trường THPT thời gian qua còn nhiều bất cập. Nếu tư vấn nghề cho học sinh lớp 12, thì có thể giúp các em hiểu biết đầy đủ hơn về vai trò, ý nghĩa của nghề đối với bản thân và xã hội, giúp các em có thái độ tích cực khi đánh giá, phán xét về những giá trị của nghề, và thực hiện nhiều hành động tích cực để tìm kiếm và lựa chọn được nghề phù hợp .

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản.

7.2. Phương pháp điều tra viết bằng bảng hỏi.

7.3. Phương pháp trắc nghiệm tâm lý.

7.4. Phương pháp phỏng vấn sâu.

7.5. Phương pháp thực nghiệm tác động.

7.6. Phương pháp mô tả chân dung tâm lý trong hoạt động chọn nghề của một số trường hợp điển hình.

7.7. Phương pháp chuyên gia.

7.8. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

8. Đóng góp mới của luận án

8.1. Về phương diện lý luận:

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần bổ sung, làm phong phú thêm về phương diện lý luận những đặc điểm tâm lý của HS THPT trong hoạt động chọn nghề và những nhân tố ảnh hưởng tới nó. Đặc biệt luận án đã chỉ ra mối quan hệ mang tính nhân quả giữa đặc điểm tâm lý với sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS.

8.2. Về phương diện thực tiễn:

Luận án đã làm rõ thực trạng một số đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề, chỉ ra ảnh hưởng các đặc điểm tâm lý này tới kết quả chọn nghề của HS trong bối cảnh đất nước hiện nay. Đồng thời luận án cũng chỉ ra một số nhân tố tâm lý xã hội có ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 như hoạt động GDHN trong trường phổ thông và trong các gia đình, nhân tố sự vận động của nhu cầu thị trường lao động, nhân tố định hướng giá trị, động cơ chọn nghề của HS...

Kết quả thực nghiệm biện pháp tư vấn nghề đã chứng minh được tầm quan trọng và hiệu quả cao của nó đối với việc nâng cao nhận thức, có thái độ và hành động tích cực đối với hoạt động chọn nghề của HS, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng quyết định chọn nghề của các em, nếu được tổ chức một cách chặt chẽ, khoa học với đội ngũ cán bộ tư vấn được đào tạo đầy đủ về tâm lý học.

Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo bổ ích cho việc giảng dạy Tâm lý học lao động, Tâm lý học hướng nghiệp của giảng viên Khoa Tâm lý học, cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường THPT và các phụ huynh học sinh trong quá trình tiến hành hoạt động GDHN cho con em mình.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN TÂM LÝ HỌC VỀ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HOẠT ĐỘNG CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH LỚP 12 THPT

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghề xuất hiện khi sản xuất của xã hội loài người có sự phân công lao động. Nghề nghiệp cổ xưa nhất được biết đến là nghề săn bắn, hái lượm, trồng chọt và chăn nuôi. Khi nền sản xuất xã hội càng ngày càng đã dạng do những tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã làm xuất hiện càng ngày càng nhiều nghề mới. Sự gia tăng số lượng nghề mới đã tạo ra nhiều cơ hội cho cá nhân lựa chọn cho mình một nghề. Tuy nhiên, nó cũng đặt con người trước thách thức mới, đó là nghề mình chọn có thực sự cần thiết cho xã hội và phù hợp với năng lực của bản thân hay không. Xung quanh vấn đề này, có nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Trong khuôn khổ của luận án, chúng tôi điểm lại một số kết quả nghiên cứu trước đây về vấn đề này.

1.1.1. Nghiên cứu hoạt động chọn nghề trong TLH nước ngoài

Khi nghiên cứu về vấn đề chọn nghề của cá nhân, các nhà khoa học luôn đặc chú trong mối quan hệ với vấn đề tuyển chọn nghề nghiệp của các chủ doanh nghiệp, do đó không có các nghiên cứu thuần túy về các đặc điểm cá nhân khi chọn nghề mà thường gắn chúng với các vấn đề định hướng và tuyển chọn nghề nghiệp. Có thể điểm qua một số xu hướng nghiên cứu về vấn đề này của các nhà TLH phương tây như sau:

1.1.1.1. Nghiên cứu các phương tiện đánh giá sự phù hợp trong lựa chọn nghề nghiệp của cá nhân

Lịch sử cho thấy, các nhà Tâm lý học là những chuyên gia trước tiên quan tâm tới việc xây dựng hệ thống cơ sở lý luận cũng như những phương pháp định hướng quá trình lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên một cách khoa học. Các nhà Tâm lý học cho rằng, con người có thể làm tốt một công việc phụ thuộc vào người đó có những năng lực phù hợp với nghề hay không. Năm 1883, nhà Tâm lý học Anh F. Gallton lần đầu tiên sử dụng “test” để chẩn đoán

nhân cách nhằm mục đích tư vấn nghề nghiệp cho thanh niên. Năm 1890, nhà Tâm lý học Mỹ J.Mc.Cattell là người đầu tiên đề nghị đưa phương pháp test vào công tác tuyển chọn nghề. Đến năm 1895, F. Galton cùng với nhà Tâm lý học Pháp A.Binet đã thành lập Sở tư vấn nghề nghiệp đầu tiên tại Pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) đã tạo ra nhu cầu tiếp tục mở rộng nghiên cứu những phương pháp nhằm xác định những đặc điểm nhân cách của cá nhân để qua đó tuyển chọn và đào tạo cấp tốc nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu chiến tranh. Trong giai đoạn này, các nhà tâm lý học đã sử dụng trắc nghiệm Army Alpha và Army Beta để lựa chọn ra những cá nhân có đủ năng lực trí tuệ phục vụ trong quân đội. Sau chiến tranh, các quốc gia tập trung phát triển kinh tế, vấn đề tuyển chọn nghề một lần nữa nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Giáo sư H.Munsterberg giám đốc phòng thí nghiệm Trường đại học tổng hợp Harvard, đứng đầu nhóm nghiên cứu hệ thống test dùng cho tuyển chọn nghề nghiệp. Theo tác giả, các em học sinh chỉ phát huy hết khả năng của bản thân khi được làm những công việc phù hợp với những khả năng mà các em hiện

Trong số các tác giả nghiên cứu sâu về những phương tiện đánh giá sự phù hợp trong lựa chọn nghề của cá nhân, chúng ta không thể không nhắc đến John Holland. Lý thuyết về sự lựa chọn nghề nghiệp của Holland được coi là nổi tiếng nhất và được nghiên cứu rộng rãi nhất về chủ đề nghề nghiệp. Lý thuyết của ông chỉ ra rằng con người có xu hướng “Nguru tầm nguru, mã tầm mã” (hay còn gọi là tâm lý bày đàn). Điều này có nghĩa là, con người có xu hướng kết thân với những người có cùng tình cách với họ. Và điều này cũng tác động lên lựa chọn nghề nghiệp của mỗi người. Họ sẽ chọn những công việc ở những nơi mà họ cảm thấy xung quanh mình là những người giống mình. Theo Holland, hầu như ai cũng có thể xếp vào một trong sáu kiểu người sau trong xã hội: Người thực tế (Realistic), Người tìm tòi nghiên cứu (Investigative), Người có tính nghệ sỹ (Artist), Người xã hội (Social), Người Lãnh đạo (Enterprising), Người Lề lối (Conventional). Và 6 kiểu người sẽ phù hợp với 6 kiểu môi trường công việc, cụ thể: Môi trường thực tế (Realistic) ; Môi trường nghiên cứu (Investigative); Môi trường sáng tạo (Artist);

Môi trường xã hội (Social); Môi trường Lãnh đạo (Enterprising); Môi trường Tập quán (Conventional). Ngày nay, lý thuyết và phương pháp của Holland vẫn được ứng dụng một cách rộng rãi trong việc tư vấn, định hướng nghề cho thanh niên.

1.1.1.2. Hướng nghiên cứu về các quá trình ra quyết định chọn lựa nghề nghiệp của cá nhân

Vào những năm 1950 - 1970 rất nhiều nhà TLH chọn hướng nghiên cứu làm rõ quá trình ra quyết định nghề nghiệp của cá nhân. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này có thể kể đến D.V. Tiedeman (1919 – 2004). Ông là nhà TLH đầu tiên áp dụng hệ thống nhận thức luận để hiểu về quá trình ra quyết định nghề nghiệp của thanh niên. Ông đã khái quát được các giai đoạn cụ thể của quá trình này gồm: Giai đoạn đoán trước (cá nhân thu thập thông tin, xuất hiện các lựa chọn, gạn lọc lựa chọn và đề xuất các phương án lựa chọn nghề nghiệp), tiếp đến là giai đoạn thực thi (cá nhân ra quyết định thực thi những phương án chọn nghề mà bản thân đã cân nhắc, gạn lọc [72]. Dựa vào kết quả nghiên cứu của D.V.Tiedeman, Harren (1979) cũng đưa ra một mô hình quá trình quyết định nghề nghiệp theo các giai đoạn, gồm các giai đoạn cụ thể sau: Nhận thức, lập kế hoạch, tập trung sự chú tâm và thực hiện. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã chỉ ra được sự ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân và hoàn cảnh đến tiến trình đi đến quyết định nghề nghiệp [70]. Cũng trong hướng nghiên cứu này, khi đi chi tiết hơn vào quá trình ra quyết định chọn nghề của cá nhân, Hilton T.L (1962) phát hiện ra các yếu tố chi phối các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên. Ông cho rằng nhân tố quyết định chi phối việc chọn nghề là lòng tin của con người vào một nghề nào đó đem lại ý nghĩa cho bản thân họ. [66]. Như vậy là các tác giả nhóm này đã mô tả quá trình thực hiện quyết định nói chung và quyết định lựa chọn nghề nghiệp nói riêng bao gồm nhiều giai đoạn và thành phần khác nhau.

Một số tác giả khác lại cho rằng quyết định nghề nghiệp sẽ diễn ra theo chỉ định. Theo họ những người có quyết định tốt phải biết tìm ra thông tin và sử dụng các thông tin phù hợp, tin cậy để đạt được sự lựa chọn, làm tăng cơ hội thực hiện thành công. Janis và Maun (1977) [80] khi nghiên cứu về hành vi chọn nghề, đã khuyến cáo sự thiếu thông tin và rối loạn thông tin là mối nguy hại cơ bản đối với

việc thực hiện quyết định một cách đúng đắn. Tuy nhiên, các tác giả mới chỉ dừng lại ở chỗ chỉ ra quy trình trong lựa chọn nghề của thanh niên một cách thực dụng và không tính tới các yếu tố như động cơ, khát vọng nghề nghiệp trong quá trình ra quyết định.

Cũng theo hướng nghiên cứu mô hình ra quyết định chọn nghề của thanh niên, tác giả Dinklage (1968) thông qua các nghiên cứu của mình đã đưa ra 8 kiểu người trong việc thực hiện các quyết định nghề nghiệp. Nghiên cứu của Dinklage đã giúp cho các nhà tư vấn hướng nghiệp xác định được kiểu ra quyết định chọn nghề đặc trưng của cá nhân, từ đó đưa ra những chỉ dẫn hoặc những điều chỉnh quá trình ra quyết định, sao cho kết quả ra quyết định chọn nghề đạt chất lượng tốt nhất.

Cũng theo hướng này, F.Jonhson (1978) cho rằng, có 3 cách mà người thực hiện quyết định chọn nghề, có thể tiến hành dựa trên phương pháp mà họ thu thập và xử lý thông tin. Người thu thập thông tin hệ thống, thường tìm kiếm thông tin theo phương pháp có chủ định với một thái độ cẩn trọng trong công việc. Người thu thập thông tin tự phát, có xu hướng phản ứng một cách tức thời đối với bất kỳ thông tin nào họ gặp và định hướng tâm lý một cách nhanh chóng. Người xử lý thông tin hướng nội thường có xu hướng nghĩ đến các phương án và đạt đến quyết định trước khi bàn bạc điều đó với người khác. Còn người xử lý thông tin hướng ngoại là người có xu hướng bàn bạc các phương án với những người khác trước khi quyết định lựa chọn. Tuy đã chỉ ra được mối liên quan giữa kiểu tính cách và xu hướng hành vi lựa chọn nghề nhưng các tác giả trên đây vẫn chưa chỉ ra được bản chất của mối quan hệ này [70]. Trong khi đó, Krumboltz và các đồng nghiệp (1979) lại tập trung vào sự khác nhau bên trong và tương tác giữa các cá nhân trong việc thực hiện quyết định dựa trên 5 chiến lược cơ bản: Lý trí, cảm hứng, trực giác, phụ thuộc và số mệnh. Các tác giả cho rằng cá nhân có thể dùng các chiến lược tương tự trong các tình huống tương tự nhưng nhìn chung chiến lược được chọn bị ảnh hưởng bởi tình huống thực hiện quyết định. [82].

Khi tìm hiểu mối quan hệ giữa quyết định chọn nghề và hứng thú nghề nghiệp của HS, các tác giả như V.N Supkin, V.P. Gribanov, X.N. Trixtaicôva, N.N Dakhacov, M.V. Giuvanov [trích theo 39;39] đã chỉ ra rằng hứng thú nghề nghiệp

xuất hiện khá sớm ngay từ khi trẻ đi học và hứng thú nghề nghiệp chịu ảnh hưởng bởi giới tính và lứa tuổi. Các tác giả N.D. Levitov, I.U.Valilov, M.A. Kontuva lại nhấn mạnh vai trò của hứng thú đối với sự lựa chọn nghề của HS. Các tác giả cho rằng hứng thú môn học có ảnh hưởng to lớn tới hứng thú nghề nghiệp và sự lựa chọn nghề của HS ngay từ khi còn đang trên ghế nhà trường.

Kết quả của nhiều nghiên cứu về cơ chế lựa chọn và ra quyết định trong hoạt động chọn nghề của các nhà Tâm lý học Nga (Vaxina U.A 2000; Peretuatro, 1991) cho thấy rằng việc lựa chọn nghề được xây dựng trên mối quan hệ của các tiêu chí đánh giá của HS THPT. Nghiên cứu về hiện tượng lập kế hoạch cho cuộc sống tương lai ở lứa tuổi HS THPT của tác giả Xkorobogatova. P.N (1996) cho thấy, có 2 kiểu lập kế hoạch: có suy nghĩ sâu sắc kỹ càng (có suy tính) và không suy nghĩ sâu sắc kỹ càng (không suy tính) về điều kiện, hoàn cảnh của bản thân và mục tiêu cuộc sống. Trên cơ sở phân tích kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra 4 đặc điểm tâm lý đặc trưng của lứa tuổi HS THPT trong việc lập kế hoạch cho cuộc sống tương lai. Phần lớn HS THPT có suy nghĩ cân nhắc trong việc lập kế hoạch, nhưng kế hoạch còn mơ hồ và không tách khỏi ước mơ, thiếu quyết định dứt khoát lựa chọn. Tuy vậy, Xkorobogatova. P.N chưa đề cập đến vai trò của các yếu tố môi trường ảnh hưởng tới kiểu lập kế hoạch của HS như thế nào và chi phối toàn bộ quá trình ra quyết định đó ra sao.

1.1.1.3. Hướng nghiên cứu về các đặc điểm tâm lý- xã hội trong lựa chọn nghề nghiệp của cá nhân

Vào đầu những năm 1950, Ginzberg, Ginsburs, Axelrad và Herma (1951), Roe (1956), và Super (1957) đã cho ra các lý thuyết lựa chọn nghề và phát triển nghề. Những lý thuyết này giúp cho việc xác định các loại nhân cách và mối liên hệ của các loại nhân cách với môi trường làm việc. O Brien và Fassinger (1993) khi nghiên cứu sâu về khát vọng nghề nghiệp của các cô gái mới trưởng thành, tác giả đã đi đến kết luận “*những đặc điểm xã hội của người mẹ (học vấn, vị trí xã hội, tuổi tác...) là những yếu tố có quan hệ quan trọng với định hướng nghề nghiệp của các cô gái trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đời*” [82]

Giá trị nghề và định hướng giá trị nghề là một chủ đề được nhiều tác giả đề cập. Onna. J.Yenna (2002) khi nghiên cứu về động lực trong lựa chọn nghề của thanh niên đã cho rằng: *giá trị là một phần quan trọng trong việc tìm kiếm nghề nghiệp. Theo tác giả "giá trị là yếu tố thúc đẩy sự lựa chọn của chúng ta hàng ngày, giá trị không đúng, không sai. Cái gì bạn chấp nhận không có nghĩa người khác cũng chấp nhận giống như bạn vì bạn có một hệ thống giá trị riêng"*[74;120]. Nghiên cứu của O.J.Yenna cũng chỉ ra một đặc trưng trong chọn nghề của thanh niên, đó là họ thường căn cứ vào thang giá trị nghề nghiệp (theo đánh giá xã hội) để lựa chọn nghề. Thường trong xã hội, các giá trị như tài chính, vị trí xã hội, quan hệ xã hội...luôn được các bạn trẻ định hướng trong lựa chọn nghề. Cùng quan điểm với Onna. J.Yenna, Montréal René (1995) nhà TLH người Pháp đã nhấn mạnh *"nếu có một xu hướng mạnh mẽ trong lựa chọn việc làm thì thường là mong muốn có một công việc thú vị, có giá trị xã hội, được thoả sức sáng tạo, và môi trường làm việc thoải mái"* [75,79]. Tác giả còn khẳng định mọi hành vi chọn nghề đều bị ảnh hưởng và chi phối bởi chính các giá trị xã hội của nghề mà cá nhân nhận thức trong quá trình hoạt động. Khi bàn về các giá trị ưu tiên trong lựa chọn nghề, J.Watts (1996) cho rằng *"giá trị ưu tiên trong lựa chọn nghề của các bạn HS, sinh viên đó là sự an toàn của nghề nghiệp, mức tiền lương, lợi ích, các trách nhiệm và sự sáng tạo, cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc, các kỳ nghỉ, giờ giấc làm việc, khả năng gặp gỡ mọi người, uy tín..."*[66]

Khi xác định các động lực thúc đẩy hành vi chọn nghề, Morris Viteles (1966) phát hiện ra rằng, những HS có nhu cầu thành đạt cao thường chọn mục đích nghề nghiệp phù hợp với năng lực của họ hơn những HS có nhu cầu thành đạt thấp. Những HS có nhu cầu thành đạt cao thường chọn nghề kinh doanh, những nghề có tính cạnh tranh cao và với những nghề đó họ có thể có cơ sở (những tiêu chí) đánh giá rõ ràng, cụ thể những thành công hay thất bại của họ. Những HS có nhu cầu thành đạt cao thường đạt được thứ bậc cao trong những môn học liên quan đến nghề nghiệp mà họ lựa chọn [80].

Theo hướng nghiên cứu động cơ chọn nghề, N.D. Levitov đã chỉ ra hệ thống động cơ bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động chọn nghề

của HS như: động cơ bên trong gồm hứng thú, nguyện vọng... và động cơ bên ngoài gồm giá trị xã hội của nghề, tiền lương... [35;122] . Tuy nhiên, ông chưa đưa ra được thứ bậc động cơ chiếm ưu thế trong việc điều khiển hành vi chọn nghề của HS. Cùng quan điểm với N.D Levitov, A.V.Petrovski một nhà TLH người Nga khác đã chỉ ra nguyên nhân hấp dẫn HS chọn nghề này hay nghề khác là do tính chất sáng tạo của lao động, tiếp theo ý nghĩa xã hội của nghề nghiệp. Ông cho rằng HS THPT quan tâm nhiều đến giá trị xã hội của nghề sau đó mới đến giá trị vật chất. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã chỉ ra được thứ bậc động cơ thúc đẩy hành vi chọn nghề của HS nhưng không thấy tác giả đề cập đến các yếu như khả năng, hứng thú... có ảnh hưởng như thế nào tới quá trình ra quyết định chọn nghề của HS.

V.V.Tsêbusêva khi tìm hiểu đặc điểm nhận thức của HS khi chọn nghề, tác giả cho rằng: *Nhiều học sinh khi chọn nghề nhưng chưa hiểu đầy đủ ý nghĩa của việc lựa chọn và không có các kiến thức cần thiết về ngành nghề đã chọn* [58;152]. Đề cập đến nguyên nhân của thực trạng này, tác giả đã chỉ ra những yếu kém trong việc tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp trong trường học là một trong những tác nhân chủ yếu. Trong các nghiên cứu của mình, V.V.Tsêbusêva đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thái độ và chất lượng chọn nghề của học sinh, theo đó nếu học sinh không có thái độ tích cực trong lựa chọn nghề thì tất yếu dẫn đến những sai lầm trong lựa chọn.

Khi nghiên cứu nhận thức của học sinh trong lựa chọn nghề, N.I.Corulóp đã nhận xét ở lứa tuổi trung học, học sinh đã có ý thức trong việc lựa chọn nghề nghiệp và sự lựa chọn đó thường có những căn cứ, tuy nhiên, những căn cứ này đôi khi thiếu cơ sở khoa học, bởi những hiểu biết của các em về nghề mới chỉ dừng ở những dấu hiệu bề ngoài, mà những dấu hiệu đó nhiều khi khác xa so với nội dung thực tế của chúng. Cùng quan điểm với Corulóp, V.A. Kruchetxki cho rằng, lứa tuổi học sinh lớn là lứa tuổi của sự tự xác định cuộc đời lao động, khi học sinh tìm kiếm một cách nghiêm túc sứ mệnh lao động của mình là lúc các em muốn vươn tới xác định một nghề nghiệp tương lai cho riêng mình. Qua nghiên cứu thực tiễn hoạt động chọn nghề của học sinh lớp 10 (tương đương với lớp 12 của Việt Nam), tác

giả đã chỉ ra những bất cập trong việc lựa chọn nghề của các em “Phần lớn học sinh lớn (lớp 10) chưa có hiểu biết rõ ràng về đa số các nghề nghiệp nên chưa có những định hướng đúng đắn theo các nghề đó và chưa biết các xác định một cách khách quan sự phù hợp nghề nghiệp của mình. [6,219]. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra xu hướng lựa chọn nghề của học sinh hiện đang chạy theo giá trị bằng cấp hơn là giá trị xã hội của nghề. Điều này thể hiện ở hiện tượng, học sinh đánh giá quá cao trình độ học vấn đại học và nó được đặt ra như là một mục tiêu cần phải đạt được. Nhiều em sẵn sàng chờ đợi vài năm để thi bằng được vào một trường đại học. Theo tác giả, điều này có những tác động xấu đến quá trình phân công lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế - xã hội. Trong một nghiên cứu khác về sự phù hợp trong lựa chọn nghề của học, V.A. Kruchetxki, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề một cách có ý thức. Tác giả cho rằng “*nghề được chọn phù hợp với nguyện vọng cá nhân và các năng lực tương ứng đối với dạng lao động ấy sẽ mang lại sự thoải mái về mặt đạo đức cho con người và lợi ích tối đa cho xã hội*”[6;72]. V.A. Kruchetxki cũng đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa những đặc điểm tâm lý trong chọn nghề với hiệu quả của quá trình lựa chọn. Ông cho rằng “*sự kết hợp giữa nguyện vọng và khả năng cá nhân với ý nghĩa xã hội của nghề trong sự lựa chọn đó là những yếu tố giúp cho quá trình lựa chọn nghề đạt hiệu quả cao nhất*” [7,75]. Tuy nhiên, điểm hạn chế trong nghiên cứu của Kruchetxki là ít đề cập đến các nhân tố khách quan chi phối hoạt động chọn nghề của HS như các vấn đề giáo dục nhà trường, gia đình...

L.G Peretuatko (1991) lại chú ý đến xu hướng chọn nghề của HS và ảnh hưởng của môi trường tới những quyết định lựa chọn của các em. Các nghiên cứu thực tiễn của tác giả đã chỉ ra ở phần lớn các thiếu niên, hứng thú học tập liên quan tới nghề nghiệp mà các em có ý định lựa chọn và môi trường gia đình, bạn bè có ảnh hưởng trực tiếp tới hành động chọn nghề của HS. Việc khẳng định xu hướng nghề của HS do ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố bên ngoài là một điểm mới mẻ trong nghiên cứu của L.G Peretuatko, nhưng tác giả lại quá đề cao vai trò của yếu tố môi trường mà chưa quan tâm đúng mức tới vai trò của những nhân tố chủ quan tới các quyết định lựa chọn nghề của HS.

Tóm lại, xung quanh những nghiên cứu về vấn đề chọn nghề của thanh niên, đã có nhiều tác giả nước ngoài nghiên cứu trên các khía cạnh như đánh giá sự phù hợp trong lựa chọn nghề, mô hình ra quyết định lựa chọn nghề và những yếu tố tâm lý – xã hội trong chọn nghề, nhưng những nghiên cứu chuyên sâu về các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề lại ít được đề cập trên cả phương diện lý thuyết và thực tiễn.

1.1.2. Nghiên cứu về các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS ở Việt Nam

Trong hơn ba thập niên trở lại đây, ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu thực tiễn về vấn đề hướng nghiệp – chọn nghề của HS, tiêu biểu như: “Hướng nghiệp cho nữ sinh phổ thông trung học” (1973); “Phụ nữ và nghề nghiệp” (1978); “Nghề em yêu thích” (1985) của Phạm Tất Dong; “Sự lựa chọn tương lai” (2000) của Phạm Tất Dong và Nguyễn Như Át; “Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên” (2005) của Nguyễn Hữu Dũng; “Một số vấn đề về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông” (2005) của Phùng Đình Mẫn, Phan Minh Tiến, Trương Thanh Thủy; “Tuổi trẻ và nghề nghiệp” của Tổng cục dạy nghề; “Tôi chọn nghề” (2007) – Tủ sách hướng nghiệp nhất nghệ tinh của Nhà xuất bản Kim Đồng do Nguyễn Thắng Vu, Phạm Quang Vinh chủ biên... Các công trình này đã đề cập đến nhiều khía cạnh đa dạng hoạt động chọn nghề của thanh niên, cũng như những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến hoạt động này. Có thể tóm tắt những xu hướng nghiên cứu của các tác giả Việt Nam về vấn đề hướng nghiệp, chọn nghề của học sinh như sau:

Hướng nghiên cứu các phương tiện đánh giá sự phù hợp trong lựa chọn nghề nghiệp của cá nhân.

Để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về tư vấn nghề cho thanh niên và nhu cầu tuyển chọn về tâm lý đối với một số nghề cần thiết trong cơ chế thị trường, từ năm 1991 Viện Nghiên cứu Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp đã bắt đầu triển khai đề tài: "Nghiên cứu những yêu cầu tâm lý cơ bản phù hợp nghề của một số nhóm nghề và phương pháp xác định chúng làm cơ sở cho công tác

hướng nghiệp, tư vấn nghề và tuyển chọn” do tác giả Mạc Văn Trang chủ biên. Nghiên cứu đã xây dựng họa đồ nghề cho một số nhóm nghề đang có nhu cầu cao trong xã hội, đồng thời đưa ra một số trắc nghiệm tâm lý nhằm kiểm tra sự phù hợp giữa những đặc điểm nhân cách với những yêu cầu của nghề đặt ra. Tuy không nghiên cứu để tạo ra những trắc nghiệm mới dùng cho hoạt động tư vấn nghề, nhưng qua kết quả các nghiên cứu của mình, các tác giả như Lê Đức Phúc, Trần Trọng Thủy đã đề xuất ứng dụng một số trắc nghiệm tâm lý cho hoạt động tư vấn nghề của học sinh phổ thông. Ngoài ra, các tác giả Lê Gia Khải, Phạm Ngọc Quỳ, Tạ Tuyết Bình, Vũ Bích Hoạt đã nghiên cứu và đề xuất việc sử dụng các thử nghiệm sinh trắc để đánh giá khả năng lao động của cá nhân và lấy nó là một trong những cơ sở quan trọng để định hướng nghề cho cá nhân.

Hướng nghiên cứu về các đặc điểm tâm lý – xã hội trong chọn nghề:

Bước vào giai đoạn đổi mới, nền kinh tế được mở cửa cho nhiều thành phần tham gia, thanh niên có nhiều cơ hội để tìm kiếm và lựa chọn cho mình một nghề nghiệp ổn định và phù hợp. Lúc này, đã xuất hiện nhiều nghiên cứu về vấn đề chọn nghề này của thanh niên. Nhận thức nghề nghiệp và hoạt động chọn nghề của HS là một trong những hướng nghiên cứu được nhiều tác giả khai thác. Có thể điểm qua một số tác giả tiêu biểu như GS Nguyễn Quang Uẩn, trong các nghiên cứu về vấn đề hướng nghiệp, chọn nghề, ông đã nhấn mạnh vai trò quyết định của yếu tố nhận thức nghề nghiệp tới sự hình thành xu hướng nghề của HS. Ông cho rằng nhận thức về nghề của HS còn yếu, số nghề và các trường chuyên nghiệp được HS biết đến chưa nhiều. Hứng thú nghề nghiệp của HS hình thành muộn, chưa tập trung và rõ nét. Trong nghiên cứu này, tác giả cũng đã chỉ ra một số nguyên nhân có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình nhận thức nghề của HS [58]. Cũng theo hướng nghiên cứu này, khi đề cập đến đặc điểm nhận thức về nghề lựa chọn của HS, tác giả Phan Tố Oanh đã đưa ra được đặc trưng cơ bản trong nhận thức về nghề của HS là: Những hiểu biết của HS về nghề chỉ dừng lại ở những biểu hiện bên ngoài, không bản chất của nghề, phần lớn HS chưa có hiểu biết sâu sắc về những đặc trưng riêng của từng

nghe, và quan trọng hơn cả là HS chưa biết cách so sánh, đối chiếu để tìm ra sự phù hợp giữa những đặc điểm bản thân với yêu cầu của nghề nghiệp [39].

Trong một hướng tiếp cận khác, nghiên cứu về xu hướng chọn nghề của HS và thanh niên, tác giả Đào Thị Oanh (2004) khi nghiên cứu về khuynh hướng lựa chọn nghề nghiệp của HS, tác giả cho rằng hiện nay HS trung học chưa định hình một khuynh hướng nghề nghiệp cụ thể, các hứng thú nghề nghiệp mới chỉ dừng lại ở chỗ thoả mãn nhu cầu thích hiểu biết. Chính vì vậy, dẫn đến việc HS thường lựa chọn nghề chỉ dựa vào yếu tố bề ngoài mà không chọn nghề xã hội đang có nhu cầu cao. Nguyên nhân của hiện trạng này, theo tác giả là do HS thiếu thông tin về nghề cũng như nhu cầu xã hội đối với nghề [41].

Cũng nghiên cứu về xu hướng nghề, Đỗ Ngọc Anh (2006) có hướng tiếp cận dưới góc độ của người đã lựa chọn nghề. Trong nghiên cứu, tác giả cho rằng, ngay cả sinh viên, những người đã lựa chọn nghề nhưng *nhận thức của họ về nghề lựa chọn vẫn chưa đầy đủ, sự định hướng giá trị nghề còn lệch lạc, sự phù hợp về phẩm chất tâm lý với nghề chưa cao* [1,188]. Điểm hạn chế của nghiên cứu là tác giả chỉ mới đề cập đến xu hướng nghề nghiệp của sinh viên thuộc một lĩnh vực nghề nghiệp đặc thù, do đó việc sử dụng những kết luận của nghiên cứu cũng bị giới hạn trong một phạm vi nhất định.

Động cơ trong chọn nghề là hướng tiếp cận Đỗ Mộng Tuấn (1986). Trong một nghiên cứu, tác giả đã đưa ra nhận xét: *Động cơ xã hội là động cơ chọn nghề chủ yếu của đa số sinh viên sư phạm và xu hướng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm tương đối ổn định* [54;127]... Cùng hướng tiếp cận động cơ trong chọn nghề, tác giả Hoàng Ngọc Phách (1987) đã đưa ra luận điểm "*chỉ khi nào những động cơ, mục đích hoạt động trên một lĩnh vực nghề nghiệp vừa mang ý nghĩa xã hội vừa mang ý nghĩa nhân cách sâu sắc thì lúc đó con người mới hình thành được xu hướng nghề nghiệp của mình*"[42;63]. Còn tác giả Nguyễn Ngọc Bích, khi nghiên cứu động cơ chọn nghề của thanh niên, ông đã cho rằng ở thanh niên, HS, điều khiển hoạt động chọn nghề là do những động cơ bên trong, mà yếu tố hứng thú giữ vai trò chính.

Sau này, đã có thêm nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề chọn nghề của thanh niên nói chung và của HS nói riêng, nhưng phần nhiều nghiên cứu lại thiên về vấn đề hướng nghiệp cho HS phổ thông. Những nghiên cứu sâu về những đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề rất ít, nếu có cũng chỉ điểm lướt trong các nghiên cứu về vấn đề hướng nghiệp nói mà thôi. Có thể điểm qua một số công trình nghiên cứu loại này như *Giáo dục lao động và hướng nghiệp trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của HS trung học phổ thông* của tác giả Dương Diệu Hoa (2005); *Hoạt động GDHN và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông* của các tác giả Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2006); *Thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở nước ta hiện nay* của tác giả Trần Lệ Hằng (2008). “*Tổ chức GDHN cho học sinh THPT theo tinh thần xã hội hoá*” của tác giả Bùi Việt Phú (2009)...

Dễ dàng nhận thấy vấn đề chọn nghề của HS nhận được nhiều quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, tuy nhiên, các công trình nghiên cứu nhiều nhưng thiếu sự thống nhất và tiếp nối theo trục xuyên suốt. Các công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam thường tập trung vào một số chủ đề quen thuộc như : xu hướng, hứng thú, động cơ, nhận thức, định hướng giá trị nghề của HS, trong khi đó, những nghiên cứu về đặc điểm tâm lý hoạt động chọn nghề ít được đề cập một cách đầy đủ, sâu sắc cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Có thể nói, vấn đề hướng nghiệp, chọn nghề của học sinh luôn được các nhà TLH quan tâm, tìm hiểu với các góc tiếp cận khác nhau. Nhìn chung các tác giả đều có cách nhìn thống nhất về các đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề. Cụ thể như các đặc điểm nội trội như nhận thức, thái độ, động cơ, hành vi chọn nghề. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả chưa hệ thống hóa được về mặt lý luận các đặc điểm này mà mới chỉ dừng ở nghiên cứu đơn lẻ hoặc chỉ dừng ở phạm vi khảo sát thực tiễn. Do đó, để hiểu sâu sắc hơn cơ sở tâm lý của hoạt động chọn nghề của HS THPT cần phải tiếp tục nghiên cứu vấn đề này một cách nghiêm túc cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

1.2. Một số vấn đề lý luận đặc về điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT

1.2.1. Khái niệm nghề

1.2.1.1. Định nghĩa:

Trong đời sống xã hội, nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người vô cùng phong phú và đa dạng. Để đáp ứng nhu cầu này con người phải lao động, trước hết để tự nuôi sống bản thân và sau là thoả mãn các nhu cầu khác. Tuy nhiên, thực tế thì một cá nhân không thể tự mình làm ra mọi sản phẩm để thoả mãn nhu cầu của mình mà trong quá trình lao động, con người làm ra cái mà người khác cần, còn những cái họ cần thì lại nhận từ người khác, từ xã hội, nghĩa là có sự trao đổi bằng lao động, bằng sản phẩm của bản thân lao động. Toàn bộ lao động để có một sản phẩm hoàn chỉnh, người ta phân nó ra thành các công đoạn, các công việc cụ thể và mỗi người làm một việc theo sự phân công. Sự phân công lao động là tiền đề, là điều kiện để nảy sinh các nghề trong xã hội. Trong lao động, con người phải sử dụng những sức mạnh vật chất và tinh thần để làm ra sản phẩm. Mỗi loại sản phẩm lại đòi hỏi ở người lao động một kiểu kỹ năng, tay nghề và tri thức riêng biệt. Căn cứ vào đặc điểm khác nhau về đối tượng lao động, nội dung, công cụ và điều kiện (môi trường) lao động, người ta chia các hoạt động lao động cụ thể thành các nghề khác nhau. Vậy "nghề" là gì? Theo E.A.Klimov *nghề là lĩnh vực sử dụng sức lao động vật chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động mà có) nó tạo ra khả năng cho con người sử dụng sức lao động của mình để thu lấy những phương tiện cần thiết cho sự tồn tại và phát triển* [trích theo 29;25]. Theo Từ điển Larousse (Pháp), khái niệm "nghề" được hiểu là hoạt động thường ngày được thực hiện bởi con người nhằm tự tạo nguồn thu nhập cần thiết để tồn tại. Theo bản Phân loại Tiêu chuẩn Quốc tế về Nghề nghiệp (International Standard Classification of Occupation), *nghề là loại hình hoạt động phân biệt trong công việc chân tay hoặc không chân tay có thể giúp người ta một phương tiện kiếm sống*. [14]. Nguyễn Viết Sự trong "Tuổi trẻ với nghề truyền thống" đã định nghĩa về nghề như sau: *"nghề là khái niệm chỉ công việc chuyên làm theo đòi hỏi của đời sống xã hội hoặc theo sự phân công của xã hội. Giá trị xã hội*

của mỗi người được xác định thông qua kết quả lao động nghề nghiệp mà người đó tạo ra cho xã hội và bản thân" [49;12].

Có nhiều định nghĩa khác nhau về nghề, nhưng tựu trung lại, các tác giả đều thống nhất ở quan điểm cho rằng nghề được hiểu là một thuật ngữ dùng để chỉ một hình thức lao động đặc thù vừa mang tính xã hội (làm theo sự phân công của xã hội), vừa mang tính cá nhân (nhu cầu bản thân), trong đó con người sử dụng sức lao động (trí tuệ và cơ bắp) của mình để tạo ra những sản phẩm vật chất hoặc tinh thần phục vụ cho nhu cầu của bản thân và cho xã hội. Thông qua hoạt động nghề con người không chỉ duy trì, phát triển cuộc sống cá nhân, mà còn góp phần xây dựng và đảm bảo các nhu cầu khác nhau của xã hội. Trên cơ sở tổng kết các quan điểm của các nhà TLH, căn cứ vào thực tiễn hoạt động lao động, nghề nghiệp hiện nay, chúng tôi cho rằng: *nghề là một dạng hoạt động đặc thù của con người, được tạo ra do sự phân công xã hội, trong đó người ta sử dụng sức lao động vật chất, tinh thần được đào tạo và tự đào tạo của bản thân nhằm tạo ra sản phẩm cần thiết phục vụ cho nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân và xã hội.*

Trong định nghĩa trên, có thể hiểu “nghề” là thuật ngữ dùng để chỉ một dạng lao động cụ thể, làm theo sự phân công lao động của xã hội. Người làm nghề cần phải được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp thông qua quá trình đào tạo chính quy tại trường lớp hoặc tự đào tạo thông qua quá trình hành nghề. Nghề không tồn tại vĩnh viễn mà nó được sinh ra, tồn tại và phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển xã hội. Điều này có nghĩa nghề là một khái niệm mang tính lịch sử - xã hội. Ở mỗi giai đoạn phát triển của xã hội, có nhiều nghề mới được sinh ra để đáp ứng nhu cầu của xã hội đó, đồng thời có một số nghề không còn phù hợp, sẽ dần biến mất. Do đó, khi nghiên cứu về nghề cần chú ý tới mối quan hệ của chúng với bối cảnh lịch sử của nền kinh tế - xã hội.

Tuy trong xã hội có nhiều nghề khác nhau nhưng xét về bản chất, nghề nào cũng hàm chứa trong nó một hệ thống giá trị gồm các yếu tố như : Tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của nghề, truyền thống nghề, đạo đức phẩm chất nghề, hiệu quả kinh tế của nghề... Những giá trị này có thể được hình thành theo con đường tự phát (do

tích lũy kinh nghiệm trong quá trình cùng hoạt động nghề nghiệp với cộng đồng mà có) hoặc theo con đường tự giác (do nghề được đào tạo trong các cơ sở trường lớp dài hoặc ngắn hạn). Và con người tạo ra các giá trị nghề thông qua việc hành nghề để duy trì phát triển cuộc sống cá nhân, gia đình đồng thời góp phần tạo ra sự phát triển cho xã hội.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, quá trình phân công lao động và chuyên môn hoá lao động đã và đang tạo ra ngày càng nhiều chuyên môn, việc làm, nghề nghiệp khác nhau. Tuy nhiên các khái niệm chuyên môn, việc làm, nghề không đồng nhất với nhau. Phạm Tất Dong cho rằng khái niệm chuyên môn hẹp hơn khái niệm nghề. Chuyên môn là một lĩnh vực lao động chuyên biệt của một nghề. Như vậy trong một nghề có thể có nhiều chuyên môn khác nhau. Ví dụ, nghề Y, có nhiều chuyên môn như chuyên khoa tai, mũi họng, chuyên khoa nội, chuyên khoa ngoại...

Sự kết hợp giữa nghề và chuyên môn là dấu hiệu quan trọng để phân biệt nghề được đào tạo và nghề không được đào tạo một cách bài bản theo trường lớp.

Nghề không được đào tạo một cách bài bản là nghề được hình thành một cách tự phát để đáp ứng nhu cầu xã hội. Kiến thức và kỹ năng thực hành nghề có được là do sự tích lũy của cá nhân, hoặc được truyền dạy theo "kiểu cha truyền con nối" hoặc "cầm tay chỉ việc" từ những người đã có kinh nghiệm làm nghề sang những người mới bước vào nghề.

Nghề được đào tạo một cách bài bản theo trường lớp là nghề mà sau khi được đào tạo người hành nghề phải đạt tới một trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định đã được dự kiến trước. Trình độ này có được là nhờ quá trình đào tạo dài ngắn khác nhau. Nhờ được đào tạo nghề mà người lao động có thể rút ngắn được thời gian hoàn thiện nghề nghiệp, năng suất lao động tăng cao, tạo điều kiện cho sự thành đạt nghề nghiệp sau này. Để đào tạo nghề có hiệu quả, người học phải có trình độ học vấn, sức khỏe và những yêu cầu tâm, sinh lý phù hợp với nghề. Sau quá trình đào tạo, người học phải đạt được các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, tay nghề theo mục tiêu mà chương trình đào tạo nghề đó đặt ra.

Khái niệm *việc làm* [55] được hiểu là công việc được giao cho làm và được trả công. Như vậy, bất cứ việc làm nào cũng gắn với một nghề cụ thể (hoặc chuyên môn), song không thể coi việc làm là nghề nghiệp được. Những công việc nhất thời, không ổn định, đáp ứng nhu cầu kiếm sống thì không phải là nghề nghiệp. Theo Ngô Quốc Phương, để phân biệt các khái niệm việc làm, công việc, chuyên môn với nghề nghiệp cần căn cứ vào ít nhất 3 yếu tố [43;180] :

- Sự tự xác định và phân loại của cá nhân dựa trên các yếu tố như giá trị, tâm lý, tình cảm, động cơ, thiên hướng... (tôi làm nghề này là chính, là sự nghiệp của tôi...).

- Sự phân loại nghề nghiệp của các cơ quan hành chính của chính phủ, của các cơ sở đào tạo và sử dụng lao động.

- Quan niệm xã hội (xã hội thừa nhận việc làm này là nghề hay không phải là nghề).

Như vậy, dấu hiệu quan trọng để phân biệt việc làm với nghề ở chỗ: Nghề là sự gắn bó lâu dài với công việc chuyên môn, là trình độ kỹ năng, kỹ xảo với việc làm đó nhờ quá trình đào tạo dài hoặc ngắn hạn và được xã hội thừa nhận. Có những người đã chuyển từ việc làm sang thành nghề nghiệp chính của mình do phát hiện thấy ý nghĩa của nghề đối với bản thân và mong muốn phát triển nâng cao trình độ kỹ thuật có liên quan để tăng năng suất lao động.

1.2.1.2. Phân loại nghề

Nghề xuất hiện do sự phân công lao động xã hội và quá trình chuyên môn hoá sản xuất. Ở Việt Nam, theo “Danh mục nghề đào tạo”, của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội (Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010), chúng ta có 821 nghề với hàng nghìn chuyên môn khác và trong tương lai số lượng này sẽ còn nhiều biến động. Có nhiều cách phân loại nghề khác nhau, tùy vào mục đích nghiên cứu. Dưới đây, chúng tôi đưa ra một vài cách phân loại nghề phổ biến như sau:

Phân loại nghề căn cứ vào quá trình đào tạo

Dựa vào mức độ phức tạp về kỹ thuật, chuyên môn của nghề nghiệp người ta chia nghề thành nghề cần được đào tạo tại trường lớp theo một chương trình cụ thể và nghề không cần phải đào tạo tại trường lớp. Những nghề không cần đào tạo tại trường lớp là những nghề đơn giản, thường là nghề thủ công, kỹ thuật đơn giản không cần nhiều thời gian học hỏi, và bất cứ ai có sức khỏe thể chất và tinh thần bình thường đều có thể làm được. Nghề được đào tạo tại trường lớp là nghề đòi hỏi có người hành nghề có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nhất định được tích lũy thông qua quá trình học tập theo một chương trình nhất định mới có thể hành nghề được.

Phân loại nghề căn cứ vào tính chất công việc và đặc điểm của hoạt động lao động.

Căn cứ vào tính chất công việc và đặc điểm của hoạt động lao động, có 9 nhóm nghề sau: Nghề giao tiếp bằng trí tuệ; Các nghề văn phòng và giao dịch thương mại; Các nghề dịch vụ; Các nghề trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Các nghề xử lý công nghệ; Các nghề gia công kim loại và các vật liệu khác; Các nghề thủ công; Các nghề xây dựng; Các nghề khác...

Căn cứ vào đối tượng lao động của nghề nghiệp

Theo E.A.Klimov có 5 nhóm nghề, mỗi nhóm bao gồm một số ngành, mỗi ngành lại có rất nhiều nghề và chuyên môn. Các nhóm nghề cụ thể như sau [trích theo 2,27]:

Nhóm nghề “Người - thiên nhiên”

Đối tượng lao động chủ yếu là các tổ chức hữu cơ, các quá trình sinh vật và vi sinh vật. Những nghề trong nhóm nghề này gồm nghề trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, thú y, nghiên cứu sinh học...).

Yêu cầu về phẩm chất tâm lý của người muốn làm nghề này phải có lòng yêu thích thiên nhiên, say mê thế giới động vật, thực vật, khoáng sản. Ngoài ra còn cần

phải có phẩm chất như cần cù, chịu đựng khó khăn, kiên trì theo đuổi mục đích, thận trọng, tỉ mỉ..

Nhóm nghề “Người - kỹ thuật”

Đối tượng lao động chủ yếu là các hệ thống thiết bị kỹ thuật, năng lượng, các đối tượng vật chất, nguyên vật liệu. Các nghề trong nhóm nghề gồm các loại thợ nề, thợ tiện, thợ nguội, lắp ráp máy truyền hình và máy tính, thợ sửa chữa công cụ, lái xe, kỹ sư xây dựng, kỹ sư cơ khí...).

Người làm nghề cần có các phẩm chất, năng lực sau: say mê với công việc thiết kế kỹ thuật, nắm được những tri thức kỹ thuật một cách sâu sắc và rộng rãi, có nhiệt tình, sáng tạo, khả năng tổ chức, chỉ đạo sản xuất...

Nhóm nghề “Người - người”

Đối tượng lao động chủ yếu là người, nhóm người, tập thể. Các nghề trong nhóm nghề gồm nhân viên bán hàng, nhân viên phục vụ khách sạn, thầy thuốc, thầy giáo, thẩm phán, cán bộ tổ chức, sỹ quan quân đội...

Nghề tiếp xúc với con người đòi hỏi người lao động có thái độ ứng xử ân cần, cởi mở, chu đáo, năng lực giao tiếp rộng rãi, óc quan sát tinh tế, mềm dẻo, linh hoạt, tế nhị.

Nhóm nghề “Người - Dấu hiệu”

Đối tượng lao động chủ yếu là những dấu hiệu, ngôn ngữ, con số, mã số, công thức, sơ đồ, bản vẽ, bảng biểu. Các nghề trong nhóm nghề gồm nghề thủ quỹ, kế toán, nhân viên văn thư - lưu trữ, lập trình viên, cử nhân kinh tế, biên tập viên, kỹ sư công nghệ thông tin, lập trình viên cao cấp....

Nghề đòi hỏi người lao động đức tính bình tĩnh, thận trọng, chín chắn, chu đáo. Mọi thói quen, tác phong xấu như tính cầu thả, bừa bãi, thiếu ngăn nắp, đại khái, qua loa, thờ ơ, lãnh đạm... đều phải khắc phục.

Nghề “Người - nghệ thuật”

Đối tượng lao động chủ yếu là các hình tượng nghệ thuật, các bộ phận và các thuộc tính của chúng. Các nghề trong nhóm nghề gồm họa sĩ, nhà soạn nhạc, diễn viên điện ảnh, kịch, ca sỹ, thợ mỹ nghệ, kiến trúc, đạo diễn, nhà văn...

Người làm nghề cần có năng lực sáng tạo, óc quan sát tinh tế, năng lực diễn đạt tư tưởng và tình cảm, năng lực tác động đến người khác bằng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, linh hoạt, sôi nổi, hứng thú sáng tác, đam mê nghệ thuật...

Việc phân chia các nghề theo dạng, nhóm, loại chỉ mang tính tương đối. Và trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng cách phân loại nghề của E.A.Klimov làm căn cứ để xác định xu hướng, nguyện vọng và quyết định nghề của HS.

1.2.2. Khái niệm hoạt động chọn nghề

1.2.2.1. Hoạt động chọn nghề:

Nghề nghiệp được nảy sinh, phát triển và tồn tại cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Trong quá trình phát triển của lịch sử xã hội, con người đã sáng tạo ra những hình thức lao động, nghề nghiệp khác nhau để sản xuất ra các loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và của bản thân mình. Sự chuyên môn hóa và sự phân công lao động trong xã hội đã làm nảy sinh nhiều nghề mới, mỗi nghề lại có hình thái lao động, với những yêu cầu, đòi hỏi riêng đối với người làm nghề. Mặt khác, việc nảy sinh nhiều nghề mới tạo ra cho cá nhân nhiều cơ hội để lựa chọn cho mình một lĩnh vực lao động phù hợp giữa các đặc điểm tâm - sinh lý cá nhân với yêu cầu của nghề. Mỗi cá nhân với tư cách là một thành viên của xã hội phải có trách nhiệm đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội. Đó là quyền lợi cũng là trách nhiệm của mỗi người. Mỗi người đều phải lao động để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của bản thân và thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Lựa chọn nghề chính là việc xác định cho mình một lĩnh vực lao động thích hợp, chọn cho mình một phương thức sống để phát triển bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội. Hoạt động chọn nghề được hiểu là quá trình cá nhân tìm hiểu, đối chiếu, so sánh những đặc điểm, tính chất và yêu cầu hoạt động lao động xã hội với những điều kiện cụ thể của bản thân, hình dung ra trước lao động

của cá nhân trong tương lai, trên cơ sở đó lựa chọn cho mình một việc lao động với hứng thú, nhu cầu, năng lực của bản thân và nhu cầu của xã hội.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, khoa học, công nghệ... sự phân công lao động ngày càng chuyên sâu, điều này dẫn đến thế giới nghề nghiệp càng ngày càng phong phú và đa dạng. Nhưng, khi cơ hội lựa chọn càng nhiều thì khó khăn trong việc lựa chọn càng lớn ngay cả khi HS đã có sự trợ giúp của nhà trường, gia đình và bạn bè. Quá trình chọn nghề đòi hỏi sự nghiêm túc, suy nghĩ chín chắn, đấu tranh động cơ đôi khi căng thẳng xuất phát từ sự phù hợp hay không phù hợp của nghề với các đặc điểm tâm - sinh lý bản thân, từ trách nhiệm của cá nhân đối với gia đình và xã hội... Như vậy, khi nói đến hoạt động chọn nghề, là nói đến một chuỗi các hành động diễn ra đồng thời hoặc kế tiếp, gồm các quá trình như nhận thức về nghề với những nội dung và yêu cầu của nó, nhận thức về những năng lực, phẩm chất, tính cách, nhu cầu của bản thân, nhận thức nhu cầu thị trường lao động, đánh giá của xã hội đối với giá trị của nghề, qua đó tỏ thái độ và có hành động lựa chọn phù hợp.

Theo nhiều tác giả, những ý tưởng nghề nghiệp sơ khai bắt đầu rất sớm ở trẻ lứa tuổi mẫu giáo, thông qua hoạt động vui chơi trẻ hướng hoạt động của mình vào đối tượng khác nhau trong các trò chơi như trò chơi sắm vai bác sỹ, cô giáo, chú công an hay trò chơi xây dựng, bán hàng... từ đó hình thành cho mình một hình mẫu lý tưởng để noi theo. Từ những dự định (ý định) nghề nghiệp ban đầu, thông qua hoạt động tích cực của trẻ với thế giới đối tượng mà hình thành nên ở trẻ hứng thú và sở thích nghề nghiệp. Trẻ hướng hoạt động của mình vào học tập các môn học có liên quan đến nghề mình yêu thích, như hứng thú học văn, toán, địa lý, sinh học... hoặc hướng vào các trò chơi liên quan mật thiết với nghề mà trẻ hứng thú như chơi trò chơi điện tử, lắp ráp mô hình, hoặc đọc sách khoa học...

Trên cơ sở sự phối hợp giữa ý định nghề nghiệp và sở thích, hứng thú nghề nghiệp (ở HS các lớp lớn) hình thành nên nguyện vọng nghề nghiệp. Nguyện vọng nghề nghiệp của HS là thành phần quan trọng trong xu hướng nhân cách, định hướng sự phát triển của mỗi cá nhân theo yêu cầu của xã hội. Sự lựa chọn nghề là

khâu cuối cùng của hoạt động chọn nghề và thường xuất hiện ở HS các lớp cuối THPT. Theo N.D.Levitov “*chọn nghề là một kết luận cuối cùng sau khi phân tích nhu cầu, thiên hướng và năng lực, tư cách chung của mình, sau khi đối chiếu sự nhận xét đó với yêu cầu của từng nghề*” [35,238]

Theo quan điểm của TLH hoạt động, con người quan hệ với thế giới thông qua hoạt động của mình trong thế giới đó, ở đó diễn ra quá trình chuyển hoá giữa chủ thể và đối tượng. Với cách tiếp cận này, khái niệm hoạt động chọn nghề mà chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này được hiểu là: *là hoạt động có ý thức của cá nhân nhằm tìm kiếm và lựa chọn một nghề phù hợp trong số các nghề có trong xã hội, trên cơ sở so sánh, đối chiếu một cách thận trọng để tìm ra sự tương thích giữa một bên là nhu cầu, sở thích và những phẩm chất, năng lực của bản thân và bên kia là các yêu cầu của nghề và nhu cầu của thị trường lao động.*

Theo định nghĩa trên, chọn nghề là một hoạt động có ý thức mà ở đó cá nhân tìm kiếm trong số vô vàn các nghề có trong xã hội để chọn ra cho mình một nghề phù hợp. Nghề phù hợp ở đây được hiểu ở ba góc độ: một là nội dung lao động và giá trị của nghề lựa chọn đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng, xu hướng nghề của bản thân, hai là bản thân có những đặc điểm, phẩm chất, năng lực phù hợp với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra, ba là nghề nghiệp đó đang được xã hội có nhu cầu duy trì và phát triển. Mặt khác, định nghĩa trên cũng cho thấy việc chọn nghề không phải chọn một việc làm để sinh tồn mà chính là chọn một chí hướng, một phương tiện để cá nhân phát huy hết năng lực bản thân, tạo dựng một sự nghiệp vững chắc cho bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

1.2.2.2. Đặc điểm hoạt động chọn nghề của HS THPT

Trong lứa tuổi HS trung học, hoạt động học tập vẫn là hoạt động chủ đạo, nó chi phối gần như toàn bộ đời sống tâm lý, tình cảm, suy nghĩ của HS. Tuy nhiên, càng về cuối bậc trung học, các em HS bắt đầu hướng sự quan tâm của mình, những dự định tương lai của mình, mà cụ thể là những dự định về nghề nghiệp. Ngay cả hoạt động học tập của các em cũng bị chi phối bởi việc lựa chọn nghề nghiệp sau này.

Có thể nói, hoạt động chọn nghề của học sinh lớp 12 THPT là một quá trình lâu dài và phức tạp, nó được manh nha hình thành từ những lớp đầu tiểu học, được tiếp tục phát triển và hoàn thiện ở lớp cuối bậc THPT và được tạm coi là kết thúc khi các em tham gia hành nghề và gắn bó với một nghề đã chọn. Đối với HS, giai đoạn cuối của hoạt động chọn nghề được tính vào thời điểm các em quyết định làm hồ sơ dự thi vào các trường nghề (trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học) hay quyết định tham gia lao động ngay sau khi tốt nghiệp. Với tư cách là một hoạt động, hoạt động chọn nghề của HS có một số đặc tính cơ bản sau:

a. Tính chủ thể của hoạt động chọn nghề

Chọn nghề là hoạt động có ý thức, do cá nhân thực hiện nhằm tìm ra một lĩnh vực lao động có trong xã hội mà bản thân cảm thấy phù hợp nhất với nguyện vọng và năng lực của mình. Như vậy, hàm chứa trong hoạt động chọn nghề là tính chủ thể mà đặc điểm nổi bật của nó là tính tự giác và tính tích cực của các em HS khi tiến hành hoạt động này. Điều này có nghĩa, HS chỉ trở thành chủ thể của hoạt động chọn nghề khi các em ý thức một cách rõ ràng về việc mình làm, ý thức bộc lộ nhu cầu và mong muốn của bản thân thể hiện ở tình cảm tích cực đối với đối tượng lựa chọn. Các em tích cực tìm tòi, phát hiện những điểm hấp dẫn của các nghề khác nhau, so sánh chúng với nhu cầu nguyện vọng và khả năng của bản thân để từ đó tìm ra đối tượng lựa chọn phù hợp nhất. Tính chủ thể trong hoạt động chọn nghề của HS được bộc lộ rõ ở tính tự giác và chủ động trong hoạt động tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp có tình cảm và thái độ tích cực đối với đối tượng lựa chọn.

Trong thực tế, tính chủ thể của HS trong hoạt động chọn nghề cũng bị ảnh hưởng và chi phối theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan như hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường, hoạt động hướng nghiệp của gia đình, nhóm bạn bè và do chính thái độ, động cơ nghề nghiệp của bản thân.

b. Tính đối tượng của hoạt động chọn nghề

Hoạt động bao giờ cũng là “hoạt động có đối tượng”, đối tượng của hoạt động là cái con người cần làm ra, cần chiếm lĩnh. Đó là động cơ. Động cơ luôn thúc đẩy con người hoạt động nhằm tác động vào khách thể để thay đổi nó, biến nó thành sản phẩm, hoặc tiếp nhận nó chuyển vào đầu óc mình tạo nên một cấu tạo tâm lí mới, một năng lực mới. Cũng như các loại hoạt động khác, hoạt động chọn nghề luôn là hoạt động có đối tượng. Đối tượng của hoạt động chọn nghề là những giá trị của nghề có thể đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của bản thân người lựa chọn. Những giá trị của nghề có thể là sự hấp dẫn bề ngoài của nghề, là địa vị xã hội, là giá trị kinh tế... nhưng quan trọng hơn cả chính là mục đích và nội dung lao động của nghề. Đối tượng của hoạt động là hiện thân của động cơ hoạt động. Động cơ luôn thúc đẩy con người hoạt động nhằm chiếm lĩnh đối tượng. Do đó trong chọn nghề, không phải lúc nào đối tượng lựa chọn của HS cũng là nội dung lao động của nghề mà có thể chỉ là những đối tượng phản ánh giá trị bề ngoài của nghề. Trong trường hợp này, do nhận thức sai nghề đáp ứng nhu cầu lao động của cá nhân nội dung, mục đích lao động của nghề mà HS sẽ chọn. Nghề được chọn trở thành mục đích của các hành động thành phần của hoạt động chọn nghề. Đối với mỗi cá nhân HS, thế giới nghề nghiệp vô cùng phong phú và đa dạng, sự hiểu biết của các em về chúng còn rất hạn hẹp, muốn lựa chọn cho mình một nghề với tư cách là đối tượng của hoạt động chọn nghề buộc các em phải tìm hiểu chúng (nhận thức về nội dung công việc nghề, các yêu cầu của nghề đối với người muốn hành nghề đó...) . Quá trình nhận thức của các em càng sâu sắc và đầy đủ về thế giới nghề nói chung và về từng nghề nằm trong mối quan tâm của em nói riêng thì khả năng các em lựa chọn được cho mình một nghề phù hợp lại càng cao. Tuy nhiên, nhiều em, trong lựa chọn nghề lại quan tâm tới những hình thức bề ngoài của nghề hoặc những ý kiến bàn tán của những người xung quanh về nghề hơn là nội dung và mục đích lao động của nghề.

Với vốn tri thức và kinh nghiệm sống hạn chế, tuổi trẻ còn nhiều bồng bột trong suy nghĩ nên khi đứng trước quyết định phải lựa chọn một nghề nào đó trong

hệ thống nghề của toàn xã hội các em thường gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại, lo âu. Với lợi thế sẵn có của mình trong giáo dục thế hệ trẻ, nhà trường cần giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng cho quá trình nhận thức của HS trong việc tìm hiểu thế giới nghề nghiệp có những nhận thức đúng đắn về nghề, và ý nghĩa của việc chọn nghề đối với sự phát triển chung của xã hội.

Đối với mỗi cá nhân, việc chọn nghề không chỉ xuất phát từ những động cơ cá nhân mà rộng hơn thế, nó cũng xuất phát từ tinh thần trách nhiệm công dân của cá nhân với xã hội. Đối tượng mà cá nhân muốn hướng tới trong hoạt động chọn nghề là các lĩnh vực lao động sẽ đem lại cho họ sự thoả mãn các nhu cầu cá nhân, đồng thời giúp họ thể hiện được trách nhiệm với xã hội.

Việc tìm kiếm một đối tượng lao động phù hợp trong vô vàn các loại nghề khác nhau trong cuộc sống là một việc không dễ. Để chiếm lĩnh được đối tượng nghề mà bản thân mong muốn, cá nhân chọn nghề phải tiến hành hàng loạt các hành động cụ thể như tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động và cả những đặc điểm tâm - sinh lý của bản thân, rồi sau đó tiến hành các hành động so sánh, đối chiếu, tìm ra sự ăn khớp giữa năng lực đáp ứng của cá nhân với các yêu cầu cụ thể của nghề đặt ra cho cá nhân đó và cuối cùng là hành động quyết định lựa chọn.

c. Tính mục đích của hoạt động chọn nghề

Hoạt động bao giờ cũng có mục đích nhất định. Trong mọi hành động của con người tính mục đích luôn biểu hiện một cách rõ rệt. Theo Phạm Tất Dong “*mục đích của hoạt động là tạo ra sản phẩm có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới việc thoả mãn nhu cầu của chủ thể*” [9:49]. Trong Từ điển TLH (2000), *mục đích được hiểu là hình ảnh được ý thức, được phản ánh trước khi có kết quả hoạt động, mà con người muốn đạt được bằng cách thực hiện những hành động nhất định.* [10,156]. Tính mục đích trong hoạt động chọn nghề của HS là những hình ảnh của nghề nghiệp (được cá nhân ý thức) có thể đáp ứng được mong muốn, nguyện vọng của các em trong quá trình phát triển cá nhân sau này. Hoạt động chọn nghề của HS bao giờ cũng được thúc đẩy bởi một hay nhiều mục đích nào đó. Do đó trong hoạt động này, các em có xu hướng lựa chọn một nghề (tính đối tượng) có thể thoả mãn

được nhiều nhất nhu cầu, nguyện vọng (tính mục đích) của các em. Có thể thấy tính mục đích gắn bó chặt chẽ với tính đối tượng. Trong hoạt động chọn nghề, tính đối tượng là nghề nghiệp cụ thể, tính mục đích là giá trị của nghề đó có thể giúp các em hiện thực hoá được các ước mơ trong cuộc sống tương lai.

Tính mục đích xác định tính chất của hoạt động được xuất phát từ động cơ cụ thể nào đó, trong hoạt động chọn nghề cũng vậy, tính mục đích của hoạt động này gắn chặt với động cơ thúc đẩy hành động vươn tới mục đích nào đó.

d. Tính lịch sử - xã hội của hoạt động chọn nghề

Tâm lý học hoạt động khẳng định “tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội - lịch sử”. Bản chất xã hội - lịch sử của tâm lý người thể hiện ở chỗ tâm lý người là kết quả quá trình tiếp thu, lĩnh hội kinh nghiệm xã hội, nền văn hoá xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp. Bản chất xã hội - lịch sử của hoạt động chọn nghề thể hiện ở chỗ ở mỗi giai đoạn lịch sử của nền sản xuất xã hội, hoạt động chọn nghề của cá nhân bị chi phối bởi các quy luật cung cầu của thị trường lao động, bị ảnh hưởng bởi định kiến và dư luận xã hội đối với nghề. Bên cạnh đó, hoạt động chọn nghề của cá nhân còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố xã hội khác như hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường, truyền thống và sức ép của gia đình, yếu tố bạn bè và sự a dua... Chính vì vậy, chất lượng chọn nghề của cá nhân không chỉ phụ thuộc vào những đặc điểm tâm lý cá nhân mà còn bị ảnh hưởng và chi phối bởi các yếu tố tâm lý xã hội khác.

1.2.2.3. Hoạt động hướng nghiệp và vai trò của nó đối với hoạt động chọn nghề của HS THPT

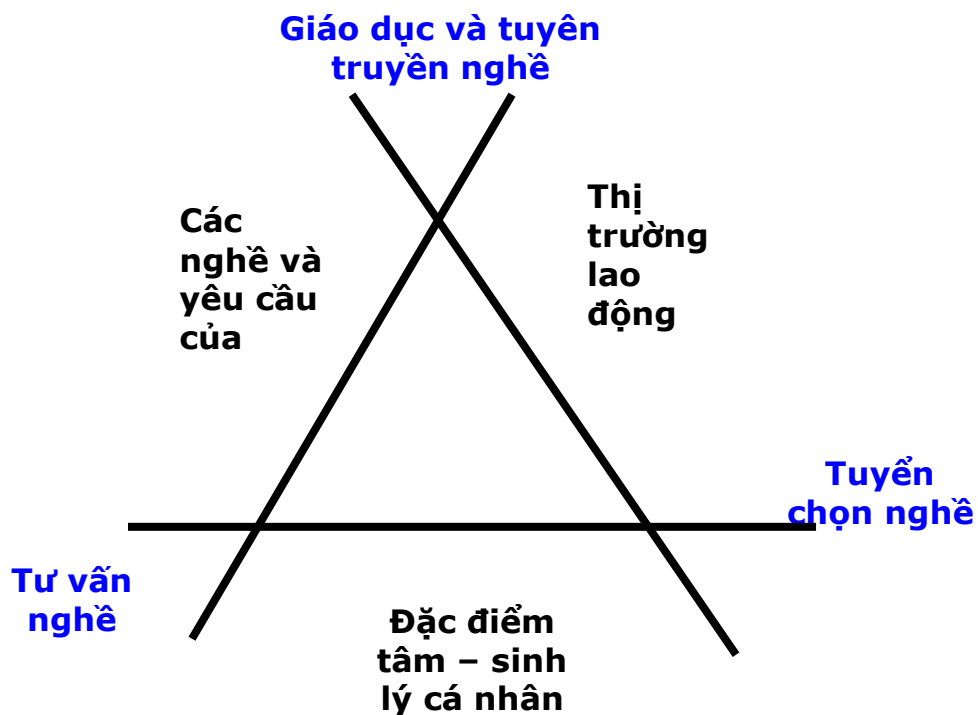
Chọn nghề không đơn giản chỉ là chọn một công việc, một việc làm đem lại thu nhập mà chọn nghề còn là chọn một hướng đi cho cả cuộc đời. Sự thành công hay thất bại trong sự nghiệp của một con người phụ thuộc một phần lớn vào việc họ có chọn được cho mình một nghề phù hợp với mong muốn, năng lực hay không. Tuy nhiên, cơ hội lựa chọn càng nhiều thì khó khăn trong việc quyết định chọn

nghề này hay nghề khác cũng càng lớn. Ở lứa tuổi 16 - 17, những kinh nghiệm vốn có của các em không đủ để giải quyết những mâu thuẫn thường gặp trong quá trình chọn nghề như, chọn nghề mình thích hay chọn nghề theo sắp đặt của cha mẹ, chọn nghề truyền thống của gia đình hay chọn nghề có nhiều thử thách mới mẻ, chọn nghề mình có khả năng và đam mê hay chọn nghề có thu nhập cao và dễ xin việc... Với những khó khăn không dễ gì tháo gỡ này, nhiều bạn học sinh đã đi đến những quyết định sai lầm chọn nghề mà bản thân không có sự phù hợp. Vì thế, để đảm bảo quá trình lựa chọn nghề của HS không mắc phải những sai lầm, họ cần được hướng nghiệp đầy đủ trước khi đưa ra quyết định chọn nghề. Hướng nghiệp được hiểu là " *một hệ thống công tác giảng dạy, giáo dục được tổ chức một cách đặc biệt, nhằm hình thành ở học sinh một xu hướng nghề nghiệp có tính đến nhu cầu của xã hội, trên cơ sở đó mà tự xác định nghề nghiệp của mình*" [Trần Trọng Thủy, 23,149]. Như vậy, vai trò quan trọng nhất của hoạt động hướng nghiệp đó là, giúp cho học sinh tự giác đi đến quyết định chọn nghề một cách có căn cứ khoa học trên cơ sở tính đến ba mặt: nguyện vọng, năng lực của cá nhân, những đòi hỏi của nghề và nhu cầu của thị trường lao động.

Khi phân tích về nhiệm vụ, vai trò của hoạt động hướng nghiệp cho HS phổ thông, K.K.Platônốp đã nêu ra cái gọi là "*tam giác hướng nghiệp*". Theo ông, để giúp HS có thể lựa chọn được nghề phù hợp, trước hết cần giúp các em nhận thức được thật vững, đầy đủ, chính xác 3 mặt sau: Một là, những yêu cầu, đặc điểm của các nghề nghiệp; hai là những thông tin về các đặc điểm tâm – sinh lý của bản thân người lựa chọn, ba là những thông tin nhu cầu của xã hội đối với các ngành nghề (còn gọi là thị trường lao động của xã hội).

Ba mặt đó cũng chính là nội dung của hoạt động hướng nghiệp, và để thực hiện được các nội dung đó, hoạt động hướng nghiệp có các hình thức sau:

Công tác giáo dục và tuyên truyền nghề nghiệp, mục đích nhằm lôi cuốn sự chú ý của HS đến các nghề mà xã hội đang cần đến. Thông qua công tác giáo dục và tuyên truyền nghề nhằm hình thành hứng thú và khuynh hướng nghề nghiệp cho HS một cách tích cực.



Sơ đồ tam giác hướng nghiệp và các hình thức hướng nghiệp

Tư vấn nghề nghiệp: là một hệ thống những biện pháp tâm lý – giáo dục để phát hiện và đánh giá những năng lực về nhiều mặt của HS, nhằm giúp các em chọn nghề có cơ sở khoa học.

Tuyển chọn nghề nghiệp: xác định sự phù hợp nghề nghiệp của người lựa chọn dựa trên căn cứ tương đồng giữa một bên là những đặc điểm tâm – sinh lý cá nhân và bên kia là các yêu cầu của nghề và nhu cầu của thị trường lao động.

K.K.Platônốp nhấn mạnh, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh nói riêng và thanh niên nói chung chỉ có hiệu quả khi phối hợp tốt ba hình thức hướng nghiệp nói trên. Đó là phối hợp giữa công tác giáo dục và tuyên truyền nghề, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề nghiệp. Trong ba hình thức hướng nghiệp này, hai hình thức đầu phải được thực hiện trong nhà trường phổ thông, hình thức thứ ba được các nơi tuyển dụng lao động thực hiện. Và ông cho rằng trong toàn bộ hoạt động hướng nghiệp, hoạt động tư vấn nghề nghiệp có vai trò quan trọng bậc nhất. Bởi chỉ qua tư vấn, người ta mới có thể tác động nhằm điều chỉnh, uốn nắn động cơ chọn nghề của học sinh sao cho không chỉ phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của các em mà

còn “ăn khớp” với nhu cầu nhân lực của các thành phần kinh tế, “ăn khớp” với các hướng phân luồng đã được nhà nước định ra ở từng giai đoạn phát triển kinh tế của xã hội đó.

Như vậy, vai trò của hoạt động hướng nghiệp không chỉ dừng ở việc giúp cá nhân lựa chọn được cho mình nghề nghiệp phù hợp mà còn là sự chuẩn bị cho các em cả về tri thức, kỹ năng, thái độ để tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp đó (tất nhiên nghề nghiệp này phải phù hợp với hứng thú, năng lực của các em và phù hợp với yêu cầu phân công lao động xã hội, của thị trường sức lao động).

1.2.3. Tư vấn nghề như một biện pháp định hướng chọn nghề một cách phù hợp

Trong các nội dung của hoạt động hướng nghiệp, tư vấn nghề được xem là hoạt động đặc biệt quan trọng để điều chỉnh, điều khiển hành vi chọn nghề của HS, giúp các em chọn được cho mình một nghề đảm bảo cho sự thích ứng và phát triển nghề nghiệp sau này. Theo K.K.Platonốp, tư vấn nghề được hiểu là “*một hệ thống những biện pháp tâm lý - giáo dục học để phát hiện và đánh giá những năng lực về nhiều mặt của thiếu niên, nhằm giúp các em chọn nghề có cơ sở vững chắc. Mục đích của tư vấn nghề nghiệp sẽ đạt được bằng cách nghiên cứu những năng lực của một cá nhân cụ thể*” [5,81], còn E.A. Klimov cho rằng: “*Tư vấn nghề là một trong những nhóm (mắt xích) chỉ đạo sự phạm bằng quá trình tự định hướng nghề của tuổi trẻ*” [5,95]. Như vậy, về tính mục đích, tư vấn nghề là nhóm các hoạt động trợ giúp HS lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở nhận thức đầy đủ và chính xác về các yêu cầu đặt ra của nghề, về nhu cầu thị trường lao động, và những đặc điểm tâm – sinh lý của bản thân. Tư vấn nghề được xem là quá trình tương tác giữa nhà tư vấn với học sinh, mà trong đó nhà tư vấn sử dụng những kỹ năng nghề nghiệp của mình giúp học sinh hiểu thấu và tự giải quyết những khó khăn trong chọn nghề nghiệp của bản thân. Với cách hiểu như trên, ***tư vấn nghề*** được hiểu là *hệ thống các biện pháp tâm lý- giáo dục và y học nhằm phát hiện và đánh giá toàn bộ nhân cách, thể chất của học sinh, qua đó đưa ra những chỉ dẫn giúp các em học sinh lựa chọn được một lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp nhất với bản thân trên cơ sở có tính đến sự*

ăn khớp giữa 3 yếu tố: nhu cầu thị trường lao động, các yêu cầu của công việc và khả năng đáp ứng về các mặt y học, tâm lý, nhân cách của học sinh.

Nhà tư vấn không thể làm thay, quyết định thay cho học sinh, mà thông qua tư vấn, nhà tư vấn phát triển lòng tin và thái độ tích cực của các em, giúp các em ra được quyết định cuối cùng trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về đối tượng lựa chọn. Trong quá trình tư vấn, nhà tư vấn có thể đưa ra những lời khuyên, nhưng không áp ý muốn chủ quan của mình đến quyết định của các em. Nhiệm vụ chính của nhà tư vấn nghề nghiệp là cung cấp thông tin, gợi cho người học suy nghĩ về những thông tin đó và qua những cuộc trao đổi nghề nghiệp nhà tư vấn giúp các em thấu hiểu được các vấn đề của bản thân cũng như biết cách vượt qua những vấn đề đó để đi đến quyết định lựa chọn nghề cuối cùng với một thái độ và tâm trạng hạnh phúc.

Có thể nói, tư vấn nghề có nhiệm vụ kép, một là: tư vấn nghề giúp các em HS nâng cao nhận thức, phát triển tính tích cực trong thái độ và hành động chọn nghề của bản thân, biết cách chọn nghề khoa học, qua đó tìm được nghề phù hợp đảm bảo cho sự phát triển nghề nghiệp và nhân cách của bản thân sau này. Hai là, tư vấn nghề là hoạt động trợ giúp đắc lực cho quá trình phân luồng đào tạo, đảm bảo sự cân đối của thị trường sức lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế đất nước.

1.2.4. Khái niệm “đặc điểm tâm lý” trong hoạt động chọn nghề của HS THPT

1.2.4.1. Khái niệm đặc điểm tâm lý

“*Đặc điểm*” là thuật ngữ dùng để chỉ những dấu hiệu riêng biệt dùng để phân biệt (hay so sánh) giữa sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. Theo “The Cambridge Dictionary of Psychology” (2009), đặc điểm là những nét nổi bật, hoặc những khía cạnh đặc biệt của một yếu tố nào đó. Như vậy, có thể hiểu: đặc điểm là những nét đặc trưng, nổi bật của một cá nhân hoặc một hành động, nhằm để phân biệt cá nhân này với cá nhân khác, hoạt động này với hoạt động khác.

Theo quan điểm của TLH hoạt động, tâm lý của con người là sự phản ánh hiện thực khách quan, là kinh nghiệm xã hội lịch sử loài người biến thành cái riêng của mỗi người thông qua hoạt động và giao tiếp của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội mà nó tham gia vào. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng động cơ, mục đích, tính chất, nội dung, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi người hoặc một nhóm người trong hoạt động và giao tiếp là rất khác nhau, từ đó dẫn đến sự khác nhau trong tâm lý mỗi người, nhóm người làm nổi bật lên những nét đặc trưng trong tâm lý của họ khác so với những nhóm người khác. Như vậy, đặc điểm tâm lý được hiểu là nét tâm lý nổi bật, bền vững và ổn định, phản ánh tính chất đặc trưng cho tâm lý của một cá nhân hay một nhóm người nào đó, được biểu hiện thông qua hoạt động thực tiễn của họ trong hiện thực, giúp ta phân biệt được sự khác nhau giữa người này và người khác, nhóm người này với nhóm người khác. Đặc điểm tâm lý của một người không chỉ được hình thành trên cơ sở các đặc điểm sinh học của người đó, mà còn bởi những yếu tố xã hội khác, do vậy, đặc điểm tâm lý của cá nhân không chỉ mang dấu ấn đặc trưng của cá nhân đó trong hoạt động, mà còn phản ánh những nét chung của nhóm người mà họ là một đại diện tích cực.

1.2.4.2. Đặc điểm tâm lý nhóm HS lớp 12 THPT

Lứa tuổi phổ thông trung học thường được gọi là lứa tuổi đầu thanh niên hay tuổi vị thành niên, là thời kỳ phát triển của trẻ từ 15 đến 17 tuổi. Tới cuối tuổi này thì học sinh đã có được mức độ trưởng thành về tư tưởng và tâm lý đủ để các em bắt đầu xây dựng cho mình những kế hoạch của cuộc sống tự lập. Những thay đổi trong vị thế xã hội, sự thách thức khách quan của cuộc sống dẫn đến làm xuất hiện ở lứa tuổi thanh niên những nhu cầu về hiểu biết thế giới hiểu biết xã hội và các chuẩn mực quan hệ người - người, hiểu mình và tự khẳng định mình trong xã hội...

Bước sang tuổi thanh niên, các chức năng tâm lý của con người cũng có nhiều thay đổi, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển trí tuệ, khả năng tư duy. Các nghiên cứu TLH cho thấy rằng hoạt động tư duy của thanh niên rất tích cực và có tính độc lập tư duy lý luận phát triển mạnh. Thanh niên có khả năng và rất ưa thích khái quát các vấn đề. Sự phát triển mạnh của tư duy lý luận liên quan chặt chẽ với

khả năng sáng tạo. Nhờ khả năng khái quát, thanh niên có thể tự mình phát hiện ra những cái mới. Với họ điều quan trọng là cách thức giải quyết các vấn đề được đặt ra chứ không phải là loại vấn đề nào được giải quyết. Trên cơ sở các điều kiện khách chủ quan nêu trên, tự ý thức được phát triển. Biểu tượng về "cái tôi" trong giai đoạn đầu của lứa tuổi thanh niên thường chưa thật rõ nét. Do đó tự đánh giá về bản thân không ổn định và có tính mâu thuẫn.

Nhu cầu giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp với bạn bè đồng lứa phát triển mạnh ở lứa tuổi này đã thực hiện một chức năng quan trọng là giúp thanh niên dần hiểu mình rõ hơn, đánh giá bản thân chính xác hơn thông qua những cuộc trao đổi thông tin, trao đổi các đánh giá về các hiện tượng mà họ quan tâm. Thông thường biểu tượng về cái tôi được hình thành theo hướng các thuộc tính tâm lý của con người như một cá thể được nhận biết sớm hơn các thuộc tính nhân cách.

Ở giai đoạn đầu thanh niên rất nhạy cảm với những đặc điểm của hình thức thân thể. Họ so sánh mình với người khác qua các đặc điểm bên ngoài. Một hiện tượng rất thường gặp là học sinh cấp cuối bậc THPT bắt chước thầy cô giáo mà họ yêu quý hay một người mẫu lý tưởng nào đó mà họ chọn cho mình, từ cách ăn mặc, cử chỉ, dáng đi. Điều này về mặt vô thức khiến học sinh có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp theo hình mẫu lý tưởng mà các em có kinh nghiệm trước đó.

Ý thức về cái tôi rõ ràng và đầy đủ hơn đã làm cho thanh niên có khả năng lựa chọn con đường tiếp theo, đặt ra vấn đề tự khẳng định và tìm kiếm vị trí cho riêng mình trong cuộc sống tương lai. Trên cơ sở chín muồi của quá trình phát triển tâm sinh lý lứa tuổi, giới tính khiến các bạn trẻ dần cảm nhận về tính chất người lớn của bản thân mình không còn chung chung mà liên quan chặt chẽ với việc gắn kết mình vào một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

Khi bàn về “*đặc điểm tâm lý nhóm HS THPT*”, A.V. Petrovsky cho rằng, lứa tuổi đầu thanh niên là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của tính tích cực xã hội. HS lúc này không chỉ còn quan tâm tới những sở thích mang tính cá nhân hay nhóm bạn bè mà lúc này đã bắt đầu hướng sự quan tâm của mình tới các sự kiện của đời sống xã hội nhiều hơn và các em cũng có mong muốn được tham gia vào những sự kiện đó

một cách tích cực. Dù vẫn trong giai đoạn học tập, HS lớp 12 đã nhìn thấy nghề nghiệp là một phương tiện quan trọng để tự khẳng định mình, là phương tiện để bắt đầu một cuộc sống mới, độc lập, không phụ thuộc về mặt vật chất vào cha mẹ. Không chỉ ở HS lớp 12 mới có nguyện vọng nghề nghiệp, mà ngay cả những HS ở lứa tuổi nhỏ hơn, hiện tượng tâm lý này cũng đã xuất hiện. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt căn bản giữa nguyện vọng nghề nghiệp của HS các lớp học dưới so với nguyện vọng, ước muốn nghề nghiệp của HS lớp 12 đó là: ở học sinh lứa tuổi tiểu học và trung học cơ sở, các em đã có thể nói về nghề nghiệp tương lai của mình, nhưng đó chỉ là ước mơ mang tính lãng mạn và hay thay đổi. Khác với các em đó, học sinh lớp 12 đã có suy nghĩ một cách chín chắn khi nói về nghề nghiệp tương lai của mình một cách có căn cứ. Nhiều học sinh biết so sánh những đặc điểm riêng về thể chất và tâm lý riêng của mình với những yêu cầu của nghề nghiệp đòi hỏi ở con người (dù các em chưa hiểu hết những yêu cầu đó). Do đó, ở học sinh lớp 12 đã bước dần tới công việc đối chiếu với hứng thú và khả năng của mình và chọn các nghề nghiệp hiện thực. Thông qua việc chọn nghề, HS lớp 12 muốn tìm thấy trong nghề nghiệp mà mình định chọn có cả chí hướng, khả năng hứng thú của bản thân cho nên các em có những suy nghĩ thận trọng hơn, chín chắn hơn, động cơ chọn nghề mang nhiều ý nghĩa xã hội đồng thời với việc thoả mãn về kinh tế. Như vậy việc chọn nghề của các em xuất phát từ ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, do vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tính lãng mạn và lý tưởng nghề nghiệp nên nhận thức của phần đông HS về nghề vẫn mang tính phiến diện, bị ảnh hưởng nhiều bởi những đánh giá xã hội hơn là ý nghĩa và nội dung thực tế của nghề. Các em có xu hướng lựa chọn những nghề có giá trị xã hội cao, hoặc quen thuộc, đã biết đến trong kinh nghiệm hơn là tìm hiểu những nghề mới, lạ tai cho dù nhu cầu của thị trường lao động đối với nghề là rất lớn.

Đối với HS THPT nói chung và HS lớp 12 nói riêng, hứng thú của các em về các vấn đề của cuộc sống phát triển một cách mạnh mẽ. Tuy nhiên, hứng thú vẫn còn tản mạn, chưa thể ổn định, chưa sâu sắc và dễ thay đổi. Trong việc lựa chọn nghề cũng vậy, hứng thú của các em đối với nghề nghiệp thường bay bổng, thiếu thực tế,

muốn được thử sức ở nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau mà không quan tâm đến những khả năng mình hiện có để có thể hoạt động có hiệu quả trong nghề.

Với ảnh hưởng của triển vọng bước sang cuộc đời mới, một cuộc sống độc lập, tự do, không còn lệ thuộc vào gia đình đã tạo ra khuynh hướng về tương lai có tính chất đặc trưng của lứa tuổi học sinh lớp lớn. Khi bước vào tuổi đầu thanh niên, các em đã có ý thức trong việc xây dựng kế hoạch đường đời cho mình, trong khi ở lứa tuổi thấp hơn, kế hoạch đường đời rất mơ hồ và có tính chất ước mơ. Thiếu niên chỉ tưởng tượng mình trong các vai trò khác nhau, so sánh mức độ hấp dẫn của chúng, nhưng không có khả năng quyết định dứt khoát lựa chọn cái gì cho bản thân. Thanh niên càng lớn thì tính tất yếu trong việc lựa chọn càng trở nên bức thiết. Từ những khả năng tưởng tượng, huyền tưởng về nghề nghiệp dần hình thành nên đường nét của một vài phương án hiện thực nhất và có thể được chấp nhận nhất và phải lựa chọn giữa các phương án đó. Trong chọn nghề, các em đã chủ động và tích cực tìm kiếm những thông tin về nghề nghiệp, so sánh chúng trong mối quan hệ với nhu cầu, hứng thú và khả năng của bản thân, và hình thành cho mình một kế hoạch cụ thể để hiện thực hoá ước mơ nghề nghiệp của mình. Ở lứa tuổi này, tính tự giác của các em được nâng cao, nên so với tuổi thiếu niên trong quá trình chọn nghề, các em bước đầu cũng đã biết phân tích, cân nhắc so sánh giữa sở thích và năng lực của bản thân. Tuy nhiên, những tiêu chuẩn mà các em dùng để xác định xem mình có năng lực không thường là kết quả học tập, lĩnh hội bài môn học nào đó một cách dễ dàng, là những nhận xét của giáo viên, cha mẹ, thậm chí là của bạn bè....

1.2.4.3. Khái niệm đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Trong TLH hoạt động, một trong những nguyên tắc mang tính phương pháp luận là nguyên tắc thống nhất giữa tâm lý, ý thức và hoạt động. Nguyên tắc này cho rằng, tâm lý, ý thức chỉ được hình thành và phát triển nhờ hoạt động, đồng thời tâm lý, ý thức quay trở lại định hướng, điều khiển, điều chỉnh hoạt động. Có thể nói, tâm lý, ý thức vừa là sản phẩm của hoạt động, vừa là nhân tố điều khiển, điều chỉnh hoạt động, là nơi biểu hiện của hoạt động trong thực tiễn cuộc sống.

Vận dụng nguyên tắc này để tìm hiểu đặc trưng tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS ta thấy: Hoạt động chọn nghề của HS có chủ động, tích cực và sáng tạo hay không là do nhận thức, thái độ và hành động của các em đối với nghề định lựa chọn có đầy đủ, sâu sắc, đúng đắn, mạnh mẽ và kiên cường hay không. Ngược lại, hoạt động chọn nghề của HS càng tích cực, chủ động, sáng tạo thì nhận thức, thái độ và hành động của các em đối với nghề dự định chọn càng đầy đủ, sâu sắc, đúng đắn, mạnh mẽ và kiên cường bấy nhiêu. Điều đó giúp chúng ta khẳng định: Trên bình diện hoạt động, những đặc điểm tâm lý (nhận thức, thái độ, hành động đối với nghề định chọn) được bộc lộ ra chính trong quá trình diễn ra hoạt động chọn nghề của các em HS. Vì vậy, muốn biết hiệu quả hoạt động chọn nghề của HS (phù hợp hay không phù hợp) thì phải phân tích những đặc điểm tâm lý (nhận thức, thái độ, hành động) bộc lộ ra trong quá trình các em chọn nghề. Sự thống nhất biện chứng giữa 3 mặt này trong hoạt động chọn nghề là cơ sở để HS ra những quyết định chọn lựa một cách đúng đắn và phù hợp. Tuy nhiên, hoạt động chọn nghề của HS còn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố tâm lý xã hội khác như sự phát triển của các đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, tính chất các hoạt động, yếu tố văn hoá, truyền thống... của nhóm xã hội mà cá nhân là thành viên tích cực. Tổng hợp các ý vừa nêu, chúng ta có thể phát biểu định nghĩa về **đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT** như sau: *Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT là những nét tâm lý nổi bật, đặc trưng cho giai đoạn phát triển lứa tuổi cả về mặt sinh học và xã hội, được biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành động trong hoạt động chọn nghề. Khi được hình thành, chúng có tác động chi phối hoạt động chọn nghề của HS một cách mạnh mẽ theo chiều hướng mà chúng được hình thành là tích cực hay tiêu cực.*

Định nghĩa này nhấn mạnh trong hoạt động chọn nghề, đặc điểm tâm lý được bộc lộ ra bên ngoài thông qua hệ thống nhận thức, thái độ và hành vi tương ứng, tạo ra sự khác biệt về mặt hoạt động giữa cá nhân này với cá nhân khác, nhóm này với nhóm khác trong việc ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Các đặc điểm tâm lý đặc trưng trong hoạt động chọn nghề của HS chịu ảnh hưởng nhiều từ những nhân tố khách qua như GDHN của nhà trường, gia đình, xã hội... và những yếu tố

mang tính chủ quan như định hướng giá trị, động cơ, nhu cầu... Do đó, những đặc điểm tâm lý không chỉ phản ánh tính chất đặc trưng trong tâm lý của từng cá nhân cụ thể mà còn phản ánh tính chất chung của nhóm xã hội mà cá nhân đó làm đại diện khi tiến hành hoạt động chọn nghề.

Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề là sản phẩm của chính hoạt động chọn nghề mà HS tiến hành. Và khi những đặc điểm tâm lý này được định hình, chúng có tác động trở lại một cách mạnh mẽ, chi phối hình thức và chất lượng của hoạt động chọn nghề. Vì vậy, để hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT đạt được hiệu quả cao, thì rất cần những tác động hợp lý và khoa học từ phía nhà trường, gia đình, xã hội vào các đặc điểm tâm lý, điều khiển, điều chỉnh chúng theo chiều hướng tích cực.

1.2.5. Những đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT

1.2.5.1. Đặc điểm nhận thức của HS trong hoạt động chọn nghề

Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc của con người, không cứng nhắc mà có tính tích cực, năng động, sáng tạo trên cơ sở vận động của thực tiễn. Theo Phạm Tất Dong “*nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người (nhận thức, tình cảm, hành động ý chí). Nó là tiền đề của hai mặt kia, nhưng đồng thời lại có quan hệ mật thiết với chúng*” [9, 121]. Có thể nói, nhận thức đóng một vai trò quan trọng trong toàn bộ đời sống của con người, thông qua nhận thức, con người tiếp thu, lĩnh hội kiến thức từ nền văn hoá, xã hội và sử dụng chúng để tiến hành các hoạt động một cách có hiệu quả. Trong hoạt động chọn nghề, để đi đến một quyết định lựa chọn sáng suốt HS cần phải có đầy đủ những hiểu biết về nội dung lao động của nghề và những yêu cầu của chúng, những đặc điểm, phẩm chất của bản thân và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. 3 loại thông tin này trở thành đối tượng để các em HS nhận thức trong suốt quá trình tiến hành hoạt động chọn nghề của mình. Trong luận án này, nhận thức trong hoạt động chọn nghề sự phản ánh các đặc trưng cơ bản của nghề (nội dung lao động, các yêu cầu của nghề, giá trị xã hội, và những đánh giá xã hội về nghề), nhu

cầu của thị trường lao động và những đặc điểm, phẩm chất của bản thân trong mối liên hệ với nghề lựa chọn.

Như vậy, để đánh giá đặc điểm nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS cần xem xét các mức độ nhận thức đầy đủ, chính xác và sâu sắc của HS đối với các loại thông tin sau.

- Nhận thức về những nhu cầu xã hội đối với nghề nghiệp (nhận thức về thị trường lao động của xã hội.)

Nhu cầu xã hội đối với nghề đã tạo nên thị trường lao động của xã hội. Sự tồn tại và phát triển của thị trường lao động có những quy luật riêng của nó như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật giá cả sức lao động... Do đó, nếu HS muốn chọn được nghề có nhiều cơ hội việc làm với thu nhập cao cần phải có những hiểu biết đầy đủ về thị trường sức lao động của nó. Cụ thể, HS cần phải có những hiểu biết về các lĩnh vực, ngành nghề đang được nhà nước khuyến khích đầu tư phát triển, các lĩnh vực đang có nhu cầu tuyển dụng cao và những lĩnh vực đang dư thừa lao động (nhu cầu tuyển dụng thấp). Đồng thời HS cũng cần phải biết những thông tin về hệ thống đào tạo nghề trong xã hội, những dự báo về sự phát triển, biến động của hệ thống đó để kịp thời điều chỉnh xu hướng nghề nghiệp của mình cho phù hợp.

- Nhận thức về nghề và những yêu cầu đặc trưng của nghề đối với lao động.

Thế giới nghề nghiệp là đối tượng nhận thức của HS trong hoạt động chọn nghề. Các em càng có nhiều hiểu biết rộng rãi về các nghề có trong xã hội thì cơ hội lựa chọn được từ đó cho mình một nghề phù hợp với năng lực và nguyện vọng càng nhiều.

Sự hiểu biết phong phú về các nghề trong xã hội, biết được các yêu cầu của nghề đặt ra đối với người lao động, biết được giá trị mà nghề đó có thể tạo ra cho bản thân, gia đình và xã hội, biết được thời gian đào tạo, cơ sở đào tạo, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp... là những điều kiện quan trọng để giúp HS đưa ra được các quyết định lựa chọn nghề một cách phù hợp.

Bên cạnh việc nhận thức được các yêu cầu của nghề, HS cũng cần có những hiểu biết căn bản về nội dung, mục đích, điều kiện, phương tiện làm việc của nghề, những thuận lợi, khó khăn khi hành nghề sau này.

- *Nhận thức về các đặc điểm tâm lý của bản thân.*

Để có thể chọn một nghề nào đó, mỗi người trước tiên phải nắm được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân mình, từ đó có sự cân nhắc kỹ càng về sự phù hợp hay không phù hợp giữa những gì vốn có và nhu cầu đòi hỏi của nghề. Đây là điều kiện quan trọng để sự lựa chọn nghề của HS trở nên chính xác và khoa học.

Sự thành công hay thất bại của cá nhân trong lao động ở một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của cá nhân trước những đòi hỏi của nghề nghiệp. Bởi vậy, HS cần phải có hiểu biết về nhu cầu, năng lực, khí chất và các nét tính cách của mình để làm cơ sở cho sự đối chiếu, so sánh với yêu cầu do nghề đặt ra.

1.2.5.2. Đặc điểm thái độ của HS trong hoạt động chọn nghề.

Hành động chọn nghề của HS có liên quan nhiều tới thái độ của họ. Thái độ đối với nghề nghiệp là sự đánh giá chung mang tính lâu dài của cá nhân về giá trị nghề nghiệp. Thái độ đó có thể là khuynh hướng phản ánh tích cực hoặc tiêu cực của HS đối với nghề nghiệp. Theo tác giả Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Thị Thanh Huyền, “*thái độ nghề nghiệp là một thuộc tính cấu thành nhân cách, nó biểu thị sắc thái tình cảm về mức độ say mê của cá nhân đối với hoạt động nghề nghiệp.*” [29,38].

Thái độ của HS trong hoạt động chọn nghề được biểu hiện ở sự đánh giá, phán xét, bình phẩm về các giá trị do nghề tạo ra phù hợp đến mức nào đối với nhu cầu của cá nhân, gia đình và xã hội, biểu hiện ở hứng thú và cảm xúc tích cực của cá nhân đối với các giá trị đó. Thái độ của HS trong hoạt động chọn nghề được bộc lộ ra bên ngoài ở xúc cảm, tình cảm, hứng thú với nghề dự định chọn, ở tính tích cực trong hành động nhằm tiếp cận với nghề đó. Thái độ trong hoạt động chọn nghề của HS được biểu hiện như sau:

Thái độ biểu hiện ở sự quan tâm và hứng thú của cá nhân đối với nghề định lựa chọn.

Theo Nguyễn Quang Uẩn khái niệm hứng thú được hiểu “là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với một đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa với cuộc sống vừa có khả năng mang lại khoái cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động [59; 142]. Theo quan niệm này, khi cá nhân có hứng thú về một cái gì đó, bao giờ họ cũng ý thức được một cách rõ ràng về tình cảm của bản thân với nó, cũng như nhận thức được ý nghĩa của nó đối với cuộc sống của bản thân mình. Hứng thú chính là động lực để nảy sinh ra khát vọng hành động, làm tăng hiệu quả hoạt động của mỗi người. Với cách tiếp cận trên, hứng thú nghề của HS được hiểu là thái độ đặc biệt của HS đối với các giá trị và nội dung lao động của một nghề nhất định vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống và hoạt động của các em, đồng thời mang lại niềm vui thích trong quá trình học tập. Như vậy, khi HS có hứng thú đối với nghề sẽ chọn thì họ phải ý thức và hiểu rõ ý nghĩa của nghề đó đối với cuộc sống, đối với bản thân và xã hội, có tình cảm đặc biệt với nó. Hứng thú nghề sẽ lôi cuốn, hấp dẫn các em tìm hiểu sâu về nghề, thôi thúc các hoạt động có liên quan đến nghề mà mình yêu thích. A.N.leonchiev cũng xem hứng thú là thái độ nhận thức, nhưng đó là thái độ nhận thức đặc biệt của chủ thể đối với đối tượng hoặc hiện tượng của thế giới khách quan. Vì thế, hứng thú còn được biểu hiện ra ở mức độ quan tâm lựa chọn của chủ thể đối với một đối tượng nào đó. Trong hoạt động chọn nghề, một trong những biểu hiện hứng thú của HS đối với hoạt động này được thể hiện qua mức độ quan tâm tìm hiểu các nội dung có liên quan đến việc chọn nghề và nghề lựa chọn, thể hiện ở sự phán xét và đánh giá về các nghề, thể hiện ở việc lựa chọn nghề này hay nghề khác.

Tình cảm của HS dành cho nghề lựa chọn là một biểu hiện khác của thái độ với nghề. Tình cảm mang tính ổn định của con người đối với một đối tượng nào đó, phản ánh ý nghĩa của chúng trong mối liên quan tới nhu cầu và động cơ của họ. Trong hoạt động chọn nghề, các em HS thường hướng sự quan tâm của mình tới một đối tượng nghề nào đó, đáp ứng được những mong mỏi, khát khao của các em.

Những tình cảm đối với nghề nghiệp không xuất hiện một cách đơn giản, mà nó trải qua một quá trình tìm hiểu, trải nghiệm và khi cá nhân ý thức được một cách rõ ràng nghề nghiệp đó thực sự đáp ứng được nhu cầu, động cơ của mình. Khi cá nhân có được một cảm xúc đặc biệt với một lĩnh vực nghề nghiệp, nó sẽ là động lực để cá nhân vượt qua những khó khăn, thách thức để làm chủ nghề nghiệp mà bản thân yêu thích. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều học sinh có những ngộ nhận về tình cảm của mình đối với một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Trong quá trình học tập, sinh hoạt trong đời sống, các em được tiếp xúc, được nghe, được nhìn thấy những người đang làm nghề nào đó và thấy chúng hấp dẫn và lôi cuốn, từ đó nảy nở những cảm xúc. Và chỉ từ những cảm xúc này mà quyết định lựa chọn cho dù bản thân chưa thực sự tìm hiểu kỹ về nó. Những cảm xúc nhất thời đối với nghề thường dẫn đến những sự lựa chọn thiếu chính xác. Tình cảm đối với nghề chỉ có được khi cá nhân đã có một thời gian tìm hiểu, nhận thức, thấy được những giá trị của nghề đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của bản thân cũng như thấy được những thuận lợi và khó khăn mà bản thân khi lựa chọn nghề đó phải đối mặt. Tình cảm của HS đối với nghề được biểu hiện ở sự hài lòng, sự gắn bó và kiên định với nghề đã lựa chọn.

1.2.5.3. Đặc điểm hành động của HS trong hoạt động chọn nghề

Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động trong hoạt động chọn nghề của học sinh là sự thể hiện quan niệm, tình cảm của mình thành hành động cụ thể. Nó biểu hiện ra hành động ở tính chủ động và tính tích cực của chủ thể trong khi lựa chọn nghề nghiệp.

Đặc điểm tích cực của hành động trong chọn nghề được biểu hiện ở mức độ thường xuyên của cá nhân khi thực hiện các hành động chọn nghề, cụ thể như: tìm đọc các tài liệu về nghề dự định lựa chọn, khám phá các điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân để qua đó làm căn cứ định hướng lựa chọn nghề phù hợp, chú ý tới các thông tin liên quan đến thị trường lao động của nghề dự định lựa chọn...

Tính tích cực còn thể hiện ở việc HS chú ý học tốt các môn học có liên quan tới nghề định chọn, đến việc thi tuyển vào các cơ sở đào tạo nghề, đến việc phải tìm

hiểu công việc và con người đang làm việc và con người đang làm việc tại những cơ sở có liên quan đến nghề mà các em dự định lựa chọn.

Việc chuẩn bị và lập kế hoạch cho hoạt động chọn nghề là một trong những biểu hiện sinh động của tính chủ động và tích cực trong chọn nghề của HS. Thông qua việc lập kế hoạch chi tiết cho hoạt động chọn nghề, các em sẽ chuẩn bị được không chỉ tâm thế mà còn các điều kiện cần thiết để việc lựa chọn nghề được chính xác và phù hợp.

Tóm lại, đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS được bộc lộ ra bên ngoài thông qua đặc điểm nhận thức, thái độ, hành động của các em đối với nghề lựa chọn. Mỗi quan hệ và tính chất của các mặt biểu hiện này tạo lên nét đặc trưng của đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS. Cụ thể, khi nói HS có đặc điểm tâm lý là tích cực trong chọn nghề là khi các em có đặc điểm nhận thức là tích cực (nhận thức đầy đủ về nội dung, mục đích lao động của nghề, nắm bắt được thông tin đầy đủ và chính xác về thị trường lao động và những yêu cầu của nghề đối với người lao động), đồng thời các em cũng có thái độ, hành động tích cực và chủ động trong hoạt động chọn nghề.

1.2.6. Sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS THPT

Không phải bất cứ cá nhân nào cũng có thể làm được nghề này hay nghề khác, dù có cố gắng đến mức nào chăng nữa, bởi lẽ mỗi người với năng lực, khả năng, tính cách có hạn chỉ có thể đáp ứng được những yêu cầu của một số lĩnh vực nghề nghiệp trong vô vàn nghề có trong cuộc sống. Chọn đúng nghề mình yêu thích và có khả năng là mong mỏi chính đáng của mọi người.

Đề cập đến cách thức lựa chọn nghề phù hợp, trước hết phải tìm hiểu khái niệm sự phù hợp nghề. Theo Phạm Tất Dong (2000), *một người được coi là phù hợp với một nghề nào đấy nếu họ có những phẩm chất, đặc điểm tâm lý và sinh lý đáp ứng những yêu cầu cụ thể mà nghề đó đòi hỏi ở người lao động* [8,50]. Còn theo Đặng Danh Ánh, *“sự phù hợp nghề là mối quan hệ tương xứng lẫn nhau giữa*

một bên là các yêu cầu của nghề và bên kia là các phẩm chất tâm, sinh lý của con người”.[2,21]

Qua cách tiếp cận trên, có thể thấy sự phù hợp nghề chỉ xuất hiện khi thoả mãn 2 tiêu chí. Một là cá nhân có những phẩm chất, năng lực, kỹ năng, kỹ xảo, và các yếu tố sức khoẻ phù hợp với các yêu cầu của công việc. Hai là bản thân nghề đó phù hợp với xu hướng, nguyện vọng, mong muốn của cá nhân. Như vậy theo chúng tôi, sự phù hợp nghề được hiểu là *sự hoà hợp, ăn khớp giữa một bên là các yêu cầu của nghề và bên kia là các đặc điểm tâm - sinh lý - y học của người lựa chọn*. Sự phù hợp nghề là điều kiện tiên quyết đảm bảo giúp cá nhân nhanh chóng thích ứng và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập, lao động, nâng cao trình độ tay nghề sau này.

Tuy nhiên, để có được sự phù hợp nghề sau này, trước hết cá nhân đó phải có được sự lựa chọn nghề một cách phù hợp. Trong luận án này, sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS lớp 12 được đánh giá trên 2 mức độ:

- Có sự phù hợp hoàn toàn: Khi những hứng thú, xu hướng, nguyện vọng, khí chất của bản thân người chọn nghề trùng khớp với những yêu cầu của nghề mà người đó định lựa chọn.

- Không phù hợp: Khi không có sự trùng khớp nói trên.

Như vậy, trong nghiên cứu này, để đánh giá sự phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề, chúng tôi căn cứ vào kết quả trắc nghiệm tâm lý về những đặc trưng của tính cách, năng lực, xu hướng nghề của HS và xem xét chúng với những yêu cầu của nghề mà các em đã đăng ký (thể hiện ở hồ sơ đăng ký dự thi vào các trường Đại học, cao đẳng). Thông qua sự trùng khớp nhiều hay ít giữa các đặc điểm cá nhân của HS với yêu cầu của nghề để đưa ra kết luận là HS đó có sự lựa chọn nghề phù hợp hay không phù hợp.

1.2.7 Một số yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT

1.2.7.1. Yếu tố khách quan

a. Hoạt động GDHN trong trường THPT

GDHN cho học sinh là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường phổ thông, được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật, nghị quyết của Đảng, Nhà nước (Luật Giáo dục 2006, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X...). Hoạt động GDHN trong trường phổ thông nhằm mục đích trang bị cho thế hệ trẻ những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai một cách có ý thức. Trên bình diện vĩ mô, GDHN trong nhà trường phổ thông giúp phân luồng hợp lý số học sinh tốt nghiệp ra trường, đáp ứng được nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở lý luận của hoạt động GDHN của Việt Nam được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận của học thuyết Mác - Lênin về giáo dục lao động và kỹ thuật tổng hợp cho học sinh. Nội dung những kiến thức mà hoạt động GDHN trong nhà trường cung cấp cho học sinh được xây dựng trên cơ sở tam giác hướng nghiệp mà K.K.Platonốp đề xuất gồm: Kiến thức về thế giới nghề nghiệp, nhu cầu thị trường lao động, các đặc điểm và những yêu cầu của nghề, những kiến thức về những đặc điểm bản thân người lựa chọn... [trích theo 40,80]. Những nội dung thông tin này được truyền tải tới người chọn nghề bằng hai hình thức cơ bản. Một là “giáo dục nghề nghiệp” cho học sinh bao gồm việc, cung cấp các thông tin về các nghề và yêu cầu của chúng, tuyên truyền nghề nghiệp, lôi cuốn sự chú ý của học sinh tới các lĩnh vực, ngành nghề đang có nhu cầu xã hội cao, hình thành hứng thú và khuynh hướng nghề nghiệp cho học sinh. Hai là “tư vấn nghề”, đây là hoạt động nhằm giúp cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp một cách khoa học và hợp lý trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin về phẩm chất, năng lực của bản thân trong mối liên quan tới các yêu cầu của nghề và nhu cầu của thị trường lao động. Trong hoạt động tư vấn nghề, cán bộ tư vấn dùng các phương tiện, công cụ chuyên biệt để phát hiện các phẩm chất, năng lực cũng như mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh, đồng thời cung cấp cho các em những thông tin về

thị trường lao động, qua đó giúp các em điều chỉnh động cơ chọn nghề của mình sao cho tạo ra được sự phù hợp giữa năng lực, hứng thú, nguyện vọng của bản thân với yêu cầu nghề cũng như nhu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội, yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

Có thể nói, với chức năng và các điều kiện chuyên biệt, nhà trường đóng một vai trò quan trọng trong việc định hướng và điều chỉnh động cơ chọn nghề của HS theo hướng thoả mãn được cả nhu cầu, nguyện vọng cá nhân và nhu cầu nhân lực của xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhà trường phổ thông chưa có những đầu tư đúng mức cho hoạt động GDHN. Nhiều trường phổ thông mới chỉ tập trung thực hiện hoạt động GDHN bằng hình thức giáo dục, tuyên truyền nghề nghiệp thông qua con đường lồng ghép với việc giảng dạy các môn học văn hoá, hoặc thông qua một số hoạt động ngoại khoá mang tính thời vụ. Còn hoạt động tư vấn nghề gần như chưa được triển khai rộng khắp tại các trường THPT. Theo thống kê, hiện nay tại Hà Nội trong tổng số 126 trường THPT mới có 5 trường có triển khai hoạt động tư vấn nghề cho HS. [17] Điều này đã và đang có những ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng chọn nghề của HS trong thời gian vừa qua.

b. Chiến lược GDHN của gia đình đối với con cái

Trong các chủ thể của hoạt động GDHN cho học sinh, gia đình đóng một vai trò quan trọng. Bởi lẽ, các bậc cha mẹ chẳng những giàu kinh nghiệm sống trong các lĩnh vực nghề nghiệp đa dạng của xã hội, mà còn có quyền lực và điều kiện trực tiếp hàng ngày, hàng giờ ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ, tình cảm của con em mình. Vì thế, mọi sự giáo dục, định hướng nghề nghiệp của cha mẹ có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức, thái độ và các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của con em mình. Tuy nhiên, không phải bậc phụ huynh nào cũng ý thức được vai trò và trách nhiệm của gia đình trong việc giúp đỡ con cái lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp. Hơn nữa, không phải bậc cha mẹ nào cũng được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng và những hiểu biết cần thiết để thực hiện hoạt động GDHN cho con một cách khoa học và phù hợp. Chính từ những khó khăn này dẫn tới những bất cập trong chiến lược GDHN của gia đình đối với con em mình.

Một chiến lược hướng nghiệp được nhiều gia đình áp dụng là áp đặt quan điểm, suy nghĩ của cha mẹ lên nguyện vọng và mong muốn nghề nghiệp của con.

Theo văn hoá truyền thống của người Việt Nam, người lớn luôn có vị thế xã hội cao hơn người trẻ tuổi, mặc nhiên người trẻ tuổi phải chấp nhận mọi sự điều khiển của người lớn, nếu chống lại thì được gọi là hư hỏng, mất nết. Bên cạnh đó, với vốn hiểu biết phong phú, lợi thế trong các mối quan hệ xã hội... đã khiến cho người lớn thường có xu hướng áp đặt cho con em mình lựa chọn những nghề mà bản thân có kinh nghiệm hoặc mong muốn. Với nhiều bậc cha mẹ, đặc biệt là những người đã có thành công trong cuộc sống và sự nghiệp, phần nhiều đều mong muốn con cái nối nghiệp con đường mà họ đã trải qua hoặc lựa chọn theo những mong muốn của họ cho dù lĩnh vực đó không hẳn đã phù hợp với những mong muốn, nguyện vọng và năng lực của con.

Một chiến lược hướng nghiệp mang tính tiêu cực khác cũng được nhiều bậc cha mẹ áp dụng, đặc biệt là ở những bậc cha mẹ thờ ơ, thiếu sự quan tâm đến con cái, đó là hướng nghiệp kiểu tự do. Có nghĩa, việc con chọn nghề gì, đúng sai ra sao cũng không bận tâm. Điều mà họ có thể làm cho con, đó là ủng hộ vô điều kiện sự lựa chọn của con cái mình, dù sự lựa chọn đó có thể là sai lầm.

Tâm lý trọng bằng cấp vẫn còn tồn tại dai dẳng trong tâm thức nhiều gia đình Việt Nam. Tại nhiều dòng họ của người Việt, tinh thần hiếu học, trọng người có học thể hiện rất rõ nét ở việc ghi danh những người con, cháu học cao, đỗ đạt tại nơi thiêng liêng nhất trong nhà thờ họ. Việc trọng bằng cấp, hay trọng người có học là nét văn hoá đẹp của dân tộc, tuy nhiên, nhiều bậc cha mẹ do muốn được “nở mày, nở mặt” với dòng họ, láng giềng hay bạn bè đã đầu tư và ủng hộ vô điều kiện để con được học đại học bằng mọi giá cho dù việc học này có phù hợp hay không với năng lực, sở thích của con và nhu cầu của thị trường lao động.

Một chiến lược hướng nghiệp được xem là hợp lý hơn cả là khi cha mẹ tôn trọng quyền quyết định lựa chọn nghề nghiệp của con trên cơ sở đã cung cấp đầy đủ thông tin, cũng như tạo điều kiện cho con có những hiểu biết về nghề dự định. Trong trường hợp này, cha mẹ là người tư vấn, định hướng và chuẩn bị các điều

kiện về tài chính cũng như sự ủng hộ về mặt tinh thần cho quyết định lựa chọn của con cái. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chiến lược này chưa được đại đa số các gia đình sử dụng trong GDHN cho con em mình

c. Bối cảnh xã hội và thị trường lao động

Trong thực tiễn, thị trường lao động với những quy luật và những đặc điểm đặc trưng của nó có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới những dự định của cá nhân khi lựa chọn nghề nghiệp để tham gia thị trường lao động. Điều này dễ hiểu khi ta thấy người lao động (nguồn cung) luôn có xu hướng lựa chọn lĩnh vực nghề nghiệp mà thị trường đang có nhu cầu cao để được đào tạo với mong muốn dễ dàng tìm được vị trí việc làm với những ưu đãi và giá cả sức lao động hợp lý.

Ở Việt Nam, trước 1986, khi nền kinh tế đất nước vẫn theo mô hình kế hoạch hoá tập trung, bao cấp (nền kinh tế tự cung, tự cấp, không dựa trên yếu tố thị trường), các vấn đề lao động (phát triển, phân bố, sử dụng, trả công...) đều do Nhà nước thực hiện theo một kế hoạch thống nhất từ trên xuống và bằng các mệnh lệnh hành chính, nên trong khu vực nhà nước không hình thành quan hệ thuê mướn lao động. Đối với khu vực kinh tế tư nhân, do không được Nhà nước thừa nhận nên thị trường lao động ở khu vực này tồn tại không chính thức với quy mô nhỏ lẻ. Do đó, về mặt xã hội, những người lao động trong khu vực tư nhân luôn bị đánh giá thấp và chịu nhiều thiệt thòi hơn hẳn so với người lao động làm trong các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh. Chính đặc trưng này của nền kinh tế đất nước đã dẫn đến xu hướng trong lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên đến tuổi lao động. Phần đông thanh niên đều có nguyện vọng được lao động tại các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh cho dù có thể nghề mà họ sẽ làm không phải là nghề mà họ mong muốn. Bởi xin được một “chân biên chế” trong cơ quan nhà nước là mục tiêu hàng đầu không chỉ riêng đối với thanh niên mà còn là mục tiêu của cả gia đình, vì nếu có lỡ phải làm nghề mình không thích cũng không trở thành vấn đề lớn.

Vào những năm đầu mở cửa, nền kinh tế được phát triển với nhiều thành phần khác nhau. Điều này đã tạo ra nhiều việc làm với các vị trí hấp dẫn, đặc biệt trong khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài hoặc trong các công ty liên doanh... Ngay

lập tức, đặc điểm này của thị trường lao động đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới xu hướng lựa chọn nghề của HS, các em có nguyện vọng và đăng ký ngày càng nhiều vào các lĩnh vực ngoại ngữ, kinh tế, trong khi thờ ơ các ngành khoa học xã hội, tự nhiên, sư phạm...

Trong những năm 90, khi tin học, công nghệ thông tin được nhà nước ưu tiên phát triển để trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn đã tạo ra trào lưu lựa chọn nghề tin học của các bạn trẻ. Các trường đại học, đặc biệt khối dân lập đua nhau mở các ngành tin học, công nghệ thông tin để đón số lượng khổng lồ HS có nhu cầu theo học.

Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế tri thức được khuyến khích, các lĩnh vực thương mại, đầu tư tài chính được mở rộng, các dự án xây dựng mang tính quốc gia và quốc tế đã tạo ra nhu cầu lớn đối với lao động chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngay lập tức, nhu cầu được theo học các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng... của HS tăng cao, trong khi đó lại hiếm có HS đăng ký theo học các ngành ít “hấp dẫn” thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, giáo dục. Có thể nói, nhu cầu thị trường lao động có mối quan hệ chặt chẽ xu hướng lựa chọn nghề của HS lớp 12 khi tốt nghiệp ra trường. Điều đáng nói ở chỗ, xu hướng lựa chọn của HS hiện nay gần như thiếu sự định hướng dẫn tới mạnh ai, nấy chọn mà không căn cứ vào nhu cầu thực sự của nền kinh tế, dẫn tới nhiều sinh viên tốt nghiệp những ngành “hot” lại không thể tìm được việc, trong khi những lĩnh vực lao động không “hot” lại thiếu trầm trọng nguồn nhân lực đáp ứng.

Một đặc trưng khác của thị trường lao động Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, thì số lượng người thất nghiệp, người chưa có việc làm (nguồn cung) luôn lớn hơn khả năng tuyển dụng của các doanh nghiệp, tổ chức (nguồn cầu) dẫn tới xu hướng các nhà tuyển dụng sẽ lựa chọn những người có bằng cấp cao vào những vị trí công việc mà thông thường những người có bằng cấp thấp hơn có thể thực hiện (ví dụ, ngân hàng A sẽ có xu hướng tuyển 1 cử nhân kinh tế vào vị trí thu ngân dù vị trí này người tốt nghiệp THPT có thể làm được). Như vậy, để đảm bảo một cơ hội chắc chắn về việc làm sau này, không cách gì khác gia đình

và bản thân HS tập trung mọi nguồn lực để kéo dài thời gian học tập, nhằm chuẩn bị cho mình những điều kiện tốt nhất về bằng cấp khi tham gia thị trường lao động sau này. Đây cũng là một trong những nhân tố góp phần làm cho xu hướng “*chủ nghĩa bằng cấp*” ở nhiều HS, thanh niên, sinh viên trở nên trầm trọng hơn. Hiện tượng này, trong nhiều trường hợp đã ảnh hưởng và chi phối mạnh mẽ quyết định chọn ngành học của HS, bất chấp việc đào tạo và bằng cấp của ngành học đó có phù hợp với các đặc điểm nhân cách của các em hay không, có chênh với những định hướng, chính sách đào tạo - việc làm của địa phương hoặc đất nước hay không.

Thị trường lao động luôn luôn vận động, phát triển theo sự vận động và phát triển chung của nền kinh tế. Trong quá trình chọn nghề HS phải luôn theo dõi sát sao vận động này để có được những quyết định chính xác và phù hợp.

d. Yếu tố bạn bè và việc lựa chọn nghề của HS THPT

Ở lứa tuổi 16 – 17, nhu cầu về tình cảm bạn bè của các em là rất lớn, tình bạn của các em được hình thành trên cơ sở cùng học tập, cùng sinh hoạt, cùng có hứng thú sở thích như nhau... Ở lứa tuổi này, các em coi tình bạn là những mối quan hệ quan trọng nhất, bền vững, có thể vượt qua mọi thử thách và có thể kéo dài suốt cuộc đời. Các em đối với nhau chân thành, cởi mở, sẵn sàng giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, cứu bạn lúc nguy hiểm. Vì vậy, ở lứa tuổi HS THPT, các em thường tham gia nhiều nhóm bạn chơi, trong đó có bạn cùng lứa, bạn cùng lớp, cùng trường, bạn cùng sở thích... Ít khi chúng ta bắt gặp HS mà không có nhóm bạn chơi ở lứa tuổi này. Trong quá trình tham gia và hoà nhập vào các nhóm bạn bè, các em bị ảnh hưởng và thực hiện theo những giá trị, chuẩn mực chung của nhóm. Một trong những cơ chế ảnh hưởng nhóm phổ biến nhất đó là cơ chế a dua, bắt chước và đồng nhất hoá. Theo Trần Hiệp “*một cá nhân bất kỳ, khi rơi vào một nhóm tích cực hoặc tiêu cực cùng dần dần chịu ảnh hưởng tốt hay xấu của nhóm đó, cũng dễ dàng bắt chước cách cư xử, lối sống của các thành viên trong nhóm, nhất là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên*” [26;200-201]. Trong hoạt động chọn nghề cũng vậy, đôi khi những suy nghĩ, lựa chọn của HS bị ảnh hưởng và chi phối bởi quan niệm, thái độ, hành động lựa chọn nghề nghiệp của các thành viên khác trong nhóm. Sự chi phối

và ảnh hưởng có thể được diễn ra theo quy luật bất chước, a dua, quy luật đám đông hoặc do các thành viên khác gây sức ép buộc cá nhân phải thực hiện sự lựa chọn nghề theo mong muốn chung của nhóm. Điều này giải thích được tại sao HS cùng nhóm bạn chơi lại có những dự định nghề nghiệp tương tự như nhau từ khối thi, ngành thi, cơ sở đào tạo...

1.2.7.2. Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề.

Trong quá trình tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp, các em HS bị chi phối không chỉ bởi các yếu tố khách quan (như đã nêu ở trên) mà còn từ chính các nhân tố chủ quan. Các nhân tố chủ quan có ảnh hưởng tới đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS như nhu cầu, động cơ nghề nghiệp, năng lực, hứng thú, nguyện vọng, kinh nghiệm nghề nghiệp... Tuy nhiên, với tư cách là nhân tố chủ quan, động cơ và định hướng giá trị nghề là những yếu tố tâm lý có trước hành động chọn nghề, và đóng vai trò như là những nhân tố quyết định tính chất của hoạt động này theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Vì thế, trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ tập trung phân tích sự ảnh hưởng của yếu tố động cơ và định hướng giá trị nghề nghiệp tới hoạt động chọn nghề của HS cũng như tới những đặc trưng tâm lý của các em trong hoạt động này.

a. Động cơ chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Tất cả mọi sự lựa chọn nghề đều có xuất phát điểm từ nhu cầu của cá nhân, khi họ thấy rằng trong tình trạng hiện tại, bản thân chưa có việc làm, chưa có vị thế xã hội đích thực, chưa có điều kiện kinh tế để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của bản thân... Tất cả nhu cầu này sẽ tạo nên động cơ, đó là những yếu tố nội tại, đưa cá nhân tới những hành động nhằm thoả mãn nhu cầu của mình.

Sự lựa chọn nghề của học sinh bao giờ cũng được một hệ thống động cơ nhất định thúc đẩy. Theo Harold Koontz, “*động cơ thúc đẩy là thuật ngữ chung áp dụng cho toàn bộ nhóm các xu hướng, ước mơ, nhu cầu, nguyện vọng và những thôi thúc tương tự*” [33,68]. Như vậy, động cơ thúc đẩy sự lựa chọn nghề của HS có nguồn gốc từ những nhu cầu, quan niệm, mong muốn, tìm cảm của bản thân đối với những

giá trị nghề có khả năng đem lại cho họ sự thoả mãn. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp của mỗi cá nhân có thể xuất phát từ những động cơ thoả mãn các nhu cầu như chọn nghề vì có thu nhập tốt, dễ xin việc, nhàn hạ, được làm việc gần gia đình, có nhiều thời gian rỗi... Hoặc động cơ có thể xuất phát từ lời khuyên của bạn bè, người thân, chọn nghề vì muốn vui lòng bố mẹ, chọn nghề vì muốn được tiếp tục đi học, chọn nghề vì không muốn bản thân buồn chán...; Động cơ có thể từ nhu cầu về sự tôn trọng như chọn nghề có địa vị xã hội cao, chọn nghề vì có bằng cấp cao nên được tôn trọng hơn... Và cuối cùng, chọn nghề xuất phát từ nhu cầu cá nhân muốn khẳng định giá trị của bản thân như chọn nghề vì nó phù hợp với nguyện vọng, phù hợp với năng lực và khả năng để qua đó phát huy được tối đa sức mạnh của bản thân đối với xã hội.

Theo chúng tôi, quyết định lựa chọn nghề này hay nghề khác của HS được thúc đẩy bởi một hệ thống động cơ phức tạp, bao gồm nhiều động cơ khác nhau. Tuy nhiên, trong hệ thống động cơ thúc đẩy luôn nổi lên một hoặc một nhóm động cơ nổi trội thúc đẩy và chi phối mạnh mẽ đến hành động của cá nhân. Theo chúng tôi, hệ thống động cơ thúc đẩy hành động chọn nghề của HS có thể nhóm gộp thành các loại động cơ sau:

+ Động cơ kinh tế: Cá nhân chọn nghề là bởi sự hấp dẫn về mặt kinh tế của nghề có thể đem lại như lương cao, cơ hội thăng tiến, công việc nhàn hạ...; động cơ kinh tế nhằm thoả mãn các nhu cầu vật chất của cá nhân hơn là nhu cầu được làm những công việc hợp sở thích qua đó phát triển năng lực cá nhân.

+ Động cơ phát triển năng lực bản thân: Cá nhân chọn nghề với mục đích thoả mãn nguyện vọng, đam mê nghề nghiệp của bản thân với mong muốn được phát huy hết những khả năng, năng lực của mình để phát triển bản thân cũng như phát triển nghề nghiệp lên một giá trị mới.

+ Động cơ nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội: Động cơ này thể hiện ý thức trách nhiệm cao của cá nhân trong việc lựa chọn nghề không chỉ đáp ứng nhu cầu của cá nhân mà còn thể hiện trách nhiệm đóng góp của cá nhân đối với sự phát triển chung của xã hội.

+ Động cơ tự khẳng định: Cá nhân chọn nghề nào đó không phải chỉ vì nội dung hấp dẫn của nghề mà chủ yếu để chứng minh cho người khác biết năng lực của mình trong lĩnh vực đó, khiến họ phải kính nể, khen ngợi hoặc để họ phải hài lòng.

+ Động cơ thụ động: Cá nhân chọn nghề vì những lời khuyên (có thể thiếu căn cứ), sự áp đặt của người khác, hay chọn nghề vì áp lực thời gian, hay tình huống bắt buộc phải lựa chọn cho dù nghề đó hoàn toàn không phù hợp với nguyện vọng, mong muốn hay khả năng đáp ứng của bản thân với các yêu cầu của nghề nghiệp.

Động cơ nghề nghiệp hình thành ở HS từ khi các em có những ước mơ, dự định nghề nghiệp tương lai. Ngay từ bậc tiểu học, nhiều HS đã có những ước mơ, dự định nghề nghiệp tương lai cho riêng mình. Các em thường thích hoá thân thành những nhân vật mà các em yêu mến hoặc có những quan hệ gần gũi như cô giáo, chú bộ đội, bác sỹ, kỹ sư... Tất nhiên, những dự định nghề nghiệp ở lứa tuổi nhỏ không bền vững, mà chúng thường thay đổi. Đến cấp học cao hơn, bậc THCS, động cơ nghề nghiệp rõ nét hơn, tuy nhiên cũng chỉ tồn tại dưới dạng những mong muốn, ước muốn. Các em chưa thực sự nghĩ đến việc chọn nghề một cách chín chắn. Như thường thấy, ở HS cuối bậc THCS, động cơ học tập lên cao vẫn chiếm ưu thế, chỉ rất ít em, do hoàn cảnh gia đình hoặc có kết quả học tập yếu kém mới chuyển hướng hoạt động để tìm kiếm một công việc để lao động kiếm sống. Đến bậc THPT, đặc biệt đối với HS lớp 12, khi mà triển vọng bước sang một cuộc đời mới, trưởng thành hơn về mặt xã hội đã khiến cho hầu hết HS phải suy nghĩ một cách có ý thức về cuộc sống tương lai của mình sau khi tốt nghiệp. Lúc này, động cơ nghề nghiệp càng hiện rõ nét, nó kích thích các em HS tìm hiểu những thông tin có liên quan đến thế giới nghề nghiệp, rồi từ đó chọn lọc ra những nghề mà bản thân sẽ lựa chọn. Qua quá trình tìm hiểu về nghề, cũng như qua quá trình học tập, giao tiếp với bạn bè, người thân các em dần bộc lộ quan điểm, cảm xúc của mình đối với một số nghề nghiệp. Các em căn cứ vào hiểu biết, nguyện vọng của bản thân cũng như những nhận xét của những người xung quanh để tỏ thái độ đối với nghề mình lựa

chọn. Từ hiểu biết và thái độ xúc cảm của bản thân đối với nghề, động cơ nghề nghiệp là động lực quan trọng kích thích hành động tìm hiểu, lựa chọn, so sánh đối chiếu để tìm ra nghề mà bản thân phù hợp để lựa chọn.

Có thể nói, động cơ nghề nghiệp chi phối mạnh mẽ hoạt động chọn nghề của HS, đồng thời nó chi phối tính chất, đặc điểm của các quá trình tâm lý nảy sinh trong hoạt động chọn nghề. Và như vậy, đặc điểm, tính chất của động cơ nghề nghiệp sẽ quyết định tính chất và đặc điểm tâm lý của hoạt động chọn nghề. Cụ thể, nếu động cơ chọn nghề của HS là tích cực và đúng đắn, nó sẽ kích thích quá trình tìm hiểu, lựa chọn nghề của HS một cách tích cực và có ý thức, khiến các em có được những hiểu biết đúng đắn với nghề, có thái độ cảm xúc tích cực với nghề và có hành động tích cực trong suốt quá trình lựa chọn và ra quyết định chọn nghề.

b. Yếu tố định hướng giá trị nghề nghiệp

Theo Phạm Minh Hạc, *giá trị là biểu hiện của mối quan hệ của con người dưới góc độ lợi ích, đánh giá với tồn tại xung quanh* [22, 133]. Với cách hiểu như vậy, giá trị của nghề được hiểu là sự đánh giá của con người về lợi ích mà nó mang lại cho cá nhân. Và vì thế, một nghề được xem là có giá trị với cá nhân này nhưng lại không có giá trị với cá nhân khác khi nó được xem xét ở góc độ lợi ích mà cá nhân thu được từ nghề đó mang lại. Khi lựa chọn nghề, giá trị của nghề luôn được HS xem xét trước khi có những quyết định lựa chọn cuối cùng. Có thể nói, giá trị nghề nghiệp được xem là mục tiêu nhắm tới của hoạt động chọn nghề, là động lực thúc đẩy quá trình lựa chọn nghề của HS, giúp các em thoả mãn được nhu cầu, nguyện vọng nghề nghiệp của mình. Xu hướng lựa chọn giá trị này hay giá trị khác trong khi chọn nghề được gọi là định hướng giá trị. Theo định nghĩa, *“định hướng giá trị là lấy cách hiểu về giá trị, các đánh giá của con người làm cơ sở cho cái phải làm, một sự lựa chọn, một cách đánh giá”* [22,140]. Trong hoạt động chọn nghề của học sinh, định hướng giá trị nghề nghiệp là sự đánh giá, nhìn nhận và lựa chọn đối với các giá trị của nghề trong mối liên quan với nhu cầu và động cơ của bản thân học sinh. Các giá trị nghề được lựa chọn trong quá trình định hướng là tiêu chuẩn và cơ sở để cá nhân ra các quyết định lựa chọn nghề này hay nghề khác.

Theo nhiều nhà TLH, định hướng giá trị nghề nghiệp là sự phản ánh chủ quan có lựa chọn của chủ thể đối với các giá trị, thang giá trị của nghề nghiệp. Nó chính là quá trình xác định của chủ thể lựa chọn nghề đối với những giá trị của nghề trên cơ sở đó hình thành nhận thức, thái độ, hành động đối với nghề nghiệp mà bản thân dự định lựa chọn. Trong thực tiễn hoạt động chọn nghề của HS phổ thông, chúng ta thường thấy học sinh thường hướng vào những nghề có giá trị phù hợp với mong muốn, nguyện vọng, nhu cầu, động cơ của các em để từ đó định hướng cho sự lựa chọn cuối cùng của mình. Tuy nhiên không phải lúc nào những quan niệm của HS về giá trị của nghề cũng phù hợp với những giá trị mà xã hội khuyến khích, ủng hộ, tạo ra sự lệch lạc giá trị, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động chọn nghề của cá nhân.

Quá trình hình thành những giá trị nghề nghiệp ở học sinh diễn ra thông qua mối quan hệ giữa các em với thế giới nghề nghiệp mà các em đã tiếp xúc cũng như sự nhìn nhận, đánh giá của cộng đồng, xã hội về những ngành nghề này. Định hướng giá trị nói chung và định hướng giá trị nghề nghiệp nói riêng có vai trò to lớn đối với hoạt động chọn nghề của học sinh, nó lập chương trình cho hoạt động nghề nghiệp, quy định kế hoạch lựa chọn và quyết định hành động lựa chọn. Do đó định hướng giá trị nghề nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến các đặc điểm nhận thức, thái độ và hành động trong chọn nghề của học sinh. Và những đặc điểm tâm lý trong chọn nghề cũng là nơi biểu hiện tập trung nhất của các yếu tố trong định hướng giá trị nghề nghiệp.

Tiểu kết chương 1

Trong chương này, đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS được hiểu là những nét tâm lý nổi bật trong nhận thức, thái độ và hành động của HS diễn ra và chi phối, điều khiển, điều chỉnh hoạt động chọn nghề của các em theo hướng mối quan hệ biện chứng giữa ba mặt đó. Đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề được bộc lộ ra bên ngoài thông qua các mặt biểu hiện của nhận thức, thái độ, hành động. Mối quan hệ và tính chất của các mặt này tạo nên nét đặc trưng của đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS. Cụ thể, khi nói HS có

đặc điểm tâm lý là tích cực trong chọn nghề là khi các em có đặc điểm nhận thức là tích cực (nhận thức đầy đủ về nội dung, mục đích lao động của nghề, nắm bắt được thông tin đầy đủ và chính xác về thị trường lao động và những yêu cầu của nghề đối với người lao động), đồng thời các em có đặc điểm thái độ là tích cực (thể hiện sự quan tâm, hứng thú cao với nghề lựa chọn, có tình cảm với nghề và kiên định với nghề đã lựa chọn) và có hành động tích cực và chủ động trong hoạt động chọn nghề. Những đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS có mối quan hệ chặt chẽ với chất lượng chọn nghề của các em. Sự ảnh hưởng này được diễn ra theo hướng, khi các đặc điểm nhận thức, thái độ, hành động của HS trong chọn nghề càng tích cực thì khả năng chọn đúng nghề càng cao, và ngược lại, nếu cả ba đặc điểm tâm lý là tiêu cực hoặc giữa chúng có mâu thuẫn thì khả năng chọn sai nghề là rất lớn. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề, trong đó yếu tố có ảnh hưởng quan trọng nhất là hoạt động GDHN của nhà trường, chiến lược GDHN của cha mẹ, đặc trưng của thị trường lao động. Hệ thống động cơ cá nhân trong chọn nghề cũng đóng một vai trò quan trọng đối với các quyết định nghề nghiệp của cá nhân, đồng thời nó là một nhân tố có ảnh hưởng tới đặc điểm tâm lý của cá nhân khi lựa chọn nghề nghiệp. Bên cạnh đó, yếu tố động cơ, định hướng giá trị nghề là những nhân tố chủ quan quan trọng, có ảnh hưởng đến tính chất của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS THPT, đặc biệt đối với HS lớp 12... Khi chúng ta có những tác động hợp lý vào các đặc điểm tâm lý của HS có thể giúp HS có được sự lựa chọn nghề một cách phù hợp và hiệu quả.

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổ chức nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi tiến hành các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận và xây dựng phương pháp nghiên cứu.

Mục đích, nội dung, yêu cầu của giai đoạn 1 là xây dựng cơ sở lý luận và thiết kế công cụ nghiên cứu cho đề tài trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu của các tác giả trước đó về vấn đề nghiên cứu.

Giai đoạn 2: Điều tra thực trạng

Mục đích và nội dung chủ yếu của việc điều tra thực trạng là chỉ ra được các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề và ảnh hưởng của nó tới kết quả lựa chọn. Đồng thời chỉ ra được những yếu tố tâm lý, xã hội có ảnh hưởng đến thực trạng này. Thông qua kết quả nghiên cứu thực tiễn, đề xuất một số giải pháp nhằm giúp HS lớp 12 lựa chọn được nghề phù hợp.

Ở giai đoạn này, để làm sáng rõ thực trạng đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề, chúng tôi sử dụng đồng thời nhiều phương pháp nghiên cứu như điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, trắc nghiệm tâm lý để thu thập thông tin từ các nhóm khách thể là học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Giai đoạn 3. Tiến hành thực nghiệm tác động biện pháp tư vấn nghề.

(Mục đích - nội dung – yêu cầu) của giai đoạn này là áp dụng biện pháp tư vấn nghề để nâng cao hiệu quả chọn nghề của HS lớp 12.

Giai đoạn thực nghiệm chúng tôi tiến hành qua các bước sau:

- Chọn nghiệm thể và địa bàn thực nghiệm
- Trình bày kế hoạch thực nghiệm trước các nghiệm thể (mục đích - nội dung – yêu cầu đối với các nghiệm thể)

- Tiến hành thực nghiệm biện pháp tư vấn nghề.
- Kiểm tra sự thay đổi của đặc điểm tâm lý trước và sau thực nghiệm, qua đó khẳng định (hoặc phủ định) hiệu quả của các biện pháp tác động.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nhóm các phương pháp thu thập thông tin.

2.2.1.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

Phương pháp này được sử dụng nhằm phân tích, tổng hợp, khái quát các thông tin lý luận có liên quan đến đề tài ở các góc độ triết học, xã hội học, giáo dục học, TLH... thông qua đó làm sáng tỏ cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghề, đặc điểm tâm lý trong lựa chọn nghề, các yếu tố chủ quan khách quan ảnh hưởng tới hành động chọn nghề của thanh niên nói chung và của HS cuối cấp THPT nói riêng.

2.2.1.2. Phương pháp chuyên gia

Để có được những kết luận khách quan về đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 và ảnh hưởng của nó tới chất lượng chọn nghề, chúng tôi đã tiến hành lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của các chuyên gia, là các nhà tâm lý học về các vấn đề như: cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tranh thủ ý kiến đóng góp của đội ngũ lãnh đạo, giáo viên phụ trách hoạt động hướng nghiệp trong các trường phổ thông, qua đó xây dựng nên bộ công cụ nghiên cứu của luận án.

2.2.1.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Đây là một trong những phương pháp nghiên cứu chính của đề tài. Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng 3 loại bảng hỏi khác nhau, gồm bảng hỏi dành cho đối tượng là nhóm HS lớp 12, bảng hỏi dành cho nhóm lãnh đạo các trường THPT, giáo viên đảm nhiệm hoạt động giáo dục hướng nghiệp và bảng hỏi dành cho nhóm cha mẹ học sinh (có con đang học lớp 12 tại các THPT trong diện nghiên cứu).

*** Nội dung chính của bảng hỏi dành cho nhóm học sinh lớp 12**

Đối với bảng hỏi dành cho HS (phụ lục 1.1), chúng tôi thiết kế gồm các phần và nội dung sau:

Phần 1: Thực trạng lựa chọn nghề của HS và những thông tin cơ bản về HS lớp 12 với các câu hỏi số 1,2,3.1, 3.2,4,17,19.

Phần 2: Tìm hiểu đặc điểm nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS. Nội dung này được thiết kế trong các câu hỏi số 3, 5a, 5b, 5c, 6a, 6b.

Phần 3: Tìm hiểu đặc điểm thái độ của HS trong hoạt động chọn nghề với các câu hỏi số: 8, 9a, 9b, 9c, 18

Phần 4: Tìm hiểu đặc điểm hành vi trong hoạt động chọn nghề, gồm các câu hỏi số: 11,14, 15a, 15b, 15c, 16

Phần 5: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề với các câu hỏi số 10, 11, 12, 13, 15a.1, 15b.1, 15c.1, 17

**** Nội dung chính của bảng hỏi dành cho nhóm cha mẹ học sinh lớp 12.***

Bảng hỏi dành cho cha mẹ học sinh gồm 9 câu và nhóm câu hỏi với 3 nội dung chính.

Phần 1: Mức độ nhận thức và thái độ của cha mẹ đối với việc lựa chọn nghề của con cái. Nội dung này thể hiện ở các câu hỏi số 1, 2, 3.1, 3.2, 7.

Phần 2: Thực trạng hoạt động GDHN của cha mẹ đối với học sinh THPT. Nội dung này thể hiện ở các câu 4,5,6,8.

Phần 3: Những thông tin chung về khách thể nghiên cứu được thể hiện ở câu số 9.

**** Nội dung chính của bảng hỏi dành cho nhóm lãnh đạo và giáo viên đảm nhận hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường THPT (phụ lục 1.3)***

Bảng hỏi dành cho lãnh đạo và giáo viên gồm 3 phần.

Phần 1: Nhận thức và mức độ quan tâm của lãnh đạo, giáo viên đối với hoạt động chọn nghề của HS. Nội dung này gồm các câu hỏi số 1, 2, 3, 5

Phần 2: Thực trạng hoạt động GDHN cho học sinh của nhà trường. Nội dung gồm các câu hỏi số 4, 6.

Phần 3: Các thông tin chung về khách thể nghiên cứu và những đề xuất trong việc tổ chức các hoạt động GDHN cho học sinh trong nhà trường phổ thông. Gồm câu 8, 9

*** Kết quả đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực của bộ công cụ nghiên cứu các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS**

- Đánh giá độ tin cậy

Trong cả 3 loại bảng hỏi, với các nội dung nghiên cứu chính đều được chúng tôi thiết kế dưới dạng thang đo Likert với 3 mức độ. Để kiểm định độ tin cậy của bảng hỏi trước khi sử dụng đại trà, chúng tôi sử dụng phương pháp đánh giá sự tương quan giữa các mục hỏi và tính toán Cronbach alpha. Mô hình này đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng Item trong thang đo, toàn bộ phép đo và tính tương quan của từng Item tới đỉnh của các Item còn lại trên từng thang đo và của cả phép đo. Độ tin cậy của thang đo là thấp khi hệ số Alpha < 0,60. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo trong cả 3 loại bảng hỏi của chúng tôi đều có hệ số alpha từ 0,6 đến 0,85 - đạt mức khá.

Bảng 2.1. Độ tin cậy của Bảng hỏi dành cho HS (điều tra tại Trường THPT Số 1 Bát xát, năm học 2007 – 2008)

Stt	Kiểu thang đo	Hệ số tin cậy Alpha
		Mẫu khách thể = 100
1.	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức	0.851
2.	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ	0.648
3.	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động	0.82
4.	Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề	0.842
5.	Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề	0.741
6.	Toàn bộ thang đo	0.794

Bảng 2.2. Độ tin cậy bảng hỏi dành cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

Kiểu thang đo	Hệ số tin cậy Alpha
	Mẫu khách thể giáo viên = 60 Mẫu khách thể là cha mẹ học sinh = 119
Toàn bộ thang đo của phiếu dành cho giáo viên	0.842
Toàn bộ thang đo của phiếu dành cho cha mẹ học sinh	0.815

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy các thang đo của bảng hỏi, các mệnh đề đều có nội dung phù hợp, cần chỉnh sửa khoảng 12% các mệnh đề trong bảng hỏi.

* Khách thể điều tra

Để đảm bảo tính đại diện, tính vùng miền cho nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn 3 địa phương gồm Hà Nội, đại diện cho khu vực đô thị, Thái Bình, đại diện cho khu vực nông thôn và Lào Cai, đại diện khu vực nông thôn miền núi. Tại các tỉnh, thành chúng tôi đã tiến hành phát phiếu điều tra cho trên 730 học sinh lớp 12 năm học 2009 – 2010 tại 6 trường THPT. Tuy nhiên số phiếu hợp lệ thu về chỉ là 709 phiếu. Những thông tin cụ thể về khách thể điều tra được thể hiện ở trong bảng dưới đây.

Bảng 2.3. Một số thông tin chung về khách thể điều tra (học sinh lớp 12 THPT)

		Địa bàn nghiên cứu					
		Hà Nội		Thái Bình		Lào Cai	
		Slượng	%	Slượng	%	Slượng	%
Giới	Nam	137	57.1%	116	49.2%	118	51.8%
	Nữ	103	42.9%	120	50.8%	110	48.2%
Học lực	Giỏi	18	7.5%	25	10.7%	23	10.1%
	Khá	85	35.4%	106	45.5%	86	37.9%
	Trung bình	137	57.1%	95	40.8%	109	48.0%
	Yếu			7	3.0%	9	4.0%

Ngoài khách thể điều tra là học sinh lớp 12 ra, chúng tôi còn tiến hành lấy ý kiến của 120 phụ huynh học sinh và 60 cán bộ lãnh đạo, giáo viên đảm nhiệm giảng dạy môn “Hoạt động GDHN” ở các trường THPT.

* Các bước điều tra:

Sau khi đã thiết kế xong các mẫu phiếu điều tra, chúng tôi tiến hành các bước tiếp theo như sau:

+ Tiến hành phát phiếu điều tra cho tất cả các nhóm khách thể nghiên cứu tại 3 tỉnh, thành phố.

+ Làm sạch phiếu và nhập số liệu thu thập được để tiến hành xử lý.

+ Dùng phần mềm SPSS 12.5 để xử lý các thông số thống kê, phục vụ cho mục đích nghiên cứu của luận án.

2.2.1.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

a. Mục đích:

Thu thập, bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những thông tin thu được từ khảo sát thực tiễn trên diện rộng.

b. Nguyên tắc phỏng vấn

Với phương pháp này, chúng tôi đưa ra những câu hỏi mở là những tình huống thực tế mà HS, giáo viên và cha mẹ HS gặp phải trong quá trình lựa chọn và định hướng nghề nghiệp qua đó để thấy được rõ hơn các đặc điểm tâm lý trong lựa chọn nghề của các em HS.

Khi sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, chúng tôi cố gắng tạo được sự ủng hộ và sự tin cậy của các em. Đồng thời người phỏng vấn cũng tùy tình huống để đưa ra một số câu hỏi khác nhau để kiểm tra độ chính xác của những thông tin mà các em cung cấp. Do đó kết quả thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu là chính xác và đáng tin cậy.

Mỗi HS, thầy cô giáo được phỏng vấn 1 lần, với khoảng thời gian từ 45 – 60 phút.

c. Nội dung phỏng vấn

Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị chi tiết, rõ ràng theo từng nội dung vấn đề cần nghiên cứu.

Trình tự nội dung cần phỏng vấn không bị cố định theo trình tự đã chuẩn bị, người phỏng vấn sẽ linh hoạt, mềm dẻo tùy từng khách thể.

Cụ thể: Khi đối tượng phỏng vấn là HS thì nội dung phỏng vấn bao gồm: Thông tin về bản thân, hoàn cảnh gia đình, đặc điểm nhận thức, thái độ, hành động của HS trong hoạt động chọn nghề, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chọn nghề...

Khi đối tượng phỏng vấn là lãnh đạo và giáo viên thì nội dung phỏng vấn gồm: Mức độ quan tâm của giáo viên đối với hoạt động chọn nghề của HS, những hình thức và biện pháp GDHN của nhà trường đã áp dụng cho HS trong quá trình chọn nghề...

Đối tượng phỏng vấn là phụ huynh, chúng tôi cũng nhấn mạnh đến mức độ quan tâm và các hình thức hỗ trợ của gia đình đối với quá trình lựa chọn nghề của con em mình.

d. Khách thể phỏng vấn.

Tại các địa bàn nghiên cứu đã xác định, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên một số học sinh, giáo viên và phụ huynh học sinh để tiến hành phỏng vấn sâu. Thời gian phỏng vấn vào cuối học kỳ 1 năm học 2009 – 2010. Phân phối khách thể phỏng vấn sâu theo địa bàn nghiên cứu như sau:

Bảng 2.4. Mẫu khách thể phỏng vấn sâu

	Loại khách thể	Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai
1	Học sinh lớp 12	6	4	4
2	Giáo viên, cán bộ lãnh đạo	2	2	2
3	Phụ huynh học sinh	4	1	1

2.2.1.5. Phương pháp nghiên cứu mô tả chân dung

Phương pháp này được sử dụng để làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm lý trong hành động chọn nghề của một số HS điển hình. Điển hình được hiểu là những HS có đặc điểm tâm lý kém tích cực khi thực hiện hoạt động chọn nghề, đồng thời có kết quả lựa chọn nghề hoàn toàn không phù hợp.

Sau khi có kết quả nghiên cứu từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và trắc nghiệm tâm lý, chúng tôi lựa chọn những HS có đặc điểm tâm lý điển hình để tiến hành phỏng vấn sâu. Khách thể của phương pháp này là 4 học sinh lớp 12 của 2 trường THPT Trần Nhân Tông, và Đống Đa, Hà Nội. Đây là những học sinh có đặc điểm tâm lý phù hợp với tiêu chí lựa chọn của phương pháp này.

2.2.1.6. Phương pháp trắc nghiệm tâm lý

a. Mục đích:

Phương pháp trắc nghiệm được chúng tôi sử dụng trong luận án không trả lời trực tiếp cho việc làm rõ các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề, nhưng kết quả của phương pháp này được dùng để xác định sự phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề của HS. Qua đó, chỉ ra được mối tương quan giữa đặc điểm tâm lý với kết quả lựa chọn nghề của HS.

b. Các tiến hành:

Đối với phương pháp trắc nghiệm, chúng tôi sử dụng 3 bộ trắc nghiệm tâm lý đã được chuẩn hoá và sử dụng ở Việt Nam gồm: trắc nghiệm "nghiên cứu hứng thú nghề nghiệp" của E.A.Gôlômstôc; Trắc nghiệm khí chất - tính cách của Aysenck và Trắc nghiệm Chia khoá nghề nghiệp của J.Holland.

Trắc nghiệm “Nghiên cứu hứng thú nghề nghiệp” của E.A.Gôlômstôc

Kết quả trắc nghiệm "nghiên cứu hứng thú nghề nghiệp" của E.A.Gôlômstôc, cho biết xu hướng và hứng thú nghề nghiệp của HS. Chúng tôi sử dụng kết quả trắc nghiệm này để so sánh với nghề mà HS sẽ lựa chọn để tìm tương đồng. Trắc nghiệm gồm 144 câu hỏi, tương ứng với 24 nhóm nghề hoặc lĩnh vực nghề nghiệp như: Lĩnh vực y tế - giáo dục, lĩnh vực quân sự, lĩnh vực xã hội... Người được hỏi

đánh dấu + vào hình thức hoạt động mà mình yêu thích với các mức độ từ 1 đến 5, trong đó 5 là mức độ phù hợp cao nhất. Vấn đề quan trọng trong quá trình làm trắc nghiệm là mỗi người cần đưa ra câu trả lời đầu tiên xuất hiện trong đầu và thực hiện trắc nghiệm trong 1 khoảng thời gian quy định là 50 phút.

Tổng hợp kết quả trắc nghiệm bằng cách tính tổng số điểm theo từng lĩnh vực hoạt động (theo từng cột dọc) ở từng phiếu trả lời. Ở cột nào có số điểm cao nhất thì đó chính là nhóm nghề mà HS có xu hướng hoạt động nghề nghiệp mạnh mẽ nhất.

Trắc nghiệm “Chìa khoá nghề nghiệp” của John Holland.

Mục đích của trắc nghiệm giúp chúng tôi tìm ra môi trường làm việc phù hợp nhất đối với tính cách của HS.

Trắc nghiệm gồm 6 bảng câu hỏi tương ứng với 6 kiểu môi trường làm việc: Kiểu môi trường làm việc thực tế (Realistic), Môi trường nghiên cứu (Investigative), Môi trường kiểu nghệ sỹ (Artist), Môi trường xã hội (Social), Môi trường làm việc kiểu Lãnh đạo (Enterprising), Môi trường làm việc kiểu Lề lối (Conventional).

Mỗi bảng câu hỏi bao gồm 10 nét tính cách tương ứng, người làm trắc nghiệm căn cứ vào các mức độ phù hợp của bản thân với từng nét tính cách sẽ dùng dấu + điền vào ô mức độ tương ứng từ 1 đến 5, trong đó 5 là mức độ phù hợp cao nhất.

Sau khi đã trả lời xong tất cả các câu hỏi trong các bảng tương ứng, số điểm được tính tổng cộng ở các bảng... bảng nào có số điểm cao nhất thì đó chính là kiểu tính cách và môi trường làm việc phù hợp nhất đối với cá nhân.

Trắc nghiệm "Khí chất - Tính cách" của Aysenck.

Kết quả của trắc nghiệm giúp chúng tôi xác định kiểu khí chất, tính cách của HS, trên cơ sở đó đối chiếu, so sánh với yêu cầu của nghề mà HS đã chọn để tìm điểm ăn khớp giữa chúng. Đây là một trong những căn cứ quan trọng được chúng tôi sử dụng để xác định sự phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề của HS.

Trắc nghiệm "khí chất - tính cách" gồm 57 câu hỏi, trong đó có 9 câu hỏi kiểm tra và 24 câu hỏi phản ánh đặc điểm hướng nội hoặc hướng ngoại, và 24 câu hỏi về tính ổn định hay không ổn định của nhân cách. Căn cứ vào đặc điểm tính cách hướng nội hay hướng ngoại và tính ổn định hay không ổn định của nhân cách mà xếp loại khí chất của HS thành 4 nhóm: Khí chất nóng nảy, khí chất linh hoạt, khí chất bình thản và khí chất yếu. Mỗi loại khí chất của cá nhân phù hợp với một số loại nghề nhất định.

Kết quả thu được từ phương pháp trắc nghiệm được chúng tôi sử dụng như một căn cứ để xác định sự phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề của nhóm HS lớp 12 hiện nay. Những kết quả trắc nghiệm cho phép chúng tôi biết một cách khách quan và chính xác về các đặc điểm tâm lý của HS, đồng thời sử dụng những kết quả này làm căn cứ để so sánh, đối chiếu với những yêu cầu của nghề mà HS đã lựa chọn, từ đó, tìm ra được mức độ phù hợp hay không phù hợp trong lựa chọn nghề của các em HS.

c. Khách thể trắc nghiệm:

Tại các địa bàn nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp trắc nghiệm cho tất cả HS trong diện nghiên cứu, gồm 709 HS lớp 12. Mỗi HS được làm 3 bộ trắc nghiệm và kết quả trắc nghiệm của từng HS được nhập tương ứng vào kết quả điều tra bằng bảng hỏi của chính HS đó và được xử lý chung bằng phần mềm SPSS.

2.2.2. Phương pháp thực nghiệm tác động

Kết quả phân tích thực trạng cho thấy, có mối tương quan chặt chẽ giữa sự phù hợp trong lựa chọn nghề với tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề. Theo kết quả điều tra thực trạng, đa số HS có đặc điểm tâm lý chưa tích cực trong hoạt động chọn nghề có kết quả lựa chọn nghề rất thấp, đa phần không lựa chọn được nghề phù hợp cho mình. Vì vậy, chúng tôi tiến hành biện pháp tư vấn nghề cho nhóm HS này, qua đó giúp các em lựa chọn được nghề phù hợp.

a. Mục đích thực nghiệm:

Thực nghiệm tác động vào các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề (biểu hiện ở nhận thức, thái độ, hành động của HS đối với nghề dự định lựa chọn) của nhóm HS lớp 12, qua đó chứng minh tư vấn nghề có thể giúp HS lớp 12 chọn được nghề phù hợp không chỉ với bản thân mà còn đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

b. Giả thuyết của thực nghiệm:

Nếu dùng biện pháp tư vấn nghề để tác động vào các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS vào học kỳ cuối năm lớp 12 thì có thể cải thiện được chất lượng và hiệu quả chọn nghề của các em, giúp các em lựa chọn được nghề phù hợp với nguyện vọng, tính cách, năng lực và nhu cầu của thị trường lao động.

c. Lựa chọn khách thể thực nghiệm:

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS Trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội, chúng tôi chọn ra lớp 12 A4, đây là lớp có tỷ lệ cao HS có kết quả lựa chọn nghề sai lầm. Chúng tôi cũng sử dụng kết quả nghiên cứu này để làm căn cứ đối chứng với kết quả thu được sau tác động thực nghiệm. (Kết quả thu được sau thực nghiệm đối chứng với kết quả điều tra trên chính HS đó vào thời điểm trước thực nghiệm)

Thời gian thực nghiệm bắt đầu từ tháng 11/2009 đến 3/2010 (Học kỳ 2 năm học 2009 – 2010)

Bảng 2.5. Một số thông tin chung về khách thể thực nghiệm

Stt	Nội dung	Số lượng	%
1	Kết quả lựa chọn nghề		
	- Chọn được nghề phù hợp	9	20%
	- Không chọn được nghề phù hợp	36	80%
2	Giới tính		
	- Nam	26	57.77%
	- Nữ	19	42.23%

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm

Biện pháp thực nghiệm được xem là thành công khi đạt được kết quả như sau:

- Có đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ, hành động là tích cực (có điểm trung bình ở các mặt biểu hiện từ 1 đến 2,32)

- Có sự lựa chọn nghề phù hợp (có sự trùng khớp giữa nghề do các trắc nghiệm chỉ ra và nghề HS đó tự nguyện lựa chọn)

d. Các phương tiện hỗ trợ trong khi tiến hành thực nghiệm.

- Phương tiện vật chất.

Chuẩn bị các tài liệu dùng trong thực nghiệm

- Các bộ trắc nghiệm tâm lý dùng để xác định xu hướng, nguyện vọng, năng lực nghề nghiệp của HS lớp 12.

- Các họa đồ nghề (Bộ sách nhất nghệ tinh, Cẩm nang Tôi chọn nghề của nhà xuất bản Kim Đồng)

- Thông tin về điểm chuẩn, chỉ tiêu tuyển sinh của các trường ĐH, CĐ, DN...(sưu tập trên internet và trong cuốn "Những điều cần biết trong kỳ thi Cao đẳng, Đại học" năm 2007, 2008, 2009)

- Thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng...(sưu tập trên internet, các văn bản, nghị quyết của Đảng, Nhà nước trong vấn đề phát triển đất nước)

- Thông tin về các gương sáng trong các lĩnh vực nghề nghiệp (Các gương sáng được đăng tải trên Báo Thanh Niên, Báo Tuổi trẻ, và một số ấn phẩm khác)

- Bộ hồ sơ tư vấn nghề dành cho học sinh lớp 12.

- Chuẩn bị phòng tư vấn tại trường Trần Nhân Tông (chuẩn bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, văn phòng phẩm...)

- Tuyển chọn đội ngũ công tác viên là sinh viên năm thứ 3,4 Khoa TLH, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội. Đây là những sinh viên có học lực khá, giỏi, nhiệt tình, năng động, ham mê nghề nghiệp, hiện đang là cộng tác

viên của Trung tâm Hỗ trợ và tư vấn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

g. Các bước tiến hành thực nghiệm

** Bước chuẩn bị trước khi tác động thực nghiệm*

- *Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tư vấn nghề cho các cộng tác viên* tham gia thực nghiệm. Đồng thời thống nhất với họ về các nội dung tư vấn, phương pháp và kỹ năng tư vấn.

- Xin ý kiến của Ban giám hiệu nhà trường, trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh HS tại cuộc họp phụ huynh tổng kết học kỳ 1 về các nội dung thực nghiệm để nhận được sự ủng hộ của giáo viên và gia đình.

- *Phổ biến cho HS, lớp trưởng, bí thư chi đoàn, giáo viên chủ nhiệm lớp thực nghiệm* về mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian và phương pháp thực nghiệm. Đặc biệt là phổ biến và yêu cầu họ tham gia và thực hiện nghiêm túc các hoạt động tác động mà nghiên cứu đặt ra.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho phòng tư vấn nghề đặt tại Trường THPT Trần Nhân Tông.

- Sử dụng kết quả nghiên cứu đại trà để phân chia các nghiệm thể thành các nhóm thích hợp.

** Bước tác động thực nghiệm.*

Thời gian thực nghiệm kéo dài trong 16 tuần, mỗi tuần 3 buổi, bắt đầu từ ngày 12/11/2009 và kết thúc thực nghiệm vào ngày 10/3/2010 (thời điểm cuối cùng HS phải nộp hồ sơ dự thi vào các trường đào tạo nghề).

Trong quá trình tác động, chúng tôi sử dụng 3 hình thức tư vấn nghề đó là **tư vấn thông tin hướng dẫn** (nhằm giới thiệu với người chọn nghề những nội dung nghề mình định chọn như các đặc điểm yêu cầu của nghề, thị trường lao động của nghề, ưu tiên của địa phương và đất nước đối với nghề trong bối cảnh hiện nay...); Hai là **tư vấn chẩn đoán** (nhằm bộc lộ hứng thú, thiên hướng, năng lực và những

phẩm chất nghề nghiệp chuyên biệt của người lựa chọn...); Ba là **tư vấn hiệu chỉnh**, là hoạt động trợ giúp cá nhân khi họ có sự lựa chọn nghề không phù hợp. Bên cạnh đó chúng tôi cũng sử dụng một số hình thức khác như tổ chức thăm quan, tổ chức các buổi giao lưu...cho HS, qua đó nhằm nâng cao tính tích cực của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của các em.

Đối với HS của lớp thực nghiệm, chúng tôi đã tiến hành các tác động cụ thể sau:

Hoạt động 1: Tư vấn thông tin

Hoạt động tư vấn thông tin được thực hiện trong 4 buổi, mỗi buổi 3 tiết trên lớp thông qua môn học "Hoạt động GDHN". Trong các buổi này, chúng tôi tập trung giới thiệu cho học sinh các thông tin như ý nghĩa, tầm quan trọng của việc chọn nghề khoa học, thông tin về nhu cầu của thị trường lao động, thông tin về các nghề nghiệp đang có được sự ưu tiên phát triển, nội dung, yêu cầu của một số nghề cơ bản trong xã hội...Các thông tin này được chuyển tải tới HS thông qua các hoạt động phong phú như thảo luận nhóm, các cuộc thi tìm hiểu nghề yêu thích, giao lưu với chuyên gia trong một số lĩnh vực có nhiều HS có nguyện vọng...

Đối với từng trường hợp cụ thể, chúng tôi có các buổi gặp gỡ riêng để cung cấp thêm cho các em những thông tin chuyên sâu về nghề mà các em dự định lựa chọn... Những thông tin này được cán bộ tư vấn chia sẻ với HS ngay tại văn phòng tư vấn đặt trong khuôn viên nhà trường.

Hoạt động 2: Tư vấn chẩn đoán

Chúng tôi sử dụng các trắc nghiệm tâm lý dùng cho tư vấn nghề để giúp HS khám phá những năng lực, khả năng nghề nghiệp của mình cũng như phẩm chất, tính cách, xu hướng nghề nghiệp. Đồng thời, cũng đánh giá sơ bộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe thể chất của HS. Từ những thông tin này, chúng tôi giúp các em HS tự nhận thức được những năng lực, phẩm chất của bản thân và lấy chúng làm cơ sở để lựa chọn những nghề phù hợp với những đặc tính này.

Hoạt động 3: Tư vấn hiệu chỉnh và trợ giúp HS ra quyết định chọn nghề

Mục đích tư vấn hiệu chỉnh nhằm giúp HS có dự định lựa chọn nghề chưa phù hợp sẽ điều chỉnh động cơ lựa chọn một các phù hợp, qua đó chọn được cho mình một nghề nghiệp đảm bảo thỏa mãn nguyện vọng, mong muốn và năng lực của bản thân cũng như nhu cầu của xã hội.

Tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến dự định lựa chọn nghề sai lầm của HS, trao đổi với các em về các nguyên nhân này đồng thời hướng dẫn và giúp đỡ HS các giải pháp để các em tự giải quyết được vấn đề của mình. Đối với những trường hợp khó, chúng tôi gặp gỡ gia đình, giáo viên chủ nhiệm phối hợp để cùng giúp đỡ các em trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Đối với các em đã có sự lựa chọn nghề phù hợp, chúng tôi tiếp tục củng cố bằng cách cung cấp thêm các thông tin cần thiết có liên quan đến nghề mà các em chọn như cơ hội việc làm, điểm chuẩn, chỉ tiêu tuyển sinh, địa chỉ các cơ sở đào tạo có uy tín...qua đó giúp các em tự tin hơn với quyết định của mình và chủ động, tích cực hơn trong hoạt động để đạt được ước mơ nghề nghiệp của mình.

Đo và đánh giá kết quả sau tác động

Trước khi hết hạn nộp hồ sơ dự thi Đại học, cao đẳng, chúng tôi tổ chức các buổi hướng dẫn HS làm hồ sơ dự thi, qua đó có được đầy đủ thông tin về hiệu quả của quá trình tư vấn nghề đã thực hiện trước đó.

2.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Phương pháp thống kê toán học được sử dụng để xử lý, phân tích số liệu thu được.

Số liệu thu được từ nghiên cứu đề tài được xử lý bằng phần mềm SPSS 12.5.

Các thông số thống kê được sử dụng trong luận án.

Thống kê mô tả: Sử dụng các chỉ số sau:

+ Điểm trung bình cộng (\bar{X}): Dùng để tính điểm trung bình của các tiêu chí trong từng đặc điểm tâm lý.

+ Độ lệch chuẩn: Dùng để mô tả sự phân tán hay tập trung của các câu trả lời mà khách thể đã lựa chọn và từ kết quả này sẽ tính T-test để so sánh sự khác biệt giữa hai mẫu.

+ Tần suất và chỉ số phần trăm các phương án trả lời.

Thống kê suy luận: Sử dụng các chỉ số sau:

+ Kiểm định T-test: So sánh 2 số trung bình với hai mẫu độc lập dùng để kiểm nghiệm sự khác biệt giữa số liệu trước và sau khi có thực nghiệm tác động.

+ Phân tích mối tương quan : Dùng để đo lường về mối liên hệ giữa hai biến số. Nó có thể là dương (+) hoặc âm (-) hay 0. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan thứ hạng Spearman (the Spearman rank order correlation coefficient), ký hiệu là r_s . Hệ số tương quan Spearman r_s cho ta biết chiều hướng âm hay dương và độ mạnh (strength) của mối tương quan. Nếu r dương, điều đó có nghĩa là khi giá trị một biến tăng lên thì giá trị của biến kia cũng tăng lên theo một chiều hướng. Ngược lại nếu r âm thì giá trị của biến kia thay đổi theo chiều hướng ngược lại. Trị tuyệt đối của r nói lên độ mạnh của sự tương quan theo chiều thuận hoặc nghịch. Trị tuyệt đối tối đa của r là 1.00. Khi không có tương quan nào giữa hai biến, trị số $r = 0$.

Đánh giá mức độ tương quan theo các mức sau đây:

Từ 0,80 đến 1: tương quan cao, đáng tin cậy

Từ 0,60 đến 0,79: tương quan vừa phải và đáng kể

Từ 0,40 đến 0,59: tạm được

Từ 0,20 đến 0,39: tương quan ít

Từ 0,00 đến 0,19: tương quan không đáng kể hay tương quan do may rủi.

2.3. Cách đánh giá các mức độ biểu hiện của các đặc điểm tâm lý HS lớp 12 THPT

2.3.1. Cách tính điểm

Trong bảng hỏi, chúng tôi thiết kế các item biểu thị các đặc điểm tâm lý của các mặt biểu hiện nhận thức, thái độ, hành động trong hoạt động chọn nghề bằng thang đo Likert với 3 mức độ khác nhau từ cao đến thấp. Các câu hỏi về mức độ như: hiểu biết (biết rõ, biết sơ, không biết), ảnh hưởng (rất ảnh hưởng, ảnh hưởng không nhiều, không ảnh hưởng), quan trọng (quan trọng, tương đối quan trọng, không quan trọng), tần suất (rất thường xuyên, mới tìm hiểu 1, 2 lần, hiếm khi)... đều có 3 mức độ trả lời, tương ứng với 3 mức điểm 1, 2, 3, trong đó 1 có giá trị cao nhất và 3 là có giá trị thấp nhất.

Trong đề tài này, chúng tôi chia các mức độ biểu hiện của các đặc điểm tâm lý thành 3 mức: Tích cực cao; tính tích cực ở mức trung bình; tính tích cực ở mức thấp. Mức độ biểu hiện của các đặc điểm tâm lý là điểm trung bình cộng của các tiêu chí biểu hiện cho đặc điểm tâm lý đó. Cụ thể, các mức độ biểu hiện của các đặc điểm tâm lý được quy định như sau:

Mức độ tích cực tâm lý cao: $1 \leq \bar{X} \leq 1,666$

Mức độ tích cực tâm lý trung bình (chưa tích cực): $1,667 \leq \bar{X} \leq 2,322$

Mức độ tích cực tâm lý thấp (kém tích cực): $2,323 \leq \bar{X} \leq 3$

Cách đánh giá từng chỉ số của từng đặc điểm tâm lý như sau:

a. Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức:

Như đã phân tích ở trên, không phải HS nào cũng nhận thức về nghề nghiệp như nhau mà mức độ nhận thức phụ thuộc vào trình độ nhận thức của mỗi cá nhân và tính tích cực, chủ động trong nhận thức của chủ thể nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó. Chúng tôi chia ra các mức độ nhận thức nghề của HS như sau:

Hiểu biết đầy đủ về các nội dung có liên quan đến nghề lựa chọn. ($1 \leq \bar{X} \leq 1,666$)

- Hiểu biết đầy đủ và sâu sắc các thông tin liên quan đến nghề lựa chọn (yêu cầu của nghề, các công việc của nghề, ý nghĩa lao động của nghề đối với xã hội, những khó khăn gặp phải khi làm nghề...)

- Hiểu biết đầy đủ và sâu sắc các thông tin về thị trường lao động liên quan đến nghề lựa chọn (cơ hội tuyển dụng, cán cân cung cầu trên thị trường lao động, các địa chỉ tuyển dụng nghề, định hướng phát triển của nhà nước, địa phương về các lĩnh vực nghề nghiệp, xu hướng phát triển nghề nghiệp...)

- Hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về năng lực, phẩm chất, khả năng của bản thân (năng khiếu, năng lực, tính cách, xu hướng, động cơ, nguyện vọng nghề nghiệp...)

Hiểu biết tương đối đầy đủ về các nội dung liên quan đến nghề lựa chọn ($1,667 \leq \bar{X} \leq 2,322$)

- Có hiểu biết nhưng không đầy đủ về các thông tin liên quan đến nghề lựa chọn.

- Có hiểu biết nhưng không đầy đủ về các thông tin thị trường lao động có liên quan đến nghề lựa chọn.

- Có hiểu biết nhưng không đầy đủ về các phẩm chất, năng lực... bản thân.

Hiểu biết không đầy đủ về các nội dung liên quan đến nghề. ($2,323 \leq \bar{X} \leq 3$)

- Thiếu hiểu biết về các thông tin liên quan đến nghề.

- Thiếu hiểu biết về các thông tin thị trường lao động có liên quan đến nghề lựa chọn.

- Thiếu hiểu biết về các phẩm chất, năng lực của bản thân trong mối liên quan với yêu cầu của nghề lựa chọn.

b. Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ

Thái độ nghề mang lại cho bản thân HS những khoái cảm trong hoạt động chọn nghề, do vậy thái độ nghề còn biểu hiện qua hứng thú, những xúc cảm và tình cảm và tính tích cực hành động của con người nhằm chiếm lĩnh đối tượng nghề. Khi người ta hứng thú và có tình yêu sẽ làm cho con người say sưa nhiệt tình trong công tác, sáng tạo và thu được những kết quả tốt đẹp trong hoạt động nghề.

Có thái độ tích cực trong hoạt động chọn nghề ($1 \leq \bar{X} \leq 1,666$)

- Đánh giá cao ý nghĩa tầm quan trọng của việc tìm hiểu các nội dung của nghề trong hoạt động chọn nghề của bản thân.

- Mức độ hứng thú cao đối với hoạt động chọn nghề thể hiện ở thích thú với các hành động tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm nghề nghiệp lựa chọn.

- Có tình cảm đặc biệt với nghề lựa chọn.

Có thái độ tương đối tích cực trong hoạt động chọn nghề ($1,667 \leq \bar{X} \leq 2,322$)

- Đánh giá ở mức vừa phải về ý nghĩa tầm quan trọng của việc tìm hiểu các nội dung của nghề trong hoạt động chọn nghề của bản thân.

- Mức độ hứng thú chưa cao đối với hoạt động chọn nghề thể hiện ở việc thực hiện không thường xuyên các hành động tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm nghề nghiệp lựa chọn.

- Bước đầu có cảm xúc tích cực với nghề lựa chọn.

Có thái độ chưa tích cực trong hoạt động chọn nghề ($2,323 \leq \bar{X} \leq 3$)

- Đánh giá ở mức thấp về ý nghĩa tầm quan trọng của việc tìm hiểu các nội dung của nghề trong hoạt động chọn nghề của bản thân.

- Mức độ hứng thú chưa cao đối với hoạt động chọn nghề thể hiện ở việc thực hiện không thường xuyên các hành động tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm nghề nghiệp lựa chọn.

- Không có tình cảm hoặc tình cảm ở mức thấp đối với nghề lựa chọn.

c. Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động

Trong nghiên cứu này, đặc điểm tâm lý thể hiện ở mặt hành động của HS được xác định trên các biểu hiện cụ thể là tính tích cực và tính chủ động. Cụ thể, các đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động được cụ thể hóa ở các mức độ sau:

Có hành động tích cực ở mức cao trong hoạt động chọn nghề ($1 \leq \bar{X} \leq 1,666$)

- Tích cực chủ động và tự giác trong hoạt động chọn nghề.
- Thực hiện một cách thường xuyên nhằm tìm hiểu đầy đủ những thông tin có liên quan đến nghề lựa chọn.

- Đầu tư nhiều thời gian và sức lực cho hoạt động chọn nghề.

Có hành động tích cực ở mức trung bình trong hoạt động chọn nghề
($1,667 \leq \bar{X} \leq 2,322$)

- Còn thụ động trong hoạt động chọn nghề.
- Tìm hiểu gần đầy đủ các nội dung có liên quan đến nghề lựa chọn.
- Có đầu tư thời gian và sức lực cho một số hành động cụ thể trong chọn nghề

Có hành động tích cực ở mức thấp trong hoạt động chọn nghề ($2,323 \leq \bar{X} \leq 3$)

- Thụ động và thiếu tự giác thực hiện các hoạt động chọn nghề.
- Tìm hiểu không đủ các nội dung có liên quan đến nghề lựa chọn.
- Ít đầu tư thời gian, sức lực cho hoạt động chọn nghề.

Việc phân chia các đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ và hành động trong hoạt động chọn nghề chỉ mang ý nghĩa tương đối, phục vụ cho công tác nghiên cứu, trên thực tế, sự kết hợp của các đặc điểm tâm lý riêng lẻ trên sẽ tạo ra các tính chất khác nhau của đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề. Các tính chất đó gồm: đặc điểm tâm lý tích cực ; đặc điểm tâm lý tương đối tích cực và đặc điểm tâm lý chưa tích cực. Các tính chất này phụ thuộc vào sự kết hợp của 3 đặc điểm tâm lý cụ thể đã nêu trên. Cụ thể, đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề là tích cực khi có sự kết hợp của cả 3 đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ, hành động là tích cực. Đặc điểm tâm lý chưa tích cực khi có một trong ba đặc điểm tâm lý biểu hiện của các mặt trên là chưa tích cực. Và đặc điểm tâm lý chung được coi là kém tích cực khi có 2 hoặc 3 đặc điểm tâm lý là kém tích cực. Cách tính các mức độ tích cực của đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề giống như cách tính của từng đặc điểm tâm lý như đã nêu ở trên.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

3.1. Thực trạng đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

3.1.1. Thực trạng đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12

Khi tiến hành hoạt động chọn nghề, yếu tố nhận thức là một trong những yếu tố quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đến mức độ chính xác trong việc lựa chọn nghề của HS. Có thể nói, nhận thức của HS về nghề càng đầy đủ và chính xác bao nhiêu thì khả năng chọn được nghề phù hợp càng nhiều bấy nhiêu. Những thông tin cần thiết nhất để làm căn cứ cho sự lựa chọn nghề chính xác là những thông tin liên quan đến nội dung lao động của nghề; thông tin về nhu cầu thị trường lao động và những thông tin về những năng lực, phẩm chất tâm lý, tính cách, xu hướng, nguyện vọng của bản thân người lựa chọn. Do đó, để xác định đặc điểm nhận thức của HS khi chọn nghề, chúng tôi căn cứ vào 2 tiêu chí: một là mức độ **hiểu biết đầy đủ** và **hiểu biết sâu sắc** các thông tin cần thiết cho sự lựa chọn nghề.

Các nhà TLH đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến việc HS chọn nghề không phù hợp là do các em thiếu hiểu biết về các nghề với những giá trị về mặt xã hội, kinh tế của nó. Theo Phạm Tất Dong, để chọn nghề hiệu quả, HS cần nhận thức đủ 3 loại thông tin cơ bản sau: một là thông tin cơ bản về nghề lựa chọn, thông tin về thị trường lao động và thông tin về các đặc điểm nhân cách của bản thân trong mối liên quan đến yêu cầu của nghề lựa chọn. Thực tế hiện nay, khi tiến hành chọn nghề, HS có nhận thức được đầy đủ các thông tin phục vụ cho hoạt động này hay không? Để trả lời cho câu hỏi, trước hết, chúng tôi tìm hiểu mức độ đầy đủ trong nhận thức của HS về nội dung và các yêu cầu của nghề mà các em dự định lựa chọn. Trong phiếu điều tra, ở mỗi nội dung HS cần nhận thức, chúng tôi đưa ra 8 chỉ báo, với 3 phương án trả lời *biết rất rõ*, *có nghe nói* và *không biết rõ*. Sau khi tổng hợp các ý

kiến trả lời ở cả 8 chỉ báo ở từng nội dung bằng cách tính điểm trung bình, chúng tôi thu được kết quả tổng hợp sau (Bảng 3.1):

Bảng 3.1. Mức độ đầy đủ trong nhận thức của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề

Các nội dung liên quan đến nghề lựa chọn	Mức độ			\bar{X}
	Biết rất rõ các nội dung	Có biết rõ một số nội dung	Không biết rõ các nội dung	
	1 – 1.66	1.66- 2.32	2.32 - 3	
1. Thông tin về đặc điểm, yêu cầu của nghề dự định lựa chọn	281 40.2%	281 40.2%	137 19.6%	699 1.754
2. Thông tin về đặc điểm về thị trường lao động	260 37.1%	281 40.1%	159 22.7%	700 1.855
3. Thông tin về các đặc điểm của bản thân trong mối liên quan tới yêu cầu của nghề lựa chọn	428 61.1%	215 30.7%	57 8.1%	700 1.470

Về mức độ nhận thức các nội dung liên quan đến nghề lựa chọn, đối với HS lớp 12, các em đã có một quá trình tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức về một số lĩnh vực nghề nghiệp nói chung và những thông tin về nghề mà các em dự định lựa chọn nói riêng. Việc hiểu biết đầy đủ về các thông tin của nghề mà bản thân lựa chọn là một điều kiện cần để cho hoạt động chọn nghề trở nên có căn cứ. Tuy nhiên, nhìn vào bảng 3.1, ta thấy, chỉ có 40,2% HS có hiểu biết đầy đủ về lĩnh vực nghề mà các em dự định lựa chọn, trong khi đó 40,2% HS mới chỉ có hiểu biết về một số nội dung liên quan đến nghề lựa chọn và lưu ý hơn cả là có đến 19,6% HS hiểu biết rất ít về nghề mà bản thân lựa chọn. Đây là những con số đáng lưu ý, bởi lẽ việc lựa chọn của HS phải dựa trên những hiểu biết đầy đủ về những đặc điểm, yêu cầu đặt ra của nghề, so sánh chúng với những điều kiện, hoàn cảnh và khả năng của bản thân, từ đó đi đến một quyết định lựa chọn hay không lựa chọn. Thế nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy, có đến quá nửa HS lớp 12 khi chọn nghề mà bản thân còn thiếu nhiều hiểu biết về chính nghề mình lựa chọn.

Khi phân tích đặc điểm nhận thức của HS ở các khu vực địa lý khác nhau, chúng tôi nhận thấy ở khu vực đô thị, mức độ hiểu biết của HS đối với nghề lựa

chọn cao tương đối nhiều so với HS ở các khu vực địa lý khác như nông thôn, hay miền núi (xem bảng 2. phụ lục). Ở góc độ giới, chúng tôi cũng nhận thấy có điểm tương đồng trong nhận thức của HS về nghề. Tuy nhiên, khi so sánh điểm TB về mức độ đầy đủ trong nhận thức, nữ HS có điểm TB thấp hơn so với nam HS, điều này cho thấy nữ HS có xu hướng quan tâm, tìm hiểu đầy đủ các thông tin khi lựa chọn nghề hơn nam HS, tuy sự khác biệt này ít có nghĩa nghĩa thống kê (xem bảng 2 phụ lục).

Trên cơ sở tổng hợp đặc điểm nhận thức của HS về các thông tin cần cho hoạt động chọn nghề một cách khoa học, chúng tôi có được kết quả chung về mức độ hiểu biết của HS khi chọn nghề như sau:

Bảng 3.2. Mức độ hiểu biết những thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

	Mức độ	Địa bàn nghiên cứu			Tổng
		Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	
1	Hiểu biết đầy đủ cả 3 loại thông tin cần cho quá trình lựa chọn nghề	99	68	76	243
		41.2%	29.6%	33.8%	35.0%
2	Hiểu biết tương đối đầy đủ 3 loại thông tin cần cho việc chọn nghề	116	145	128	389
		48.3%	63.0%	56.9%	56.0%
3	Không có nhiều hiểu biết về cả 3 loại thông tin cần cho việc chọn nghề	25	17	21	63
		10.4%	7.4%	9.3%	9.1%
	Tổng	240	230	225	695
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Số liệu bảng 3.2. cho thấy, chỉ có trên 1/3 HS lớp 12 (chiếm 35%) là đã có những hiểu biết đầy đủ, đủ để tiến hành hoạt động chọn nghề một cách khoa học. Trong khi có đến 56% HS chỉ mới nắm được một số thông tin cơ bản và 9,1% HS còn lại hầu như không biết nhiều về nghề mà bản thân dự định lựa chọn. Đây là một kết quả đáng ngạc nhiên, bởi lẽ, ở giai đoạn cuối cấp, HS đã phải có những hiểu biết đầy đủ về nghề, phương tiện mà các em sử dụng để thực hiện trách nhiệm công dân, cũng như đánh dấu sự trưởng thành về mặt xã hội của các em sau khi tốt nghiệp.

Thế nhưng, ở HS lớp 12 hiện nay, phần đông lại chưa có những hiểu biết căn kẽ, đầy đủ, chi tiết về nghề, cho dù bản thân đã lựa chọn. Theo chúng tôi, đây là một trong những căn nguyên dẫn tới việc lựa chọn sai lầm nghề nghiệp, một hiện tượng phổ biến trong giới trẻ hiện nay.

Một biểu hiện khác của nhận thức khi chọn nghề là mức độ hiểu biết chính xác và sâu sắc những thông tin cần thiết cho hoạt động này. Trên thực tế, HS khi chọn nghề có hiểu biết đúng đắn về nghề mình định lựa chọn hay không? Có hiểu đúng về khả năng và năng lực của bản thân hay không? Để trả lời các câu hỏi này, chúng tôi đã tiến hành lấy ý kiến của HS thông qua các cuộc phỏng vấn sâu. Kết quả thu được cho thấy có rất ít HS (chiếm 27%) có thể trình bày lại được một cách đầy đủ, chính xác và sâu sắc những hiểu biết của các em về nghề mà các em chọn, trong khi đó có tới 66,1% HS không mô tả được bất cứ thông tin nào hoặc có mô tả thì những thông tin đó là hoàn toàn không chính xác. Phần nhiều HS trong diện nghiên cứu chỉ có thể nói được tên nghề mà các em lựa chọn, nhưng lại không thể nói được nội dung lao động, hình thức lao động của nghề, những yêu cầu đặt ra của nghề... Kết quả này đã phản ánh được không chỉ chất lượng nhận thức mà còn về thái độ thiếu tích cực của các em đối với hoạt động chọn nghề của mình. Như một HS cho biết: *Em thích ngành kinh tế thì em chọn thôi, ngành kinh tế học xong ra làm ăn buôn bán chứ tìm hiểu là nghề này có đòi hỏi, yêu cầu gì thì em chưa thử bao giờ.* (Trần Ngọc K, lớp 12A11). Chọn nghề mà mới chỉ biết tên nghề là một thực tế mang tính phổ biến trong HS lớp 12 hiện nay.

Với câu hỏi đơn giản hơn, chúng tôi yêu cầu các em HS liệt kê một vài thông tin về tên các cơ sở đào tạo nghề mà các em lựa chọn, chỉ tiêu tuyển sinh, cũng như tỷ lệ chọi trong một vài năm trở lại. Tuy nhiên, cũng chỉ có 20,5% HS kể được chính xác các thông tin mà chúng tôi yêu cầu. Trong khi đó 72,9% HS không trả lời được câu hỏi này của chúng tôi. Như vậy, với những thông tin về nghề lựa chọn, kết quả cho thấy, đa phần HS lớp 12 chưa có những hiểu biết thật cụ thể và sâu sắc, những thông tin mà các em biết về nghề chỉ là những thông tin bề ngoài, nội dung thiếu chính xác và hời hợt.

Bảng 3.3. Mức độ hiểu biết sâu sắc về những thông tin cần cho hoạt động chọn nghề HS lớp 12 THPT

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ thực hiện			Chung
		Thực hiện đầy đủ	Thực hiện được một phần	Không thực hiện được	
1	Trình bày những hiểu biết về nghề lựa chọn (nội dung lao động, yêu cầu của nghề ...)	190	49	465	704
		27.0%	7.0%	66.1%	100.0%
2	Kể tên các cơ sở có đào tạo nghề, điểm chuẩn, tỷ lệ chọi hàng năm...	144	47	513	704
		20.5%	6.7%	72.9%	100.0%
3	Liệt kê những ngành, nghề nhà nước, địa phương đang ưu tiên phát triển và có nhiều triển vọng và nói rõ lý do	50	11	643	704
		7.1%	1.6%	91.3%	100.0%
5	Các ngành, nghề dễ hoặc khó xin việc làm và nói rõ lý do	116	9	579	704
		16.5%	1.3%	82.2%	100.0%
6	Liệt kê các đặc điểm tâm lý của bản thân phù hợp hoặc không phù hợp với nghề lựa chọn	187	265	252	704
		26.6%	37.6%	35.8%	100.0%

Đối với các thông tin về thị trường lao động, chúng tôi yêu cầu HS trình bày những hiểu biết của các em về những lĩnh vực nghề nghiệp đang được nhà nước và địa phương ưu tiên phát triển. Đây là những thông tin quan trọng, giúp các em định hướng sự lựa chọn mình sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội, tăng được cơ hội việc làm khi ra trường. Nhưng kết quả thu được cho thấy, chỉ có 50 HS, chiếm 7,4% trên tổng số HS điều tra, đã đưa ra được những thông tin chính xác, đồng thời cũng có những giải thích một cách hợp lý về những thông tin của mình đưa ra. Trong khi đó, tuyệt đại đa số HS (chiếm 91,3%) đã không thể hiện được những hiểu biết của mình về nội dung này.

Cơ hội việc làm, những ngành nghề mà xã hội đang có nhu cầu cao và những ngành nghề đang dư thừa lao động, không nên lựa chọn là những thông tin quan trọng mà HS cần nắm bắt trước khi có quyết định lựa chọn nghề lần cuối. Tuy nhiên, khi yêu cầu được trình bày những hiểu biết này, chỉ có 16,5% HS trả lời được câu hỏi của chúng tôi một cách chính xác, số còn lại, với 82,2% HS đã không trình bày được nội dung thông tin này. Kết quả này một lần nữa cho thấy, khi chọn

nghe, các em đừng như không đặt mục đích phải tìm hiểu đầy đủ các thông tin về đối tượng mình lựa chọn, xem xét chúng một cách thấu đáo để trả lời câu hỏi có nên chọn hay không. Một HS cho biết: *"Em không quan tâm lắm đến mấy thông tin này đâu, quan trọng bây giờ là làm thế nào để thi cho đỗ vào trường đại học đã, sau này mới tính tiếp"*. (Vương Ngọc C, HS lớp 12A5 trường Đống Đa, Hà Nội). Có thể nói đây là tâm lý chung của nhiều bạn HS khi tìm hiểu để chọn nghề.

Đối với nhiều HS, tìm hiểu kỹ điểm chuẩn trong các kỳ thi tuyển sinh của các trường ĐH quan trọng hơn là chọn nghề gì, ra trường có tìm được việc làm hay không, hay xã hội có nhu cầu phát triển nghề đó hay không. Thực tế thời gian qua đã chứng minh rằng những HS lựa chọn theo học các ngành "hot" thì cơ hội tìm được việc làm đúng nghề sau ra trường lại càng ít và tỷ lệ thất nghiệp trong những sinh viên này luôn cao hơn hẳn so với các ngành nghề khác.

Hiểu chính xác về các phẩm chất, năng lực của bản thân và nhận thức được bản thân có năng lực và phẩm chất nào phù hợp với nghề sẽ chọn (sau khi đã đối chiếu phẩm chất và năng lực cá nhân có với yêu cầu của từng nghề) là những tiêu chí quan trọng xác định mức độ nhận thức của HS về bản thân có sâu sắc hay không.

Trước hết, chúng tôi yêu cầu các em HS liệt kê đầy đủ những phẩm chất, năng lực hiện có của bản thân, đồng thời cho các em sử dụng trắc nghiệm khí chất – tính cách của Eysenck để có thông tin đối chứng. Sau khi xử lý các thông tin thu được, chúng tôi có được kết quả sau: Có 39,9% HS có kết quả tự đánh giá về tính cách, khí chất tâm lý bản thân trùng khớp với kết quả của trắc nghiệm mà HS đã làm trước đó. Tuy nhiên, cũng có tới 49,3% HS có kết quả tự đánh giá chỉ trùng khớp một phần với kết quả trắc nghiệm và 10,8% HS còn lại có kết quả tự đánh giá khác hoàn toàn với kết quả do trắc nghiệm đem lại.

Ở một mức độ nhận thức cao hơn, chúng tôi yêu cầu HS phải liệt kê được những phẩm chất, năng lực của bản thân được xem là phù hợp với yêu cầu của nghề lựa chọn. Tuy nhiên, sau khi thu thập và xử lý kết quả, chúng tôi nhận thấy, chỉ có 26,6% HS là liệt kê được đầy đủ và chính xác những phẩm chất, năng lực bản thân

phù hợp với yêu cầu của nghề mà HS đã lựa chọn trước đó. Số liệu này đã cho thấy khi chọn nghề, phần đông HS đã không tìm hiểu kỹ những năng lực phẩm chất tâm lý của mình, so sánh chúng với những yêu cầu của nghề mà mình lựa chọn xem có phù hợp hay không. Thực tế này cho thấy khi chọn nghề nhiều em đã không coi trọng việc phải tìm hiểu những yêu cầu của nghề và xem xét những yêu cầu này bản thân có đáp ứng được hay không. Điều này dẫn tới thực trạng nhiều HS chọn nghề theo sở thích (cảm tính) chứ không phải chọn nghề mà bản thân có năng lực, phẩm chất phù hợp.

Về đặc điểm nhận thức chung của HS lớp 12 THPT trong hoạt động chọn nghề. Sau khi tổng hợp các mặt biểu hiện của nhận thức trong chọn nghề, chúng tôi có được kết quả sau:

Trong chọn nghề, tỷ lệ HS có nhận thức đầy đủ, chính xác và sâu sắc về nghề nghiệp chiếm một tỷ lệ vô cùng khiêm tốn với 4,3%. Trong khi đó số HS có đặc điểm nhận thức là thiếu đầy đủ và chính xác lên đến 77% (bảng 3.4). Quả là một con số đáng suy nghĩ, bởi khó mà chắc chắn được việc chọn nghề của HS sẽ đem lại một tương lai tốt đẹp cho các em khi mà những hiểu biết của các em về nghề lựa chọn rất hạn chế, thậm chí thiếu chính xác và sai lầm.

Có một sự khác biệt nhỏ về đặc điểm nhận thức của các nhóm HS lớp 12 THPT. Cụ thể, với nhóm HS lớp 12 có học lực khá giỏi, đặc điểm nhận thức của các em trong chọn nghề mang tính tích cực cao hơn so với nhóm HS có kết quả học tập trung bình, hoặc yếu. Cụ thể, kết quả bảng 3.4 cho thấy chỉ có 59,1% HS có học lực giỏi có đặc điểm nhận thức là không đầy đủ và chính xác, trong khi đó có đến 87,1% HS có học lực trung bình và 100% HS có học lực yếu có đặc điểm nhận thức tương tự. Kiểm định Khi bình phương cho thấy $p.value < 0,005$ cho phép kết luận giữa học lực và đặc điểm nhận thức khi chọn nghề có mối quan hệ với nhau, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng lẫn nhau chỉ ở mức thấp ($R = 0,022$). (xem bảng 3.4)

Theo chúng tôi, những HS có học lực khá, giỏi, trong học tập thường là những em có tố chất trí tuệ và có nhiều cố gắng, nỗ lực. Những HS này thường xác định cho mình những mục tiêu học tập rất rõ, một trong những mục tiêu đó là học

để có thêm cơ hội lựa chọn được nghề mà bản thân mong muốn. Trong khi đó, đối với những HS có học lực trung bình, hay yếu, lại thường là những HS lười biếng, ít cố gắng nên cũng ít coi việc chọn nghề là một nhiệm vụ cần thiết để thực hiện.

Bảng 3.4. Đặc điểm tâm lý của biểu hiện ở mặt nhận thức trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 (nhìn từ góc độ học lực)

Stt	Đặc điểm nhận thức	Học lực				Chung
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
1	Nhận thức chính xác và sâu sắc các nội dung thông tin	9	16	5	0	30
		13.6%	5.8%	1.5%	.0%	4.3%
2	Nhận thức tương đối chính xác và sâu sắc các nội dung thông tin	18	74	39	0	131
		27.3%	26.8%	11.4%	.0%	18.7%
3	Nhận thức không chính xác các nội dung thông tin	39	186	297	16	538
		59.1%	67.4%	87.1%	100.0%	77.0%
	Tổng	66	276	341	16	699
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Tiểu kết 1: Tóm lại, đặc điểm tâm lý chung của HS lớp 12 về mặt nhận thức trong hoạt động chọn nghề như sau:

Đa số HS lớp 12 chưa có nhận thức đầy đủ những thông tin cần cho chọn nghề. Những hiểu biết hiện có của HS về nghề nghiệp bề ngoài, không bản chất, không phản ánh được ý nghĩa xã hội, giá trị nhân văn... của nghề. Những hiểu biết mà HS có chỉ là những thông tin cho các kỳ tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trong khi đó nhiều HS hiểu biết rất ít về những đặc điểm tâm lý của bản thân trong mối liên quan tới yêu cầu của nghề. Những hiểu biết mà HS có thường thiếu chính xác, hời hợt.

3.1.2. Đặc điểm thái độ trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Bước vào năm học lớp 12, bên cạnh nhiệm vụ học tập, HS còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đường đời thông qua việc tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Do đó, dù muốn hay không, việc chọn nghề vẫn là một nhiệm vụ mà HS cần phải thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm. Liệu trong thực tế hiện nay, HS lớp 12 thực sự có thái độ tích cực đối với hoạt động này. Sau khi thu thập đủ

thông tin cần thiết về thái độ đánh giá của HS lớp 12 về ý nghĩa của hoạt động chọn nghề, chúng tôi có được kết quả sau:

Bảng 3.5. Thái độ đánh giá về tầm quan trọng của việc chọn nghề đối với bản thân

		Địa bàn nghiên cứu			Tổng
		Hà nội	Thái Bình	Lào cai	
1	Rất quan trọng cần cân nhắc cẩn thận và chu đáo	182	180	173	535
		75.8%	76.3%	75.9%	76.0%
2	Quan trọng như nhiều việc khác	25	20	20	65
		10.4%	8.5%	8.8%	9.2%
3	Ít quan trọng (buộc phải làm khi ra trường)	33	30	31	94
		13.8%	12.7%	13.6%	13.4%
4	Không quan trọng	0	6	4	10
		.0%	2.5%	1.8%	1.4%
Tổng		240	236	228	704
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Số liệu thu được cho thấy dường như có rất đông HS lớp 12 có thái độ tích cực khi đánh giá về tầm quan trọng của việc chọn nghề đối với bản thân và xã hội. Số liệu bảng 3.5 chỉ ra rằng có đến 76% HS lớp 12 cho rằng việc chọn nghề rất quan trọng, cần cân nhắc cẩn thận trước khi quyết định. Số có thái độ đánh giá thiếu tích cực về ý nghĩa của hoạt động chọn nghề chỉ là 14,8%. Giữa các nhóm HS ở các khu vực nghiên cứu khác nhau, chúng tôi không nhận thấy có sự khác biệt trong thái độ đánh giá này. Phải chăng, thực sự HS lớp 12 đã ý thức được vai trò của nghề nghiệp đối với bản thân. Để có một câu trả lời sắc đáng, chúng tôi tìm hiểu giữa thái độ đánh giá trên và hành vi thực hiện của nhóm HS lớp 12 này có thống nhất hay không? Kết quả sau khi được xử lý bằng phương pháp thống kê tương quan chéo (crosstabs) giữa thái độ đánh giá tầm quan trọng của việc chọn nghề và thời gian thực hiện hành động tìm hiểu về nghề của HS, chúng tôi có được kết quả đáng lưu ý sau:

Khi nói về tầm quan trọng của việc chọn, số liệu bảng 3.5 cho thấy có đến 76% HS lớp 12 đồng ý cho rằng chọn nghề rất quan trọng, cần cân nhắc cẩn thận

trước khi quyết định. chỉ là 14,8% đồng ý một phần hoặc không đồng ý. Giữa các nhóm HS ở các khu vực nghiên cứu khác nhau, chúng tôi không nhận thấy có sự khác biệt trong thái độ đánh giá này. Tuy nhiên, để làm rõ, đây có phải là thái độ thực sự của các em HS hay không, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê tương quan chéo (crosstabl) để tìm hiểu về mối liên quan giữa thái độ đánh giá ý nghĩa của chọn nghề và thời gian dành để thực hiện các hành động tìm hiểu về nghề của HS, chúng tôi có được kết quả đáng lưu ý sau:

Trong số những học sinh cho rằng việc chọn nghề là quan trọng, thế nhưng chỉ có 46, 2% HS là có hành vi phù hợp với thái độ, là các em đã tích cực dành nhiều thời gian cho hoạt động chọn nghề. Ngược lại, trong số những HS dành nhiều thời gian cho việc chọn nghề, thì có đến 87,2% có thái độ tích cực. Số liệu này cho thấy, rõ ràng không có mâu thuẫn giữa thái độ và hành vi trong chọn nghề, điều đáng nói ở chỗ không phải HS nào cũng thực sự ý thức và có thái độ đúng đắn đối với hoạt động chọn nghề, cho dù các em đó có khẳng định là bản thân có quan tâm. Trên thực tế, số liệu cho thấy chưa đến quá nửa HS là có thái độ đánh giá đúng đắn về ý nghĩa của hoạt động này. (xem bảng 16. phụ lục)

Trong quá trình chọn nghề, thái độ của HS đối với nghề lựa chọn được biểu hiện ở trạng thái cảm xúc tích cực hay tiêu cực của các em đối với chúng. Thái độ lựa chọn nghề này hay nghề khác có nguồn gốc từ việc các em có cảm nhận được nghề nghiệp đó có đem lại cho mình niềm tự hào, niềm vui hạnh phúc hay không. Thực tế, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông HS lớp 12 chưa thể hiện những rung cảm với nghề mà bản thân dự định lựa chọn. Khi tổng hợp các item phản ánh tình cảm của các em với nghề, chúng tôi thu được điểm $\bar{X} = 2,2275$, độ lệch chuẩn $= 0.81430$ (bảng 3.6). Số liệu đã cho thấy, mức độ tình cảm của HS lớp 12 đối với nghề mà các em dự định lựa chọn chỉ đạt ở mức trung bình. Hay nói cách khác là các em chưa có tình cảm sâu sắc với nghề mà bản thân lựa chọn.

Bảng 3.6. Đặc điểm tình cảm của HS lớp 12 với nghề lựa chọn

	Đặc điểm	Hoàn toàn đúng		Đúng một phần		Không đúng	
		N	%	N	%	N	%
1.	Hoàn toàn tự tin và hài lòng với nghề đã chọn	270	38.6 %	128	18.3 %	301	43.1 %
2.	Thấy vui và hạnh phúc vì đã chọn được nghề phù hợp	96	13.7 %	153	21.8 %	454	64.6 %
3.	Thấy tự hào và hãnh diện vì nghề mình chọn	130	18.5 %	169	24.0 %	404	57.5 %
4.	Nếu có cơ hội lựa chọn lại em sẽ vẫn lựa chọn nghề này.	247	35.1 %	92	13.1 %	364	51.8 %
5.	Dù sau này có khó khăn nhưng quyết tâm theo đuổi nghề đến cùng.	202	28.7 %	94	13.4 %	408	58.0 %
	Điểm \bar{X} (chung)	2,2275, Std = 0.81430					

Ở từng nội dung cụ thể, số liệu cho thấy chỉ có 13,6% HS cảm thấy vui và hạnh phúc với nghề mình đã chọn. 18,5% cảm thấy tự hào và hãnh diện và 38,6% thấy tự tin và hài lòng với quyết định của mình. (bảng 3.6) Trong khi đó, số học sinh cảm thấy không tự tin, không vui và không tự hào với quyết định nghề nghiệp của mình chiếm áp đảo.

Điểm \bar{X} của từng phương án mà chúng tôi đưa ra để đo thái độ biểu cảm của các em về nghề chỉ nằm ở mức 2,04 đến 2,5, tức mức độ cảm xúc thấp đối với nghề. Điều mà chúng tôi muốn tìm hiểu sâu hơn đó là tại sao khi không có tình cảm sâu sắc với nghề nhưng HS lại vẫn có sự lựa chọn? Qua tìm hiểu, các em HS cho biết, lý do mà các em lựa chọn nghề này hay nghề khác không phải vì thích công việc của nghề, mà quan trọng là nghề đó có thu nhập cao hay không hoặc chúng có giúp các em đạt được mục tiêu đỗ đại học trong kỳ thi tuyển sắp tới hay không. Một lần nữa, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông HS lớp 12 hiện nay coi nghề nghiệp chỉ đơn giản là phương tiện kiếm sống, giúp bản thân thoả mãn các nhu cầu kinh tế, vật chất...

Một biểu hiện khác của mức độ tình cảm thấp với nghề lựa chọn là tính dễ thay đổi, dao động không muốn gắn bó với nghề lựa chọn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có 28,7% HS cho khẳng định sẽ gắn bó với nghề cho dù bản thân có gặp phải những khó khăn sau này. Trong khi đó, có tới 58,1% HS sẵn sàng thay đổi quyết định của mình nếu thấy cần. Số liệu này cho thấy tính thiếu nhất quán trong quyết định lựa chọn nghề nghiệp của. Một mặt nó biểu hiện sự thiếu chắc chắn và tự tin với quyết định, mặt khác nó thể hiện mức độ cảm xúc thấp với nghề nghiệp mà các em đã chọn.

Sau khi tổng hợp các kết quả nghiên cứu từng nét biểu hiện của thái độ, chúng tôi đã thu được kết quả như sau:

Bảng 3.7. Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ của HS lớp 12 trong hoạt động chọn nghề (Bảng tổng hợp)

Đặc điểm tâm lý		Địa bàn nghiên cứu			
		Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	Tổng
1	Thái độ tích cực (Hứng thú cao đối với hoạt động chọn nghề, và có tình cảm sâu sắc với nghề đã chọn)	68	50	55	173
		28.5%	22.6%	25.1%	25.5%
2	Thái độ tương đối tích cực (Có đặc điểm hứng thú và tình cảm ở mức trung bình đối với nghề lựa chọn)	147	128	131	406
		61.5%	57.9%	59.8%	59.8%
3	Thái độ thiếu tích cực (Thờ ơ và thiếu tình cảm với nghề dự định)	24	43	33	100
		10.0%	19.5%	15.1%	14.7%
Tổng		239	221	219	679
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong hoạt động chọn nghề, chỉ có 25,5% HS có thái độ tích cực, biểu hiện ở việc các em đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc chọn nghề đối với bản thân và xã hội; Có tình cảm sâu sắc với nghề lựa chọn (dựa trên căn cứ tìm hiểu kỹ về các giá trị của nghề trong mối liên quan với nhu cầu, động cơ bản thân). Trong khi đó, có đến 59,8%, có thái độ tương đối tích cực và 14,7% có thái độ tiêu cực đối với hoạt động này. Xét về góc độ vùng miền, với hệ số Chi-bình phương = 8.731; p.value = 0.06 > 0.05 cho phép kết

luận rằng thái độ của HS lớp 12 ở các vùng nghiên cứu đối với nghề là tương tự như nhau, trong đó, đa số HS có thái độ tương đối tích cực đối với nghề bản thân đã lựa chọn (xem bảng 3.7).

Như vậy, có thể đi đến kết luận như sau:

Đặc điểm chung về mặt thái độ của HS lớp 12 khi chọn nghề là tính tích cực chưa cao biểu hiện ở thái độ thiếu hứng thú khi thực hiện hành động tìm hiểu và lựa chọn nghề. Thái độ thực dụng trong đánh giá và lựa chọn nghề được thể hiện rõ. Các em thường có xu hướng quan tâm và đánh giá cao những nghề có đặc điểm và giá trị kinh tế cao, cũng như đề cao cơ hội đỗ đạt hơn là tìm kiếm những nghề có những đặc điểm và nội dung phù hợp với mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp.

Về tình cảm đối với nghề, đa số HS có tình cảm ở mức thấp, các em không nhận thấy mối quan hệ nào giữa nghề lựa chọn và đời sống cảm xúc của mình. Do đó, tư tưởng dao động, thiếu nhất quán trước nghề lựa chọn là tâm lý chung của đông đảo HS trong chọn nghề.

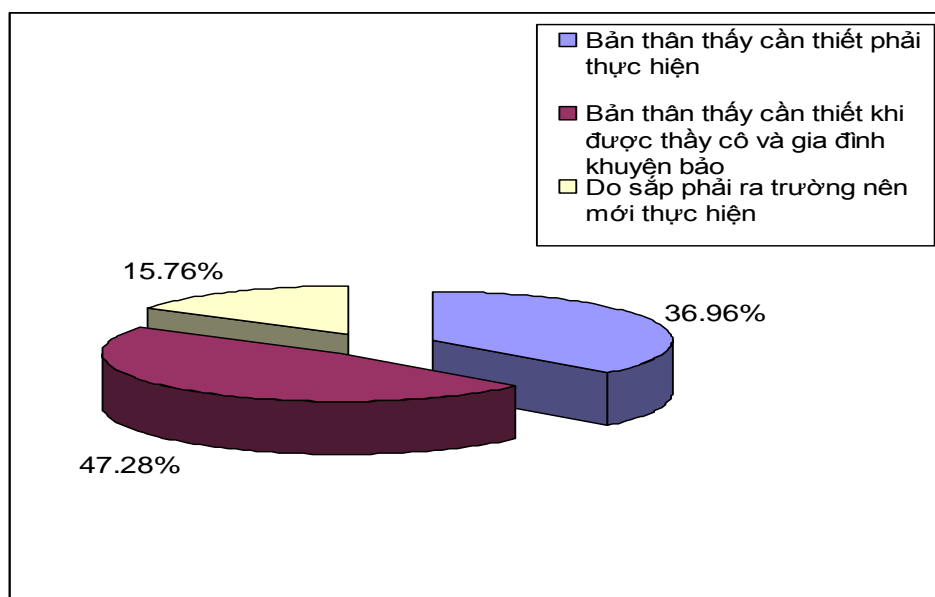
3.1.3. Đặc điểm hành động trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Chọn nghề là hoạt động có ý thức, do cá nhân thực hiện nhằm tìm ra một lĩnh vực lao động có trong xã hội mà bản thân cảm thấy phù hợp nhất với nguyện vọng và năng lực của mình. Như vậy, hàm chứa trong hoạt động chọn nghề là tính chủ thể mà đặc điểm nổi bật của nó là tính tự giác và tính tích cực của các em HS khi tiến hành hoạt động này. Điều này có nghĩa, HS chỉ trở thành chủ thể của hoạt động chọn nghề khi các em ý thức được một cách rõ ràng về mục đích, ý nghĩa của việc mình làm. Do đó, tính chủ thể của hoạt động chọn nghề được bộc lộ ở tính tích cực và tính tự giác của các em khi tiến hành hoạt động này. Vậy, đâu là đặc điểm đặc trưng trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay? Làm rõ điều này, chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, kết hợp phỏng vấn sâu và thu đã thu được kết quả sau:

Trước hết, về tính tự giác trong việc thực hiện các hành động chọn nghề của HS. Như đã phân tích ở trên, hoạt động của con người luôn là hoạt động có ý thức, và do chủ thể tiến hành. Chất lượng hoạt động chỉ cao khi tính ý thức và tính chủ thể được thể hiện rõ nét. Một đặc trưng nổi bật của tính ý thức và tính chủ thể trong hoạt động chọn nghề của HS là sự chủ động và tự giác của các em khi thực hiện các hành động chọn nghề. Để là rõ đặc điểm này, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi cho các em HS về lý do thúc đẩy hành động chọn nghề. Kết quả sau xử lý được trình bày ở biểu đồ 3.2 dưới đây:

Số liệu ở biểu đồ 3.1 cho thấy: tính chủ động và tự giác trong việc thực hiện các hành động chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay chưa cao. Có đến 47,2% HS chỉ thực hiện công việc này khi có sự nhắc nhở, khuyến bảo của thầy cô giáo và gia đình, 15,75% chỉ tiến hành hoạt động chọn nghề khi không thể không làm (do thời điểm tốt nghiệp cận kề). Chỉ có 36,96% HS lớp 12 hoàn toàn chủ động trong các hành động chọn nghề của mình mà không cần có người khác nhắc nhở.

Biểu đồ 3.1. Mức độ chủ động và tự giác thực hiện hành động chọn nghề của HS lớp 12



Kết quả lựa chọn chỉ có ý nghĩa khi chủ thể ý thức được việc làm của mình và sẵn sàng chịu trách nhiệm trước sự lựa chọn đó, nhưng kết quả nghiên cứu thu

được đã cho thấy, tính ỷ lại, thờ ơ và thụ động trong chọn nghề là đặc điểm phổ biến của đông đảo HS lớp 12 hiện nay. Điều này thể hiện ở hai khía cạnh. Một là các em chưa ý thức được ý nghĩa và trách nhiệm xã hội của bản thân đối với việc chọn nghề, hai là các em chưa được giáo dục hướng nghiệp một cách đầy đủ để nhận ra ý nghĩa của hoạt động này.

Theo Levinson, lứa tuổi 17, 18 là thời kỳ đầu của tuổi trưởng thành, mà một trong những đặc trưng cơ bản của lứa tuổi này là cá nhân ra được quyết định trong những tình huống gặp khó khăn một cách độc lập, giải quyết các mâu thuẫn một cách tích cực... Tuy nhiên, với số liệu nêu trên cho thấy, mức độ trưởng thành xã hội của HS lớp 12 hiện nay chưa cao. Theo chúng tôi, một trong những nguyên nhân dẫn tới thực trạng này là do tính thụ động trong phương pháp giáo dục hiện nay mà chúng ta đang áp dụng. Trong hoạt động sư phạm nhà trường, HS là đối tượng tác động của công tác giảng dạy, các em phải tập trung lắng nghe, ghi chép và thực hiện các nhiệm vụ học tập mà giáo viên yêu cầu một cách thụ động. Ở nhà, HS được khuyến khích vâng lời người lớn, không được có phản ứng ngược trước những yêu cầu, đòi hỏi của người lớn, cho dù những yêu cầu đó không phải lúc nào cũng đúng... Tất cả những tác động này đã tạo ra sự thiếu tự tin, ỷ lại, ngại va chạm... trong việc ra quyết định, nhất là những quyết định mang tính quan trọng ở đông đảo HS hiện nay. Đối với HS lớp 12 cũng vậy, tuy đã ở lứa tuổi trưởng thành, nhưng về mặt xã hội, các em vẫn còn lệ thuộc vào gia đình, do đó nhiều HS chưa đủ tự tin và ý thức được trách nhiệm của mình trong việc chọn nghề. Các em thường phải dựa vào những phương án an toàn như nhờ sự trợ giúp, hướng dẫn, chỉ bảo, thậm chí sắp đặt của thầy cô, cha mẹ, người thân cho những quyết định chọn lựa nghề nghiệp của mình.

Bên cạnh những HS còn thiếu tự chủ trong việc thực hiện cách hành động chọn nghề, cũng còn một bộ phận HS đã có những động thái mang tính tích cực khi chọn nghề. Em Trần Hải P, trường THPT Nguyễn Đức Cảnh, Thái Bình cho biết: *"Em rất thích làm kinh tế, em đã tìm hiểu ngành này từ năm lớp 10, không ai bắt cả*

em thấy thích thì tìm hiểu thôi, và bây giờ em sẽ quyết định chọn ngành này để học". Tuy nhiên, số lượng HS như em Hải P không nhiều.

Bảng 3.8. Mối quan hệ giữa tính tự giác trong hoạt động chọn nghề và thời điểm bắt đầu hoạt động này.

Thời điểm bắt đầu hoạt động chọn nghề		Mức độ tự giác			Tổng
		Tự giác cao	Có tự giác nhưng chưa cao	Tự giác thấp	
1	Từ năm lớp 10,11 hoặc trước nữa	251	30	0	281
		97.3%	9.1%	.0%	40.3%
2	Năm lớp 12	3	298	25	326
		1.2%	90.3%	22.7%	46.7%
3	Trước khi kỳ thi tốt nghiệp THPT diễn ra	4	2	85	91
		1.6%	.6%	77.3%	13.0%
Tổng		258	330	110	698
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Xét ở góc độ giới tính hay vùng miền, chúng tôi không nhận thấy có sự khác biệt lớn về tính tích cực trong các hành động chọn nghề của HS lớp 21. Cụ thể, với HS nam, có 37% thể hiện tính chủ động cao trong các hành động chọn nghề, và có 36,9% HS nữ có đặc điểm tương tự. Khi so sánh đặc điểm này giữa HS các vùng miền khác nhau cũng cho ta các kết quả tương tự. Nhưng, khi so sánh tính tích cực trong hành động chọn nghề giữa HS có học lực khác nhau, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt tương đối lớn. Cụ thể, đối với nhóm HS có học lực khá, giỏi, kết quả nghiên cứu cho thấy số HS thể hiện tính chủ động trong chọn nghề cao hơn nhiều so với nhóm HS có học lực trung bình hoặc yếu. Khi xem xét Chi bình phương với $P.value = 0,002 < 0,005$ với chỉ số Phi.Cramer's $V = 0,221$ cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Số liệu này một lần nữa cho thấy khi HS có mục đích học tập rõ ràng, cùng với sự nỗ lực trong học tập thì có xu hướng tích cực và chủ động trong việc chọn nghề. (Xem bảng 4, phụ lục)

Để làm rõ hơn tính tích cực trong chọn nghề của HS lớp 12, chúng tôi xem xét liệu có mối tương quan nào giữa tính chủ động và tự giác trong hoạt động chọn nghề với khối lượng thời gian mà HS dành cho hoạt động này hay không? Tất nhiên chúng tôi kỳ vọng vào giả thuyết rằng nếu tính tích cực càng cao thì HS càng chủ động, tự giác và dành được nhiều thời gian cho các hành động chọn nghề của mình.

Với kiểm định Chi-bình phương và hệ số tương quan Pearson để xác định mối quan hệ giữa hai biến số này. Kết quả kiểm định cho thấy với hệ số $\chi^2 = 1008.12$, 4 bậc tự do (df) và $p = 0,001 < 0,005$ cho thấy có mối quan hệ giữa tính tự giác và thời gian dành cho hoạt động chọn nghề của HS. Với hệ số tương quan Spearman = 0,888, p-value = 0.0001 < 0.005 cho thấy mối quan hệ giữa hai yếu tố này hết sức chặt chẽ. Điều này có nghĩa, khi HS càng chủ động và tự giác thực hiện cách hành động chọn nghề thì thời gian mà các em dành cho nó càng nhiều. Số liệu ở bảng 3.8 cho thấy rõ điều đó, khi mà có đến 97,3% HS có tính tự giác cao thì đều bắt đầu hoạt động tìm kiếm và lựa chọn nghề từ những năm học đầu cấp, trong khi những HS bộc lộ tính tích cực kém thì các em chỉ bắt tay vào hoạt động này khi mà ngày tốt nghiệp phổ thông sắp cận kề. Thật vậy, khi mà HS nhận thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, xã hội, các em sẽ có thái độ tích cực và chủ động trong việc chọn nghề. Ngược lại, với những HS coi nhẹ việc chọn nghề thì các em chỉ thực hiện hoạt động này một cách thụ động, miễn cưỡng.

Tóm lại, tính chủ động và tự giác của HS trong việc thực hiện cách hành động chọn nghề chỉ đạt ở mức trung bình ($X=1,7536$). Đa số HS lớp 12 chưa ý thức được tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề đối với bản thân với tư cách là một người trưởng thành, do vậy thời gian dành cho hoạt động này không nhiều. Sự trưởng thành về mặt xã hội của HS chưa cao, nhiều HS còn ỷ lại vào sự chỉ dẫn, sắp đặt của giáo viên và cha mẹ, chưa tự mình chủ động, tích cực trong việc quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

Để có được kết quả lựa chọn nghề tốt nhất, đòi hỏi các bạn HS phải dành nhiều thời gian, công sức và sự nỗ lực của bản thân trong việc tìm kiếm, lựa chọn những giá trị nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng và năng lực của bản

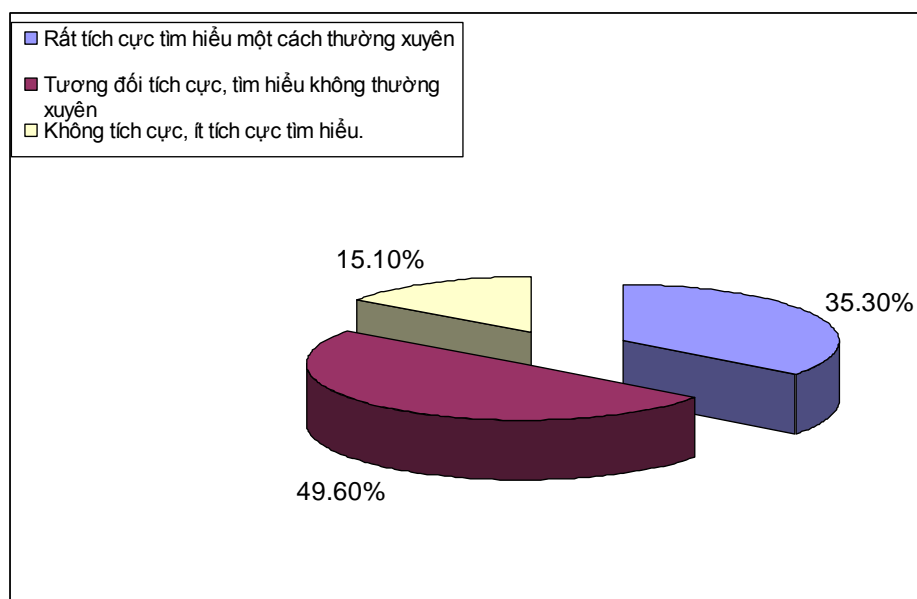
thân cũng như nhu cầu của xã hội. Theo A.V. Petrovsky, khác với nhóm học sinh nhỏ tuổi, học sinh THPT đã có những suy nghĩ chín chắn trong việc tìm hiểu về nghề mà bản thân sẽ gắn bó lâu dài. Về mặt hành vi, ở học sinh lớp 12 đã bước dần tới công việc đối chiếu với hứng thú và khả năng của mình và chọn các nghề nghiệp hiện thực. Để thực hiện được việc so sánh, đối chiếu qua đó tìm ra nghề phù hợp, đòi hỏi HS phải có những động thái tích cực trong việc tìm hiểu đầy đủ thông tin về nghề, về thị trường lao động và thông tin về các đặc điểm của bản thân. Trong nội dung nghiên cứu này, để xác định mức độ tích cực trong hành động tìm hiểu và lựa chọn nghề, chúng tôi dựa vào hai căn cứ, một là mức độ thường xuyên thực hiện các hành vi tìm kiếm đầy đủ thông tin phục vụ cho hoạt động chọn nghề. Kết quả thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được thể hiện ở biểu đồ dưới đây như sau:

Số liệu thể hiện ở biểu đồ 3.2 cho thấy, số lượng HS lớp 12 hiện nay có động thái tích cực tìm hiểu thông tin phục vụ cho việc chọn nghề của bản thân là không nhiều, chỉ chiếm trên 1/3 tổng số HS trong diện nghiên cứu, với 35,3%. Trong khi đó, có đến 49,6% (chiếm gần 1/2) số HS lớp 12 có hành động tương đối tích cực trong việc tìm kiếm thông tin và có tới 15,1% HS gần như không tìm hiểu gì về nghề mà bản thân đã lựa chọn cho tương lai.

Ở góc độ giới, chỉ số Chi-bình phương, với pvalue >0,005 cho biết không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đặc điểm tích cực trong hành vi chọn nghề giữa HS nam và HS nữ. Ở các đô thị lớn, HS có nhiều điều kiện để tiếp cận và khai thác các thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề hơn nhiều so với HS khu vực nông thôn hay miền núi. Do đó, kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ HS Hà Nội tích cực và thường xuyên tìm hiểu đầy đủ các thông tin cho hoạt động chọn nghề cao hơn so với HS Thái Bình hay Lào cai. Cụ thể, có 44,6% HS lớp 12 Hà Nội thường xuyên tìm hiểu các loại thông tin cần cho chọn nghề, trong đó con số này ở Thái Bình là 27% và Lào Cai là 34,1%. Chỉ số Chi – bình phương (χ^2) =43.025105 với pvalue = 0,001 < 0,005 cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Xét dưới góc độ học lực, chúng ta thấy có mối tương quan chặt chẽ giữa kết quả học tập với mức

độ tích cực trong việc tìm hiểu đầy đủ thông tin cho hoạt động này. Cụ thể, có đến 53% HS có học lực giỏi và 47,3% HS có học lực khác thường xuyên tìm hiểu các nội dung cần cho việc lựa chọn, trong khi số HS có học lực trung bình và yếu có hành vi tương tự chỉ là 26,7% và 0%. (xem bảng 1. phụ lục)

Biểu đồ 3.2. Mức độ tích cực thực hiện các hành động tìm hiểu đầy đủ những thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề một cách khoa học



Trong số các loại thông tin cần cho việc lựa chọn nghề, không phải thông tin nào cũng được các em quan tâm tìm hiểu. Kết quả nghiên cứu mà chúng tôi thu được cho thấy, khi chọn nghề, HS chỉ quan tâm tìm hiểu đến những thông tin có liên quan trực tiếp đến các cơ hội đỗ đạt, giá trị kinh tế, vật chất của nghề hơn là những thông tin nói về những khía cạnh lao động, hoặc giá trị giáo dục, xã hội của nghề. Số liệu thu được cho thấy có đến 47,1% HS thường xuyên tìm hiểu về khả năng, năng lực học tập của bản thân. (xem bảng 1. phụ lục), trong khi có đến 66% HS thỉnh thoảng hoặc không bao giờ tìm hiểu về những khả năng, năng lực, sở thích, tính cách trong mối liên quan đến những yêu cầu của nghề lựa chọn.

Đối với thông tin về nghề, nội dung thông tin được HS quan tâm tìm hiểu tích cực nhất đó là thông tin về điều kiện tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 50,7% HS thường xuyên tìm hiểu những

thông tin này. Điều này củng cố thêm nhận định trước đó của chúng tôi đó là trong chọn nghề, các em quan tâm nhiều hơn đến các cơ hội học tập đại học hơn là tìm kiếm nghề phù hợp với nguyện vọng, năng lực. Chính suy nghĩ này dẫn đến HS không quan tâm nhiều lắm đến việc bản thân có phù hợp với các yêu cầu, nội dung lao động của nghề hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 20,8% HS lớp thường xuyên tìm hiểu các yêu cầu về tâm sinh lý của nghề đối với người lao động. Em Hồ Minh T, lớp 12 A12 trường THPT Nguyễn Trãi cho biết *"em chỉ quan tâm mình có thi đỗ hay không, chứ đỗ được rồi thì sớm muộn cũng quen việc, theo em vấn đề này không cần tìm hiểu vì không quan trọng"* % .

Nhu cầu nhân lực của thị trường lao động luôn là những thông tin quan trọng, định hướng cho sự lựa chọn của các bạn HS thêm chính xác. Bởi lẽ, chọn nghề không đơn giản là chọn nghề mình thích, mà phải xem xét nghề đó xã hội có nhu cầu phát triển hay không, có tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp hay không. Nhưng thực tế nghiên cứu cho thấy, HS không hào hứng tìm hiểu thông tin về thị trường lao động trong quá trình chọn nghề. Thật vậy, chỉ có 37,7% HS tích cực tìm hiểu nhu cầu thị trường lao động đối với nghề mà bản thân dự định lựa chọn. 44,9% HS tích cực tìm hiểu về khả năng và cơ hội tìm được việc làm của nghề dự định chọn. Trong khi đó, chỉ có 18,9% HS tích cực tìm hiểu thông tin liên quan đến sự định hướng phát triển của đất nước, địa phương để làm căn cứ cho quyết định lựa chọn. Điều này thể hiện sự bất cập trong công tác định hướng phân luồng sau đào tạo của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay, mặt khác nó biểu thị tính tự phát và tính cá nhân của người lựa chọn là rất cao. Hiện nay, việc chọn nghề của HS chủ yếu để thỏa mãn các nhu cầu mang tính cá nhân, trong khi đó chọn nghề còn thể hiện trách nhiệm xã hội của cá nhân đó đối đất nước ít được các em HS và ngay cả những bậc phụ huynh không quan tâm. Đây là một thực trạng buồn của bức tranh nhân lực của chúng ta trong thời gian qua, khi mà số lượng sinh viên đào tạo ra trường những không tìm được việc làm ngày càng tăng trong khi một số lĩnh vực kinh tế, khoa học, công nghệ lại không tuyển đủ nguồn nhân lực có chất lượng vào làm việc. Nguồn gốc của thực trạng này bắt nguồn từ sự yếu kém trong công tác tổ chức phân luồng và định hướng nghề nghiệp của các tổ chức có trách nhiệm.

Ở lứa tuổi này, HS đã phần nào ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, các em cũng bắt đầu làm quen dần với những hoạt động của xã hội. Đây là điều kiện quan trọng để giúp các bạn trẻ tự tin khi tham gia vào cuộc sống một cách độc lập. Chọn nghề là một trong những bước đệm quan trọng để cho HS khẳng định tính độc lập của cá nhân trước những yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống. Để làm tốt việc này, bản thân các em HS phải dần dần tìm hiểu, trải nghiệm về nghề nghiệp mà các em lựa chọn, qua đó tìm ra được nghề mà bản thân phù hợp nhất. Tìm đọc các tài liệu viết về nghề; thăm quan các cơ sở đào tạo, các cơ sở tuyển dụng; sưu tập các vật phẩm, sách báo có liên quan đến nghề; gặp gỡ những chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp mà bản thân quan tâm để trao đổi, trò chuyện...là những hành động mà HS nên làm để có được cái nhìn chính xác nhất về nghề nghiệp trước khi lựa chọn nó làm phương tiện để bước vào đời sống xã hội.

Thực tế nghiên cứu đã cho thấy hầu hết HS trong diện điều tra đều chưa thực hiện tốt việc chuẩn bị tâm lý trước khi lựa chọn nghề. Số liệu cho thấy, chỉ có 36.2% HS lớp 12 tích cực thực hiện các hành động nhằm chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp sau này. Trong khi đó, số HS tương đối tích cực và không tích cực chuẩn bị tâm lý chiếm tới 63,8% (bảng 3.9).

Qua trao đổi với một số HS lớp 12 chúng tôi nhận thấy, về mặt ý thức hầu hết HS đều thấy được tầm quan trọng của việc tìm hiểu trước về nghề trước khi lựa chọn. Nhưng do áp lực của hoạt động học tập, sự khó khăn của các kỳ thi, quỹ thời gian hạn hẹp nên các em dành toàn bộ tâm trí, sức lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Nhưng theo chúng tôi, đây không phải là lý do chính. Vấn đề ở chỗ, đa số các em HS chưa lập cho mình một kế hoạch lâu dài, “nước đến chân mới nhảy” vẫn là cách ứng xử quen thuộc, vì thế, chọn nghề, chuẩn bị cho tương lai đối với các em vẫn là chuyện xa vời, còn việc trước mắt, quan trọng chính là vượt qua kỳ thi tốt nghiệp hay đại học.

Bảng 3.9. Mức độ tích cực thực hiện các hành động chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp của HS lớp 12

Đặc điểm hành động		Địa bàn nghiên cứu			Chung
		Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	
1	Tích cực thực hiện các hành động để chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp sau này.	89	85	80	254
		37.2%	36.0%	35.2%	36.2%
2	Tương đối tích cực thực hiện các hành động để chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp sau này.	86	102	100	288
		36.0%	43.2%	44.1%	41.0%
3	Thiếu tích cực thực hiện các hành động để chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp sau này.	64	49	47	160
		26.8%	20.8%	20.7%	22.8%
Tổng		239	236	227	702
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

$X = 1,866; std = 0,765$

Thật vậy, trong số các hoạt động chuẩn bị tâm lý cho hoạt động nghề nghiệp thì việc học tập kỹ các môn học sẽ được sử dụng trong các kỳ thi được đại đa số HS thực hiện một cách tích cực (89,3%), trong khi đó chỉ có rất ít HS tìm đọc tài liệu (8,7%), gặp gỡ và trao đổi với người làm nghề (8,1%), thăm quan các cơ sở sản xuất (26,5%)... (bảng 6. phụ lục). Qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy trong phần lớn các trường trong diện điều tra, từ lãnh đạo nhà trường, giáo viên đến HS đều có chung quan điểm khi cho rằng với HS lớp 12, nhiệm vụ quan trọng bậc nhất vẫn là học tập thật tốt để vượt qua các kỳ thi trước khi tốt nghiệp ra trường. Vì vậy, đối với HS lớp 12, năm học cuối cấp luôn là năm học mà HS chịu nhiều áp lực thi cử nhất. Và để vượt qua được các kỳ thi, HS buộc phải tăng cường học tập, ôn luyện các môn học có liên quan đến các kỳ thi này. Nguyễn Hồng Ng, HS lớp 12 A12 Trường Nguyễn Trãi, Thái Bình cho biết: "*Bọn em bây giờ đã học xong chương trình 12, thời gian này thầy cô tập trung cho việc ôn tập để thi tốt nghiệp và thi đại học. Còn về nhà em vẫn phải đi học thêm tuần 3 buổi nữa. Nhiều khi thấy mệt mỏi quá, em chỉ mong cho việc học hành này xong càng sớm càng tốt*". Với một khối lượng kiến

thức đồ sộ, đòi hỏi HS phải tiêu tốn nhiều thời gian, sức lực để nhập tâm đã khiến HS không có nhiều điều kiện thời gian và cơ hội để thực hiện các kế hoạch tìm hiểu, định hướng nghề nghiệp cho bản thân mình.

Khi chọn nghề, HS cần phải cân nhắc đến sự phù hợp trong lựa chọn của mình. Sự phù hợp trong lựa chọn nghề chỉ diễn ra khi sự lựa chọn đó không chỉ đáp ứng được mong muốn, nguyện vọng, hứng thú, sở trường và năng lực của cá nhân mà còn phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội. Để sự phù hợp trong lựa chọn nghề được diễn ra, đòi hỏi HS phải ý thức tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề và nắm được quy trình lựa chọn nghề khoa học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra các tình huống lựa chọn nghề khác nhau tương ứng với các hành động chọn nghề khoa học (tìm hiểu, so sánh, đối chiếu và ra quyết định), căn cứ vào các phương án trả lời của HS, chúng tôi có được kết quả sau:

Bảng 3.10. Tính hợp lý và khoa học trong việc thực hiện các hành động chọn nghề

Đặc điểm hành động		Địa bàn nghiên cứu			Chung
		Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	
1	Chọn nghề một cách khoa học (có đối chiếu so sánh giữa khả năng, sở thích bản thân với yêu cầu của nghề).	60	52	31	143
		25.0%	22.0%	13.6%	20.3%
2	Chọn nghề thiếu căn cứ khoa học (không thực hiện triệt để việc đối chiếu so sánh giữa khả năng, sở thích bản thân với yêu cầu của nghề).	180	184	197	561
		75.0%	78.0%	86.4%	79.7%
Tổng		240	236	228	704
		100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Kết quả cho thấy, trên 2/3 HS lớp 12 (chiếm 79,7%) trong quá trình chọn nghề đã không thực hiện việc lựa chọn theo một quy trình khoa học. Trong tiến trình chọn nghề, các em chỉ hướng đến các giá trị kinh tế của nghề, hay cơ hội việc làm... mà bỏ qua những căn cứ quan trọng như sự phù hợp giữa đặc điểm năng lực,

xu hướng, nguyện vọng của bản thân với những yêu cầu của nghề. Thật vậy, trong các câu hỏi tình huống mà chúng tôi đưa ra như: Em chọn nghề đã tìm hiểu kỹ hay chọn nghề có thu nhập cao (nhưng không thích) (câu 11), thì có đến 85,1% HS lựa chọn phương án 2 và 14,9% HS chọn phương án 1

Tương tự, với câu hỏi: Em chọn nghề phù hợp với phẩm chất, tính cách hay chọn nghề có nhiều cơ hội thi đỗ đại học. Kết quả là 89,2% HS chọn phương án (chọn nghề có nhiều cơ hội thi đỗ đại học). Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy, một bộ phận không nhỏ HS đã có hoạt động chọn nghề thiếu những căn cứ khoa học. Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng lựa chọn nghề của các em, cũng như ảnh hưởng tới quá trình thích ứng và hoàn thiện nghề sau này.

Nhận xét chung về đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động của HS trong hoạt động chọn nghề.

Sau khi tổng hợp kết quả đánh giá về đặc điểm hành động của HS khi chọn nghề, chúng tôi xin đưa ra một số nhận định sau:

Đặc điểm tâm lý nói chung biểu hiện ở mặt hành động HS lớp 12 khi chọn nghề là chỉ là tương đối tích cực. Cụ thể, trong khi thực hiện hoạt động chọn nghề, HS chưa thể hiện được tính chủ động, tích cực ở mức độ cao. Về hành động, HS chưa có nhiều hành động cụ thể tìm hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề. Các hành động thường xuyên được HS thực hiện chủ yếu nhằm vào việc tìm hiểu các thông tin có liên quan đến các cơ hội học tập ở bậc học cao hơn (chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn....). Trong khi đó, nhiều HS thể hiện thờ ơ trong các hành động tìm hiểu về nghề lựa chọn.

Khi xem xét ở từng nhóm khách thể khác nhau, chúng tôi không nhận thấy có sự khác biệt về những đặc điểm biểu hiện trong các hành động chọn nghề của các nhóm HS. Cụ thể, ở các địa bàn nghiên cứu khác nhau, tỷ lệ nhóm HS có đặc điểm hành động là chủ động, tích cực, khoa học không nhiều, như ở Hà Nội, chỉ có 26,9%, Thái Bình là 21,9% và Lào Cai là 23,1%. Còn lại, đa số HS có hành động tương đối chủ động và tích cực khi tiến hành chọn nghề. Điều này cho thấy tính tự

giác của HS đối với hoạt động chọn nghề là chưa cao, nhiều HS còn y lại vào sự thúc dục của cha mẹ, thầy cô (Bảng 3.11)

Bảng 3.11. Bảng tổng hợp đặc điểm hành động của HS khi chọn nghề

		Chủ động, tích cực và khoa học trong hành động chọn nghề		Tương đối chủ động, tích cực trong hoạt động chọn nghề		Thụ động, thiếu tích cực, thiếu cơ sở khoa học trong hoạt động chọn nghề		Tổng	
		S1	%	S1	%	S1	%	S1	%
Địa bàn nghiên cứu	Hà Nội	64	26.9%	119	50.0%	55	23.1%	238	100%
	Thái Bình	50	21.9%	146	64.0%	32	14.0%	228	100%
	Lào Cai	52	23.1%	130	57.8%	43	19.1%	225	100%
Giới tính	Nam	94	25.9%	208	57.3%	61	16.8%	363	100%
	Nữ	72	22.0%	187	57.0%	69	21.0%	328	100%
Học lực	Giỏi	13	23.6%	30	54.5%	12	21.8%	55	100%
	Khá	67	25.4%	152	57.6%	45	17.0%	264	100%
	Trung bình	77	21.8%	207	58.6%	69	19.5%	353	100%
	Yếu	4	21.1%	6	31.6%	94	47.4%	19	100%
Chung		166	24.02%	395	57.16%	130	18.81%	691	100%

Ở góc độ giới, chúng tôi nhận thấy đặc điểm hành động chọn nghề của nam và nữ là tương tự như nhau. Đa phần HS nam và nữ đều chưa thể hiện tính tích cực, chủ động và khoa học trong các hành động tìm kiếm thông tin phục vụ cho hoạt động chọn nghề. Đối với nhóm HS có học lực khá, giỏi tỷ lệ HS có đặc điểm chọn nghề là tích cực, chủ động và khoa học cao hơn nhiều so với nhóm HS có học lực trung bình, yếu.

3.1.4. Đặc điểm tâm lý chung của HS lớp 12 biểu hiện trong hoạt động chọn nghề

Sau khi tổng hợp các kết quả nghiên cứu về đặc điểm tâm lý biểu hiện ở các mặt nhận thức, thái độ, hành động, chúng tôi đi đến một số nhận xét chung như sau:

3.1.4.1. Xét về từng mặt biểu hiện của các đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 khi chọn nghề:

- Đặc điểm nhận thức

Đặc điểm chung nổi bật là đa số HS chưa có hiểu biết đầy đủ và chính xác về những thông tin cần thiết cho hoạt động chọn nghề. Chất lượng thông tin còn mang tính phiến diện, bề ngoài. Những hiểu biết mà HS có được để làm căn cứ lựa chọn chỉ tập trung vào một số đặc điểm dễ nhận thấy như giá trị kinh tế của nghề, địa vị xã hội, các cơ hội việc làm, điểm chuẩn đầu vào của các trường đại học, cao đẳng... Trong khi thông tin về những đặc điểm yêu cầu của nghề, điểm mạnh, điểm yếu trong năng lực, tính cách của bản thân lại không được HS hiểu biết đầy đủ, sâu sắc và chính xác.

- Đặc điểm thái độ:

Trong quá trình chọn nghề, phần đông HS lớp 12 chưa đánh giá đúng vai trò và ý nghĩa của chọn nghề, nhiều HS tuy lựa chọn nhưng không hứng thú với nghề đã chọn. Các em đánh giá cao những giá trị kinh tế, bằng cấp của nghề hơn là những giá trị lao động, ý nghĩa của nghề. Xét ở góc độ tình cảm đối với nghề, đa số HS có ít tình cảm với nghề lựa chọn, nhiều HS còn dao động, không tin tưởng vào lựa chọn của mình.

- Đặc điểm hành động

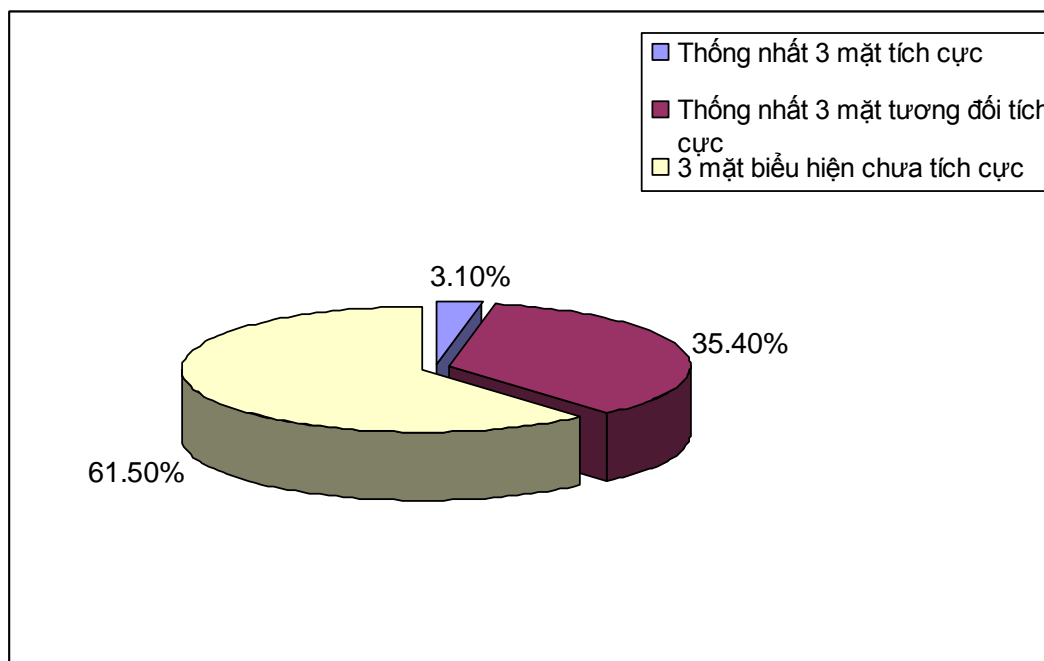
Tích cực trong cách hành động chọn nghề chưa cao, một bộ phận không nhỏ HS chưa chủ động trong hoạt động chọn nghề, nhiều HS chỉ thực hiện việc này khi có người khác khuyến bảo, thúc dục. Trong các hành động chọn nghề, các em chú ý nhiều hơn tới các hoạt động học tập hơn là tìm hiểu kỹ về nghề.

3.1.4.2. Xét biểu hiện của cả 3 đặc điểm tâm lý ở góc độ cá nhân HS lớp 12 khi chọn nghề

Trong đời sống tâm lý các mặt biểu hiện không bao giờ xuất hiện, tồn tại, vận hành một cách đơn lẻ mà luôn có sự tác động qua lại, phối hợp lẫn nhau trong mối quan hệ biện chứng. Trong hoạt động chọn nghề cũng vậy, đặc điểm tâm lý đặc trưng của HS khi chọn nghề được biểu hiện đồng thời ở cả 3 mặt nhận thức, thái độ và hành động với tính chất chung là tích cực hay không tích cực. Để tìm hiểu tính

chất chung của đặc điểm tâm lý HS lớp 12 khi chọn nghề, chúng tôi đã lập ma trận tương quan của 3 đặc điểm tâm lý đã nêu. Kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 3.3: Đặc điểm tâm lý biểu hiện cả ở 3 mặt (nhận thức, thái độ, hành động)



Số liệu ở biểu đồ 3.3 cho thấy, nhóm HS có đặc điểm tâm lý biểu hiện cả ở ba mặt là tích cực chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, với 3,1%, trong khi đó số HS có đặc điểm tâm lý biểu hiện ở cả 3 mặt là không tích cực chiếm đến 61,5%. Như vậy, đặc điểm tâm lý nói chung của HS lớp 12 khi chọn nghề hiện nay là chưa tích cực và mang tính phổ biến ở các vùng miền khác nhau.

Xét ở góc độ học lực, chúng tôi nhận thấy, có sự khác biệt đôi chút giữa các nhóm học sinh có năng lực học tập khác nhau. Cụ thể, với nhóm HS có học lực khá, giỏi thì có tỷ lệ HS có đặc điểm tâm lý tích cực tăng lên với 21,3% và số HS có đặc điểm tâm lý là chưa tích cực giảm đi còn 28,6%. Trong khi đó, nhóm HS có học lực yếu thì 100% có đặc điểm tâm lý chung là không tích cực. Qua phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy đối với những HS có học lực khá giỏi, phần đông các em đều ý thức được ý nghĩa của việc lựa chọn nghề nghiệp. Các em cũng cho biết, học tập tốt chính là điều kiện cần thiết để các em thỏa mãn giấc mơ nghề nghiệp của mình.

Trong khi đó, nhóm HS có học lực kém (thường rơi vào những em học sinh nghịch ngợm, thiếu động cơ nghề nghiệp...) thì lại rất thờ ơ với những hành động chọn nghề.

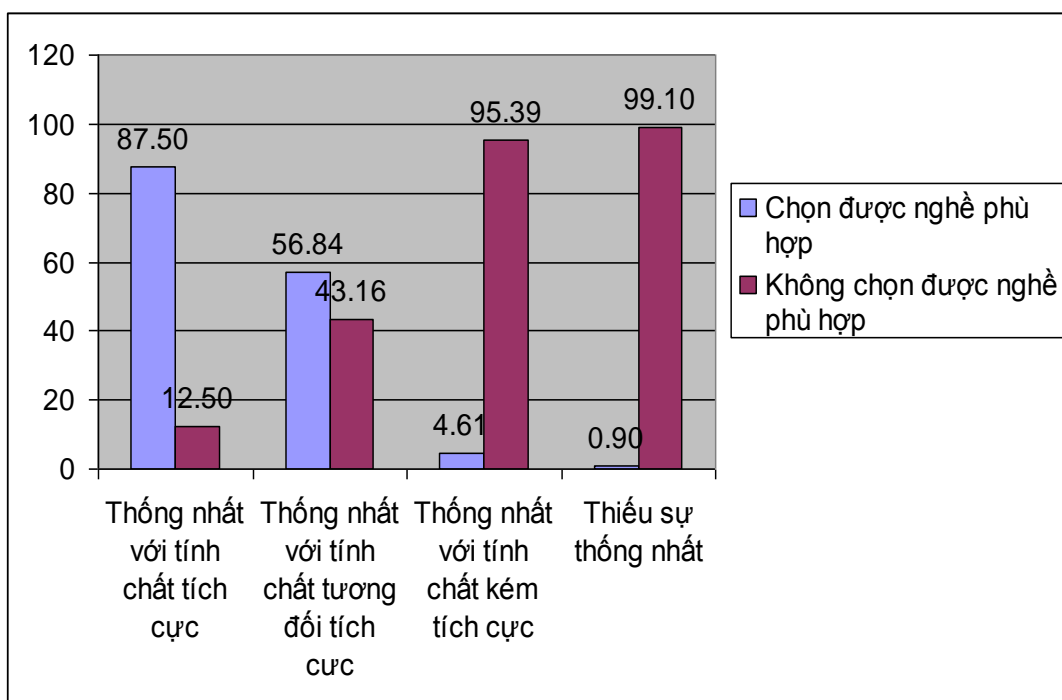
Để xác định mối quan hệ giữa các đặc điểm tâm lý, biểu hiện trong hoạt động chọn nghề của HS có bền chặt hay không, chúng tôi sử dụng kiểm định Khi bình phương và thu được kết quả là: $\chi^2 = 0,345$, $p.value = 0,003 < 0,005$. Kết quả này cho thấy, giữa các đặc điểm tâm lý có mối quan hệ với nhau. Tuy nhiên, khi xét mối tương quan giữa các đặc điểm tâm lý với nhau, chúng tôi nhận thấy với $p.value < 0,005$ và hệ số Spearman's rho = 2,35 cho phép kết luận rằng giữa đặc điểm nhận thức và các đặc điểm khác có mối liên quan với nhau, và mối quan hệ này lại chưa thể hiện được sự bền chặt. Tương tự như vậy, chúng tôi tiến hành đo mối tương quan giữa đặc điểm hành vi với đặc điểm nhận thức và thái độ. Kết quả cho thấy đặc điểm thái độ có mối quan hệ chặt chẽ hơn với đặc điểm hành vi. Điều này có nghĩa, hành động chọn nghề càng tích cực, chủ động thì thái độ của cá nhân với hoạt động này cũng sẽ được nâng cao. (xem bảng 7. phụ lục).

Tóm lại, về đặc điểm tâm lý chung của HS lớp 12 khi chọn nghề, kết quả nghiên cứu cho thấy đa số HS có đặc điểm tâm lý là thiếu tích cực, đặc điểm tâm lý nổi bật nhất đó là các em chưa coi trọng việc chọn nghề, ít có những hành động tích cực tìm hiểu kỹ lưỡng về nghề mình sẽ chọn, dẫn tới những hiểu biết đơn giản, thiếu đầy đủ về nghề. Nếu coi chọn nghề là một hiện tượng tâm lý xã hội đặc biệt của lứa tuổi thanh niên, là dấu mốc quan trọng để cá nhân khẳng định vị thế xã hội của mình với tư cách là người trưởng thành thì có thể nói, ở nhóm HS lớp 12 hiện nay, chúng tôi chưa nhìn thấy đặc điểm này bộc lộ rõ ở các em. Sự phụ thuộc, thiếu độc lập trong việc chọn nghề, đồng thời tâm lý muốn tiếp tục được học tập ở các bậc học cao hơn cho thấy dường như HS lớp 12 hiện nay coi chọn nghề như là một hình thức kéo dài thời gian phụ thuộc vào gia đình (xu hướng tiếp tục học tập nhưng không gắn với một mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng) hơn là chọn một phương thức sống cho cuộc sống tương lai của mình.

3.1.5. Ảnh hưởng của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề tới sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS lớp 12.

Các đặc điểm tâm lý được nảy sinh và hình thành thông qua hoạt động của chủ thể, và các đặc điểm tâm lý này lại có những tác động trở lại, chi phối hoạt động đó. Trong hoạt động chọn nghề của HS cũng vậy, các đặc điểm tâm lý được nảy sinh trong hoạt động này có những tác động trở lại một cách tích cực tới hiệu quả và chất lượng chọn nghề.

Đồ thị 3.1. Mối quan hệ giữa đặc điểm tâm lý chung và chất lượng chọn nghề của HS.



Trước hết, chúng tôi sử dụng kiểm định Phi - Cramer's V để xác định liệu có mối quan hệ nào giữa đặc điểm tâm lý nói chung tới hiệu quả của hoạt động chọn nghề của HS hay không, và kết quả thu được cho thấy, với mức ý nghĩa 95%, hệ số Phi - Cramer's V = 0,667 cho thấy giữa đặc điểm tâm lý chung và chất lượng chọn nghề của HS có mối quan hệ theo chiều thuận với nhau. Đồng thời, với hệ số tương quan thứ bậc Spearman = 0,610, p.value = 0.0001 cho biết mối quan hệ giữa 2 yếu tố này ở mức chặt chẽ.

Thật vậy, nhìn đồ thị 3.1 dễ dàng nhận thấy một quy luật rất rõ, đó là HS có đặc điểm tâm lý thống nhất chung là tích cực thì có tỷ lệ chọn đúng nghề phù hợp cao và ngược lại, những học sinh có đặc điểm tâm lý thống nhất chung là kém tích cực hoặc có đặc điểm tâm lý không thống nhất thì tỷ lệ chọn sai nghề chiếm số lượng lớn. Cụ thể, trong số những HS có đặc điểm tâm lý thống nhất chung là tích cực, có đến 87,50% chọn đúng nghề phù hợp. Số chọn không đúng là 12,5%. Đối với HS có đặc điểm tâm lý thống nhất chung ở mức tương đối tích cực, tỷ lệ chọn đúng nghề giảm đi chỉ còn 56,84%.

Đối với những HS có đặc điểm tâm lý thống nhất chung ở mức độ kém tích cực, thì có đến 95,39% chọn sai nghề, số chọn đúng chỉ là 4,61%. Riêng nhóm HS có các điểm tâm lý không thống nhất về tính chất, thì có đến 99,10% chọn sai nghề. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi lẽ, khi HS có nhận thức đầy đủ về nghề, có thái độ tích cực và hành động tích cực và chủ động trong tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp thì cơ hội để các em tìm được cho mình một nghề đáp ứng đầy đủ mong muốn, nguyện vọng, khả năng của bản thân càng cao. Và đương nhiên, khi chọn nghề mà các em thiếu hiểu biết về nghề, có thái độ không đúng đắn, thiếu tích cực và chủ động trong hành động thì khả năng chọn sai nghề là rất cao.

Điều đáng quan tâm hơn cả là nhóm HS có đặc điểm tâm lý biểu hiện trong hoạt động chọn nghề là không thống nhất, thì gần 100% HS có sự lựa chọn sai lầm, số lựa chọn đúng nghề chỉ mang tính ngẫu nhiên, ăn may. Điều này cho thấy, khi thực hiện việc chọn nghề nếu HS không có nhận thức đầy đủ, có thái độ tích cực và hành động chủ động, tích cực hoặc còn dao động, thiếu tin tưởng vào sự lựa chọn của bản thân, chọn nghề không xuất phát từ nhu cầu lao động của mình thì việc lựa chọn sai nghề là một điều hiển nhiên và chắc chắn.

Như phân tích ở trên, chúng ta thấy mối liên quan chặt chẽ giữa đặc điểm tâm lý nói chung tới chất lượng chọn nghề của HS, tuy nhiên, điều mà chúng tôi quan tâm là trong ba đặc điểm tâm lý biểu hiện ở ba mặt, nhận thức, thái độ, hành động, thì đặc điểm nào hoặc cặp đặc điểm tâm lý nào có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới hoạt động chọn nghề của HS. Qua xử lý những số liệu thu được bằng phương

pháp phân tích phương sai đa nhân tố (Anova: two Factor with Replication), chúng tôi có được kết quả sau:

Bảng 3.12. Mối quan hệ giữa các đặc điểm tâm lý với hoạt động chọn nghề.

	Nguồn biến thiên	Bậc tự do f	F_{tinh}	$F_{bang(0,95,2,\infty)}$
1	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức	2	20,06	19,50
2	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ	2	78,36	19,50
3	Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động	2	142,82	19,50
	Sai số	319.4		
<i>Độ tin cậy thống kê 95%</i>				

Kết quả cho thấy, với đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, với $F_{tinh} = 20,06 > F_{bang} = 19.50$ cho thấy đặc điểm này có ảnh hưởng tới kết quả chọn nghề của HS. Tương tự, với đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ và hành động, chúng ta đều có $F_{tinh} > F_{bang}$ cho thấy cả 2 đặc điểm tâm lý có ảnh hưởng đến kết quả chọn nghề. Điều này có thể đi đến kết luận rằng cả 3 đặc điểm tâm lý biểu hiện ở nhận thức, thái độ, hành động đều có ảnh hưởng đến kết quả chọn nghề, và sự thay đổi của cả 3 đặc điểm này đều có ảnh hưởng tới sự thay đổi kết quả chọn nghề của HS. Đặc biệt, đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt hành động là có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả đến kết quả chọn nghề so với các đặc điểm còn lại.

Để làm rõ hơn nữa, chúng tôi lập mô hình hồi quy tuyến tính bội để tìm hiểu mối tương quan và mức độ ảnh hưởng của từng đặc điểm tâm lý tới chất lượng chọn nghề của HS lớp 12. Kết quả như sau: xét theo ma trận hệ số tương quan, chúng tôi cũng có kết quả tương tự như phân tích ở mục trên, cụ thể, chất lượng chọn nghề của HS lớp 12 có mối tương quan tương đối chặt chẽ với đặc điểm hành vi của các em trong khi thực hiện các hành động chọn nghề. Hệ số tương quan thu được trong mối quan hệ giữa 2 tổ này là Spearman's rho = 0.394, cao nhất so với các đặc điểm tâm lý còn lại (xem bảng 7.phụ lục).

Theo chúng tôi, dù HS chưa có thái độ đúng đắn với nghề nhưng tích cực tìm hiểu đầy đủ thông tin (dù bởi bất kỳ động cơ nào) thì cũng vẫn giúp các em có thêm các thông tin cần thiết cho việc lựa chọn trở nên chính xác hơn. Và ngược lại, nếu HS thụ động trong việc tìm kiếm, trải nghiệm nghề nghiệp trước khi lựa chọn thì cho dù có nhận thức đầy đủ đến đâu, có thái độ tích cực đến đâu thì việc lựa chọn vẫn có thể gặp sai lầm.

Những kết quả kiểm định trên cho phép chúng ta đi đến kết luận rằng, có thể nâng cao chất lượng chọn nghề của HS lớp 12 trên cơ sở tăng cường các hành động tích cực của các em trong hoạt động chọn nghề như hướng dẫn các em tìm hiểu kỹ càng hơn về nghề lựa chọn, tích cực học tập, rèn luyện năng lực, kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoại khóa...

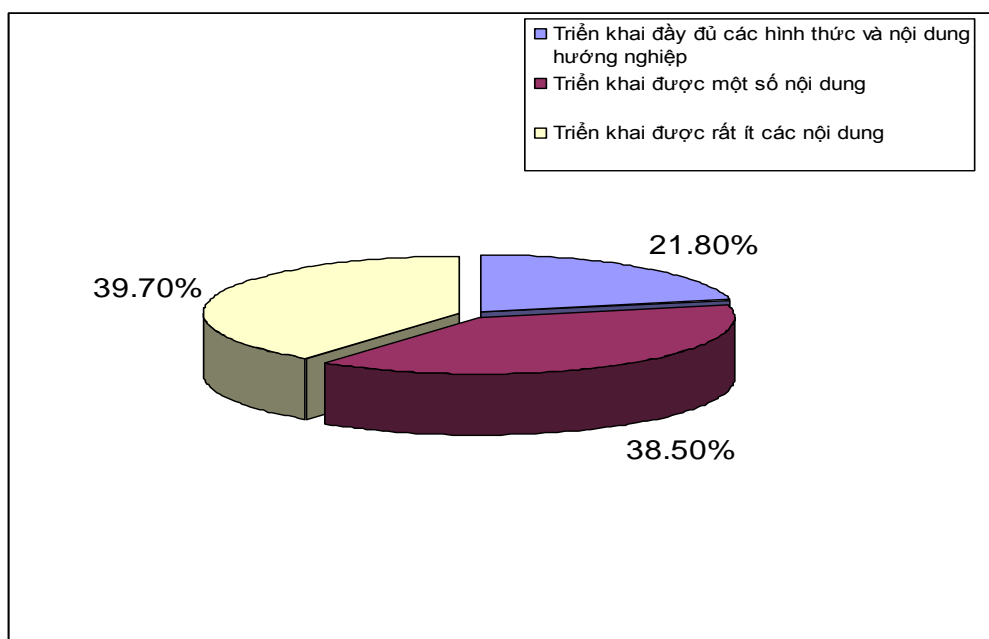
3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm tâm lý hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Trong quá trình tiến hành hoạt động chọn nghề, các đặc điểm nhận thức, thái độ và hành động của HS bị ảnh hưởng và chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có những yếu tố xuất phát từ phía môi trường bên ngoài như hoạt động GDHN của nhà trường, gia đình, nhu cầu thị trường lao động... và cả những yếu tố bên trong như yếu tố động cơ, định hướng giá trị...

3.2.1. Hoạt động GDHN của nhà trường và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề

Hoạt động GDHN là bộ phận gắn bó hữu cơ với toàn bộ hoạt động giáo dục tại các trường phổ thông. Nhiệm vụ của nó nhằm điều chỉnh sự lựa chọn nghề của HS, đảm bảo đáp ứng với nhu cầu xã hội và phù hợp với năng lực, mong muốn và nguyện vọng của bản thân HS. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi dành cho cả học sinh và giáo viên để xác định vai trò và những ảnh hưởng của hoạt động GDHN nhà trường tới hoạt động chọn nghề của HS trong giai đoạn hiện nay.

Biểu đồ 3.4: Mức độ triển khai các hoạt động hướng nghiệp cho HS lớp 12 THPT.



Trước hết, khi tìm hiểu về thực trạng tổ chức các hoạt động GDHN trong các trường THPT hiện nay, chúng tôi nhận thấy, so với những hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung và các hình thức hướng nghiệp cho HS bậc THPT, thì hầu hết các trường trong diện nghiên cứu mới chỉ tổ chức được một cách thường xuyên một số hoạt động hướng nghiệp, còn phần lớn các nội dung và hoạt động hướng nghiệp khác thì chỉ tổ chức ở mức thỉnh thoảng hoặc chưa tổ chức bao giờ. Cụ thể, số liệu hiển thị ở biểu đồ dưới đây cho thấy, có đến 78,2% cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường THPT thừa nhận rằng đã tổ chức không nhiều những hoạt động hướng nghiệp cho HS trong quá trình các em thực hiện hoạt động chọn nghề. Khi xét ở góc độ vùng miền, tỷ lệ ý kiến của giáo viên cũng khá tương đồng như nhau, điều này cho thấy, việc nhà trường THPT chưa tổ chức đầy đủ các nội dung, hình thức hướng nghiệp cho HS là hiện tượng mang tính phổ biến, xuất hiện ở nhiều trường, không phân biệt vùng miền.

Khi tìm hiểu về các nội dung và hình thức hướng nghiệp được các trường thường xuyên sử dụng. Kết quả cho thấy, các trường THPT hoạt động hướng nghiệp được thực hiện phổ biến nhất là các hoạt động liên quan đến công tác thông

tin, tuyên truyền nghề nghiệp cho HS. Số liệu thu được cho thấy, hoạt động “*Cung cấp thông tin về thị trường lao động, cơ hội việc làm của các ngành nghề có trong xã hội cho học sinh tham khảo thông qua môn **Hoạt động GDHN***” là hoạt động được thực hiện thường xuyên nhất, với 78,2% ý kiến đồng ý. (xem bảng 3.15). Kể từ năm 2006, theo *Chỉ thị số 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 về tăng cường GDHN và dạy nghề cho học sinh phổ* môn học “**Hoạt động GDHN**” đã được đưa vào khung chương trình giảng dạy bậc THPT. Trong môn học này, học sinh được giáo viên cung cấp các thông tin về thị trường lao động, việc làm, thông tin về một số ngành nghề phổ biến trong xã hội và một số thông tin khác cần thiết cho hoạt động chọn nghề của HS. Môn học được thực hiện bắt đầu từ năm lớp 9 và kết thúc năm lớp 12, với tổng thời lượng 27 tiết học/năm. Như vậy, hoạt động hướng nghiệp được các trường thường xuyên thực hiện lại là hoạt động mang tính bắt buộc. Tuy nhiên, qua tìm hiểu sâu hơn về việc tổ chức thực hiện hoạt động hướng nghiệp thông qua môn học này, chúng tôi phát hiện ra nhiều điều bất cập. Cụ thể, trong phần lớn các trường THPT, hiện không có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm công tác hướng nghiệp cho HS. Việc thực hiện giảng dạy môn học “Hoạt động GDHN” trong các trường thường được giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc một số giáo viên có ít giờ dạy trong trường đảm nhiệm. Vì thế đã tạo ra không ít khó khăn cho đội ngũ giáo viên đảm nhiệm thực hiện dạy nội dung này. Một giáo viên cho biết “*Làm công tác chủ nhiệm đã mệt lắm rồi, giờ lại phải dạy thêm môn này. Nói thật là trong nhiều buổi dạy hướng nghiệp, mình chẳng biết nói cái gì. Bởi thứ nhất là không có thời gian tìm hiểu, hai là không có tài liệu để tham khảo. Thường đến giờ này, mình cho các em tự thảo luận là chính*” (Cô Trần Hà Ph, giáo viên trường Trần Nhân Tông).

Bảng 3.13. Các hình thức hướng nghiệp cho HS lớp 12 ở các trường THPT.

Stt	Nội dung và hình thức hướng nghiệp được áp dụng	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Lập hồ sơ hướng nghiệp cho từng học sinh	5.1%	42.3%	52.6%
2.	Khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh để hướng dẫn chọn nghề phù hợp	37.2%	47.4%	15.4%
3.	Đo các chỉ số tâm lý (IQ, Tính cách, năng lực...) cho học sinh nhằm phục vụ cho việc tư vấn nghề	20.5%	28.2%	51.3%
4.	Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, chọn nghề cho học sinh	16.7%	26.9%	56.4%
5.	Cung cấp thông tin về thị trường lao động, cơ hội việc làm của các ngành nghề có trong xã hội cho học sinh tham khảo thông qua môn GDHN	78.2%	14.1%	7.7%
6.	Mời các chuyên gia, thợ lành nghề tham gia các buổi sinh hoạt GDHN theo chương trình của Bộ GD-ĐT	33.3%	23.1%	43.6%
7.	Tổ chức thăm quan các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh để định hướng cho sự lựa chọn nghề của học sinh.	26.9%	15.4%	57.7%
8.	Tổ chức sinh hoạt văn hoá, văn nghệ kết hợp tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh.	16.7%	73.1%	10.3%
9.	Lồng ghép các kiến thức hướng nghiệp vào ngay các bài giảng của môn học	21.8%	57.7%	20.5%
10.	Tổng hợp	21.8%	38.5%	39.7%

Các hình thức hướng nghiệp khác như tổ chức các buổi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, kết hợp tuyên truyền hướng nghiệp cho HS, tổ chức khám sức khoẻ, hay lồng ghép các nội dung, kiến thức về nghề nghiệp thông qua các môn học văn hoá cũng được giáo viên các trường THPT thực hiện nhưng ở mức độ thỉnh thoảng. Trong khi đó, các hoạt động hướng nghiệp mang tính chuyên sâu như “Lập hồ sơ hướng nghiệp”; “tư vấn chọn nghề”; “đo chỉ số IQ, năng lực...” lại chính là những hoạt động ít được triển khai nhất. Số liệu bảng 3.13 cho thấy chỉ có rất ít giáo viên cho rằng mình đã thực hiện hoạt động này một cách thường xuyên, trong khi phần đông còn lại cho rằng bản thân chưa bao giờ thực hiện những hoạt động này.

Điều này cho thấy, tính thời vụ trong việc tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS trong các trường THPT được biểu hiện một cách rõ nét. Cứ đến dịp cuối học kỳ 1, đầu học kỳ 2, hoặc vào những tuần cuối, sát kỳ thi tốt nghiệp THPT, các trường lại “rục rịch” tổ chức các hoạt động hướng nghiệp như tư vấn chọn ngành nghề, tổ chức thăm quan một số cơ sở lao động, mời các chuyên gia đến nói chuyện... Như đã biết, mục tiêu của công tác hướng nghiệp đó là cung cấp cho HS những kiến thức, kỹ năng đầy đủ để các em lựa chọn được nghề phù hợp với năng lực, khả năng của bản thân, vì thế, với hình thức hướng nghiệp theo kiểu phong trào, thời vụ như hiện nay các trường đang làm thì chắc chắn trong một thời gian ngắn, các hoạt động mà nhà trường tổ chức khó mà gây được những hiệu quả tích cực đến kiến thức, thái độ và hành động của HS khi lựa chọn nghề nghiệp, và điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng lựa chọn nghề nghiệp của các em.

Trong các trường THPT hiện nay, qua khảo sát của chúng tôi, phần lớn đều chưa thành lập được văn phòng hoặc chưa tổ chức được các hoạt động tư vấn hướng nghiệp một cách bài bản cho HS, dù việc này đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường thực hiện. Qua trao đổi với một số lãnh đạo nhà trường, chúng tôi được biết không phải lãnh đạo nhà trường không quan tâm tới hoạt động này mà vấn đề cốt lõi là lãnh đạo nhà trường không có đủ điều kiện để tổ chức hoạt động trên. Thứ nhất, hiện chưa có mô hình phòng tư vấn học đường - hướng nghiệp “chuẩn “dành cho HS; Thứ hai là nhà trường bị vướng cơ chế tuyển dụng các cán bộ tâm lý vào làm việc tại nhà trường. Tất cả những điều này đã và đang gây ra những khó khăn nhất định với các trường khi thực hiện tổ chức các hoạt động tư vấn học đường nói chung và hướng nghiệp nói riêng. Như hiện nay, để đảm nhiệm hoạt động hướng nghiệp, các trường phải sử dụng các giáo viên không chuyên, thiếu kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn nghề, thiếu công cụ, phương tiện dùng cho hoạt động tư vấn nghề... Vì thế, giáo viên cũng chỉ bằng kinh nghiệm đã tích lũy để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đây là một trong những bất cập của việc tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS diễn ra trong nhiều năm qua.

Có thể nói, hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường hiện nay còn nhiều bất cập, như không tổ chức ở mức độ thường xuyên nhiều hoạt động hướng nghiệp quan trọng, nặng về cung cấp thông tin, những tư vấn chuyên sâu giúp cho HS chọn nghề ít được thực hiện... điều này đã và đang gây ra những ảnh hưởng không tốt tới chất lượng định hướng và lựa chọn nghề của HS.

Những yếu kém trong tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS trong các trường THPT hiện nay có ảnh hưởng gì đến các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của các em hay không? Chúng tôi đã đi tìm mối liên hệ này thông qua nhận xét và đánh giá của các bạn HS, và kết quả thu được là có đến 47,9% HS cho rằng các hoạt động hướng nghiệp mà nhà trường tổ chức đã không có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của họ. 45,89% HS cho rằng có ảnh hưởng ở mức độ trung bình và chỉ có 6,91% HS cho rằng hoạt động hướng nghiệp của trường thực sự rất có ảnh hưởng tới quyết định chọn nghề của họ. Xét ở mức độ ảnh hưởng chung của hoạt động GDHN trong nhà trường tới hoạt động chọn nghề của HS, với $\bar{X} = 2,402$ cho thấy sự ảnh hưởng nằm ở mức thấp nhất (xem bảng 9. phụ lục). Xét ở góc độ vùng miền, chúng tôi cũng thu được những kết quả tương tự. Điều này một lần nữa khẳng định những hạn chế trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường THPT đã không có những ảnh hưởng mang tính tích cực đến các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của các em HS trong thời gian qua. Đây là một câu hỏi lớn khi mà hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phải đảm đương vai trò chủ đạo trong việc định hướng cho hoạt động chọn nghề của HS nhưng thực tế đã cho câu trả lời ngược lại.

Xét riêng về những ảnh hưởng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường tới từng đặc điểm nhận thức, thái độ, hành động biểu hiện trong hoạt động chọn nghề của các bạn HS, chúng tôi có được kết quả sau:

Bảng 3.14. Ảnh hưởng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp tới các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS.

Địa bàn		Hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường		
		Ảnh hưởng tới nhận thức	Ảnh hưởng tới thái độ	Ảnh hưởng tới hành động
Hà Nội	\bar{X}	2.5625	2.6542	2.5917
	Slượng	240	240	240
	Độ lệch	.61726	.54233	.49255
Thái Bình	\bar{X}	2.2361	2.3826	2.3391
	Slượng	233	230	233
	Độ lệch	.68234	.59960	.67022
Lào Cai	\bar{X}	2.3921	2.5022	2.4449
	Slượng	227	225	227
	Độ lệch	.67871	.59854	.60988
Tổng chung	\bar{X}	2.3986	2.5151	2.4600
	Slượng	700	695	700
	Độ lệch	.67215	.59001	.60266

Số liệu bảng trên cho thấy, điểm \bar{X} chung của HS lớp 12 khi đánh giá về mức độ ảnh hưởng của hoạt động GDHN trong nhà trường tới đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ, hành động là rất thấp với các điểm số là 2,39; 2,51 và 2,46. Những điểm số này nằm trong khoảng mức độ “không có ảnh hưởng”. Như vậy, có thể nói, các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức trong thời gian qua đã không có ảnh hưởng tích cực đến các đặc điểm tâm lý biểu hiện ở 3 mặt nhận thức, thái độ và hành động của HS khi thực hiện quá trình chọn nghề của mình.

Tóm lại, việc tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS ở các trường THPT trong thời gian qua còn nhiều bất cập, chưa tương xứng với vị trí và vai trò đầu tàu trong các chủ thể của hoạt động GDHN cho HS trong quá trình chọn nghề. Các hình thức hướng nghiệp được tổ chức trong các trường hiện nay là đơn điệu, khô cứng, các nội dung thông tin không được cung cấp đầy đủ cho các em HS trong quá trình chọn nghề... vì thế, các tác động của hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường đã không có ảnh hưởng tích cực tới các đặc điểm tâm lý của HS trong quá trình chọn nghề. Hay nói cách khác, hoạt động hướng nghiệp đã chưa có tác dụng

manh mẽ trong việc điều chỉnh, điều khiển động cơ chọn nghề của HS, khiến cho hoạt động này của HS được thực hiện một cách tự phát, thiếu định hướng.

3.2.2. Hoạt động GDHN của gia đình và đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề

Ở Việt Nam, với chính sách duy trì dân số ở mức thấp nên mỗi gia đình thường chỉ có từ một đến hai con. Với số con ít nên việc đầu tư quan tâm chăm sóc của gia đình đến con cái nhiều hơn. Hơn thế nữa, sự đỗ đạt của con cái không chỉ mang lại sự yên tâm của bố mẹ mà còn là niềm tự hào của gia đình. Do đó, vấn đề học tập, chọn nghề của con cái luôn nhận được sự quan tâm của bố mẹ, người thân. Khi được hỏi, ông bà có biết mong muốn, nguyện vọng của con mình là gì hay không? Kết quả thu được cho thấy, phần đông các bậc cha mẹ đã thể hiện sự quan tâm của mình tới nguyện vọng nghề nghiệp của con. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tới 76,2% cha mẹ học sinh có biết về mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp của con, trong khi đó, chỉ có 23,8% cha mẹ HS không biết đến điều này. Trong số các bậc cha mẹ có quan tâm tới việc lựa chọn nghề nghiệp của con, thì có tới 59,1% cha mẹ đã có các hoạt động định hướng, trợ giúp cho con cái trong quá trình tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp ngay từ những năm đầu bậc THPT. Những số liệu này cho thấy, phần đông các bậc cha mẹ học sinh lớp 12 hiện nay, đã có những quan tâm và những trợ giúp nhất định đến hoạt động chọn nghề của con cái mình.

Một chiến lược trợ giúp con cái chọn nghề hợp lý đó là cha mẹ phải thực sự là một người bạn, một chuyên gia để nắm bắt đầy đủ nhu cầu, nguyện vọng nghề nghiệp của con, cùng con tìm hiểu kỹ càng về nghề nghiệp dự định lựa chọn, đưa ra cho con những lời khuyên hợp lý mà không ép buộc, dành nhiều điều kiện vật chất, tinh thần để con phát triển được những năng lực học tập và hứng thú nghề nghiệp... Và ngược lại, chiến lược hướng nghiệp của gia đình không hợp lý là cha mẹ thờ ơ với việc chọn nghề của con, thiếu sự trợ giúp một cách khoa học hoặc gò ép, bắt buộc con cái phải đi theo một lĩnh vực mà bản thân yêu thích, mong muốn cho dù nghề nghiệp đó không phù hợp với năng lực, sở thích của con. Vì thế, điều mà chúng tôi quan tâm hơn cả các bậc cha mẹ có sử dụng các biện pháp trợ giúp,

định hướng nghề nghiệp cho con cái một cách hợp lý hay không? Để làm rõ, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi “Anh chị đã có những hành động trợ giúp gì đối với con cái trong quá trình chọn nghề”, sau khi thống kê các phương án trả lời, chúng tôi có được kết quả như sau.

Về chiến lược trợ giúp của gia đình đối với việc chọn nghề của con cái, kết quả mà chúng tôi thu được cho thấy cách mà đa số gia đình thường làm nhất và thiết thực nhất đối với nguyện vọng nghề nghiệp của con cái đó là chuẩn bị các nguồn tài chính để con cái thỏa mãn ước mơ nghề nghiệp thông qua việc đầu tư vào quá trình học tập ôn luyện.

Bảng 3.15: Các hành động trợ giúp của gia đình đối với con cái trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp

Stt	Các hoạt động	Hoàn toàn đúng		Đúng một phần		Không đúng	
		S1	%	S1	%	S1	%
1.	Dành thời gian để trao đổi về mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp với con	45	42.9%	55	52.4%	5	4.8%
2.	Hướng dẫn con tìm kiếm các thông tin về nghề dự định lựa chọn	26	23.6%	61	55.5%	23	20.9%
3.	Hướng dẫn con cách tự khám phá ra các tiềm năng của bản thân	15	14.3%	65	61.9%	25	23.8%
4.	Cố gắng thuyết phục con nghe theo những lời khuyên hợp lý của cha mẹ (dù không đúng với mong muốn của con).	50	47.6%	50	47.6%	5	4.8%
5.	Cùng con tìm kiếm các tài liệu, thông tin về nghề mà con muốn lựa chọn	30	28.6%	45	42.9%	30	28.6%
6.	Chuẩn bị nguồn kinh phí để con có thể học thêm kiến thức ngoài giờ lên lớp.	77	70.0%	26	23.6%	7	6.4%
7.	Dành nhiều điều kiện để bồi dưỡng năng khiếu, thiên hướng của con.	50	47.6%	35	33.3%	20	19.0%
8.	Để con tự lựa chọn (bố mẹ không can thiệp)	25	23.8%	43	41.2%	37	35%

Theo số liệu điều tra, có đến 70% gia đình “*Chuẩn bị nguồn kinh phí để con có thể học thêm kiến thức ngoài giờ lên lớp*”. Số liệu này một mặt, phản ánh sự quan tâm của gia đình đối với tương lai của con cái, nhưng mặt khác nó cũng phản ánh tâm lý bằng cấp của xã hội Việt Nam chúng ta. Nhiều bậc phụ huynh khi được hỏi cho rằng, chỉ có thể vào đại học, con cái mới nên người được. Do đó, đầu tư vào học tập là chiến lược được xem là khôn ngoan của các gia đình có con trước ngưỡng cửa cuộc đời.

Thực tế cho thấy, trong nhiều gia đình yếu tố tài chính lại là nguyên nhân quan trọng quyết định đến sự lựa chọn nghề nghiệp của con cái. Em Trần Ngọc A Lớp 12 A2, Trường THPT Bát Sát, Lào Cai cho biết “*em thích học ngành kế toán ở Hà Nội, nhưng nhà em không có đủ tiền nuôi ăn học và đóng học phí, vì thế em sẽ chọn ngành sư phạm để bớt gánh nặng cho gia đình*”. Vì thế, việc chuẩn bị tài chính cho con là một trong những biểu hiện quan trọng của sự quan tâm của cha mẹ đến nguyện vọng nghề nghiệp của con cái.

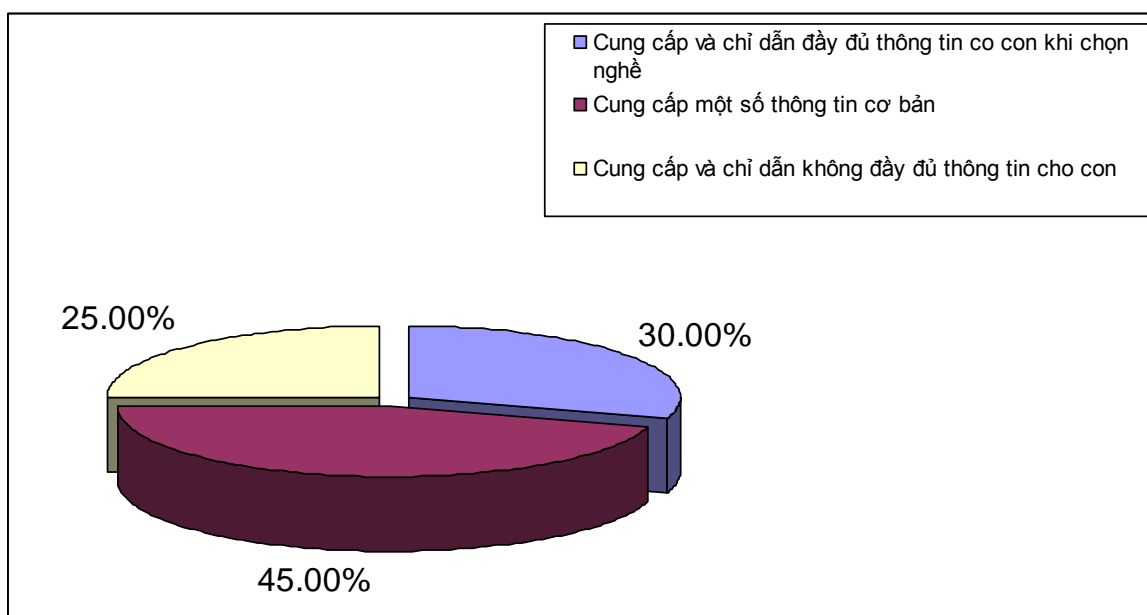
Cùng với việc đầu tư vào quá trình học tập, nhiều gia đình còn tạo những điều kiện để con em phát huy được năng khiếu, sở trường. Số liệu cho thấy có 47,6% gia đình “*Dành nhiều điều kiện để bồi dưỡng năng khiếu, thiên hướng của con*” Đây cũng là cách hợp lý để cha mẹ có thể giúp con phát huy được những tố chất, năng lực và thiên hướng nghề nghiệp của con cái.

Bên cạnh đó, điều đáng chú ý là có không ít bậc cha mẹ đã thực hiện các hành động hướng nghiệp không hợp lý. Cụ thể, có đến 47,6% gia đình “*Cố gắng thuyết phục con nghe theo những lời khuyên hợp lý của cha mẹ (dù không đúng với mong muốn của con)*”. Một phụ huynh cho biết “*Trẻ con nó chưa hiểu biết gì đâu, mình phải giúp đỡ nó, tìm cho nó một nghề mà sau này mình có thể xin được việc làm cho nó*” Với trường hợp cha mẹ áp đặt nghề nghiệp cho con cái, phần lớn rơi vào các gia đình khá giả, đang sống ở đô thị hoặc gia đình có vị trí xã hội cao. Với điều kiện kinh tế, mối quan hệ xã hội rộng rãi, vốn hiểu biết phong phú... khiến nhiều bậc cha mẹ có nhiều cơ hội chuẩn bị trước được những vị trí việc làm tốt cho con sau này, và vì thế, cha mẹ có xu hướng mong muốn thuyết phục con làm theo

sự sắp đặt trước của mình. Em Trần Hai Minh Tr Trường THPT Trần Nhân Tông, có bố là bác sỹ bệnh viện VĐ cho biết: " *Em không thích học nghề Y vì em rất sợ máu, nhưng bố em bắt phải thi khoa Sản vì sau này ra trường dễ kiếm được nhiều tiền và thành đạt hơn*" . Ở một khía cạnh nào đó, việc cha mẹ mong muốn cho con đi theo một lĩnh vực nghề nghiệp cũng xuất phát từ mong muốn cho con cái được trưởng thành, rút ngắn thời gian tìm việc, có được một vị trí việc làm tốt. Tuy nhiên, trong trường hợp mong muốn của cha mẹ trái ngược với mong muốn của con cái, hoặc con cái không có khả năng, năng lực đáp ứng yêu cầu công việc mà bố mẹ sắp đặt, thì nguy cơ các em đó bỏ nghề, chán nghề sẽ cao hơn hẳn so với những HS được tự lựa chọn nghề cho mình.

Ngoài việc áp đặt cho con cái khi lựa chọn nghề nghiệp, thì trong nhiều gia đình lại không chú ý, hoặc thờ ơ với việc chọn nghề của con. Kết quả điều tra cho thấy, số lượng gia đình dành thời gian để cùng con tìm kiếm tài liệu, sách báo nâng cao hiểu biết về nghề hay cùng con tìm hiểu và khám phá những năng lực, tố chất, khả năng của bản thân... chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn dao động trong khoảng trên dưới 20%.

Biểu đồ 3.5: Lượng kiến thức, kỹ năng mà gia đình cung cấp cho HS trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp



Điều này cho thấy, về chiến lược hướng nghiệp cho con cái, phần đông cha mẹ đều ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc chuẩn bị sứ mệnh nghề nghiệp cho con cái, tuy nhiên, cách mà phần lớn gia đình đang áp dụng hiện nay lại chưa đầy đủ và hợp lý, khoa học để giúp con cái chọn được nghề phù hợp với năng lực, sở thích cho dù những tác động của gia đình ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức, thái độ và hành động của con cái trong chọn nghề.

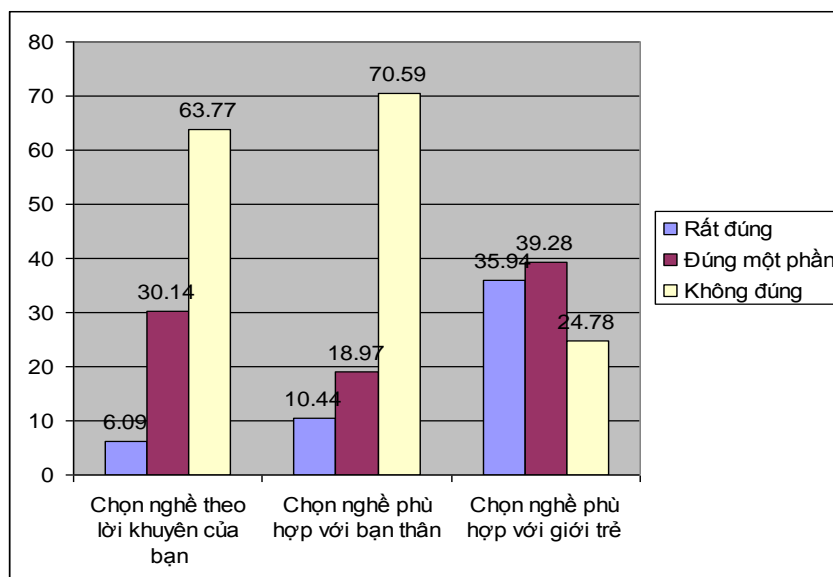
Nhận định trên là có cơ sở khi tìm hiểu mối quan hệ giữa hoạt động hướng nghiệp của gia đình với những quyết định nghề nghiệp của các em học sinh, chúng tôi nhận thấy đa số HS cảm nhận rằng những tác động của gia đình có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của các em nhưng những kiến thức mà cha mẹ cung cấp lại không đủ để các em ra được các quyết định chọn nghề có căn cứ khoa học và hợp lý. Nhìn vào biểu đồ 3.5 trên, chúng ta thấy chỉ có 30% HS cho biết, bố mẹ đã cung cấp đầy đủ thông tin cho các em để làm căn cứ lựa chọn nghề, 45% HS cho rằng gia đình mới chỉ cung cấp được một số thông tin cần thiết. Như chúng tôi đã trình bày ở trên, cách thức mà gia đình hướng nghiệp cho con cái hiện nay là chưa đầy đủ, hợp lý và khoa học và sự thật này chỉ ra rằng, trong khi chọn nghề, đa số các em đã làm theo chỉ dẫn của gia đình, cho dù những chỉ dẫn đó là như thế nào. Điều này, phần nào đã nói lên tính chủ động của các em còn chưa cao, sự hướng dẫn chọn nghề một các khoa học của nhà trường thông qua hoạt động GDHN còn chưa hiệu quả. Vất tất yếu, điều này có ảnh hưởng đến chất lượng chọn nghề của các em trong thời gian qua.

Về nguyên nhân của thực trạng này, theo chúng tôi là do phần đông cha mẹ HS chưa ý thức được thật đầy đủ và sâu sắc trách nhiệm của mình đối với việc giúp đỡ con cái trong lựa chọn nghề nghiệp, mặt khác, phần đông các bậc cha mẹ vì quá bận rộn với công việc của mình, hoặc thiếu kiến thức khoa học về giáo dục hướng nghiệp nên đã chưa có được những trợ giúp hợp lý và khoa học đối với quá trình chọn lựa nghề nghiệp của con cái.

3.2.3. Mối quan hệ bạn bè và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề.

Ở lứa tuổi 16 – 17, HS THPT coi tình bạn là những mối quan hệ quan trọng nhất, bền vững, có thể vượt qua mọi thử thách và có thể kéo dài suốt cuộc đời. Ở giai đoạn này, các em thường tham gia nhiều nhóm bạn chơi, trong đó có bạn cùng lứa, bạn cùng lớp, cùng trường, bạn cùng sở thích... Trong quá trình tham gia và hoà nhập vào các nhóm bạn bè, các em bị ảnh hưởng và thực hiện theo những giá trị, chuẩn mực chung của nhóm. Để đánh giá một cách khách quan liệu có sự ảnh hưởng nào của nhóm bạn đến các đặc điểm tâm lý của HS trong quá trình chọn nghề hay không? Chúng tôi đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và điều tra bằng bảng hỏi để làm rõ điều này.

Đồ thị 3.2: Yếu tố bạn bè và ảnh hưởng của nó tới quyết định chọn nghề của HS lớp 12 THPT



Trước hết, về nhận định của nhóm HS lớp 12 về sự ảnh hưởng của bạn bè đến quyết định chọn nghề của các em. Tại đồ thị 3.2, chúng tôi nhận thấy chỉ có rất ít HS bị ảnh hưởng một cách cảm tính chọn nghề theo lời khuyên của bạn bè (6,09%), tuy nhiên, có đến 30,14% cho rằng những lời khuyên của bạn cũng có những ảnh hưởng nhất định đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của mình. Trong mối quan hệ với nhóm bạn thân, phần đông HS cũng đã có những suy nghĩ độc lập để tự quyết định nghề nghiệp cho mình, chỉ có 10,44% HS cho rằng họ chọn nghề để phù hợp với nhóm bạn thân, 18,97% cho rằng mình có bị ảnh hưởng một phần.

Như vậy, xét ở góc độ cá nhân, những quyết định chọn nghề của HS ít bị ảnh hưởng một cách trực tiếp từ những áp lực nhóm mà các em là thành viên. Tuy nhiên, nhìn rộng ra, chúng ta thấy có đến 35,94% HS cho biết họ chọn nghề theo xu hướng chung của giới trẻ, 39,28% cho rằng nghề mình chọn cũng là bị ảnh hưởng một phần từ xu hướng này. Những số liệu này cho thấy, tuy những ảnh hưởng từ nhóm bạn bè tới việc chọn nghề là không nhiều, nhưng xu hướng lựa chọn của những người cùng lứa, của bạn bè trong lớp, trong trường có lại có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyết định nghề nghiệp của các bạn HS. Theo chúng tôi, chính từ đặc điểm nhận thức không đầy đủ về nghề nghiệp, về thị trường lao động, thiếu hứng thú với một lĩnh vực nghề nghiệp nào đó cụ thể, cũng như thiếu tích cực trong các hành động chọn nghề nên vô hình chung, sự lựa chọn của bạn bè lại là cơ sở để HS tham khảo trước khi ra quyết định. Việc chọn nghề theo một, a đua với người khác một cách thiếu cân nhắc chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng chọn nghề của các em.

Thật vậy, chúng tôi đã sử dụng kiểm định Phi.Cramer's V để xác định mối quan hệ giữa việc lựa chọn theo xu hướng của bạn bè và chất lượng chọn nghề của HS, kết quả cho thấy với mức ý nghĩa 95%, $p.value = 0.001$, hệ số Phi - Cramer's V = 0,451 (xem bảng 10. phụ lục) cho phép kết luận rằng giữa hai yếu tố trên có mối quan hệ với nhau và mức độ quan hệ tương đối chặt chẽ. Khi xem xét mối quan hệ này, ta thấy xu hướng, HS càng lệ thuộc vào xu hướng chọn nghề của bạn bè thì cơ hội chọn đúng nghề càng thấp. Số liệu thu được cho thấy có đến 56,8% HS chọn nghề theo bạn bè thì có kết quả lựa chọn là hoàn toàn sai lầm, trong khi

Như vậy, yếu tố bạn bè có ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm lý của HS khi chọn nghề, trong đó, sức ảnh hưởng của nó tới đặc điểm nhận thức của HS là mạnh hơn cả. Theo chúng tôi, sự gần gũi và cởi mở trong giao tiếp đã khiến cho HS dễ dàng chia sẻ các nguồn thông tin, quan điểm, quan niệm nghề nghiệp cũng như những kinh nghiệm trong tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp của mình. Vì thế, những thông tin có được thông qua mối quan hệ giao tiếp với bạn bè đã trở thành một trong những nguồn thông tin quan trọng và hữu ích, giúp các em HS thêm hiểu

biết (có thể chính xác hoặc không chính xác) về nghề nghiệp cũng như thị trường lao động của nghề mình lựa chọn và sử dụng chúng như là một căn cứ để ra quyết định chọn nghề.

3.2.4. Biến động của thị trường lao động và ảnh hưởng của nó tới đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề

Sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế đất nước từng bước chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia. Sự thay đổi tích cực của nền kinh tế đã tạo ra sự phát triển vượt bậc của các lĩnh vực lao động, sản xuất, kinh doanh trong xã hội, điều này không chỉ tạo ra sự đa dạng trong các lĩnh vực lao động, việc làm, mà còn tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn cho mỗi cá nhân khi quyết định cuộc sống tương lai của mình. Trong nền kinh tế thị trường, sức lao động trở thành hàng hóa và nó bị chi phối bởi các quy luật của thị trường sức lao động. Vì vậy, chọn việc gì, ngành nào để ra trường có nhiều cơ hội việc làm với thu nhập khá luôn là những câu hỏi được đặt ra trước mỗi HS khi phải đưa ra các quyết định lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Bảng 3.16: Ảnh hưởng của yếu tố thị trường lao động đến quyết định chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay

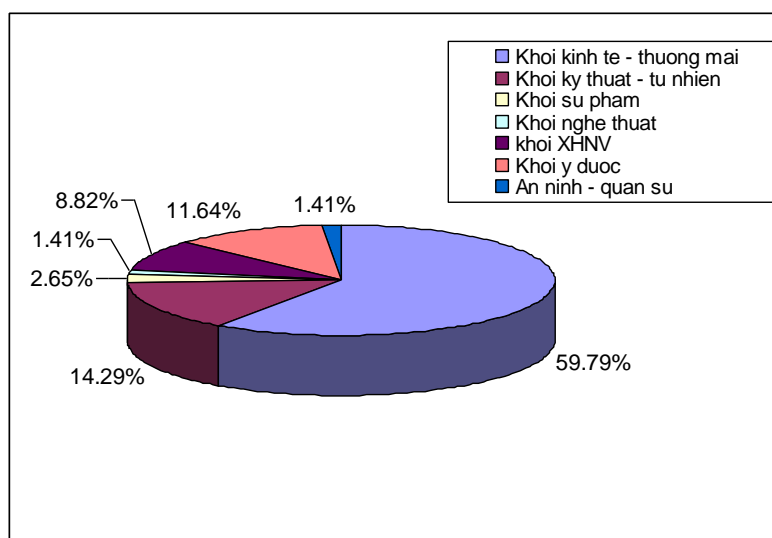
		Tần suất	Tỷ lệ	Tỷ lệ thực	Tỷ lệ cộng dồn
1	Rất ảnh hưởng	265	37.6	37.9	37.9
2	Có ảnh hưởng nhưng không nhiều	207	29.4	29.6	67.4
3	Không ảnh hưởng	228	32.4	32.6	100.0
	Tổng	700	99.4	100.0	
	Giá trị khuyết: 99.00	4	.6		
	Tổng	704	100.0		

Về mức độ ảnh hưởng của những biến động thị trường lao động đến các đặc điểm tâm lý của HS khi chọn nghề, khi được hỏi về những yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề, có đến 37,9% HS lớp 12 thừa nhận rằng yếu tố thị trường lao động có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến suy nghĩ, nhận thức, thái độ của các em khi chọn nghề. 29,6% HS cho rằng, yếu tố thị trường cũng có ảnh hưởng, nhưng mức

độ ảnh hưởng không cao và 32,6% HS cho rằng không ảnh hưởng. Như vậy, đa số HS lớp 12 đều cho rằng các yếu tố thị trường lao động có ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề của họ (cho dù ở các mức độ khác nhau).

Nhưng, những ảnh hưởng này mang chiều hướng là tích cực hay tiêu cực đến kết quả chọn nghề của các em? Để làm rõ chúng tôi sử dụng phép tính tương quan để xác định mối quan hệ giữa đặc điểm nhận thức của HS về thị trường lao động với sự phù hợp trong lựa chọn nghề. Kết quả cho thấy, có mối quan hệ chặt chẽ giữa mức độ hiểu biết của HS về thị trường lao động với sự phù hợp trong lựa chọn nghề ($p < 0.005$; Spearman = 0,432). Có nghĩa, HS càng nhận thức đầy đủ và sâu sắc về thị trường lao động thì cơ hội chọn được nghề phù hợp càng cao bất nhiêu. Ngược lại, nếu HS nhận thức hời hợt, không đầy đủ về thị trường, thì khả năng chọn nghề không phù hợp là rất lớn. Thật vậy, kết quả cho thấy, trong số những HS có hiểu biết đầy đủ về thị trường lao động, thì có tới 77,3% HS chọn được nghề phù hợp. Trong khi đó, trong số HS thiếu hiểu biết đầy đủ về thị trường lao động, thì có đến 75,5% HS có sự lựa chọn nghề sai lầm. (xem bảng 11. phụ lục). Như vậy, có thể nói, hiểu biết của HS về thị trường lao động có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quyết định lựa chọn của các em.

Biểu đồ 3.6: Cơ cấu lĩnh vực nghề nghiệp lựa chọn trong kỳ thi tuyển sinh 2010.



Kết quả điều tra mà chúng tôi tiến hành đã cho thấy xu hướng nổi bật trong chọn nghề của HS lớp 12 trong những năm qua là các nghề thuộc lĩnh vực kinh tế, thương mại với 59,79%, trong khi đó các nghề thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, sư phạm chỉ có rất ít HS lựa chọn (8,82% HS chọn nghề thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, 6,2% chọn lĩnh vực sư phạm...) (Biểu đồ 3.6).

Nếu xét ở góc độ động cơ cá nhân, việc căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của thị trường động để ra quyết định lựa chọn nghề là một hành động khôn ngoan, đúng đắn của HS. Nhưng điều đáng nói là sự lựa chọn nghề của HS hiện nay lại thiếu đi sự định hướng, tuyên truyền và giáo dục nghề nghiệp một cách đúng đắn và có chất lượng của nhà trường và xã hội đã dẫn tới hiện tượng HS chỉ tập trung lựa chọn một số ngành nghề hấp dẫn, quen thuộc theo sở thích và nguyện vọng cá nhân mà không tính tới những lĩnh vực nghề nghiệp khác mà bản thân phù hợp và thị trường đang thực sự có nhu cầu. Điều này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới công tác phân luồng, tuyển sinh, đào tạo nghề, gây tổn thất về kinh tế lớn không chỉ cho bản thân HS mà còn cho cả xã hội, tạo ra một thị trường nguồn nhân lực luôn ở tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” như đang gặp hiện nay.

3.2.5. Ảnh hưởng của định hướng giá trị nghề và động cơ chọn nghề của HS với đặc điểm tâm lý trong lựa chọn nghề của HS lớp 12 THPT

3.2.5.1. Thang giá trị trong lựa chọn nghề của HS THPT

Trong hoạt động chọn nghề của HS, định hướng giá trị nghề nghiệp là sự đánh giá, nhìn nhận và lựa chọn đối với các giá trị của nghề trong mối liên quan đến nhu cầu và động cơ của bản thân học sinh. Các giá trị nghề được lựa chọn trong quá trình định hướng là tiêu chuẩn và cơ sở để cá nhân ra các quyết định lựa chọn nghề này hay nghề khác. Đối với HS lớp 12, lựa chọn nghề đã trở thành một hoạt động có ý thức, cần có sự suy nghĩ một cách chín chắn thì thang giá trị giá trị của nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc định hướng quá trình nhận thức, tổ thái độ và thúc đẩy các hành động lựa chọn nghề theo những giá trị đó.

Với những biến động phức tạp của thị trường lao động, những đánh giá, nhìn

nhận, phát xét của xã hội đối với giá trị và ý nghĩa của các nghề nghiệp, với quá trình giáo dục định hướng của nhà trường, gia đình và những lời khuyên của bạn bè thì những giá trị nào hiện nay đang được các bạn HS lớp 12 ưu tiên lựa chọn khi chọn nghề. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thu được cho thấy, giá trị ưu tiên nhất mà HS luôn hướng tới khi lựa chọn nghề này hay nghề khác đó là yếu tố “**thu nhập**” với điểm trung bình là 3,94, xếp ở bậc thang giá trị cao nhất.

Bảng 3.17. Đặc điểm định hướng giá trị nghề của HS khi chọn nghề.

Stt	Căn cứ ưu tiên trong lựa chọn nghề	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1.	<i>Thu nhập</i>	3.94	3.68	1
2.	<i>Phù hợp năng lực</i>	4.64	3.62	2
3.	<i>Phù hợp tính cách</i>	5.79	3.76	3
4.	<i>Dễ xin việc</i>	5.86	4.39	4
5.	<i>Dễ thi đỗ</i>	6.54	4.47	5
6.	Phát huy được năng khiếu, sở trường	6.87	3.72	6
7.	Phát triển được bản thân	6.95	3.37	7
8.	Môi trường làm việc hiện đại	8.37	3.85	8
9.	Phù hợp hoàn cảnh, địa vị gia đình.	9.08	4.28	9
10.	Cống hiến được nhiều cho cộng đồng, xã hội	9.49	4.45	10
11.	Nâng cao giá trị bản thân	9.52	9.89	11
12.	<i>Bằng cấp cao</i>	9.69	4.47	12
13.	<i>Phù hợp với các bạn trẻ</i>	10.56	3.91	13
14.	<i>Góp phần xây dựng và phát triển đất nước</i>	10.70	4.24	14
15.	<i>Được làm việc gần gia đình</i>	11.09	4.09	15
16.	<i>Thừa hưởng truyền thống gia đình</i>	12.83	4.15	16

Qua phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy hầu hết các em đều có chung ý kiến rằng mối quan tâm hàng đầu của các em trong chọn nghề đó là thu nhập. Các em cho rằng “có thực mới vực được đạo”, “nghề nào có thu nhập cao, có được nhiều tiền dù không thích nhưng vẫn chọn”... Điều này khẳng định: định hướng giá trị nghề đã ảnh hưởng mạnh mẽ như thế nào đến hành động chọn nghề của HS lớp 12

hiện nay. Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường, tiền bạc là phương tiện chất, giúp cá nhân thoả mãn được nhiều nhất các nhu cầu của mình. Hơn thế nữa, theo quan niệm của nhiều người, tiền bạc còn là thước đo sự thành công, sự tự khẳng định giá trị bản thân con người trong xã hội. Vì thế, kiếm được một công việc thu nhập cao, dễ kiếm tiền cho dù không phù hợp với năng lực và phẩm chất của mình vẫn luôn là ước mơ, mối quan tâm ưu tiên khi lựa chọn. Như một nhà TLH đã nói chọn nghề không phải chỉ đơn giản chọn một công việc để mưu sinh, mà chọn nghề là chọn một phương thức sống, giúp con người phát huy được hết năng lực, tiềm năng của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội (A.V.Petrovski). Vì thế, nếu ta đặt quá nặng giá trị kinh tế trong lựa chọn nghề bất chấp nghề đó có phù hợp hay không phù hợp với phẩm chất, năng lực của mình thì chúng ta rất dễ bỏ qua những giá trị khác mà nghề có thể đem lại, mà đôi khi những giá trị này mới thực sự giúp chúng ta có niềm vui, niềm hạnh phúc và sự thành công trong sự nghiệp sau này.

Giá trị xếp ở vị trí thứ 2, 3 trong thang giá trị nghề nghiệp của HS khi lựa chọn nghề nghiệp là “*phù hợp với năng lực*” và “*phù hợp với tính cách*”. Điểm trung bình của 2 giá trị này tương ứng là 4,64 và 5,79. Như vậy, bên cạnh việc ưu tiên giá trị kinh tế của nghề khi lựa chọn thì yếu tố phù hợp với năng lực và tính cách cũng là những giá trị được các bạn trẻ ưu tiên khi chọn nghề. Việc chọn nghề phù hợp với năng lực và tính cách không chỉ giúp cá nhân có được khả năng thích nghi cao với nghề khi lao động sau này mà còn là điều kiện để các em phát huy hết những năng lực, sở trường của mình trong nghề nghiệp, giúp các em tạo dựng được sự nghiệp một cách vững chắc. Điều này cho thấy, trong lựa chọn nghề, các em cũng rất quan tâm tới sự phù hợp giữa các đặc điểm cá nhân với yêu cầu của công việc và lấy đó làm một trong những căn cứ quan trọng để lựa chọn nghề. Đây cũng là một trong những nét tích cực trong định hướng giá trị chọn nghề của HS hiện nay. Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu, chúng tôi mới nhận thấy, cách hiểu của các em về khái niệm năng lực rất đơn giản. Theo cách hiểu của các em, “năng lực” ở đây được hiểu là khả năng năng học tập các môn học được sử dụng trong kỳ thi tuyển sinh. Như vậy, căn cứ mà các em lựa chọn nghề không hẳn đã là những khả năng

của cá nhân phù hợp với yêu cầu của công việc mà chỉ đơn giản đó là khả năng học tập có thể thi đỗ vào một trường đại học, cao đẳng nào đó. Vì vậy, xếp ngay ở vị trí thứ 5 trong thang giá trị đó là yếu tố “dễ thi đỗ”. Xếp ở vị trí thứ 4 trong thang giá trị là yếu tố “dễ xin việc”. Tóm lại, qua 5 giá trị được HS xếp ở những vị trí hàng đầu trong thang giá trị thì phần lớn các giá trị đều có liên quan đến các giá trị kinh tế và giá trị mang tính cơ hội hơn là chú ý tới những giá trị giúp các em phát huy được hết năng lực, sở trường của mình. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ bởi công tác giáo dục, định hướng giá trị nghề nghiệp của nhà trường, gia đình và công tác tuyên truyền của nhà nước của chúng ta trong thời gian qua là chưa tốt, chưa có những ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, thái độ của các em đối với nghề nghiệp cũng như hoạt động chọn nghề của mình.

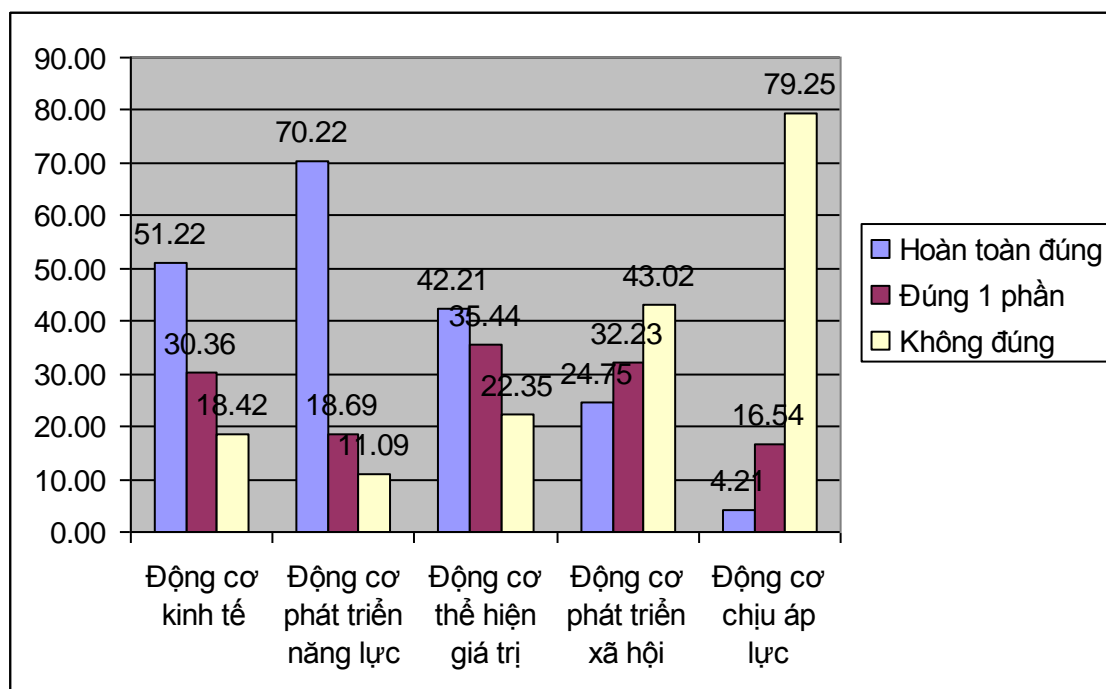
Đối với 5 giá trị được xếp hạng thấp nhất trong thang giá trị, điều gây sự quan tâm của chúng tôi đó là những giá trị thể hiện trách nhiệm cá nhân với cộng đồng, xã hội lại là những giá trị được các em xếp ở vị trí cuối cùng trong bảng xếp hạng giá trị. Như, giá trị “đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng” được xếp ở vị trí thứ 10 và giá trị “góp phần xây dựng và phát triển đất nước” xếp vị trí thứ 14 trên 16 vị trí xếp hạng. Có thể nói, trong chọn nghề của HS, các em quan tâm nhiều đến các giá trị vật chất, hình thức của nghề như: thu nhập, cơ hội việc làm, địa vị xã hội...trong khi những giá trị xã hội của nghề lại không được các em mặn mà, để ý. Sự thiên lệch trong định hướng giá trị nghề nghiệp này đã tạo ra tính thực dụng của cá nhân khi chọn nghề. Nhận thức, thái độ và hành động của các em sẽ chủ yếu hướng vào nghề tạo ra giá trị cao theo quan niệm của các em. Các em sẽ chỉ tìm hiểu sâu, tỏ thiện cảm và hành động tích cực đối với những nghề đem lại các giá trị vật chất cao, hơn là tìm kiếm những nghề để qua đó bản thân có cơ hội phát triển tài năng, đóng góp cho sự phát triển cá nhân, gia đình và xã hội. Việc định hướng và lựa chọn giá trị một cách thiên lệch như nêu trên đã và đang có những ảnh hưởng tiêu cực đến bức tranh chọn nghề nói chung của HS hiện nay khi mà một số lĩnh vực lao động được xem là hấp dẫn đem lại giá trị vật chất cao thì có quá nhiều HS lựa chọn, dẫn tới dư thừa lao động, gây lãng phí chất xám và chi phí đào tạo trong khi một số lĩnh vực nghề nghiệp khác, có giá trị xã hội, giá trị nhân văn cao nhưng

do không hấp dẫn nên không có HS lựa chọn theo học, dẫn tới thiếu hụt nhân lực cho các nghề này.

3.2.5.2. Động cơ chọn nghề của HS THPT

Theo Phạm Minh Hạc, “*giá trị là động cơ của hoạt động, là mục đích của hoạt động, là động lực thúc đẩy hành động*”[20,133]. Như vậy, thang giá trị trong lựa chọn nghề của HS cũng có thể trực tiếp trở thành động cơ chọn nghề của HS. Như trên đã phân tích, động cơ chọn nghề của HS có thể chia làm 5 nhóm cơ bản, gồm nhóm động cơ kinh tế, nhóm động cơ phát triển năng lực, nhóm động cơ thể hiện giá trị, nhóm động cơ nghĩa vụ, trách nhiệm và nhóm động cơ thụ động. Tuy nhiên, để đi đến quyết định lựa chọn nghề, không phải chỉ do 1 hay 2 động cơ mà là một hệ thống động cơ, trong đó nổi lên một nhóm động cơ mang tính chủ đạo. Điều này lý giải việc chọn nghề của HS có thể là do động cơ kinh tế và động cơ phát triển năng lực, thể hiện trách nhiệm... cùng thúc đẩy.

Đồ thị 3.3: Động cơ chọn nghề của HS lớp 12 THPT hiện nay



Khi được hỏi về động lực nào thúc đẩy quyết định chọn nghề hiện tại (câu số 10 – phiếu điều tra học sinh), kết quả thu được và sau khi tổng hợp cho thấy: động

cơ phát triển năng lực là động cơ xuất hiện ở đông đảo HS nhất, với 70,22% HS có loại động cơ này. Các em cho rằng bản thân chọn nghề hiện tại là do nghề đã đáp ứng được nguyện vọng, cũng như năng lực, sở thích của bản thân. Ở vị trí thứ hai, động cơ kinh tế cũng là động cơ xuất hiện ở nhiều bạn. Kết quả điều tra cho thấy 51,22% cho rằng mình chọn nghề hiện tại là vì dễ xin việc làm, thu nhập cao... Ở các vị trí tiếp theo là động cơ thể hiện giá trị (42,21%), tiếp theo là động cơ phát triển xã hội, và cuối cùng là động cơ chịu áp lực (4,2%).

Bảng 3.18: Động cơ chọn nghề chủ đạo khi quyết định chọn nghề của HS lớp 12

Stt	Tình huống	Trả lời
1	Trong tình huống phải lựa chọn giữa nghề mình thích, đã tìm hiểu kỹ càng và thấy phù hợp hay nghề tuy mình không thích nhưng thu nhập của nghề rất cao, em đã:	
	Phương án 1: Chọn nghề mình thích, đã tìm hiểu kỹ và thấy phù hợp.	14.9%
	Phương án 2: Chọn nghề thu nhập cao, sở thích tạm gác lại	85.1%
2	Trong tình huống phải lựa chọn giữa nghề bản thân thích, có năng lực hay nghề dễ xin việc nhưng không thích	
	Phương án 1: Chọn nghề thích, dù có phải đối mặt với nhiều khó khăn.	22.7%
	Phương án 2: Chọn nghề dễ xin việc dù không thích.	77.3%
3	Trong tình huống phải chọn giữa nghề bản thân mơ ước và có nguyện vọng theo đuổi hay nghề đang có nhiều cơ hội xin được việc làm với thu nhập cao?	
	Phương án 1: Chọn nghề mình mơ ước	19.7%
	Phương án 2: Chọn nghề có nhiều cơ hội xin được việc làm với thu nhập cao.	80.3%
4	Trong tình huống phải chọn giữa nghề phù hợp với khả năng, tính cách của bản thân hay nghề có nhiều cơ hội thi đỗ vào các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng	
	Phương án 1: Chọn nghề phù hợp với phẩm chất, tính cách, nguyện vọng...	10.8%
	Phương án 2: Chọn nghề có nhiều cơ hội đỗ vào các cơ sở đào tạo	89.2%
5	Trong tình huống phải lựa chọn nghề yêu thích và phù hợp nhưng phải làm việc ở những vùng khó khăn hay nghề có thể xin việc với thu nhập cao tại các thành phố lớn mặc dù không thích.	
	Phương án 1: Chọn làm việc ở nơi khó khăn, vì được làm nghề yêu thích	17.6%
	Phương án 2: Chọn việc dễ xin việc tại thành phố	82.4%

Về mặt hình thức, chúng ta nhận thấy đa số HS lớp 12 hiện nay có động cơ chọn nghề là phù hợp, việc chọn nghề là xuất phát từ mong muốn phát triển năng lực bản thân, cũng như có điều kiện để cải thiện cuộc sống bản thân và gia đình... Điều đáng lưu ý là trong chọn nghề, các em mới chỉ quan tâm tới việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân, trong khi có không nhiều HS quan tâm tới trách nhiệm của bản thân đối với xã hội khi chọn nghề. Một lần nữa, những số liệu cho thấy thực trạng công tác giáo dục, tuyên truyền nghề nghiệp của chúng ta đã chưa giúp HS hiểu hết ý nghĩa của việc chọn nghề đối với bản thân và xã hội.

Nhưng điều mà chúng tôi quan tâm hơn cả là động cơ nào thực sự chi phối nhận thức, thái độ và hành động của HS khi chọn nghề? Và ảnh hưởng của chúng tới chất lượng lựa chọn của các em ra sao? Chúng tôi đã đưa ra những tình huống mà ở đó HS phải thể hiện rõ quan điểm, thái độ và động cơ lựa chọn của mình một cách mạnh mẽ nhất. Sau khi thống kê đầy đủ các phương án trả lời của HS, chúng tôi có được kết quả như sau:

Trong tình huống thứ nhất, tình huống mà HS phải đấu tranh giữa động cơ kinh tế và động cơ phát triển năng lực cá nhân, chúng tôi yêu cầu HS phải lựa chọn giữa một bên là nghề mình thích, có năng lực và phù hợp nhưng giá trị kinh tế của nghề thấp, với một bên là nghề có thu nhập cao, nhưng không hợp với sở thích người lựa chọn. Kết quả cho thấy, có đến 85,1% HS lựa chọn phương án 2, phương án thể hiện rõ động cơ kinh tế trong lựa chọn nghề. Rõ ràng, quan điểm và xu hướng hành động chọn nghề của HS đã bị chi phối mạnh mẽ bởi động cơ kinh tế. (xem bảng 3.18)

Ở tình huống thứ hai, tình huống phải đấu tranh giữa một bên là động cơ ham thích và động cơ kinh tế, chúng ta cũng có kết quả tương tự. Với 77,3% HS đã lựa chọn phương án “chọn nghề dễ xin việc dù không thích”. Số HS này đã chấp nhận từ bỏ ước mơ, nguyện vọng nghề nghiệp của mình để đi đến một phương án an toàn hơn đối với các em, đó là chọn nghề dễ xin việc. Có thể nói, việc làm, thu nhập luôn là mối quan tâm hàng đầu của HS khi lựa chọn nghề. Việc làm và thu nhập là hai yếu tố đảm bảo cho sự phát triển an toàn và bền vững của các em khi gia

nhập sâu hơn vào đời sống XH. Vì thế, khi phải lựa chọn giữa hai động cơ, các em đã thể hiện rõ thái độ của mình, đó là chọn giải pháp an toàn hơn là chọn nghề yêu thích nhưng phải mạo hiểm với hành trình tìm việc sau này.

Ở tình huống 3, tình huống 4, và tình huống 5, chúng ta cũng có được kết quả tương tự. Có nghĩa, động cơ kinh tế luôn là động cơ chiếm ưu thế so với các động cơ phát triển năng lực, động cơ nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội.... Như vậy, việc HS đề cao giá trị kinh tế trong động cơ chọn nghề đã có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nhận thức, thái độ và xu hướng hành động lựa chọn nghề của các em, khiến cho sự lựa chọn thiên về giá trị kinh tế và xem nhẹ những giá trị mang tính xã hội... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến những sai lầm trong lựa chọn nghề của HS THPT hiện nay.

Tiểu kết:

Như vậy, xét về các nguyên nhân ảnh, chúng ta thấy các yếu tố như hoạt động GDHN của nhà trường, chiến lược GDHN của gia đình... đều có ảnh hưởng đến các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS. Nhưng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này theo chiều hướng tích cực đến các đặc điểm tâm lý của HS là không lớn. Điều này cho thấy những bất cập trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường và gia đình đã chưa phát huy hết vai trò chủ thể trong việc định hướng cho HS chọn được nghề phù hợp. Khi so sánh mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, chúng tôi nhận thấy yếu tố thị trường lao động và giáo dục hướng nghiệp gia đình có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến việc đặc điểm tâm lý của HS khi chọn nghề. Tuy nhiên, do việc chọn nghề của HS mang tính tự phát, thiếu định hướng nên việc chọn nghề căn cứ vào nhu cầu thị trường đã tạo ra tâm lý chạy theo thị trường lao động mà không cân nhắc đến những rủi ro sau này. Còn về phía gia đình, tuy có ảnh hưởng mạnh mẽ tới HS khi chọn nghề, nhưng do cha mẹ thiếu kiến thức, kỹ năng trong việc giúp đỡ và định hướng nghề nghiệp cho con một cách khoa học nên tuy có ảnh hưởng mạnh nhưng chất lượng chọn nghề của HS cũng không được cải thiện, thậm chí ở một số em nhận thức, thái độ với chọn nghề còn kém đi. Bên cạnh những yếu tố khách quan, các yếu tố chủ quan cũng có những

ảnh hưởng mạnh mẽ đến đặc điểm tâm lý trong chọn nghề. Trong các yếu tố khách quan, yếu tố động cơ kinh tế có ảnh hưởng mạnh nhất đến suy nghĩ, thái độ và hành động lựa chọn nghề của HS lớp 12 bậc THPT hiện nay.

3.3. Những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 thông qua tác động vào các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề

Trên cơ sở những phân tích về thực trạng đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề, những nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng này, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tác động vào các đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này ở HS.

3.3.1. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS THPT

Không thể phủ nhận vai trò quan trọng bậc nhất của hoạt động GDHN trong trường phổ thông đối với hoạt động chọn nghề của HS, tuy nhiên, để làm tốt công tác này, đòi hỏi ngay từ bây giờ GDHN cần phải giúp HS thấy được ý nghĩa của việc chọn nghề đối với bản thân, gia đình và xã hội; thấy được tầm quan trọng của việc chọn nghề một cách chín chắn và khoa học.

Tăng thời lượng cho hoạt động GDHN trong nhà trường, chú trọng các hình thức hướng nghiệp gắn với thực tế cuộc sống. Tổ chức nhiều các hoạt động thăm quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các trường đại học, dạy nghề để giúp HS có cái nhìn thực tế đối với thế giới nghề nghiệp mà các em sẽ tham gia sau này.

Tập huấn các kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp cho các em HS ngay từ những năm đầu cấp THPT, qua đó giúp các em chủ động và tích cực đối với hoạt động này.

Chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn nghề trong các trường phổ thông bằng cách tuyển dụng những cán bộ được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực tâm lý học đường, hướng nghiệp.

Tập trung đầu tư các trang thiết bị, công cụ, tài liệu, sách tham khảo, trải nghiệm tâm lý... để phục vụ nhu cầu được tư vấn hướng nghiệp, chọn nghề của HS ngay tại trường phổ thông.

3.3.2. Phát huy vai trò của Hội phụ huynh học sinh trong việc tham gia các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS

Nhà trường cần tìm cách bồi dưỡng cho cha mẹ HS những kiến thức khoa học phổ thông về GDHN, sử dụng hội cha mẹ HS như một lực lượng nòng cốt, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, các hoạt động ngoại khóa ... giúp HS dần tiếp cận, làm quen với thế giới nghề nghiệp phong phú mà mỗi thành viên của Hội là một đại diện tiêu biểu nhất.

3.3.3. Những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tác động của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS thông qua hoạt động GDHN của gia đình

+ Ủng hộ và tạo các nguồn lực để con tự quyết định lấy nghề nghiệp của mình, tránh áp đặt hoặc thờ ơ với các quyết định của con.

+ Tăng cường việc trao đổi, chia sẻ và giáo dục nghề nghiệp để con cái có nhận thức đúng đắn về giá trị của nghề cũng như có hành động tích cực trong việc trải nghiệm các kinh nghiệm và năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3.3.4. Về phía các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

+ Về phía Bộ Giáo dục - Đào tạo, nên xây dựng chương trình đào tạo những cán bộ làm công tác tư vấn hướng nghiệp trong các trường phổ thông.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh Xã hội nên nghiên cứu để chính thức hoá vị trí tư vấn hướng nghiệp trong trường học để tạo điều kiện pháp lý cho nhà trường có nguồn nhân lực có chất lượng đảm nhiệm hoạt động GDHN và tư vấn nghề.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên biệt về nghề nghiệp, nhu cầu nhân lực, định hướng phát triển của nền kinh tế xã hội... để HS và phụ huynh dễ dàng truy cập, tìm kiếm thông tin phục vụ cho hoạt động chọn nghề.

+ Khuyến khích các hoạt động truyền thông giới thiệu về các lĩnh vực nghề nghiệp trong cuộc sống, các gương mặt thành công ở từng vị trí công việc trong các nghề nghiệp khác nhau, để qua đó giúp HS nhìn nhận một cách đúng đắn hơn về giá trị của các nghề trong xã hội.

3.3.5. Biện pháp riêng đối với nhóm HS lớp 12: Triển khai hoạt động tư vấn nghề, lập hồ sơ hướng nghiệp cho HS lớp 12 trước khi tốt nghiệp ra trường.

Các hoạt động hướng nghiệp của nhà trường và gia đình, cũng như xu hướng và nguyện vọng chọn nghề của HS chỉ thực sự đem lại hiệu quả khi HS được tư vấn nghề trước khi ra quyết định cuối cùng cho sự lựa chọn của mình.

Hoạt động tư vấn nghề nhằm mục đích nâng cao nhận thức, phát triển thái độ và hành động chủ động, tích cực với nghề sẽ lựa chọn nhằm tác động mạnh mẽ tới sự phát triển theo hướng tích cực của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của học sinh.

Thông qua tư vấn nghề, HS lớp 12 được cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến nghề mà các em dự định, được đánh giá và phát hiện những năng lực, khả năng và những đặc điểm cá nhân khác, được giải đáp những khó khăn gặp trong quá trình tìm kiếm và lựa chọn nghề nghiệp, được trợ giúp quá trình ra quyết định chọn nghề một cách khoa học (đối chiếu sự phù hợp giữa các đặc điểm cá nhân với các yêu cầu của nghề và nhu cầu của thị trường lao động...).

3.4. Kết quả thực nghiệm biện pháp tác động tâm lý

Do hạn chế về thời gian bởi thời điểm làm thực nghiệm trùng với thời gian mà HS lớp 12 phải thực hiện nhiều nhiệm vụ học tập nhằm chuẩn bị cho các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh. Vì thế, chúng tôi tập trung tiến hành thực nghiệm 1 giải pháp được xem là quan trọng nhất và phù hợp nhất với HS lớp 12 sắp ra trường đó là biện pháp tư vấn nghề (đây là hoạt động có tác động một cách trực tiếp và mạnh

mẽ vào các đặc điểm nhận thức, thái độ và hành động trong hoạt động chọn nghề của HS, qua đó giúp HS ra quyết định chọn nghề một cách phù hợp và khoa học). Thực nghiệm được tổ chức thực hiện cuối tháng 11/2009 và kết thúc vào 10/4/2010 tại trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội.

3.4.1. Vài nét về nhóm HS lớp 12 A 4 Trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội

Như đã nêu ở chương 2, trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn nhóm HS lớp 12 A4 trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội để tiến hành thực nghiệm biện pháp tư vấn nghề cho các em. Sau đây là một vài thông tin cơ bản về nhóm thực nghiệm.

- Về nguyện vọng nghề nghiệp: 97,2% HS của lớp có nguyện vọng 1 là thi vào đại học, chỉ 1 em có dự định thi trung cấp.

- Về lựa chọn ngành học: 66,7% HS của lớp có nguyện vọng theo đuổi lĩnh vực kinh tế, thương mại (tài chính, kế toán, ngoại thương...)

- Về học lực: Lớp có 2 HS giỏi (5,6%), 11 HS khá (30,6%) và 23 HS trung bình (63,9%).

3.4.2. Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS trước khi thực nghiệm tác động

Sau khi tiến hành thực nghiệm tác động bằng biện pháp tư vấn nghề cho tập thể HS lớp 12A4, chúng tôi tiến hành điều tra lại thực trạng đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12A4, bằng chính các phương pháp điều tra đã sử dụng vào thời điểm điều tra đại trà lúc ban đầu. Kết quả của cuộc điều tra này được lúc điều tra đại trà trong đó có lớp 12^a4. Sau khi xử lý và phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS, chúng tôi có được kết quả như sau:

+ Về mức độ tích cực của các đặc điểm tâm lý của HS trong hoạt động chọn nghề (trước khi tổ chức thực nghiệm)

Bảng 3.19: Mức độ tích cực của các đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 A4 trường THPT Trần Nhân Tông (trước khi tổ chức thực nghiệm)

Stt	Biểu hiện đặc điểm tâm lý	Kết quả	
1	Mức độ tích cực cao (nhận thức đầy đủ, chính xác, sâu sắc, thái độ tích cực, hành vi chủ động, tự giác và tích cực...)	0	0
2	Mức độ tích cực ở mức trung bình (nhận thức tương đối đầy đủ, chính xác, sâu sắc, thái độ tích cực, hành vi chưa chủ động, tự giác và tương đối tích cực...)	19	52.8%
3	Mức độ tích cực ở mức thấp (nhận thức không đầy đủ, thiếu chính xác, thái độ không tích cực, hành vi chưa thể hiện tính chủ động, tự giác và thiếu tích cực...)	17	47.2%
Điểm trung bình (X)			2.47

Kết quả chỉ ra là không có HS nào của lớp có đặc điểm tâm lý biểu hiện mức độ tích cực cao, số HS có đặc điểm tâm lý biểu hiện mức độ tích cực ở mức trung bình là 19 em chiếm 52,8%, số HS có đặc điểm tâm lý biểu hiện ở mức thấp là 17 em chiếm 42,7%. Như vậy, 100% HS được lựa chọn để tiến hành thực nghiệm tác động là phù hợp với tiêu chí của thực nghiệm đặt ra.

+ Về từng đặc điểm tâm lý cụ thể biểu hiện ở các mặt nhận thức, thái độ, hành động.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy ở từng đặc điểm tâm lý, đa số HS có đặc điểm chung là thiếu tích cực. Cụ thể, ở mặt nhận thức, chỉ có 2,8% HS của lớp có nhận thức đầy đủ và chính xác các thông tin về nghề mà các em lựa chọn. Ở mặt thái độ, chỉ có 5,9% HS quan tâm tới việc chọn nghề và 2,8% có tình cảm tích cực với nghề mà bản thân đã lựa chọn. Ở đặc điểm hành động, không có HS nào chủ động và tự giác khi lựa chọn nghề và cũng không có em nào có hành động chọn nghề hợp lý và khoa học. Xét ở điểm trung bình chung của từng đặc điểm, kết quả cho thấy mức độ biểu hiện tích cực ở từng đặc điểm tâm lý là rất thấp (X của từng đặc điểm giao động trong khoảng từ 2,17 – 2,47, tương ứng với mức biểu hiện tích cực ở mức thấp) (bảng 3.20)

Bảng 3.20: Đặc điểm tâm lý biểu hiện ở từng mặt nhận thức, thái độ, hành động trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 A4, trường THPT Trần Nhân Tông trước khi tổ chức thực nghiệm

		Biểu hiện rõ		Có biểu hiện		Biểu hiện mức thấp		Điểm TB
Đặc điểm nhận thức	Nhận thức đầy đủ thông tin liên quan đến nghề	1	2.8%	27	75.0%	8	22.2%	2.1944
	Nhận thức chính xác các nội dung thông tin	1	2.8%	18	50.0%	17	47.2%	2.4444
Đặc điểm thái độ	Đề cao ý nghĩa, vai trò của chọn nghề với bản thân và xã hội.			19	52.8%	17	47.2%	2.4722
	Hứng thú cao với hoạt động chọn nghề	2	5.9%	24	70.6%	8	23.5%	2.1765
	Tình cảm mạnh mẽ với nghề đã chọn.	1	2.8%	22	61.1%	13	36.1%	2.3333
Đặc điểm hành động	Tính chủ động, tự giác trong hành động chọn nghề			20	55.6%	16	44.4%	2.4444
	Tính tích cực trong hành động chọn nghề	5	13.9%	19	52.8%	12	33.3%	2.1944
	Tính hợp lý và khoa học trong hành động			23	63.9%	13	36.1%	2.3611

+ Sự phù hợp trong chọn nghề.

Kết quả lựa chọn nghề của nhóm HS này được chúng tôi tích hợp các từ các nguồn thông tin sau: Nghề có nguyện vọng (trong Bảng hỏi); Nghề lựa chọn (trên hồ sơ đăng ký dự thi vào các trường đại học, cao đẳng - bản làm thử), Nghề phù hợp với tính cách (kết quả trắc nghiệm "chìa khóa nghề nghiệp" của J.Holland), Nghề phù hợp với khí chất (kết quả trắc nghiệm khí chất - tính cách của Eysenck)...mà chúng tôi đã tiến hành đo cho các em trong đợt nghiên cứu trước đó.

Sau khi có kết quả trắc nghiệm, chúng tôi căn cứ vào cách phân loại nghề của Climóp (phân loại theo mối quan hệ giữa con người và đối tượng lao động) để quy các kết quả thu được theo 5 kiểu nhóm nghề sau: nhóm nghề Người – Thiên nhiên; nhóm nghề Người - Kỹ thuật, nhóm nghề Người - Người; nhóm nghề Người - dấu hiệu và nhóm nghề Người - Nghệ thuật. Sau khi quy đổi để tiện so sánh, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 3.21. Kết quả trắc nghiệm nghề nghiệp phù hợp của HS lớp 12^{a4}

Phân loại nghề (theo phân loại của Climóp)		Nghề đăng ký theo hồ sơ	Nghề phù hợp (trắc nghiệm xu hướng nghề Gôlôm-tôc)	Nghề phù hợp (trắc nghiệm khí chất – tính cách Eysen)	Nghề phù hợp (trắc nghiệm chìa khoá nghề Holland)
Người – Thiên nhiên	N	1	2	3	2
	%	2.8%	5.6%	8.3%	5.6%
Người - Kỹ thuật	N	4	9	10	10
	%	11.1%	25.0%	27.8%	27.8%
Người - Người	N	6	12	11	11
	%	16.7%	33.3%	30.6%	30.6%
Người - dấu hiệu	N	24	9	7	9
	%	66.7%	25.0%	19.4%	25.0%
Người - Nghệ thuật	N	1	4	5	4
	%	2.8%	11.1%	13.9%	11.1%

Nhìn vào bảng 3.22, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt tương đối lớn giữa nghề mà HS lựa chọn theo nguyện vọng và nghề phù hợp với xu hướng và tính cách của các em. Như có 66,7% HS đăng ký dự thi vào các ngành nằm trong nhóm nghề Người - Dấu hiệu, trong khi đó, theo kết quả trắc nghiệm thì chỉ có 25% HS có tính cách phù hợp với nghề này; tương tự, có 16,7% HS có nguyện vọng nghề thuộc nhóm Người - Người nhưng kết quả trắc nghiệm cho thấy có đến 33,3% HS có xu hướng nghề thuộc nhóm Người - Người, và tương tự có 30,6% HS có tính cách phù hợp với nhóm nghề này.

Xét về sự phù hợp, như trong chương 1 đã nêu, nếu HS có sự thống nhất cao giữa nghề theo nguyện vọng và xu hướng, tính cách của bản thân, đồng thời có sự phù hợp giữa năng lực học tập và nguyện vọng được đào tạo ở bậc đại học cũng như chất lượng cơ sở đào tạo, thì HS đó được xem là đã có sự lựa chọn được nghề phù hợp. Kết quả thống kê cho thấy, 100% HS lớp thực nghiệm chưa thoả mãn được các tiêu chí này.

+ Về mức độ hài lòng với nghề lựa chọn

Kết quả chỉ ra là không có HS nào trong nhóm có tình cảm sâu sắc về nghề lựa chọn, có 15 HS, chiếm 41,7% có tình cảm với nghề và 21 HS chiếm 58,3% không có tình cảm với nghề mình lựa chọn.

Bảng 3.22. Tình cảm của HS đối với nghề lựa chọn

	Biểu hiện đặc điểm tâm lý	Kết quả	
	Tình cảm sâu sắc với nghề lựa chọn	0	0
	Có tình cảm với nghề lựa chọn	15	41.7%
	Không có tình cảm với nghề lựa chọn	21	58.3%
	Điểm TB		2.58

Như vậy, theo chúng tôi, để giúp số HS này lựa chọn được nghề phù hợp cần nâng cao những đặc điểm tâm lý tích cực cho các em bằng cách giúp đỡ, hỗ trợ các em nhận thức được đầy đủ thông tin về nghề lựa chọn, hình thành những cảm xúc tích cực của các em với nghề thông qua việc giúp các em thấy rõ ý nghĩa, giá trị của nghề đối với bản thân, đồng thời giúp các em chỉ dẫn cho các em tìm hiểu kỹ càng hơn về nghề thông qua việc đọc sách báo, tìm hiểu trên internet.... Để làm được những công việc này trong một khoảng thời gian ngắn (khoảng 2 - 3 tháng trước khi HS có sự lựa chọn lần cuối) chúng tôi tiến hành hoạt động tư vấn nghề (được xem là khâu cuối cùng, quan trọng nhất trong toàn bộ hoạt động hướng nghiệp) một cách tích cực nhất với những công cụ, phương tiện hỗ trợ hợp lý, khoa học và với đội ngũ cán bộ tư vấn có tay nghề (đã được tập huấn).

3.4.3. Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS sau khi thực nghiệm tác động

Điều dễ nhận thấy nhất đó là các đặc điểm tâm lý biểu hiện ở các mặt nhận thức, thái độ, hành động của HS lớp thực nghiệm đã có những thay đổi một cách rõ rệt so với kết quả nghiên cứu trước thực nghiệm. Cụ thể, điểm TB của từng biểu

hiện đều đạt ở mức từ 1,48 đến 1,61, tương đương mức biểu hiện rất tích cực. Điều này cho thấy tác dụng của hoạt động tư vấn nghề cho HS là có kết quả cao.

Bảng 3.23. Đặc điểm tâm lý (biểu hiện ở cả 3) trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12 A4 trước và sau khi có thực nghiệm tác động

		Biểu hiện rõ	Có biểu hiện	Biểu hiện mức thấp	Điểm TB
Đặc điểm tâm lý của HS trước thực nghiệm	Nhận thức đầy đủ thông tin liên quan đến nghề	2.8%	75.0%	22.2%	2.1944
	Nhận thức chính xác các nội dung thông tin	2.8%	50.0%	47.2%	2.4444
	Đề cao ý nghĩa, vai trò của chọn nghề với bản thân và xã hội.		52.8%	47.2%	2.4722
	Hứng thú cao với hoạt động chọn nghề	5.9%	70.6%	23.5%	2.1765
	Tình cảm mạnh mẽ với nghề đã chọn.	2.8%	61.1%	36.1%	2.3333
	Tính chủ động, tự giác trong hành động chọn nghề		55.6%	44.4%	2.4444
	Tính tích cực trong hành động chọn nghề	13.9%	52.8%	33.3%	2.1944
	Tính hợp lý và khoa học trong hành động		63.9%	36.1%	2.3611
	Đặc điểm tâm lý chung		55.9%	44.1%	2.4412
Đặc điểm tâm lý của HS sau thực nghiệm	Nhận thức đầy đủ thông tin liên quan đến nghề	58.3%	33.3%	8.3%	1.5000
	Nhận thức chính xác các nội dung thông tin	61.1%	30.6%	8.3%	1.4722
	Đề cao ý nghĩa, vai trò của chọn nghề với bản thân và xã hội.	58.3%	27.8%	13.9%	1.5556
	Hứng thú cao với hoạt động chọn nghề	62.9%	34.3%	2.9%	1.4000
	Tình cảm mạnh mẽ với nghề đã chọn.	61.1%	25.0%	13.9%	1.5278
	Tính chủ động, tự giác trong hành động chọn nghề	58.3%	27.8%	13.9%	1.5556
	Tính tích cực trong hành động chọn nghề	63.9%	25.0%	11.1%	1.4722
	Tính hợp lý và khoa học trong hành động	58.3%	22.2%	19.4%	1.6111
	Đặc điểm tâm lý chung	60.0%	31.4%	8.6%	1.4857

Trong số những biểu hiện có sự thay đổi mạnh mẽ nhất là đặc điểm nhận thức chính xác về các nội dung thông tin liên quan đến nghề lựa chọn. Trước thực nghiệm chỉ có 2,8% có biểu hiện nhưng sau thực nghiệm tỷ lệ đã tăng lên 61,1%. Ở đặc điểm hứng thú với nghề, trước thực nghiệm số HS có hứng thú với nghề lựa chọn là 0%, nhưng sau tác động đã có 58,3% hứng thú với nghề mà các em chọn. Về hành động, tính tích cực của HS cũng thay đổi mạnh mẽ, trước thực nghiệm chỉ có 13,9% có biểu hiện rõ, sau thực nghiệm số HS này đã tăng lên là 63,9%. Về tính chủ động, trước thực nghiệm không có em nào có biểu hiện này, nhưng sau thực nghiệm số HS chủ động trong việc tìm kiếm thông tin nghề lựa chọn tăng lên là 58,3%. (bảng 3.23)

So sánh chi tiết mức độ thay đổi của các đặc điểm tâm lý biểu hiện trong hoạt động chọn nghề trước và sau thực nghiệm của HS lớp 12A4, chúng tôi dùng công thức kiểm định t-test so sánh trung bình 2 mẫu trước và sau thực nghiệm. Kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.24. Bảng kiểm nghiệm t-test sự thay đổi trước và sau thực nghiệm

	Lớp 12 A4	Trung bình	t	t_α	Kết luận
Nhận thức đầy đủ thông tin liên quan đến nghề	Trước thực nghiệm	2.1944	5.181	.001	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.5000			
Nhận thức chính xác các nội dung thông tin	Trước thực nghiệm	2.4444	6.786	.005	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.4722			
Hứng thú với nghề	Trước thực nghiệm	2.4722	6.164	.001	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.5556			
Quan tâm đến nghề	Trước thực nghiệm	2.1765	6.002	.004	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.4000			
Tình cảm với nghề	Trước thực nghiệm	2.3333	5.312	.001	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.5278			
Tính chủ động trong hành động chọn nghề	Trước thực nghiệm	2.4444	5.987	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.5556			
Tính tích cực trong hành động chọn nghề	Trước thực nghiệm	2.1944	4.489	.004	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.4722			
Mức độ đầu tư thời gian công sức cho hoạt động chọn nghề	Trước thực nghiệm	2.3611	4.792	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.6111			
Đặc điểm tâm lý chung	Trước thực nghiệm	2.4412	6.754	.001	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.4857			

Kết quả bảng 3.25 cho thấy tất cả các cặp so sánh của từng biểu hiện tâm lý trong hoạt động chọn nghề trước và sau thực nghiệm của HS lớp 12 A4 trường THPT Trần Nhân Tông có sự khác biệt rõ rệt. Điều này khẳng định những tác động của hoạt động tư vấn nghề đã tạo ra sự thay đổi mang tính tích cực tới các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của nhóm HS này. Có thể kết luận rằng biện pháp tác động mà chúng tôi sử dụng là hoàn toàn phù hợp và có hiệu quả cao.

3.4.4. Ảnh hưởng của đặc điểm tâm lý sau tác động đến sự phù hợp trong lựa chọn nghề

+ Mức độ phù hợp trong lựa chọn.

Trong quá trình thực hiện biện pháp tác động, chúng tôi tiến hành lập hồ sơ hướng nghiệp cho từng học sinh, tiến hành đo đạc các chỉ số tâm lý bằng các trắc nghiệm, cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết cho HS.

Bảng 3.25. Sự thay đổi trong lựa chọn nghề của HS lớp 12A4 sau thực nghiệm tác động

		Nghề đăng ký theo hồ sơ	Nghề phù hợp (trắc nghiệm xu hướng nghề Gôlôm-tóc)	Nghề phù hợp (trắc nghiệm khí chất – tính cách Eysen)	Nghề phù hợp (trắc nghiệm chia khoá nghề Holland)	Nghề đăng ký theo hồ sơ lần cuối cùng
Người – Thiên nhiên	N	1	2	3	2	2
	%	2.8%	5.6%	8.3%	5.6%	5.6%
Người - Kỹ thuật	N	4	9	10	10	10
	%	11.1%	25.0%	27.8%	27.8%	27.8%
Người - Người	N	6	12	11	11	11
	%	16.7%	33.3%	30.6%	30.6%	30.6%
Người - dấu hiệu	N	24	9	7	9	9
	%	66.7%	25.0%	19.4%	25.0%	25.0%
Người - Nghệ thuật	N	1	4	5	4	4
	%	2.8%	11.1%	13.9%	11.1%	11.1%

Căn cứ vào thông tin về đặc điểm tâm lý của từng em, điều kiện hoàn cảnh gia đình, mong muốn nguyện vọng... cán bộ tư vấn đã giúp từng HS lựa chọn nghề

theo căn cứ năng lực, nguyện vọng và thị trường lao động. Đến thời điểm đầu tháng 3/2010, chúng tôi hướng dẫn các em tiến hành làm hồ sơ dự thi vào các trường cao đẳng đại học. Trên căn cứ lựa chọn nghề của HS biểu hiện trên HS và so sánh chúng với nghề mà chúng tôi hướng dẫn các em lựa chọn cho thấy 100% HS đã có sự lựa chọn phù hợp.

Như vậy, kết quả của bảng 3.25 cho thấy có sự thay đổi rõ rệt theo chiều hướng phù hợp giữa xu hướng nghề cũng như đặc điểm tính cách của HS. Như số HS có nguyện vọng theo nhóm nghề Người - Dấu hiệu (mà phần lớn các em đều có nguyện vọng chọn ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán...) giảm từ 66,7% xuống còn 25%, hoặc số HS chọn nhóm nghề Người - Kỹ thuật, khi trước tác động là 11,1% nay tăng lên 27,8%. Điều quan trọng hơn cả là có sự thống nhất chặt chẽ giữa nghề mà HS đăng ký lại với các đặc điểm tính cách, năng lực và cấp đào tạo.

+ Mức độ hài lòng với kết quả lựa chọn.

Bảng 3.26. Bảng kiểm t-test về sự thay đổi về tình cảm của HS đối với nghề lựa chọn trước và sau thực nghiệm

	Lớp 12 A4	Trung bình	t	ta	Kết luận
Hoàn toàn tự tin và hài lòng với nghề đã chọn	Trước thực nghiệm	2.22	9.603	.0025	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.17			
Thấy vui và hạnh phúc vì đã chọn được nghề phù hợp	Trước thực nghiệm	2.7500	10.984	.004	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.2500			
Thấy tự hào và hãnh diện vì nghề mình chọn	Trước thực nghiệm	2.2500	9.035	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.1389			
Nếu có cơ hội lựa chọn lại em sẽ vẫn lựa chọn nghề này.	Trước thực nghiệm	2.3056	8.463	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.1389			
Dù sau này có khó khăn nhưng quyết tâm theo đuổi nghề đến cùng.	Trước thực nghiệm	2.3333	5.000	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.5000			
Tình cảm với nghề lựa chọn	Trước thực nghiệm	2.5833	13.817	.000	Khác biệt có ý nghĩa
	Sau thực nghiệm	1.1111			

Về sự thay đổi về tình cảm của HS đối với nghề lựa chọn, kết quả t-test cho thấy sự thay đổi tình cảm trước và sau thực nghiệm của HS với nghề lựa chọn là có ý nghĩa. Với điểm trung bình của mức độ tình cảm với nghề sau thực nghiệm là 1,11 tương ứng với tình cảm sâu sắc cho thấy tác động của biện pháp tư vấn nghề đã giúp HS tự tin hơn, tự hào hơn về nghề mình chọn. Điều này đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý của HS khi tiến hành học tập và làm việc trong nghề sau này.

Tóm lại những kết quả thu được sau quá trình tiến hành thực nghiệm đã cho thấy những biện pháp tác động thử nghiệm đã có ảnh hưởng tốt tới việc hình thành và củng cố những đặc điểm tâm lý tích cực trong hoạt động chọn nghề của HS. Điều này góp phần giúp các em lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp đảm bảo cho sự thành công nghề nghiệp của các em sau này.

Những thông tin vừa trình bày trên đã khẳng định giả thuyết thực nghiệm chúng tôi nêu ra từ đầu là đúng đắn.

3.5. Đặc điểm tâm lý của một số trường hợp điển hình trong hoạt động chọn nghề

3.5.1. Trần Ngọc B, học sinh lớp 12 A12, Trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội

Trần Ngọc B, sinh năm 1991, học sinh trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội, là con cả trong một gia đình khá giả. Bố của B là Viện trưởng một Viện nghiên cứu thuộc Bộ Y tế. B học giỏi các môn Toán, Lý, Hoá, Sinh và Ngoại ngữ. B là một người hoạt bát, nhanh nhẹn, có khả năng giao tiếp tốt. Xu hướng nghề nghiệp của B, qua trao đổi với chúng tôi em muốn được làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến nghiên cứu và bảo vệ môi trường. Em dự định thi vào Khoa Môi trường của trường ĐHKHTN. Em có hiểu biết sắc về các vấn đề liên quan đến môi trường, môi sinh. Em thường xuyên tìm đọc các tài liệu liên quan đến vấn đề này. Tuy nhiên, vấn đề của B ở chỗ, nguyện vọng nghề nghiệp của em không được gia đình chấp nhận, đặc biệt là bố của B. Ông cho rằng, con gái học về môi trường thì vất vả, thu nhập thấp, phải thường xuyên đi công tác. Ông muốn B phải thi vào Khoa Sản, trường Đại học Y vì theo ông, con gái học Sản là phù hợp nhất, thu nhập cao, ít vất

và, đặc biệt khi ra trường thì không phải lo tìm việc. Ông đã chuẩn bị cho B một vị trí tại một bệnh viện lớn của Hà Nội.

Trước sức ép của gia đình, B rất băn khoăn, em không biết phải lựa chọn như thế nào? Một bên là nghề mình yêu thích, nhưng lại rất rủi ro về cơ hội xin việc sau này, trong khi nghề Sản là nghề mà em hoàn toàn không mong muốn (B cho biết em rất sợ máu), nhưng em không phải lo về việc làm, cũng như thu nhập và em cũng không muốn làm mất lòng bố. Sau khi nắm được đầy đủ thông tin của B, chúng tôi đã tiến hành giúp em khám phá xu hướng nghề nghiệp, cũng như môi trường nghề nghiệp phù hợp nhất với những đặc điểm tâm sinh lý của em. Các kết quả đánh giá bằng trắc nghiệm tâm lý đã cho thấy B hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực môi trường mà em chọn. Chúng tôi cũng cung cấp thêm cho B những thông tin về chính sách phát triển, cơ hội nghề nghiệp cũng như những vị trí mà em có thể xin việc làm sau này. Tất cả những việc làm của chúng tôi đã củng cố thêm niềm tin của B vào sự lựa chọn của mình. Tuy nhiên, sức ép gia đình là một trở ngại lớn của B khi ra quyết định lựa chọn. Chúng tôi đã lập một bộ hồ sơ hướng nghiệp, trong đó ghi chú những thông tin quan trọng về xu hướng nghề nghiệp, đặc điểm tính cách, năng lực, thể chất của B và những lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp. Sau đó, chúng tôi yêu cầu B chuyển bộ hồ sơ này về cho gia đình xem, và nói với em cố gắng thuyết phục bố mẹ đồng ý với quyết định của mình, trên cơ sở những bằng chứng cụ thể.

Sau đó ít ngày, B đã quay trở lại và cho biết, em đã thuyết phục được bố mẹ để theo đuổi nghề mà em yêu thích. Em cũng cho biết, em rất tự tin với quyết định của mình, và sẽ không thay đổi quyết định này cho dù có bất kỳ sức ép nào khác.

3.5.2. Phạm Hải H, học sinh lớp 12 A4, trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội

Phạm Hải H là con út trong gia đình buôn bán tại Chợ Hoà Bình. H có sức học khá, tính cách hơi chậm chạp, rụt rè, ngại giao tiếp, trí nhớ rất tốt. H cho biết em có nguyện vọng thi vào ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Em cho biết, em thích làm kinh doanh vì đó là công việc của gia đình, và bố mẹ cũng ủng hộ quyết định này của em. Tuy nhiên, em cho biết,

em vẫn còn rất băn khoăn là nghề kinh doanh có hợp với em không. Qua trò chuyện, chúng tôi nhận thấy rằng H rất thiếu thông tin về nghề mà em định chọn. Những gì em biết chỉ là điểm chuẩn vào. Khi hỏi công việc chính của người làm kinh doanh là gì, H cho biết là buôn bán, ký hợp đồng với đối tác... đây là những hiểu biết rất sơ đẳng và thiếu chính xác. Về hành động, H cho biết em mới chỉ vào mạng tìm thông tin điểm chuẩn đầu vào và so sánh với sức học của em. Ngoài ra, mọi hoạt động chính là học tập và ôn luyện tại các lớp luyện thi vào đại học. Về thái độ, em cho rằng chọn nghề nào cũng được, miễn nghề đó có nhiều tiền, nhẹ nhàng và hợp với sức học, còn nếu chọn nghề mình thích thì không biết có thi được hay không, và sau này ra trường xin việc như thế nào.

Với trường hợp của H, chúng tôi cho em làm một số trắc nghiệm để khám phá xu hướng và hứng thú nghề nghiệp thực sự của em, đồng thời, chúng tôi cung cấp thêm cho em nhiều thông tin về nghề kinh doanh, trong đó chỉ cho em thấy những khó khăn, vất vả, sức ép của nghề đối với người làm nghề. Đồng thời, chúng tôi chia sẻ cho em hiểu, không phải cứ chọn nghề nào cũng được mà phải chọn nghề bản thân có những đặc điểm, tố chất, năng lực phù hợp. Có như vậy mới đảm bảo cho sự thành đạt của bản thân sau này. Sau khi có kết quả trắc nghiệm, chúng tôi đã chỉ em H biết nghề mà em có khả năng thành công nhất và có xu hướng lựa chọn mạnh nhất đó là nghề Kế toán. Chúng tôi cũng cung cấp cho H các thông tin về nghề, những nội dung về công việc, giá trị kinh tế, cơ hội nghề nghiệp, và triển vọng của nghề. Sau khi được tư vấn, H tự nhận thấy nghề kinh doanh không hợp với mình và em quan tâm hơn tới nghề mà chúng tôi đã gợi ý. Chúng tôi cũng khuyên em tiếp tục tìm hiểu thêm các nghề phù hợp khác bằng cách tìm hiểu trên mạng, trao đổi với người thân, bạn bè, tìm đọc các cuốn sách có nói về nghề...

Đến đầu tháng 3, khi quay trở lại lớp của H để hướng dẫn các HS trong lớp cách làm hồ sơ dự thi vào đại học, chúng tôi đã thấy H đăng ký thi vào khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

3.5.3. Trần Mạnh H, lớp 12 A8 trường Đống Đa, Hà Nội

Trần Mạnh H, là anh cả trong gia đình có 2 anh em, bố mẹ H là cán bộ viên chức của một ngân hàng ở Hà Nội. H theo học ban A của trường THPT Đống Đa, sức học trung bình, điểm trung bình chung học tập chỉ trên 5 phẩy. H không quan tâm đến chọn nghề gì, cho dù H có đăng ký thi vào ngành quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ và kinh doanh, Hà Nội. H cho biết, điều em quan tâm là chọn thi vào trường nào lấy điểm thấp, dù dân lập hay công lập không quan trọng. Theo em, cứ thi vào đại học đã, sau này ra trường tính sau. Thêm vào đó, theo H, bố mẹ sẵn sàng chạy cho em vào một ngân hàng khi ra trường sau này. Vì vậy, căn cứ vào sức học, điểm chuẩn của trường... em đã quyết định lựa chọn đăng ký dự thi vào trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Qua trao đổi với H, chúng tôi nhận thấy em không hề biết những thông tin chi tiết về nghề kinh doanh (yêu cầu của nghề, công việc chính của nghề, những khó khăn, thuận lợi của nghề...) ngoài những thông tin mang tính phổ thông, thiếu cơ sở như làm kinh doanh là sau này làm giám đốc, đi giao dịch, kí hợp đồng. Về thái độ với nghề, em cho biết làm nghề nào cũng được, nhưng nghề kinh doanh bây giờ đang là mốt, phần lớn bạn bè trong lớp đều chọn cả. Về hành động, H chỉ mới lên mạng và hỏi bạn bè về một số thông tin về trường như điểm chuẩn, chỉ tiêu đầu vào.... Phần lớn thời gian của H là dành cho học tập trên lớp và tham gia một số lớp học thêm do giáo viên tổ chức. Em cho biết, nếu không học thêm thì không thể thi đỗ được, còn tìm hiểu về nghề thì sau này tìm hiểu sau. Điều quan trọng là phải thi đỗ vào đại học.

Với trường hợp của H, chúng tôi đã cho em làm một số trắc nghiệm cơ bản để xác định xu hướng nghề, tính cách, khí chất và năng lực tâm lý... Kết quả cho thấy H có tính cách linh hoạt, có năng lực giao tiếp, xu hướng nghề là kinh doanh. Bằng một cách ngẫu nhiên nào đó, xu hướng, tính cách của H hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng nghề của em. Đây là một điểm thuận lợi để chúng tôi giúp H tiếp tục củng cố nguyện vọng nghề nghiệp của em. Thông qua các buổi trò chuyện, chúng tôi nhận thấy H rất đam mê xe ô tô, tất cả các nhãn hiệu, loại xe có trên thế giới H đều biết và kể chuyện rất say sưa. Trên cơ sở nguyện vọng và sở thích của H,

chúng tôi đã cùng với em hoạch định một tương lai nghề nghiệp, trong đó chúng tôi vạch rõ những thuận lợi, những khó khăn của công việc, những đòi hỏi và nhu cầu của thị trường lao động. Và cuối cùng H đã đi đến một quyết định, đó là năm nay, em vẫn thi đại học, đỗ hay trượt không quan trọng. Em cho biết, nếu trượt đại học, em sẽ kiếm một công việc tại một cửa hàng kinh doanh để làm việc và tích lũy kinh nghiệm, sau đó có điều kiện thì sẽ thi lại năm học sau hoặc năm sau nữa. Và dự định trong tương lai xa hơn, em mong muốn mở một cửa hàng chuyên kinh doanh xe ô tô cho riêng mình.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt nghiên cứu lý luận:

Kết quả nghiên cứu lý luận một lần nữa khẳng định, chọn nghề là một hiện tượng tâm lý xã hội của nhóm lứa tuổi đầu thanh niên. Nó vừa là nhu cầu vừa là cách thức để cá nhân thể hiện cái tôi, khẳng định vị thế xã hội của trong xã hội với tư cách là một người lớn, đã trưởng thành. Tuy nhiên, ở HS lớp 12 ở Việt Nam hiện nay, sự trưởng thành về mặt xã hội còn chậm, không tương xứng với sự phát triển về mặt thể chất, sinh học của các em.

Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS là những nét tâm lý nổi bật trong nhận thức, thái độ và hành động của HS diễn ra và chi phối, điều khiển, điều chỉnh hoạt động chọn nghề của các em theo hướng mối quan hệ biện chứng giữa ba mặt đó.

Đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề chi ảnh hưởng và chi phối bởi các yếu tố bên ngoài như hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường, gia đình. Tuy nhiên yếu tố động cơ, định hướng giá trị vẫn là những yếu tố tác động mạnh mẽ tới hình thái biểu hiện của các đặc điểm tâm lý trong hoạt động chọn nghề của HS lớp 12.

1.2. Về mặt nghiên cứu thực tiễn

Trong nghiên cứu này chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- *Đặc điểm nhận thức của HS lớp 12 THPT khi chọn nghề:*

HS khi chọn nghề chưa có hiểu biết đầy đủ về các nội dung cần cho hoạt động chọn nghề. Những hiểu biết có được mang tính phiến diện. Các em nắm bắt được các thông tin về những dấu hiệu bề ngoài, không bản chất của nghề như giá trị kinh tế, xã hội, điểm chuẩn, cơ hội việc làm... Phần đông HS chưa hiểu biết đầy đủ về các yêu cầu của nghề đối với người lao động, các em cũng chưa hiểu biết đầy đủ và chính xác về những đặc điểm của bản thân cũng như những đặc trưng cơ bản của thị trường lao động hiện nay.

- Đặc điểm thái độ của HS lớp 12 THPT khi chọn nghề:

Các em chưa có hứng thú mạnh mẽ khi chọn nghề, tính thực dụng trong đánh giá và lựa chọn nghề được thể hiện rõ. Các em thường có xu hướng quan tâm và đánh giá cao những nghề có đặc điểm và giá trị kinh tế cao, cũng như đề cao cơ hội đỗ đạt hơn là tìm kiếm những nghề có những đặc điểm và nội dung phù hợp với mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp. Về tình cảm đối với nghề, đa số HS có tình cảm ở mức thấp với nghề dự định lựa chọn, các em không cảm thấy tự hào, hạnh phúc với nghề mình đã lựa chọn. Nhiều học sinh còn do dự, không tin tưởng vào quyết định chọn nghề của mình, tư tưởng dao động và sẵn sàng bỏ nghề nếu có điều kiện cho phép.

- Đặc điểm hành động của HS lớp 12 THPT khi chọn nghề:

Tính chủ động trong việc chuẩn bị và thực hiện các hành động chọn nghề của HS lớp 12 còn chưa cao. Các em chỉ thực hiện hành động chọn nghề khi có sự nhắc nhở của thầy cô, gia đình. Hành động chọn nghề còn phiến diện, HS coi chọn trường quan trọng hơn chọn nghề, do đó ít tập trung tìm hiểu kỹ về nội dung, điều kiện và những yêu cầu của nghề nghiệp mà chủ yếu tìm hiểu về các giá trị kinh tế, xã hội của nghề, thích tìm hiểu về các điều kiện, chỉ tiêu tuyển sinh, nhu cầu tuyển dụng... và lấy đó làm căn cứ chính để quyết định lựa chọn.

- Mối quan hệ giữa các đặc điểm tâm lý và ảnh hưởng của nó tới sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS lớp 12 THPT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông HS trong hoạt động chọn nghề, các đặc điểm tâm lý được biểu hiện trong hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau về đặc điểm và tính chất. Đặc trưng nổi bật của đặc điểm này là tính tích cực không cao, biểu hiện cả ở ba mặt nhận thức, thái độ, hành động. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ HS có những đặc điểm tâm lý thiếu thống nhất trong hoạt động chọn nghề. Điều này cho thấy, trong hoạt động này, những suy nghĩ, cảm xúc và hành động của các em bị nhiều yếu tố ảnh hưởng, chi phối, tạo ra sự mâu

thuần, thiếu nhất quán trong nhận thức, thái độ, hành động. Điều này chắc chắn có những ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả và chất lượng chọn nghề của các em.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chọn nghề nói chung và các đặc điểm tâm lý biểu hiện trong hoạt động này nói riêng

Về yếu tố có ảnh hưởng, những yếu tố bên ngoài như nhu cầu của thị trường lao động, giáo dục của gia đình, công tác hướng nghiệp của nhà trường, mối quan hệ bạn bè đều có ảnh hưởng nhất định đến đặc điểm tâm lý của HS lớp 12 khi chọn nghề. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng không cao. Trong khi đó những yếu tố bên trong như động cơ, định hướng giá trị của HS khi chọn nghề vẫn là nhân tố chi phối và quyết định đặc điểm tâm lý của họ khi lựa chọn và quyết định nghề nghiệp.

Kết quả nghiên cứu này cũng đã cho thấy hiệu quả của hoạt động GDHN trong nhà trường trong thời gian qua chưa tương xứng với vai trò, trách nhiệm mà nó đảm nhận. Thứ hai, công tác giáo dục, định hướng nghề nghiệp cho con cái của cha mẹ trong các gia đình còn chưa đầy đủ về nội dung và nghèo nàn về hình thức, vì vậy chưa tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến chất lượng chọn nghề của con cái.

Việc thiên lệch trong đánh giá các giá trị của nghề cũng có ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ và hành động chọn nghề của HS. Việc quá đề cao giá trị vật chất, cũng như động cơ kinh tế khi chọn nghề đã khiến cho HS dễ lựa chọn một số lĩnh vực nghề nghiệp (được xem là phù hợp ở hiện tại), trong khi bỏ qua nhiều nghề nghiệp đang có nhu cầu xã hội cao chỉ vì không hấp dẫn về giá trị kinh tế.

1.3. Về quá trình thực nghiệm tác động

Kết quả thu được sau quá trình tiến hành thực nghiệm đã cho thấy những biện pháp tác động tư vấn nghề đã có ảnh hưởng tốt tới việc hình thành và củng cố những đặc điểm tâm lý tích cực trong hoạt động chọn nghề của HS. Điều này góp phần giúp các em lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp, đảm bảo cho sự thành công nghề nghiệp của các em sau này.

Từ những kết quả nghiên cứu trên đây, đối chiếu với những nhiệm vụ đã đề ra ban đầu, về cơ bản luận án đã hoàn thành nhiệm vụ và chứng minh được tính đúng đắn của giả thuyết ban đầu mà luận án đã đặt ra.

2. Kiến nghị

Đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Ban hành các văn bản pháp quy để chính thức hoá nghề tư vấn tâm lý, tư vấn hướng nghiệp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các trường phổ thông tuyển dụng được nhân sự đảm đương trách nhiệm các công tác tư vấn học đường, hướng nghiệp trong nhà trường, tránh tình trạng sử dụng người không được đào tạo chuyên môn về hướng nghiệp đảm nhiệm công tác này như hiện nay. Muốn vậy cần nhanh chóng cho phép mở mã ngành đào tạo giáo viên chuyên trách về GDHN; tạo điều kiện về cơ sở vật chất để trường THPT nào cũng xây dựng được phòng Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn nghề cho HS của nhà trường.

+ *“Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động thương binh xã hội... cần phối hợp để thúc đẩy hoạt động của cơ quan chuyên trách dự báo và cung cấp thông tin về thị trường lao động”*. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để cung cấp các nguồn thông tin chính xác, khoa học, dễ tiếp cận, giúp giáo viên, phụ huynh và học sinh tham khảo trước khi có quyết định lựa chọn nghề.

+ Xây dựng hành lang pháp lý phù hợp, chặt chẽ và khoa học để các cá nhân, tổ chức chuyên môn tham gia vào công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh và các đối tượng có nhu cầu, qua đó, chuyên nghiệp hoá hoạt động này. Ấn hành những tài liệu phổ biến những tri thức khoa học phổ thông về GDHN cho giáo viên, cha mẹ HS và những người quan tâm đến lĩnh vực này.

+ Hiện tượng học sinh chỉ quan tâm lựa chọn một số nghề “hot”, có thu nhập cao là một thực tế. Thực tế này cho thấy có sự bất bình đẳng giữa lao động và thu nhập. Ở nhiều lĩnh vực nghề nghiệp, lao động sử dụng để tạo ra giá trị là như nhau nhưng chế độ tiền lương, thưởng và những phúc lợi khác thì lại khác xa như các nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, dịch vụ có thu nhập và phúc lợi cao hơn hẳn so

với các nghề làm trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học... Vì vậy, cần có một sự điều tiết thu nhập hợp lý giữa các ngành nghề, đảm bảo cho cá nhân yên tâm công tác với chất lượng lao động tốt nhất. Thực hiện được điều này thì công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp học sinh sau tốt nghiệp trở lại lựa chọn các nghề cần thiết cho xã hội trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn nhiều, tránh tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” như hiện nay.

Đối với nhà trường phổ thông

+ Tích cực đổi mới hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông nói chung và phương pháp giảng dạy môn học GDHN nói riêng, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động GDHN trong nhà trường ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống trong lĩnh vực này.

+ Thành lập bộ phận chuyên trách về tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, tuyển dụng những cử nhân được đào tạo về TLH học đường, tư vấn hướng nghiệp hoặc sử dụng giáo viên đã qua các lớp tập huấn về tư vấn tâm lý, tư vấn hướng nghiệp... đảm trách nhiệm vụ này.

+ coi trọng việc đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động GDHN trong nhà trường giống như đầu tư cho các hoạt động giáo dục khác.

+ Cần tổ chức các buổi tập huấn về kiến thức, kỹ năng định hướng nghề nghiệp cho cha mẹ học sinh để từ đó cha mẹ học sinh giúp điều chỉnh ý định chọn nghề không hợp lý của các em. Việc này là cần thiết bởi lẽ hơn ai hết, cha mẹ học sinh là người gần gũi, có nhiều hiểu biết về tính cách, khả năng của con em mình, đồng thời cũng là người có ảnh hưởng lớn đến quyết định chọn nghề của con.

Về phía gia đình học sinh

Cha mẹ HS cần ý thức rõ hơn về vai trò và trách nhiệm của gia đình đối với quá trình định hướng nghề nghiệp cho con cái, cần bổ sung thêm những kiến thức khoa học phổ thông về GDHN, trên cơ sở đó thực hiện tốt vai trò “quân sư” cho con em mình trong lựa chọn nghề nghiệp. Có thái độ và chiến lược trợ giúp con em mình chọn nghề một cách đúng đắn, có căn cứ khoa học dựa trên sự phù hợp giữa

mong muốn, nhu cầu, năng lực của con với những yêu cầu của nghề nghiệp và thị trường lao động.

+ Cần tích cực, chủ động tham gia hoạt động GDHN của nhà trường

Về phía bản thân học sinh

+ Cần tích cực và chủ động tham gia hoạt động GDHN của nhà trường, nhằm tạo dựng cơ sở khoa học vững chắc cho hoạt động chọn nghề của mình, để từ đó lựa chọn cho mình một nghề nghiệp phù hợp với năng lực, phẩm chất và nguyện vọng.

+ Cần ý thức được vai trò quan trọng và ý nghĩa xã hội của việc chọn nghề đối với sự phát triển của bản thân, gia đình và xã hội. Chủ động, tích cực và tự giác thực hiện cách hành động tìm hiểu, nghiên cứu kỹ càng về đối tượng lựa chọn, lấy đó làm căn cứ để ra quyết định chọn nghề. Tiến hành một cách thận trọng, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao hoạt động chọn nghề của mình.

+ Cần chủ động, tích cực, tự giác xây dựng cho mình một kế hoạch lựa chọn nghề nghiệp một cách khoa học ngay từ những năm học đầu cấp, tránh để tình trạng “nước đến chân mới nhảy “ trong việc chọn nghề.

+ Chủ động, tích cực tìm kiếm những nguồn trợ giúp có trình độ, kiến thức trong lĩnh vực hướng nghiệp, tư vấn nghề để quá trình chọn nghề được chính xác và phù hợp.

+ Tích cực và chủ động thực hiện hoạt động chọn nghề, cần trao đổi với gia đình, giáo viên về mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp của mình, qua đó có thêm được những lời khuyên, sự chỉ dẫn một cách phù hợp.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

A. Bài báo khoa học

1. Thái độ lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT ở Hà Nội. *Tạp chí Tâm lý học số 3 năm 2007.*
2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác hướng nghiệp cho học sinh trong các trường trung học phổ thông hiện nay. *Hội thảo Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hội nhập WTO. Hội tâm lý học – giáo dục học 7/2007.*
3. Thực trạng công tác hướng nghiệp cho học sinh tại các trường THPT ở Hà Nội. *Tạp chí Tâm lý học, số 9/2008.*
4. Thực trạng chọn nghề của học sinh lớp 12 trường THPT số 1 Bát Xát – Lào Cai. *Tạp chí Tâm lý học, số 3, 2009.*
5. Đặc điểm nhận thức trong hoạt động chọn nghề của học sinh lớp 12 hiện nay. *Tạp chí Tâm lý học, số 5/2010.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Sách, tài liệu, tạp chí (tiếng việt)

1. Đỗ Ngọc Anh (2006). *Xu hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành văn hoá thông tin trong quá trình đào tạo tại các trường cao đẳng - đại học ở TP-HCM*, Luận án Tiến sỹ, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
2. Đặng Danh Ánh (2003). *Những nẻo đường lập nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội
3. Benham'S W G. (1999). *Bí quyết thành công trong đời người. Định hướng nghề nghiệp*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2008). *Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
5. Bộ Giáo dục – Đào tạo (1994), *Tài liệu tập huấn tư vấn nghề cho HS phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
6. Cruchetxki V.A. (1978). *Những cơ sở của Tâm lý học sư phạm*, Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh..
7. Phạm Tất Dong (1989). *Giúp bạn chọn nghề*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
8. Phạm Tất Dong, Nguyễn Như Át (2000). *Sự lựa chọn tương lai*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.
9. Phạm Tất Dong, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Hải Khoát (2003). *Tâm lý học đại cương*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
10. Vũ Dũng (chủ biên) 2000. *Từ điển Tâm lý học*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Vũ Dũng (2000). *Tâm lý học xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Hữu Dũng (2005). *Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên*, Nhà xuất bản lao động - xã hội, Hà Nội.
13. Đại học Quốc gia Hà Nội. Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Đối thoại Pháp Á (2005): *Vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

14. Nguyễn Tiến Đạt. *Các thuật ngữ nghề, nghề nghiệp, chuyên nghiệp và nghề đào tạo trong giáo dục*, Tạp chí Phát triển giáo dục 4.2004, trg 14-17.
15. Lê Tràng Định (chủ biên), Nguyễn Thị Tuyết Mai (2005). *Hoạt động GDHN, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 3 (2003-2007) cho giáo viên Trung học phổ thông*, Vụ GD Trung học - Dự án phát triển giáo dục Trung học, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
16. Phạm Thị Đức (2000). *Xác định mức độ tác động định hướng của một số giá trị đối với hoạt động ở học sinh trung học phổ thông*, Đề tài cấp bộ, mã số B98 - 49 - 57, Viện KHGD, Hà Nội.
17. Phạm Mạnh Hà (2006). *Thực trạng công tác hướng nghiệp trong các trường trung học phổ thông ở Hà Nội*, Đề tài mã số QX 04 - 06, ĐHQG Hà Nội 2006, Hà Nội.
18. Phạm Minh Hạc, Hồ Thanh Bình (tuyển lựa) (1978). *Tâm lý học liên xô*, Nhà xuất bản Tiên bộ, Hà Nội.
19. Phạm Minh Hạc (1983). *Hành động và hoạt động*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
20. Phạm Minh Hạc (1994). *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Phạm Minh Hạc (1995). *Tâm lý học (Sách dùng cho các trường cao đẳng sư phạm)*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
22. Phạm Minh Hạc (2001). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào Công nghiệp hoá - Hiện đại hóa*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy (1989). *Tâm lý học*, Nhà xuất bản Giáo dục tập 1-2, Hà Nội.
24. Phạm Minh Hạc (chủ biên). (2004). *Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp, nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại học đất nước*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, Đề tài KX - 05-09.
25. Trần Lệ Hằng (2008). *Thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở nước ta hiện nay*, Viện Tâm lý học, Hà Nội.

26. Trần Hiệp (chủ biên, 1996). *Tâm lý học Xã hội - Những vấn đề lý luận*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Hipsơ. H - Phorvec.M (1994). *Nhập môn Tâm lý học xã hội mác xít*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Dương Diệu Hoa (2005). *Giáo dục lao động và hướng nghiệp trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của HS trung học phổ thông*. Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
29. Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2006). *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
30. Hornby.M (2001). *35 bước chọn nghề*, Nhà xuất bản trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
31. Lê Văn Hồng (1997). *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
32. Nguyễn Công Khanh, *Khảo sát tiềm năng nghề nghiệp ở lứa tuổi trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục số 131 (2/2006)
33. Koontz.H (1994). *Những vấn đề cốt yếu trong quản lý*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
34. Kotler.P (2008). *Sức mạnh thương hiệu*, Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
35. Levitov.N.D (1962). *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, tập 2, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội
36. Lomov. B.Ph. (2000). *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
37. Đặng Hoàng Minh (2009). *Khả năng tự định hướng cho nghề nghiệp và cuộc sống tương lai của học sinh*, Tạp chí khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
38. Nguyễn Bá Minh, *Sự lựa chọn ngành đào tạo của HS lớp 12 và một số cơ sở định hướng nghề nghiệp*, Tạp chí Giáo dục số 131 (2/2006), trang 43-45.
39. Phan Tố Oanh (1996). *Nhận thức nghề và dự định chọn nghề của học sinh phổ thông trung học*, Luận án tiến sỹ, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

40. Đào Thị Oanh (1999). *Tâm lý học lao động*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
41. Đào Thị Oanh (2004). *Nghiên cứu xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học*, Tạp chí Tâm lý học số 7 trang 21 - 27.
42. Hoàng Ngọc Phách (1987). *Một vài suy nghĩ về việc định hướng và củng cố xu hướng nghề nghiệp của học viên các lớp đào tạo ở Học viện Chính trị quân sự*, Tạp chí nghiên cứu Giáo dục số 1, trang 63-64.
43. Ngô Quốc Phương (2005). *Các quyết định luận phía sau hành động hướng nghiệp ở người đi học và lao động tìm kiếm việc làm*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Đối thoại Pháp - Á Vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam. trang 180 – 183, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
44. Petrovski. A.V (1982). *Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
45. Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2002), *Bộ Luật Lao động* (đã sửa chữa), trang 146. Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
46. Lê Văn Siêu (1949). *Thanh niên - thực nghiệp*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
47. Phương Kỳ Sơn (chủ biên) (2000). *Tâm lý học xã hội - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Nguyễn Viết Sự (2004). *Giáo dục nghề nghiệp những vấn đề và giải pháp*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
49. Nguyễn Viết Sự (2001). *Tuổi trẻ với nghề truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.
50. Giang Tân (1996). *Lớn lên em chọn nghề gì*, Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
51. Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Cẩm nang hướng nghiệp dạy nghề Thành phố Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
52. Mạc Văn Trang (1993). *Nghiên cứu những yêu cầu tâm lý cơ bản đối với một số nghề và phương pháp xác định đặc điểm tâm lý cá nhân phù hợp nghề làm cơ sở cho công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề*. Viện Chiến lược và phát triển giáo dục.

53. Tổng cục Dạy nghề (Dự án Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề khoản vay 1656 VIE/SF), (2005). *Định hướng nghề nghiệp và việc làm*, Nhà xuất bản Lao động – xã hội, Hà Nội
54. Đỗ Mộng Tuấn (1986), *Động cơ và xu hướng nghề nghiệp của sinh viên*, Tạp chí Đại học và trung học chuyên nghiệp số 12 trang 27 - 30.
55. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (1995), tập 1, Nhà Xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội
56. *Từ điển ngành nghề truyền thống* (2000), Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
57. Tsêbusêva. V.V (1973), *Tâm lý học dạy lao động*, tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
58. Nguyễn Quang Uẩn (1995), *Nghiên cứu về định hướng giá trị của con người VN*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI.
59. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên, 2002). *Tâm lý học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
60. Nguyễn Khắc Viện (2000). *Từ điển Tâm lý học*. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
61. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2008), *Đánh giá thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông lâm nghiệp*. (IPSARD)

B. Sách, tài liệu, tạp chí (Tiếng Anh)

62. Arnold.J (2004), *Work psychology*, Prentice Hall, USA.
63. Bruce.W, Osipow.S.H (1990), *Career Counseling contemporary topics in vocational psychology*. Lawren erlbamum associates, publishers. Hillsdele, New jersey, USA.
64. Dawn.R.M.(2009), *Transferable Skills – Bringing your skills to the new career*, McGraw - Hill, USA.

65. Donna. W.J. (2005), *Individual variations within the vocational decision making process: A review and integration*, Journal of Career Development, PublisherSpringer Netherlands, p.52-65
66. Dilley. J.S., *Vocational Decision-Making Models: A Review and Comparative Analysis* Review of Educational Research Summer 1974 44: p.331-349,
67. Jonakelly.P, (2000), *Oriented training for youth*. Glencoe McGraw - Hill, USA.
68. JoanKelly.P, Ruth. Volz – Patton (2007), *Career skills*, Glencoe McGraw-Hill, USA.
69. Narayana.S (1981), *Counseling Psychology*, McGraw-Hill Publishing Company
70. Phillips S.D. and Douglas.C. *Strohmer, Decision-making style and vocational maturity*, *Journal of vocational Behavior*, Volume 20, 4.1982, page 215 – 222.
71. Stevens.L (2004). *Irwin career hand book*. Prentice Hall, USA.
72. Savickas.M.L., Tiedeman.D.V. *Engineer of career construction*, *Career development Quarterly*, 4.2008.
73. Theodore.K (1997), *Study strategies for carees*. Boston Irwin. USA.
74. Yenna D.J. (2002), *Career directions*, Prentice Hall, USA.
- C. Sách, tài liệu, tạp chí (tiếng Pháp)**
75. Chassagne, *Education à l'orientation*, Magnard, 1998, Paris
- E. Sách, tài liệu, tạp chí (tiếng Nga)**
76. Ахмеров П.А., Косенко (2001), Влияние родителей на выбор образа жизни детей, журнал "Наука управления университета, Москва. Россия
77. Месерясова.ВЗ, Дитруеико V.P (2000), Словарь психологии, Санкт-Петербург, Россия.
78. Vaxima.u.A (2000) характер символ профессионального школьников, Москва, Россия.

79. Скребозатова П.Н (1996), Фото образа жизни учащихся средней школы, университет экономики, управления, Москва, Россия.

F. Các trang Web

80. Bruce.W, Osipow.S.H, *Handbook of Vocational Psychology Theory*,
<http://www.questia.com/PM.qst?a=o&d=35755347>

81. *Society for Vocational Psychology*, <http://www.div17.org/vocpsych/>

82. <http://www.questia.com/read/97907036?title=Undergraduate%20Career%20Decisions%3a%20Correlates%20of%20Occupational%20>

83. <http://www.huongnghiep.vn/?view=menu&pmenu=2&id=104>

84. <http://www.moet.gov.vn>.

PHỤ LỤC

1. Các phương pháp nghiên cứu

1.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

1.1.1. Phiếu điều tra học sinh

BẢNG TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Các bạn học sinh thân mến!

Với mục đích tìm hiểu những khó khăn mà các em gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, chúng tôi mong nhận được những đóng góp của các em bằng cách đánh dấu (x) vào các phương án trả lời mà em cho là phù hợp ở từng câu hỏi dưới đây. Kết quả nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ được dùng vào công tác nghiên cứu khoa học.

Cảm ơn sự tham gia của các em.

Câu 1: Theo em, việc chọn nghề được xem là? (chọn 1 phương án trả lời)

1. Là một công việc quan trọng, cần có những suy nghĩ, cân nhắc chín chắn.
2. Là một công việc quan trọng như nhiều việc quan trọng khác như học tập, giao tiếp...
3. Là một công việc buộc phải nghĩ tới khi sắp phải ra trường.
4. Là một công việc bình thường như bao công việc bình thường khác.

Câu 2: Theo em, học sinh nên tính tới việc lựa chọn nghề nghiệp từ thời điểm nào là thích hợp? (chọn 1 phương án trả lời)

1. Từ trước năm lớp 12
2. Từ đầu năm lớp 12.
3. Trước khi làm hồ sơ tuyển sinh.

Em nói rõ lý do :

Câu 3.1. Em kể tên nghề hoặc lĩnh vực nghề mà em chắc chắn sẽ lựa chọn?

Câu 3.2. Em kể tên nghề hoặc lĩnh vực nghề mà em thực sự mong muốn được theo đuổi:

Câu 4. Em đăng ký được đào tạo nghề (lĩnh vực nghề) ở bậc học nào dưới đây ? (chọn 1 phương án trả lời)

Stt	Bậc đào tạo	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
1.	Đại học, cao đẳng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Trung cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3.	Cơ sở đào tạo nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tại các cơ sở sản xuất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

.....

Câu 5. Em vui lòng cho biết mức độ hiểu biết của em về những nội dung được liệt kê sau đây?

a. Em vui lòng cho biết mức độ hiểu biết của em về những đặc điểm của nghề mà em lựa chọn?

Stt	Nội dung	Có biết	Có nghe nói	Không biết
1.	Những công việc cụ thể của người làm nghề phải thực hiện trong quá trình lao động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Ý nghĩa xã hội của nghề mà em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Giá trị kinh tế (Tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến) của nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Địa chỉ các cơ sở có đào tạo nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những khó khăn, vất vả, rủi ro... mà bản thân phải đối mặt khi hành nghề (em chọn) sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề em chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Chỉ tiêu, điểm chuẩn của các cơ sở đào tạo nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Em có thể kể một số công việc cụ thể của người làm nghề phải thực hiện trong quá trình lao động?

.....
Em có thể kể một vài thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ “chọi” ở ngành (nghề) em đăng ký dự thi năm nay.

.....
b. Em vui lòng cho biết mức độ hiểu biết của em về các vấn đề liên quan đến thị trường lao động.

Stt	Nội dung	Biết rất rõ	Biết sơ	Không biết
1.	Định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với nghề em chọn nói riêng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	hiện nay.			
3.	Các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề em chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động đối với nghề lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Địa chỉ các cơ quan tuyển dụng nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà em lựa chọn trong tương lai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Em có thể nêu những ngành, nghề nhà nước, địa phương đang ưu tiên phát triển và có nhiều triển vọng.....

.....

Em hãy nêu các ngành, nghề dễ hoặc khó xin việc làm, hãy nói rõ lý do?

.....

c. Về những đặc điểm cá nhân ?

Stt	Yếu tố	Biết rất rõ	Biết sơ	Không biết
1.	Năng khiếu, thiên hướng của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Năng lực hiện có của mình đảm bảo giúp bản thân thành công với nghề đã chọn sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Những phẩm chất tính cách hiện có giúp bản thân thành công với nghề em chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp bản thân thành công với nghề sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp bản thân thành công với nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Những điểm yếu về mặt tính cách, năng lực ảnh hưởng đến sự thành công nghề em chọn sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Nguyện vọng và các kế hoạch tương lai của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 6. Em hãy liệt kê những yếu tố mà nghề em chọn đòi hỏi người làm nghề phải có và những phẩm chất và năng lực hiện tại em có để đáp ứng những đòi hỏi đó.

(Các em hãy trả lời bằng cách đánh dấu x vào hai cột với các tiêu chí phù hợp với nghề em chọn)

Stt	Phẩm chất/năng lực	Đòi hỏi của nghề	Những phẩm chất,
-----	--------------------	------------------	------------------

		đối với người lao động	năng lực hiện có của bản thân
1.	Nhanh nhẹn		
2.	Cẩn thận		
3.	Thẳng thắn		
4.	Dũng cảm		
5.	Ứng xử khéo léo, hòa nhã		
6.	Trung thực		
7.	Nhân ái		
8.	Sôi nổi/nhiệt tình		
9.	Khiêm tốn		
10.	Kiên trì/nhẫn nại		
11.	Khả năng tập trung cao		
12.	Dịu dàng/nhẹ nhàng		
13.	Mạnh mẽ, cương quyết		
14.	Trí nhớ tốt		
15.	Linh hoạt		
16.	Điềm tĩnh		
17.	Sáng tạo		
18.	Thông minh		
19.	Tư duy logic/tóan học		
20.	Giao tiếp tốt		
21.	Say mê công việc		
22.	Sức khỏe dẻo dai		
23.	Khả năng thị giác/thính giác tốt		
24.	Thích tìm hiểu khám phá		

Câu 7. Những hiểu biết mà em có, được sử dụng trong chọn nghề là do những yếu tố nào tác động, gây ảnh hưởng?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng một phần	Không đúng
1.	Từ chương trình, nội dung, hoạt động hướng nghiệp được tổ chức trong nhà trường.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Quá trình định hướng, trợ giúp của cha mẹ, người thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3.	Quá trình giao tiếp với bạn bè trong lớp hoặc cùng lứa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Thông tin từ thị trường lao động (nhu cầu tuyển, cơ hội việc làm, mức lương, thưởng...).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Yếu tố khác xin ghi rõ:.....

Câu 8 : Trong quá trình chọn nghề, mức độ hứng thú của em như thế nào với các hoạt động nào dưới đây ?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng 1 phần	Không đúng
1.	Thích bàn luận với người khác về nghề sẽ chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Thích tìm hiểu thêm các thông tin về nghề sẽ chọn thông qua việc đọc các tài liệu có liên quan đến nghề.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Thích học các môn học có liên quan đến nghề sẽ chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Thích tham gia vào các hoạt động có liên quan đến nghề sẽ lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Thích bàn luận với người xung quanh về những thuận lợi và khó khăn để đạt được thành công trong nghề sẽ chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Thích bàn luận về những giá trị của nghề mà mình sẽ lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Thích bàn luận về các điều kiện để cống hiến lâu dài với nghề sẽ lựa chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Thích trao đổi với người thành đạt trong nghề mà bản thân chọn			

Câu 9. Em cho biết mức độ quan tâm tìm hiểu kỹ các nội dung dưới đây khi chọn nghề như thế nào ?

a. Về nội dung của nghề

Stt	Nội dung	quan trọng cần tìm hiểu	Tương đối quan trọng, cũng cần tìm hiểu	Không quan trọng, không cần tìm hiểu
1.	Những công việc cụ thể của người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Giá trị kinh tế - xã hội của nghề mà em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến của người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Địa chỉ các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với nguyện vọng và năng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những khó khăn mà người học nghề hoặc làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	sẽ gặp phải sau này.			
6.	Những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề đối với người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Chỉ tiêu, điểm chuẩn, các chính sách ưu tiên đối với nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

b. Về thị trường lao động

Stt	Nội dung	quan trọng cần tìm hiểu	Tương đối quan trọng, cũng cần tìm hiểu	Không quan trọng, không cần tìm hiểu
1.	Các định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với nghề em chọn nói riêng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề em chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động đối với nghề lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Địa chỉ các cơ quan tuyển dụng nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà em lựa chọn trong tương lai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

c. Về những đặc điểm cá nhân ?

Stt	Yếu tố	quan trọng cần tìm hiểu	Tương đối quan trọng, cũng cần tìm hiểu	Không quan trọng, không cần tìm hiểu
1.	Năng khiếu, thiên hướng của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Năng lực hiện có của mình đảm bảo giúp bản thân thành công với nghề đã chọn sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Những phẩm chất tính cách hiện có giúp bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	thành công với nghề em chọn.			
4.	Những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp bản thân thành công với nghề sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp bản thân thành công với nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Những điểm yếu về mặt tính cách, năng lực ảnh hưởng đến sự thành công nghề em chọn sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Nguyện vọng, mong muốn nghề của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Câu 10. Động lực nào dưới đây đã khiến em quyết định lựa chọn nghề hiện tại?
(được lựa chọn nhiều yếu tố)**

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng 1 phần	Không đúng
1.	<i>Nghề dễ dàng xin được việc làm sau này</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	<i>Nghề có thu nhập cao, kiếm được nhiều tiền</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	<i>Nghề không không vất vả, nặng nhọc</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Nghề đáp ứng được nguyện vọng, mong muốn của bản thân.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Nghề phù hợp với năng lực, phẩm chất, sức khỏe cá nhân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	<i>Nghề đem lại địa vị cao trong xã hội</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	<i>Nghề được đào tạo ở bậc đại học/cao đẳng</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	<i>Phù hợp với sức học (đảm bảo khả năng thi đỗ)</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	<i>Nghề phù hợp với giới trẻ năng động</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10.	Nghề đem lại cơ hội để phát triển cá nhân và đóng góp cho xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11.	<i>Nghề phù hợp với mong muốn của người thân, gia đình</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12.	<i>Lời khuyên của bạn bè</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13.	<i>Do không còn lựa chọn khác</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 11: Em đã quyết định chọn nghề phù hợp với tình huống nào sau đây?

	Tình huống	Trả lời
1	Trong tình huống phải lựa chọn giữa nghề mình thích, đã tìm hiểu kỹ càng và thấy có sự phù hợp hay nghề có mình không thích lắm nhưng thu nhập cao, em đã:	
	Phương án 1: Chọn nghề mình thích, đã tìm hiểu kỹ	
	Phương án 2: Chọn nghề thu nhập cao, sở thích tạm gác lại	
2	Trong tình huống phải lựa chọn giữa nghề bản thân thích, có năng lực phù hợp hay nghề dễ xin việc nhưng không thích và ít phù hợp	
	Phương án 1: Chọn nghề thích, dù có phải đối mặt với nhiều khó khăn.	
	Phương án 2: Chọn nghề dễ xin việc dù không thích.	
3	Trong tình huống phải chọn giữa nghề bản thân mơ ước và có nguyện vọng theo đuổi và phù hợp hay nghề đang có nhiều cơ hội xin được việc làm với thu nhập cao?	
	Phương án 1: Chọn nghề mình mơ ước	
	Phương án 2: Chọn nghề có nhiều cơ hội để phát triển	
4	Trong tình huống phải lựa chọn giữa nghề phù hợp với khả năng, tính cách của bản thân hay nghề có nhiều cơ hội thi đỗ vào các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng	
	Phương án 1: Chọn nghề phù hợp với phẩm chất, tính cách, nguyện vọng...	
	Phương án 2: Chọn nghề có nhiều cơ hội đỗ vào các cơ sở đào tạo	
5	Trong tình huống phải lựa chọn nghề phù hợp nhưng phải làm việc ở những vùng dân cư khó khăn hay nghề có thể xin việc tại các thành phố lớn dù mình không thấy có nhiều phù hợp.	
	Phương án 1: Chọn làm việc ở nơi khó khăn, vì được làm nghề yêu thích	
	Phương án 2: Chọn việc dễ xin việc tại thành phố	

Câu 12: Giá trị nào dưới đây là căn cứ để em lựa chọn nghề (xếp theo thứ tự ưu tiên từ 1 – đến hết)

Stt	Nội dung	Hạng giá trị
1.	Thu nhập	
2.	Dễ xin việc	
3.	Dễ đỗ đạt	
4.	Bằng cấp cao	
5.	Môi trường làm việc hiện đại	
6.	Phù hợp năng lực	
7.	Phù hợp hoàn cảnh, địa vị gia đình.	
8.	Phù hợp tính cách	
9.	Được làm việc gần gia đình	
10.	Công hiến được nhiều cho cộng đồng, xã hội	
11.	Phù hợp với các bạn trẻ	
12.	Phát triển được bản thân	
13.	Phát huy được năng khiếu, sở trường	
14.	Nâng cao giá trị bản thân	
15.	Góp phần xây dựng và phát triển đất nước`	
16.	Thừa hưởng truyền thống gia đình	

Câu 13. Sự quan tâm và tình cảm của em đối với nghề lựa chọn do các yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng một phần	Không đúng
1.	Từ chương trình, nội dung, hoạt động hướng nghiệp được tổ chức trong nhà trường.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Quá trình định hướng, trợ giúp của cha mẹ, người thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Quá trình giao tiếp với bạn bè trong lớp hoặc cùng lứa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Thông tin từ thị trường lao động (nhu cầu tuyển, cơ hội việc làm, mức lương, thưởng...).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 14: Thời điểm em bắt đầu quá trình chọn nghề của mình.

1. Từ năm lớp 10,11 hoặc trước nữa 2. Bắt đầu năm lớp 12
 3. Trước khi làm hồ sơ

Câu 15. Việc bắt đầu hoạt động chọn nghề là do:

1. Do bản thân thấy điều này là cần thiết
 2. Do bản thân thấy cần thiết khi được thầy cô, gia đình khuyên bảo

3. Do tình thế buộc phải làm.

Câu 16: Em cho biết mức độ tham gia của em vào các hoạt động dưới đây như thế nào?

a. Tìm hiểu về nghề và các nội dung của nghề?

Stt	Nội dung	Thường xuyên	Mới tìm hiểu 1,2 lần	Hiếm khi
1.	Tìm hiểu những nội dung công việc cụ thể của nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tìm hiểu giá trị kinh tế - xã hội của nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tìm hiểu các điều kiện về tiền lương, thu nhập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tìm hiểu địa chỉ các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với nguyện vọng và năng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Tìm hiểu những khó khăn sẽ gặp phải khi hành nghề.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Tìm hiểu những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề đối với người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Tìm hiểu chỉ tiêu, điểm chuẩn, các chính sách ưu tiên đối với nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Tìm hiểu các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

b. Về thị trường lao động

Stt	Nội dung	Thường xuyên	Mới tìm hiểu 1,2 lần	Hiếm khi
1.	Tìm hiểu các định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với nghề em chọn nói riêng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tìm hiểu các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tìm hiểu các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tìm hiểu khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề em chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động đối với nghề lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Tìm hiểu địa chỉ các cơ quan tuyển dụng nghề em chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Tìm hiểu những xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà em lựa chọn trong tương lai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.	Tìm hiểu cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
----	--	--------------------------	--------------------------	--------------------------

c. Về những đặc điểm cá nhân ?

Stt	Yếu tố	Thường xuyên	Mới tìm hiểu 1,2 lần	Hiếm khi
1.	Tìm hiểu, khám phá năng khiếu, thiên hướng nghề nghiệp của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tìm hiểu, khám phá năng lực giúp bản thân thành công với nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tìm hiểu, khám phá những phẩm chất tính cách giúp bản thân thành công với nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tìm hiểu, khám phá những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp bản thân thành công với nghề sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Tìm hiểu, khám phá những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Tìm hiểu, khám phá những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp bản thân thành công với nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Tìm hiểu, khám phá những hạn chế về năng lực của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Tìm hiểu, khám phá những hạn chế về mặt cá tính, tính cách của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 17. Em đã tự giác thực hiện những hành động nào dưới đây như thế nào?.

Stt	Yếu tố	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Học tập kỹ các môn học sẽ thi trong các kỳ tuyển sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tìm đọc các tài liệu có liên quan đến nghề lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Gặp gỡ người đã từng làm nghề để hỏi thêm thông tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Làm một số công việc có liên quan đến nghề lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Thăm quan một số cơ sở đào tạo nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Thăm quan một số cơ sở có tuyển dụng nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Sưu tập tài liệu, hoặc vật phẩm có liên quan đến nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 18. Trong quá trình tìm kiếm, lựa chọn nghề, yếu tố nào dưới đây có ảnh hưởng tới em?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng một phần	Không đúng
1.	Từ chương trình, nội dung, hoạt động hướng nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	được tổ chức trong nhà trường.			
2.	Quá trình định hướng, trợ giúp của cha mẹ, người thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Quá trình giao tiếp với bạn bè trong lớp hoặc cùng lứa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Thông tin từ thị trường lao động (nhu cầu tuyển, cơ hội việc làm, mức lương, thưởng...).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Yếu tố khác, xin ghi rõ:.....

.....

Câu 19 Với nghề đã lựa chọn, giờ em có cảm nhận như thế nào?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Không đồng ý
1.	Hoàn toàn tự tin và hài lòng với nghề đã chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Thấy vui và hạnh phúc vì đã chọn được nghề phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Thấy tự hào và hãnh diện vì nghề mình chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Nếu có cơ hội lựa chọn lại em sẽ vẫn lựa chọn nghề này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Dù sau này có khó khăn nhưng quyết tâm theo đuổi nghề đến cùng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 20. Em cho biết đôi nét về bản thân.

1. Họ và tên:..... Trường..... Lớp.....
2. Tỉnh/Thành phố:.....
3. Nghề nghiệp của cha:.....
4. Nghề nghiệp mẹ:.....
5. Học lực: Lớp 10.....Lớp 11.....Lớp 12.....
6. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ.
7. Email/hộp thư điện tử:.....

1.1.2. Phiếu điều tra phụ huynh học sinh

BẢNG TRUNG CẦU Ý KIẾN

Với mục đích tìm hiểu những khó khăn mà các em học sinh gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, chúng tôi mong nhận được những đóng góp của ông bà bằng cách đánh dấu (x) vào các phương án trả lời mà ông bà cho là phù hợp ở từng câu hỏi dưới đây. Kết quả nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ được dùng vào công tác nghiên cứu khoa học.

Cảm ơn sự tham gia của ông bà.

Câu 1. Ông bà bắt đầu hướng dẫn con lựa chọn nghề nghiệp từ thời điểm nào?

- Không nhớ rõ
- Từ trước năm lớp 12
- Từ đầu năm lớp 12.
- Trước khi con tốt nghiệp lớp 12.

Câu 2. Ông bà định hướng cho cháu làm nghề nghiệp gì sau này?

- a. Tên nghề:.....
- b. Nghề đó được đào tạo ở bậc học nào?

Stt	Bậc đào tạo	Ý kiến
1.	Đại học, cao đẳng	
2.	Trung cấp	
3.	Cơ sở đào tạo nghề	
4.	Tại các cơ sở sản xuất	

Câu 3.1. Ông bà có biết hiện tại con mình có nguyện vọng chọn ngành nghề gì hay không?

- 1. Có biết
- 2. Không biết

Câu 3.2. Ông bà có hài lòng với quyết định đó của cháu hay không?

- 1. Rất hài lòng
- 2. Bình thường
- 3. Không được hài lòng

Câu 4: Ông bà đã trao đổi với con những nội dung nào dưới đây, và mức độ trao đổi như thế nào?

Stt	Nội dung	Thường xuyên	thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1.	Những công việc cụ thể của người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Giá trị kinh tế - xã hội của nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3.	Tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến trong nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Địa chỉ các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với nguyện vọng và năng lực của con	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những khó khăn mà người học nghề hoặc làm nghề sẽ gặp phải sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề đối với người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Chỉ tiêu, điểm chuẩn, các chính sách ưu tiên đối với nghề con chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề con chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	Định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với nghề con chọn nói riêng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10.	Các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11.	Các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12.	Khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề con chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13.	Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, tổ chức đối với nghề con ựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14.	Địa chỉ các cơ quan tuyển dụng nghề con chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15.	Xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà con lựa chọn trong tương lai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16.	Cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	Năng khiếu, thiên hướng của con	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10.	Năng lực hiện có của con đảm bảo giúp bản thân thành công với nghề đã chọn sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11.	Những phẩm chất tính cách hiện có giúp bản thân thành công với nghề con chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12.	Những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp con thành công với nghề sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13.	Những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14.	Những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp con thành công với nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15.	Những điểm yếu về mặt tính cách, năng lực ảnh hưởng đến sự thành công nghề con chọn sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16.	Nguyện vọng và các kế hoạch tương lai của con	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 5. Giá trị nào dưới đây của nghề nghiệp được ông bà đặc biệt quan tâm và giáo dục con lựa chọn theo? (xếp theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 16, trong đó 1 là giá trị quan tâm nhất)

Stt	Yếu tố	Ý kiến
1.	Thu nhập	
2.	Dễ xin việc	
3.	Dễ đỗ đạt	
4.	Bằng cấp cao	
5.	Môi trường làm việc hiện đại	
6.	Phù hợp năng lực	
7.	Phù hợp hoàn cảnh, địa vị gia đình.	
8.	Phù hợp tính cách	
9.	Được làm việc gần gia đình	
10.	Cống hiến được nhiều cho cộng đồng, xã hội	
11.	Phù hợp với các bạn trẻ	
12.	Phát triển được bản thân	
13.	Phát huy được năng khiếu, sở trường	
14.	Nâng cao giá trị bản thân	
15.	Góp phần xây dựng và phát triển đất nước`	
16.	Thừa hưởng truyền thống gia đình	

Câu 6. Ông bà vui lòng cho biết ông bà đã thực hiện những hoạt động cụ thể nào dưới đây ?

Stt	Nội dung	Hoạt động		
		Hoàn toàn đúng	Đúng 1 phần	Không đúng
1.	Dành thời gian để trao đổi về mong muốn, nguyện vọng nghề nghiệp với con	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Hướng dẫn con tìm kiếm các thông tin về nghề dự định lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Hướng dẫn con cách tự khám phá ra các tiềm năng của bản thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Đưa ra lời khuyên đối với việc chọn nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Cùng con tìm kiếm các tài liệu, thông tin về nghề mà con muốn lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Chuẩn bị nguồn kinh phí để con có thể học thêm kiến thức ngoài giờ lên lớp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Dành nhiều điều kiện để bồi dưỡng năng khiếu, thiên hướng của con.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 7. Việc ông bà giúp con chọn nghề phù hợp với tình huống nào dưới đây?

1. Hoàn toàn ủng hộ nguyện vọng nghề nghiệp của con (dù không đúng với mong muốn của bố mẹ).

2. Cố gắng thuyết phục con nghe theo những lời khuyên hợp lý của cha mẹ (dù không đúng với mong muốn của con).

3. Cùng với con (nhưng không làm thay) lựa chọn nghề phù hợp nhất với nguyện vọng của con.

Câu 8: Theo ông bà yếu tố nào ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc quyết định chọn nghề của con?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng 1 phần	Không đúng
1.	Chương trình GDHN trong nhà trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Các thầy cô giáo thông qua các buổi học trên lớp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Các hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Sự định hướng gia đình, người thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Nỗ lực của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Các phương tiện truyền thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Được sớm làm quen với nghề và người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Ảnh hưởng từ nhóm bạn bè	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 9. Ông bà vui lòng cho biết đôi nét về bản thân.

1. Giới tính

1. Nam

2. Nữ

2. Nghề nghiệp:.....

3. Tỉnh/Thành phố:.....

4. Phụ huynh học sinh em:...../Lớp:.....Trường:.....

1.1.3. Phiếu điều tra cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường

BẢNG TRUNG CẦU Ý KIẾN

Với mục đích tìm hiểu những khó khăn mà các em học sinh gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, chúng tôi mong nhận được những đóng góp của thầy cô bằng cách đánh dấu (x) vào các phương án trả lời mà thầy cô cho là phù hợp ở từng câu hỏi dưới đây. Kết quả nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ được dùng vào công tác nghiên cứu khoa học.

Cảm ơn sự tham gia của thầy cô.

Câu 1. Thầy cô bắt đầu hướng dẫn học sinh lựa chọn nghề nghiệp từ thời điểm nào?

- Không nhớ rõ
- Từ trước năm lớp 12
- Từ đầu năm lớp 12.
- Trước khi con tốt nghiệp lớp 12.

Câu 2. Thầy cô thường hướng cho học sinh chọn bậc đào tạo nghề nào dưới đây?

Stt	Bậc đào tạo	Ý kiến
1.	Đại học, cao đẳng	
2.	Trung cấp	
3.	Cơ sở đào tạo nghề	
4.	Tại các cơ sở sản xuất	

Câu 3. Thầy cô vui lòng cho biết sự chỉ dẫn của thầy cô tới học sinh về những nội dung dưới đây hiện ở mức độ nào ?,

Stt	Nội dung	Rất đầy đủ	Tương đối đủ	Sơ qua
1.	Những công việc cụ thể của người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Giá trị kinh tế - xã hội của nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến trong nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Địa chỉ các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với nguyện vọng và năng lực của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Những khó khăn mà người học nghề hoặc làm nghề sẽ gặp phải sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề đối với người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Chỉ tiêu, điểm chuẩn, các chính sách ưu tiên đối với nghề học sinh chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề học sinh chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	Định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	nghề học sinh chọn nói riêng			
10.	Các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11.	Các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12.	Khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề học sinh chọn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13.	Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, tổ chức đối với nghề học sinh lựa chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14.	Địa chỉ các cơ quan tuyển dụng nghề học sinh chọn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
15.	Xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà học sinh lựa chọn trong tương lai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
16.	Cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
17.	Năng khiếu, thiên hướng của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
18.	Năng lực hiện có của học sinh đảm bảo giúp các em thành công với nghề đã chọn sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
19.	Những phẩm chất tính cách hiện có giúp học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
20.	Những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp học sinh thành công với nghề sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
21.	Những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
22.	Những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp con thành công với nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
23.	Những điểm yếu về mặt tính cách, năng lực ảnh hưởng đến sự thành công nghề học sinh chọn sau này.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
24.	Nguyện vọng và các kế hoạch tương lai của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 4. Giá trị nào dưới đây của nghề nghiệp được thầy cô đặc biệt quan tâm và giáo dục học sinh lựa chọn theo? (xếp theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 16, trong đó 1 là giá trị quan tâm nhất)

Stt	Yếu tố	Ý kiến
1.	Thu nhập	
2.	Dễ xin việc	
3.	Dễ đỗ đạt	
4.	Bằng cấp cao	
5.	Môi trường làm việc hiện đại	
6.	Phù hợp năng lực	
7.	Phù hợp hoàn cảnh, địa vị gia đình.	
8.	Phù hợp tính cách	
9.	Được làm việc gần gia đình	
10.	Cống hiến được nhiều cho cộng đồng, xã hội	
11.	Phù hợp với các bạn trẻ	
12.	Phát triển được bản thân	
13.	Phát huy được năng khiếu, sở trường	

14.	Nâng cao giá trị bản thân	
15.	Góp phần xây dựng và phát triển đất nước`	
16.	Thừa hưởng truyền thống gia đình	

Câu 5. Thầy cô vui lòng cho biết nhà trường và thầy cô đã thực hiện những hoạt động nào trong số những hoạt động được liệt kê dưới đây?

Stt	Hình thức hoạt động hướng nghiệp	Thườn g xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Lập hồ sơ hướng nghiệp cho từng học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh để hướng dẫn chọn nghề phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Đo các chỉ số tâm lý (IQ, Tính cách, năng lực...) cho học sinh nhằm phục vụ cho việc tư vấn nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, chọn nghề cho học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Cung cấp thông tin về thị trường lao động, cơ hội việc làm của các ngành nghề có trong xã hội cho học sinh tham khảo thông qua môn GDHN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Mời các chuyên gia, thợ lành nghề tham gia các buổi sinh hoạt GDHN theo chương trình của Bộ GD-ĐT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Tổ chức thăm quan các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh để định hướng cho sự lựa chọn nghề của học sinh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Tổ chức văn hoá, văn nghệ kết hợp tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	Lồng ghép các kiến thức hướng nghiệp vào ngay các bài giảng của môn học			

Câu 6. Theo thầy cô, yếu tố nào dưới đây có ảnh hưởng nhiều nhất quyết định chọn nghề của học sinh.?

Stt	Yếu tố	Hoàn toàn đúng	Đúng 1 phần	Không đúng
1.	Chương trình GDHN trong nhà trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Các thầy cô giáo thông qua các buổi học trên lớp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Các hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Sự định hướng gia đình, người thân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5.	Nỗ lực của học sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Các phương tiện truyền thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Được sớm làm quen với nghề và người làm nghề	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Ảnh hưởng từ nhóm bạn bè	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 7: Thầy cô có đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm giúp các em học sinh trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp?.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Thầy cô vui lòng cho biết đôi nét về bản thân.

1. Giới tính 1. Nam ; 2. Nữ
2. Chức vụ: 1. Lãnh đạo ; 2. Giáo viên chủ nhiệm ; 3. Giáo viên hướng nghiệp
3. Đơn vị công tác.....
4. Tỉnh/Thành phố:.....

1.2. Phiếu phỏng vấn sâu

1.2.1. Phiếu phỏng vấn sâu học sinh lớp 12

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU HỌC SINH

Câu 1. Em đã có hiểu biết gì về nghề lựa chọn (tên nghề/nội dung lao động/yêu cầu của nghề...).

Nội dung lao động của nghề:.....

Yêu cầu của nghề đối với người lao động

Cơ hội việc làm của nghề

Câu 2. Trong quá trình học tập, em đã làm những gì để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của mình?

Câu 3. Trong quyết định lựa chọn nghề của mình, em bị ảnh hưởng với yếu tố nào nhất (gia đình/bạn bè/thị trường lao động/năng lực học tập bản thân/sở thích, hứng thú của bản thân...)

Câu 4: Nếu còn cơ hội để lựa chọn lại, em có chọn nghề em đã quyết định này hay không? Lý do tại sao?

Câu 5: Trong trường bố mẹ không đồng ý với nghề mà em chọn, em sẽ làm gì?

Câu 6: Trong trường hợp ý định nghề nghiệp cá nhân mâu thuẫn với định hướng giáo viên chủ nhiệm, em sẽ lựa chọn lại như thế nào?

Câu 7. Trong trường hợp nghề mà em thực sự mong muốn, nhưng thu nhập thấp, không đảm bảo yếu tố kinh tế, em quyết định như thế nào?

Họ và tên HS:..... Trường:...../Lớp:.....

Giới tính:.....

1.2.2. Phiếu phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, giáo viên trường THPT

PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN

Câu 1. Thầy cô có thể cho biết việc lựa chọn nghề của HS hiện nay như thế nào?
+ Sự hiểu biết của HS về nghề lựa chọn

.....
.....
.....

+ Thái độ của HS đối với nghề lựa chọn và việc chọn nghề?

.....
.....
.....

+ Hành động chọn nghề

.....
.....
.....

Câu 2. Thầy cô đã giúp được gì cho quá trình chọn nghề của HS

.....
.....
.....

Câu 3. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đã và đang tiến hành các hoạt động hướng nghiệp nào, thầy cô cho biết hiệu quả của các hoạt động đó

.....
.....
.....

Câu 4: Thầy, cô cho biết khi tiến hành các hoạt động hướng nghiệp cho HS, thầy cô đã gặp những thuận lợi và khó khăn gì?

.....
.....
.....

Câu 5: Thầy cô có đề xuất gì để công tác hướng nghiệp cho HS được tốt không?

.....
.....
.....

Họ và tên giáo viên:..... Trường:.....

Chức vụ:.....

1.3. Phương pháp trắc nghiệm tâm lý

1.3.1. Trắc nghiệm trắc nghiệm: khám phá nghề nghiệp phù hợp qua tính cách của bạn

Bạn có muốn biết mình thuộc típ người nào và nghề nghiệp nào phù hợp với bạn nhất không? Mời bạn tham gia bài trắc nghiệm sau:

Hãy trả lời **trung thực** từng câu hỏi bằng cách chọn một câu duy nhất trong từng cặp câu trả lời mô tả đúng nhất về bạn. Hãy trả lời như chính con người thật của bạn, đừng chọn câu trả lời mà bạn muốn hay phải như vậy.

1. Nếu mô tả về mình, bạn là người:

- a. Nói nhiều hơn là nghe người khác nói.
- b. Lắng nghe người khác nhiều hơn là nói.
- c. Chú ý các tiểu tiết.
- d. Chú ý bức tranh toàn cảnh và những việc có thể xảy ra.
- e. Quyết định mọi việc rất khách quan.
- f. Quyết định mọi việc theo giá trị riêng của chúng và cảm nhận của bạn.
- g. Thực hiện đúng kế hoạch đặt ra, không muốn thay đổi.
- h. Linh hoạt khi thực hiện các kế hoạch.

2. Trong những buổi họp mặt hay tranh luận cùng bạn bè, bạn ...

- a. Thích là tâm điểm của sự chú ý.
- b. Cảm thấy thoải mái khi ở một mình.
- c. Thích những giải pháp thực tế.
- d. Thích những ý tưởng sáng tạo.
- e. Thường tranh luận cho vui.
- f. Cố gắng tránh tất cả tranh luận và đối đầu.
- g. Rất chú trọng đến thời gian và luôn đúng giờ.
- h. Ít quan tâm đến thời gian và thường trễ hẹn.

3. Quan điểm sống của bạn là ...

- a. Hành động trước khi suy nghĩ.
- b. Suy nghĩ thật “chín” trước khi hành động.
- c. Chỉ tin vào kinh nghiệm thực tế.
- d. Chỉ tin vào bản năng mà thôi.
- e. Xem trọng tính trung thực và công bằng.
- f. Xem trọng sự hòa thuận và tình thương.

- g. Làm việc trước, chơi sau.
- h. Chơi trước và làm việc sau.

4. Trong công việc, bạn ...

- a. Thích “đóng vai chính”.
- b. Thích “ăn mình” sau “hậu trường”.

- c. Chú ý mọi chi tiết và nhớ tất cả sự việc.
- d. Chỉ chú ý những điều mới lạ.

- e. Nguồn động viên chính là thành tích đạt được.
- f. Cảm thấy “âm lòng” vì sự công nhận của sếp.

- g. Quyết định mọi việc khá dễ dàng.
- h. Có thể ra quyết định khá khó khăn.

5. Nhìn chung bạn có khuynh hướng ...

- a. Thoải mái và nhiệt tình.
- b. Độc lập và kín đáo.

- c. Có óc thực tế - thấy điều cụ thể trước mắt.
- d. Có óc sáng tạo – thấy điều có thể làm được.

- e. Bị thuyết phục bởi những lập luận có lý.
- f. Bị thuyết phục bởi cảm giác của bản thân.

- g. Chỉ cảm thấy thoải mái khi mọi việc đã có kế hoạch rõ ràng.
- h. Thích tự do và ứng biến tùy lúc.

1.3.2. Trắc nghiệm chìa khóa nghề nghiệp

Chào mừng bạn đã tham gia chương trình trắc nghiệm này, để có thể điền chính xác bạn không nên quá căng thẳng trong việc trả lời các câu hỏi, chỉ cần bạn đánh giá đúng những gì bạn thường làm trong cuộc sống hàng ngày. Với mong muốn giúp bạn hiểu rõ về sở thích nghề nghiệp của chính bạn, chúng tôi mong rằng bản trắc nghiệm này sẽ mang lại cho bạn nhiều khám phá thú vị.

Bạn trả lời các câu hỏi trong Bảng 3. sau và cho điểm theo mẫu:

Mức 1: (Rất thấp):	=	1 điểm
Mức 2: (thấp):	=	2 điểm
Mức 3: (vừa):	=	3 điểm
Mức 4: (cao):	=	4 điểm
Mức 5: (Rất cao):	=	5 điểm

PHẦN R

Phần R	Mức độ đúng nhất					Điểm
	1	2	3	4	5	
Tính kiên trì						
Tính tự lập						
Có đầu óc thực tế						
Tính nghiêm khắc						
Đạt được những tiêu chuẩn rõ ràng						
Linh động trong công việc						
Làm công việc thực hành						
Khoẻ mạnh và nhanh nhẹn						
Làm công việc thủ công						
Tiếp xúc với thiên nhiên, động vật						
Tổng cộng						

PHẦN I

Phần I	Mức độ đúng nhất					Điểm
	1	2	3	4	5	
Điềm tĩnh						
Chính xác						
Tính logic						
Tính tìm hiểu, khám phá						
Đóng góp kiến thức vào một lĩnh vực						
Có thể tổ chức công việc của mình						
Thực hiện một vấn đề phức tạp						
Quan sát, phản ánh, nghiên cứu						
Phân tích giải quyết vấn đề						
Giả thuyết, lập luận sự việc						
Tổng cộng						

PHẦN A

Phần A	Mức độ đúng nhất					điểm
	1	2	3	4	5	
Dễ xúc động						
Độc đáo						
Bộc đồng						
Trực giác						
Có khả năng viết hoặc trình bày ý tưởng						
Sáng tạo ý tưởng, chương trình, cấu trúc mới						
Thoải mái khi bộc lộ ý kiến riêng						
Trình diễn, khiêu vũ, đóng kịch						
Sử dụng khả năng về mỹ thuật, trang trí, vẽ						
Năng khiếu âm nhạc						
Tổng cộng						

PHẦN S

Phần S	Mức độ đúng nhất					điểm
	1	2	3	4	5	
Tinh thần hợp tác						
Biết đồng cảm						
Thân thiện						
Lịch thiệp						
Đóng góp để thế giới tốt đẹp hơn						
Cảm thấy việc mình làm tạo nên sự khác biệt						
Trực tiếp giúp đỡ người khác						
Tư vấn, đào tạo và hướng dẫn						
Giải quyết vấn đề và hoà giải						
Chăm sóc, an ủi người khác						
Tổng kết						

PHẦN E

Phần E	Mức độ đúng nhất					điểm
	1	2	3	4	5	
Quyết đoán						
Nghị lực						
Có sức thuyết phục						
Mạnh mẽ						
Có thể nhanh chóng vượt lên người khác						
Làm người khác thay đổi ý kiến						
Khả năng, diễn đạt, tranh luận trước công chúng						
Lên kế hoạch và quyết định						
Đánh giá và dự đoán nhu cầu						
Tổng cộng						

PHẦN C

Phần C	Mức độ đúng nhất					Điểm
	1	2	3	4	5	
Chính xác						
Tỉ mỉ						
Chu đáo						
Cẩn thận						
Làm công việc với nhiệm vụ rõ ràng						
Hoàn thành những công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ						
Kế hoạch điều phối công việc						
Tính toán, so sánh số liệu						
Lưu trữ, cập nhật và phân loại thông tin						
Tính toán và dự kiến chi tiêu						
Tổng cộng						

Em cho biết đôi nét về bản thân:

1. Họ và tên:.....
 2. Trường:.....Lớp.....
 3. Tỉnh/Thành phố:.....
 4. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ.
 5. Khối thi:.....Trường dự thi.....
 6. Nguyên vọng 1:.....2:.....3:.....
 7. Địa chỉ gia đình:.....
- Điện thoại:.....mail/nick:

1.3.3. Trắc nghiệm khi chất tính cách EYSENCK

Các em đọc từng ý rồi chọn ngay ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu và điền vào bảng trả lời trắc nghiệm theo cách đánh dấu x vào phương án trả lời có hoặc không.
(Thời gian làm trắc nghiệm: 25 - 30 phút)

Bạn có thích hay không	Có	Không
1. Bạn có thường xuyên bị lôi cuốn bởi những cảm tưởng, những ấn tượng mới mẻ hoặc đi tìm nguồn cảm xúc mạnh mẽ để giải buồn hoặc làm cho mình phấn chấn không?		
2. Bạn có thường xuyên cần có người ý hợp tâm đồng để động viên, an ủi không?		
3. Bạn là người vô tư, không bận tâm đến điều gì, phải không?		
4. Bạn cảm thấy rất khó khăn khi phải từ bỏ những ý định của mình hoặc từ chối người khác ngay cả khi hoàn cảnh bắt phải như thế không?		
5. Bạn có muốn trước khi làm việc gì cũng phải cân nhắc, suy nghĩ, không vội vàng không?		
6. Khi đã hứa làm việc gì, bất kể lời hứa đó có thuận lợi cho mình hay không, bạn vẫn luôn luôn giữ lời hứa, phải không?		
7. Tâm trạng của bạn có thường hay thay đổi, lúc vui, lúc buồn không?		
8. Bạn có hay nói và hành động một cách bột phát vội vàng, không kịp suy nghĩ không?		
9. Có khi nào bạn thấy mình là người bất hạnh một cách vô duyên có không?		
10. Bạn có cho mình là người không hề lúng, không phải mất công tìm kiếm cũng luôn đưa ra lời giải đáp khi phải đánh giá, nhận xét một vấn đề nào đó và sẵn sàng làm tất cả để tranh luận đến cùng không?		
11. Bạn có thấy rụt rè, e thẹn khi muốn bắt chuyện với một người khác giới dễ mến nhưng chưa quen biết không?		
12. Đôi lúc, bạn cũng nổi nóng, không kiềm chế được, phải không?		
13. Bạn có hay hành động một cách bồng bột, nông nổi không?		
14. Bạn có hay ân hận về những lời bạn đã nói, về những việc bạn đã làm mà lẽ ra không nên nói, không nên làm như vậy không?		
15. Bạn thích đọc sách hơn là trò chuyện với người khác, phải không?		
16. Bạn có dễ phật ý không?		
17. Bạn có thích luôn luôn có mặt ở trong nhóm, trong hội của mình không?		
18. Có những ý nghĩ mà bạn giữ kín, không cho người khác biết, phải không?		
19. Có đúng bạn là người đôi khi rất nhiệt tình trong công việc nhưng cũng có lúc hoàn toàn chán chường, uể oải không?		
20. Bạn có cho rằng chỉ cần ít bạn nhưng phải là những bạn thân không?		
21. Bạn có hay mơ ước không?		
22. Có phải lúc ai đó tăng dần quát tháo với bạn thì bạn cũng quát tháo		

lại không?		
23. Bạn thường day dứt mỗi khi gặp sai lầm, phải không?		
24. Tất cả thói quen của bạn đều tốt và hợp với mong muốn của bạn, phải không?		
25. Bạn có khả năng làm chủ được tình cảm của mình và hoàn toàn vui vẻ trong các buổi hội họp, phải không?		
26. Bạn có cho mình là người nhạy cảm và dễ bị kích động không?		
27. Người ta cho bạn là người hoạt bát, vui vẻ, phải không?		
28. Sau khi làm xong một việc, bạn có cho rằng mình có thể làm việc đó tốt hơn không?		
29. Ở chỗ đông người, bạn thường im lặng, phải không?		
30. Đôi khi bạn cũng thêm thắt câu chuyện cho sinh động, phải không?		
31. Bạn có hay bị mất ngủ vì những ý nghĩ lộn xộn trong đầu không?		
32. Khi muốn biết một điều gì, bạn thường tự tìm trong sách vở chứ không hỏi người khác, phải không?		
33. Có bao giờ bạn hồi hộp trước một sự kiện nào đó không?		
34. Bạn có thích làm những công việc đòi hỏi sự chú ý thường xuyên không?		
35. Có bao giờ bạn run sợ không?		
36. Nếu như không có người kiểm tra khi đi tàu xe, bạn có mua vé không?		
37. Bạn có cảm thấy khó chịu khi sống trong một tập thể mà mọi người hay giễu cợt nhau không?		
38. Bạn có hay bực tức không?		
39. Bạn có thích làm những công việc hoàn toàn gấp gáp không?		
40. Trước những sự việc có hoặc không thể xảy ra, bạn có hồi hộp không?		
41. Bạn đi đứng ung dung, thong thả, phải không?		
42. Có bao giờ bạn đến nơi hẹn hoặc nơi làm hay đi học muộn giờ không?		
43. Bạn có hay có những cơn ác mộng không?		
44. Có đúng là bạn thích trò chuyện đến mức là không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để được nói chuyện, kể cả với người không quen biết không?		
45. Có nỗi đau nào làm cho bạn lo lắng không?		
46. Bạn có cảm thấy thật bất hạnh nếu trong thời gian dài không tiếp xúc rộng rãi với mọi người không?		
47. Bạn có cho mình là người dễ xúc động, dễ phản ứng không?		
48. Trong số những người quen, có người bạn không ưa họ một cách công khai, phải không?		
49. Bạn có cho mình là người hoàn toàn tự tin không?		
50. Bạn có hay phật ý khi người khác chỉ ra những lỗi lầm trong công tác, trong cuộc sống riêng tư của bạn không?		
51. Bạn có cho rằng khó có thể hài lòng trong một buổi gặp mặt liên hoan không?		
52. Sự cảm nhận rằng mình thấp kém hơn người khác có làm bạn khó chịu không?		
53. Bạn có dễ dàng làm cho nhóm bạn bè của bạn đang buồn chán, tẻ		

nhặt thành sợi nổi, vui vẻ không?		
54. Có khi nào bạn nói về những điều mà bạn không am hiểu không?		
55. Bạn có lo lắng về sức khoẻ bản thân không?		
56. Bạn có thích trêu đùa người khác không?		
57. Bạn có bị mất ngủ không?		

Em cho biết đôi nét về bản thân:

1. Họ và tên
2. Trường...../lớp:.....
3. Tỉnh/Thành phố:.....
4. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ.
5. Khối thi:..... Trường dự thi.....
6. Nguyên vọng 1:.....2:.....3:.....
7. Địa chỉ gia đình:.....
8. Điện thoại:.....mail/nick:

S = ----- 9

HN= ----- 24

KOD = ----- 24

BẢNG KHOÁ TRẮC NGHIỆM EYSENCK

S		HN		KOD	
6	+	1	+	2	
12	-	3	+	4	
18	-	5	-	7	
24	+	8	+	9	
30	-	10	+	11	
36	+	13	+	14	
42	-	15	-	16	
48	-	17	+	19	
54	-	20	-	21	
		22	+	23	
		25	+	26	
		27	+	28	
		29	-	31	
		32	-	33	
		34	-	35	
		37	-	38	
		39	+	40	
		41	-	43	
		44	+	45	
		46	+	47	
		49	+	50	
		51	-	52	
		53	+	55	
		56	-	57	

2.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Kết quả nghiên cứu bằng bảng hỏi

Bảng 1. Mức độ nhận thức thông tin về nội dung và các yêu cầu của nghề lựa chọn.

Nội dung thông tin		Đặc điểm nhận thức			ĐTĐ (X)
		Biết rõ	Có nghe nói	Không biết rõ	
		1	2	3	(theo cột)
1. Những công việc cụ thể của người làm nghề phải thực hiện trong quá trình lao động.	số lượng	207	379	113	699
	%	29.6%	54.2%	16.2%	1.8655
2. Ý nghĩa xã hội của nghề mà em chọn	số lượng	321	326	57	704
	%	45.6%	46.3%	8.1%	1.6250
3. Giá trị kinh tế (Tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến...) của nghề em chọn	số lượng	235	273	196	704
	%	33.4%	38.8%	27.8%	1.9446
4. Địa chỉ các cơ sở giáo dục có đào tạo nghề em chọn.	số lượng	253	272	179	704
	%	35.9%	38.6%	25.4%	1.8949
5. Những khó khăn, vất vả, rủi ro... mà bản thân phải đối mặt khi hành nghề (em chọn) sau này.	số lượng	148	333	223	704
	%	21.0%	47.3%	31.7%	2.1065
6. Những yêu cầu về mặt tâm – sinh lý, sức khỏe của nghề em chọn.	số lượng	288	213	203	704
	%	40.9%	30.3%	28.8%	1.8793
7. Chỉ tiêu, điểm chuẩn của các cơ sở giáo dục có đào tạo nghề em chọn	số lượng	309	289	106	704
	%	43.9%	41.1%	15.1%	1.7116
8. Các điều kiện lao động, môi trường làm việc của nghề em chọn	số lượng	268	341	95	704
	%	38.1%	48.4%	13.5%	1.7543
Chung	số lượng	281	281	137	699
	%	40.2%	40.2%	19.6%	1.7543
1. Định hướng phát triển của Nhà nước, địa phương đối với các lĩnh vực lao động nói chung và đối với nghề em chọn nói riêng	số lượng	113	379	208	700
	%	16.1%	54.1%	29.7%	2.1357
2. Các lĩnh vực, ngành nghề được nhà nước, địa phương đặc biệt quan tâm phát triển trong giai đoạn hiện nay.	số lượng	211	360	129	700
	%	30.1%	51.4%	18.4%	1.8829
3. Các lĩnh vực, ngành nghề dễ hoặc khó xin được việc làm hiện nay.	số lượng	275	311	114	700
	%	39.3%	44.4%	16.3%	1.7700
4. Khả năng và cơ hội xin được việc làm đối với nghề em chọn.	số lượng	326	285	89	700
	%	46.6%	40.7%	12.7%	1.6614
5. Nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động đối với nghề lựa chọn	số lượng	256	318	126	700
	%	36.6%	45.4%	18.0%	1.8143
6. Địa chỉ các cơ quan tuyển dụng	số lượng	228	252	220	700

nghề em chọn	%	32.6%	36.0%	31.4%	1.9886
7. Xu hướng phát triển của nghề nghiệp mà em lựa chọn trong tương lai.	số lượng	268	305	127	700
	%	38.3%	43.6%	18.1%	1.7986
8. Cơ hội được tuyển dụng tại các cơ sở, tổ chức nước ngoài ở trong nước và ngoài nước	số lượng	164	251	285	700
	%	23.4%	35.9%	40.7%	2.1729
Chung	số lượng	260	281	159	700
	%	37.1%	40.1%	22.7%	1.8557
1. Năng khiếu, thiên hướng của bản thân	số lượng	364	207	129	700
	%	52.0%	29.6%	18.4%	1.6643
2. Năng lực hiện có của mình đảm bảo giúp bản thân thành công với nghề đã chọn sau này	số lượng	261	322	117	700
	%	37.3%	46.0%	16.7%	1.7943
3. Những phẩm chất tính cách hiện có giúp bản thân thành công với nghề em chọn.	số lượng	300	299	101	700
	%	42.9%	42.7%	14.4%	1.7157
4. Những đặc điểm thể chất, sức khỏe giúp bản thân thành công với nghề sau này.	số lượng	449	190	61	700
	%	64.1%	27.1%	8.7%	1.4457
5. Những lợi thế của gia đình đối với việc đào tạo và hành nghề sau này	số lượng	324	233	143	700
	%	46.3%	33.3%	20.4%	1.7414
6. Những phẩm chất đạo đức, tác phong giúp bản thân thành công với nghề	số lượng	402	206	92	700
	%	57.4%	29.4%	13.1%	1.5571
7. Những điểm yếu về mặt tính cách, năng lực ảnh hưởng đến sự thành công nghề em chọn sau này.	số lượng	356	251	93	700
	%	50.9%	35.9%	13.3%	1.6243
8. Nguyên vọng và các kế hoạch tương lai của thân thân	số lượng	414	250	36	700
	%	59.1%	35.7%	5.1%	1.4600
Chung	số lượng	428	215	57	700
	%	61.1%	30.7%	8.1%	1.4700

Bảng 2. Bảng tổng hợp mức độ đầy đủ trong nhận thức của HS khi chọn nghề.

		Chỉ số thống kê	Mức độ đầy đủ trong nhận thức			
			Về nghề và đặc điểm của nghề	Về thị trường lao động	Về đặc điểm bản thân	Chung
GIỚI TÍNH	<i>Nam</i>	<i>ĐTB</i>	1.8113	1.8928	1.4918	1.7476
		<i>Slượng</i>	424	429	429	424
		<i>Độ lệch chuẩn</i>	.77628	.78697	.63984	.63394
	<i>Nữ</i>	<i>ĐTB</i>	1.7673	1.7970	1.4354	1.7306
		<i>Slượng</i>	275	271	271	271
		<i>Độ lệch chuẩn</i>	.69698	.71450	.64584	.57522
Giới	<i>ĐTB</i>	1.5818	1.7636	1.5091	1.6364	
	<i>Slượng</i>	55	55	55	55	

HỌC LỰC	Khá	Độ lệch chuẩn	.76233	.83807	.71680	.70353
		ĐTB	1.8694	1.9925	1.3881	1.7799
		Slượng	268	268	268	268
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	.75060	.72923	.61089	.58704
		ĐTB	1.7535	1.7570	1.5223	1.7110
		Slượng	353	358	358	353
	Yếu	Độ lệch chuẩn	.73770	.75936	.65534	.60426
		ĐTB	2.2632	2.0526	1.5263	2.0526
		Slượng	19	19	19	19
ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	Hà Nội	ĐTB	1.8000	1.7875	1.5167	1.6917
		Slượng	240	240	240	240
		Độ lệch chuẩn	.76645	.80314	.67821	.65066
	Thái Bình	ĐTB	1.7725	1.9185	1.4163	1.7783
		Slượng	233	233	233	230
		Độ lệch chuẩn	.72202	.70543	.60393	.56727
	Lào Cai	ĐTB	1.8097	1.8634	1.4758	1.7556
		Slượng	226	227	227	225
		Độ lệch chuẩn	.75076	.76646	.64016	.61075
Chung	ĐTB	1.7940	1.8557	1.4700	1.7410	
	Slượng	699	700	700	695	
	Độ lệch chuẩn	.74589	.76064	.64230	.61135	

Bảng 3. Tình cảm của HS lớp 12 với nghề dự định lựa chọn

	hoan toan dung		Dung 1 phan		Khong dung	
	Count	%	Count	%	Count	%
c17.1. Hoan toan tu tin	270	38.6%	128	18.3%	301	43.1%
c17.2. Thay vui va hanh phuc	96	13.7%	153	21.8%	454	64.6%
c17.3. Thay tu hao va hanh dien	130	18.5%	169	24.0%	404	57.5%
c17.4. Co co hoi van chon	247	35.1%	92	13.1%	364	51.8%
c17.5. Quyet tam theo duoi den cung	202	28.7%	94	13.4%	408	58.0%

BẢNG 4. Tính chủ động trong hành vi chọn nghề của HS (phân theo địa bàn nghiên cứu, giới tính và học lực)

	c20.3. Thanh pho/tinh			c20.4. Gioi tinh		c20.5. Hoc luc			
	Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	Nam	Nữ	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Do bản	80	97	81	137	121	37	116	99	6

thân thấy điều này là cần thiết									
	33.6%	41.6%	35.7%	37.0%	36.9%	57.8%	41.9%	29.0%	37.5%
Do bản thân thấy cần thiết khi được thầy cô, gia đình khuyến bảo	113	106	111	182	148	27	128	169	6
	47.5%	45.5%	48.9%	49.2%	45.1%	42.2%	46.2%	49.6%	37.5%
Do tình thế sắp phải ra trường nên buộc phải thực hiện.	45	30	35	51	59		33	73	4
	18.9%	12.9%	15.4%	13.8%	18.0%		11.9%	21.4%	25.0%

Bảng 5. Tình cảm với nghề lựa chọn

		Địa bàn			Giới tính		Học lực			
		Hà Nội	Thái Bình	Lào Cai	Nam	Nữ	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Hoàn toàn tự tin và hài lòng với nghề đã chọn	Hoàn toàn đồng ý	80	104	86	145	125	31	132	98	5
	Đồng ý 1 phần	86	16	26	66	62	18	44	66	
	Hoàn toàn không đồng ý	74	113	114	156	145	17	96	177	11
Thấy vui và hạnh phúc vì đã chọn được nghề phù hợp	Hoàn toàn đồng ý	24	55	17	49	47	13	54	26	2
	Đồng ý 1 phần	57	37	59	82	71	18	62	68	2
	Hoàn toàn không đồng ý	159	144	151	239	215	35	160	247	12
Thấy tự hào và hãnh diện vì nghề mình	Hoàn toàn đồng ý	86	15	29	69	61	19	47	63	1
	Đồng ý 1 phần	57	54	58	89	80	24	72	68	2

chọn	phần									
	Hoàn toàn không đồng ý	97	167	140	212	192	23	157	210	13
Nếu có cơ hội lựa chọn lại em sẽ vẫn lựa chọn nghề này.	Hoàn toàn đồng ý	82	84	81	135	112	26	133	81	4
	Đồng ý 1 phần	55	26	11	43	49	9	35	46	1
	Hoàn toàn không đồng ý	103	126	135	192	172	31	108	214	11
Dù sau này có khó khăn nhưng quyết tâm theo đuổi nghề đến cùng.	Hoàn toàn đồng ý	50	77	75	113	89	25	109	61	4
	Đồng ý 1 phần	49	19	26	44	50	16	35	42	1
	Hoàn toàn không đồng ý	141	140	127	214	194	25	133	238	11

Bảng 6. Tính tích cực trong các hành động chọn nghề của HS lớp 12

	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi	
	N	%	N	%	n	%
Học tập kỹ các môn học sẽ thi trong các kỳ tuyển sinh	367	52.4%	262	37.4%	71	10.1%
Tìm đọc các tài liệu có liên quan đến nghề lựa chọn	61	8.7%	327	46.7%	312	44.6%
Gặp gỡ người đã từng làm nghề để hỏi thêm thông tin	57	8.1%	225	32.0%	422	59.9%
Làm một số công việc có liên quan đến nghề lựa chọn	110	15.7%	241	34.4%	349	49.9%
Thăm quan một số cơ sở đào tạo nghề	127	18.0%	221	31.4%	356	50.6%
Thăm quan một số cơ sở có tuyển dụng nghề	185	26.5%	188	27.0%	324	46.5%
Sưu tập tài liệu,	117	16.7%	276	39.4%	307	43.9%

hoặc vật phẩm có liên quan đến nghề						
-------------------------------------	--	--	--	--	--	--

Bảng 7. Mối tương quan giữa các đặc điểm tâm lý (mô hình hồi quy tuyến tính bội) với chất lượng chọn nghề của HS lớp 12 hiện nay.

			c25. Su phu hop trong lua chon nghe	Dac diem nhan thuc	Dac diem thai do	Muc do tích cuc cua hanh vi
Spearman's rho	c25. Su phu hop trong lua chon nghe	Correlation Coefficient	1.000	.064(*)	.260(**)	.394(**)
		Sig. (1-tailed)	.	.044	.000	.000
		N	704	703	679	691
	Dac diem nhan thuc	Correlation Coefficient	.064(*)	1.000	.235(**)	.201(**)
		Sig. (1-tailed)	.044	.	.000	.000
		N	703	703	679	690
	Dac diem thai do	Correlation Coefficient	.260(**)	.235(**)	1.000	.302(**)
		Sig. (1-tailed)	.000	.000	.	.000
		N	679	679	679	670
	Muc do tích cuc cua hanh vi	Correlation Coefficient	.394(**)	.201(**)	.302(**)	1.000
		Sig. (1-tailed)	.000	.000	.000	.
		N	691	690	670	691

* Correlation is significant at the 0.05 level (1-tailed).

** Correlation is significant at the 0.01 level (1-tailed).

ANOVA(c)

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	106.417	1	106.417	431.788	.000(a)
	Residual	164.633	668	.246		
	Total	271.051	669			
2	Regression	119.138	3	39.713	174.103	.000(b)
	Residual	151.913	666	.228		
	Total	271.051	669			

a Predictors: (Constant), Dac diem tam ly trong hd chon nghe

b Predictors: (Constant), Dac diem tam ly trong hd chon nghe, Dac diem thai do, Dac diem nhan thuc

c Dependent Variable: Muc do tích cuc cua hanh vi

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	.323	.092		3.522	.000
	Dac diem tam ly trong hd chon nghe	.721	.035	.627	20.780	.000
2	(Constant)	.732	.105		6.945	.000
	Dac diem tam ly trong hd chon nghe	1.017	.053	.884	19.345	.000
	Dac diem nhan thuc	-.311	.046	-.256	-6.794	.000
	Dac diem thai do	-.173	.038	-.169	-4.577	.000

a Dependent Variable: Muc do tinh cuc cua hanh vi

Excluded Variables(b)

Model		Beta In	t	Sig.	Partial Correlation	Collinearity Statistics
						Tolerance
1	Dac diem nhan thuc	-.217(a)	-5.815	.000	-.220	.624
	Dac diem thai do	-.112(a)	-2.999	.003	-.115	.650

a Predictors in the Model: (Constant), Dac diem tam ly trong hd chon nghe

b Dependent Variable: Muc do tinh cuc cua hanh vi

Bảng 8. Các hình thức hướng nghiệp được tổ chức trong các trường THPT (phiếu giáo viên)

	Hoàn toàn đúng		Đúng 1 phần		Hoàn toàn không đúng	
	N	%	N	%	n	%
Lập hồ sơ hướng nghiệp cho từng học sinh	4	5.1%	33	42.3%	41	52.6%
Khám sức khỏe định kỳ cho học sinh để	29	37.2%	37	47.4%	12	15.4%

hướng dẫn chọn nghề phù hợp						
Đo các chỉ số tâm lý (IQ, Tính cách, năng lực...) cho học sinh nhằm phục vụ cho việc tư vấn nghề	16	20.5%	50	64.1%	12	15.4%
Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, chọn nghề cho học sinh	13	16.7%	21	26.9%	44	56.4%
Cung cấp thông tin về thị trường lao động, cơ hội việc làm của các ngành nghề có trong xã hội cho học sinh tham khảo thông qua môn GDHN	30	38.5%	28	35.9%	20	25.6%
Mời các chuyên gia, thợ lành nghề tham gia các buổi sinh hoạt GDHN theo chương trình của Bộ GD-ĐT	26	33.3%	48	61.5%	4	5.1%
Tổ chức thăm quan các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất, kinh doanh để định hướng cho sự lựa chọn nghề của học sinh.	20	25.6%	54	69.2%	4	5.1%
Tổ chức văn hoá, văn nghệ kết hợp tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh.	13	16.7%	57	73.1%	8	10.3%
Lồng ghép các kiến thức hướng nghiệp vào ngay các bài giảng của môn học	17	21.8%	61	78.2%		

Bảng 9. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến quyết định chọn nghề của HS

		Rất ảnh hưởng		Có ảnh hưởng		Không có ảnh hưởng	
		Count	%	Count	%	Count	%
Hà nội	GDHN	8	3.3%	90	37.5%	142	59.2%

	nhà trường						
	GDHN gia đình	132	55.0%	83	34.6%	25	10.4%
	Bạn bè	49	20.4%	125	52.1%	66	27.5%
Thái Bình	GDHN nhà trường	24	10.4%	124	53.9%	82	35.7%
	GDHN gia đình	89	38.5%	105	45.5%	37	16.0%
	Bạn bè	70	30.0%	112	48.1%	51	21.9%
Lào Cai	GDHN nhà trường	16	7.1%	105	46.7%	104	46.2%
	GDHN gia đình	102	45.7%	91	40.8%	30	13.5%
	Bạn bè	51	22.5%	121	53.3%	55	24.2%

Bảng 10. Đặc điểm tâm lý trong hd chọn nghề * giadinh Crosstabulation

		giadinh			Total
		Rat anh huong	Anh huong khong nhieu	Khong anh huong	
Đặc điểm tâm lý trong hd chọn nghề	Mức độ tích cực cao	4	17	0	21
	Tương đối tích cực	103	61	71	235
	Mức độ tích cực tham	109	171	131	411
Total		216	249	202	667

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	42.585(a)	4	.000
Likelihood Ratio	46.677	4	.000
Linear-by-Linear Association	9.136	1	.003
N of Valid Cases	667		

a. 0 cells (.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 6.36.

Symmetric Measures

	Value	Asymp. Std.	Approx. T(b)	Approx. Sig.

			Error(a)		
Nominal by Nominal	Phi	.253			.000
	Cramer's V	.179			.000
Interval by Interval	Pearson's R	.117	.035	3.041	.002(c)
Ordinal by Ordinal	Spearman Correlation	.121	.038	3.132	.002(c)
N of Valid Cases		667			

a Not assuming the null hypothesis.

b Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.

c Based on normal approximation.

Bảng 11. Mối tương quan giữa việc chọn nghề theo xu hướng giới trẻ và chất lượng lựa chọn nghề

		Mức độ phù hợp trong chọn nghề		
		Hoàn toàn phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp	
c10.5. Nghe phụ hợp với giới trẻ nâng đống	Rất đúng	117	154	271
		43.2%	56.8%	100.0%
	Đúng 1 phần	169	79	248
		68.1%	31.9%	100.0%
Tổng		286	233	519
		55.1%	44.9%	100.0%

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2- sided)	Exact Sig. (2- sided)	Exact Sig. (1- sided)
Pearson Chi-Square	32.641(b)	1	.000		
Continuity Correction(a)	31.639	1	.000		
Likelihood Ratio	33.065	1	.000		
Fisher's Exact Test				.000	.000
Linear-by-Linear Association	32.578	1	.000		
N of Valid Cases	519				

a Computed only for a 2x2 table

b 0 cells (.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 111.34.

Symmetric Measures

		Value	Asymp. Std. Error(a)	Approx. T(b)	Approx. Sig.
Nominal by Nominal	Phi	.451			.000
	Cramer's V	.451			.000
Interval by Interval	Pearson's R	.451	.042	5.890	.000(c)
Ordinal by Ordinal	Spearman Correlation	.451	.042	5.890	.000(c)
N of Valid Cases		519			

a Not assuming the null hypothesis.

b Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.

c Based on normal approximation.

Bảng 12. Tương quan giữa nhận thức về thị trường lao động với chất lượng chọn nghề của HS

		c25. Su phu hop trong lua chon nghe		Total
		Hoan toan phu hop	Hoan toan khong phu hop	
c5b	Biet duoc day du thong tin	201	59	260
		77.3%	22.7%	100.0%
		58.8%	16.5%	37.1%
	Biet duoc khong day du	102	179	281
		36.3%	63.7%	100.0%
		29.8%	50.0%	40.1%
	Biet duoc rat it thong tin	39	120	159
		24.5%	75.5%	100.0%
		11.4%	33.5%	22.7%
Total		342	358	700
		48.9%	51.1%	100.0%
		100.0%	100.0%	100.0%

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	139.625(a)	2	.000
Likelihood Ratio	146.231	2	.000
Linear-by-Linear Association	125.407	1	.000
N of Valid Cases	700		

a 0 cells (.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 77.68.

Symmetric Measures

		Value	Asymp. Std. Error(a)	Approx. T(b)	Approx. Sig.
Nominal by Nominal	Phi	.447			.000
	Cramer's V	.447			.000
Interval by Interval	Pearson's R	.424	.033	12.353	.000(c)
Ordinal by Ordinal	Spearman Correlation	.432	.033	12.650	.000(c)
N of Valid Cases		700			

a Not assuming the null hypothesis.

b Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.

c Based on normal approximation.

Bảng 13. Tương quan giữa tính tích cực trong các hành động chọn nghề với chất lượng chọn nghề của HS

Crosstab

		c25. Su phu hop trong lua chon nghe		Total	
		Hoan toan phu hop	Hoan toan khong phu hop		
c15b	Thuong xuyen tim hieu	Count	178	51	229
		% within c15b	77.7%	22.3%	100.0%
		% within c25. Su phu hop trong lua chon nghe	52.0%	14.2%	32.7%
	Moi bat dau tim hieu	Count	117	172	289
		% within c15b	40.5%	59.5%	100.0%
		% within c25.	34.2%	48.0%	41.3%

		Su phu hop trong lua chon nghe			
	Rat it khi tim hieu	Count	47	135	182
		% within c15b	25.8%	74.2%	100.0%
		% within c25. Su phu hop trong lua chon nghe	13.7%	37.7%	26.0%
Total		Count	342	358	700
		% within c15b	48.9%	51.1%	100.0%
		% within c25. Su phu hop trong lua chon nghe	100.0%	100.0%	100.0%

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	123.148(a)	2	.000
Likelihood Ratio	129.129	2	.000
Linear-by-Linear Association	114.372	1	.000
N of Valid Cases	700		

a 0 cells (.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 88.92.

Symmetric Measures

		Value	Asymp. Std. Error(a)	Approx. T(b)	Approx. Sig.
Nominal by Nominal	Phi	.419			.000
	Cramer's V	.419			.000
Interval by Interval	Pearson's R	.405	.033	11.685	.000(c)
Ordinal by Ordinal	Spearman Correlation	.408	.033	11.796	.000(c)
N of Valid Cases		700			

a Not assuming the null hypothesis.

b Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.

c Based on normal approximation.

Bảng 14. Ảnh hưởng của động cơ chọn nghề tới sự phù hợp trong lựa chọn nghề của HS lớp 12

		động cơ kinh tế	động cơ phát triển năng lực	động cơ thể hiện giá trị	động cơ phát triển xã hội	động cơ chi trả	c25. Sự phù hợp trong lựa chọn nghề
c25. Sự phù hợp trong lựa chọn nghề	Pearson Correlation	.132(**)	.482(**)	.175(**)	.345	.027	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.235	.492	.
	N	695	685	680	695	665	704

** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Bảng 15: c1. Việc chọn nghề được xem là * c2. Thời điểm chọn nghề hợp lý Crosstabulation

		c2. Thời điểm chọn nghề hợp lý			Total
		Tu trước năm lớp 12	dầu lớp 12	Trước khi làm hồ sơ	
1	quan trọng, cần cân nhắc	251	253	31	535
		35.7%	35.9%	4.4%	76.0%
2	quan trọng như nhiều việc khác	23	24	18	65
		3.3%	3.4%	2.6%	9.2%
3	bước phải nghĩ khi sắp ra trường	27	50	17	94
		3.8%	7.1%	2.4%	13.4%
4	là công việc bình thường	0	5	5	10
		.0%	.7%	.7%	1.4%
Total		301	332	71	704
		42.8%	47.2%	10.1%	100.0%

($df = 5$; $p.value = 0.003$; $\Phi/Cramer = 0.35$)

Bảng 16: Thái độ thực của HS lớp 12 khi chọn nghề

		c1. Việc chọn nghề được xem là			Total
		quan trọng, cần cân nhắc	quan trọng như nhiều việc khác	bước phải nghĩ khi sắp ra trường	là công việc bình thường

c14. tu nhung nam lop 10, Em bat dau lua chon nghe tu thoi diem nao	11	245	8	28	0	281	
		87.2%	2.8%	10.0%	.0%	100.0%	
		46.2%	12.5%	29.8%	.0%	40.3%	
		35.1%	1.1%	4.0%	.0%	40.3%	
		Vao nam lop 12	250	38	33	5	326
			76.7%	11.7%	10.1%	1.5%	100.0%
		Truoc khi lam ho so	47.2%	59.4%	35.1%	50.0%	46.7%
			35.8%	5.4%	4.7%	.7%	46.7%
			35	18	33	5	91
			38.5%	19.8%	36.3%	5.5%	100.0%
Total	6.6%	28.1%	35.1%	50.0%	13.0%		
	5.0%	2.6%	4.7%	.7%	13.0%		
	530	64	94	10	698		
	75.9%	9.2%	13.5%	1.4%	100.0%		
	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%		
		75.9%	9.2%	13.5%	1.4%	100.0%	

2.2. Kết quả điều tra bằng trắc nghiệm tâm lý

		Người - Thiên nhiên	Người - Kỹ thuật	Người - Người	Người - Đau hieu	Người - Nghe thuật
Ha noi	c20.1.1. Nghe phu hop theo tinh cach		24	117	99	
			10.0%	48.8%	41.3%	
	c20.1.2. Nghe phu hop theo tinh cach (nhom nghe trac nghiem khi chat Eysen)	14	33	67	110	16
		5.8%	13.8%	27.9%	45.8%	6.7%
	c21. Xu huong theo nhom nghe (trac nghiem Xu huong)	26	43	47	100	24
		10.8%	17.9%	19.6%	41.7%	10.0%
	c22. Nguyen vong theo nhom nghe	8	30	90	104	8
		3.3%	12.5%	37.5%	43.3%	3.3%
	c24. Tinh cach theo nhom nghe (trac nghiem tinh cach Hollanl)		67	93	50	
			31.9%	44.3%	23.8%	

Thai binh	c20.1.1. Nghe phu hop theo tinh cach	22	43	77	75	19
		9.3%	18.2%	32.6%	31.8%	8.1%
	c20.1.2. Nghe phu hop theo tinh cach (nhom nghe trac nghiem khi chat Eysen)	20	42	67	80	27
		8.5%	17.8%	28.4%	33.9%	11.4%
	c21. Xu huong theo nhom nghe (trac nghiem Xu huong)	7	62	90	55	5
		3.2%	28.3%	41.1%	25.1%	2.3%
c22. Nguyen vong theo nhom nghe		69	97	40		
		33.5%	47.1%	19.4%		
c24. Tinh cach theo nhom nghe (trac nghiem tinh cach Hollanl)	16	31	56	99	26	
	7.0%	13.6%	24.6%	43.4%	11.4%	
Lao cai	c20.1.1. Nghe phu hop theo tinh cach	27	34	51	94	22
		11.8%	14.9%	22.4%	41.2%	9.6%
	c20.1.2. Nghe phu hop theo tinh cach (nhom nghe trac nghiem khi chat Eysen)	4	51	87	61	11
		1.9%	23.8%	40.7%	28.5%	5.1%
	c21. Xu huong theo nhom nghe (trac nghiem Xu huong)		24	117	99	
			10.0%	48.8%	41.3%	
c22. Nguyen vong theo nhom nghe	14	33	67	110	16	
	5.8%	13.8%	27.9%	45.8%	6.7%	
c24. Tinh cach theo nhom nghe (trac nghiem tinh cach Hollanl)	26	43	47	100	24	
	10.8%	17.9%	19.6%	41.7%	10.0%	

Kết quả trắc nghiệm và kết quả tác động biện pháp tư vấn nghề cho HS lớp 12 A4 Trường THPT Trần Nhân Tông, Hà Nội

Họ và tên		Học lực	Trước tác động	Sau tác động	Trắc nghiệm Holland	Trắc nghiệm Gôlômctôc
1.	Nguyen Hoai Thu	trung binh	Ngươi - Dau hieu	Ngươi - Ky thuat	Ngươi - Ky thuat	Ngươi - Ky thuat
2.	Tran My Mai	trung binh	Ngươi - Ky thuat	Ngươi - Dau hieu	Ngươi - Dau hieu	Ngươi - Dau hieu
3.	Nguyen Mai Trang	trung binh	Ngươi - Dau hieu	Ngươi - Thien nhien	Ngươi - Thien nhien	Ngươi - Thien nhien

4.	Le Hai Yen	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
5.	Tran Thi Thu Huong	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
6.	Le Thu Tra	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
7.	Hoang Tra Mi	gioi	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
8.	Vu Anh Tuyet	gioi	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
9.	Ngo Duy Thanh	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
10.	Cao Minh Nam	trung binh	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
11.	Nguyen Ba Linh	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
12.	Nguyen The Long	trung binh	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat
13.	Nguyen Dieu Linh	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
14.	Hoang Ngoc Diep	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat
15.	Nguyen Thu Phuong	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
16.	Pham Quoc Vuong	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Ky thuat
17.	Nguyen Duy Anh	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
18.	Doan Manh Quan	trung binh	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
19.	Le Nhat Minh	trung binh	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Dau hieu
20.	Nguyen Phuong Hai	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Thien nhien	Nguoi - Nguoi
21.	Tran Phuong Thao	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
22.	Pham Trung Ngoc	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Thien nhien	Nguoi - Thien nhien	Nguoi - Thien nhien
23.	Hoang Minh Duc	trung binh	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
24.	Vu Phan Viet Thang	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi

25.	Le Hoai Nam	kha	Nguoi - Thien nhien	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Dau hieu
26.	Dao Thi Ngoc	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nguoi
27.	Nguyen Thuy Duong	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
28.	Tran Minh Trang	trung binh	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
29.	Hoang Khanh Hoa	trung binh	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
30.	Nguyen Hoai Thu	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
31.	Tran Thi Kim anh	kha	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
32.	Duong van Binh	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat
33.	Nguyen Hà Chi	kha	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat
34.	Nguyen Van Chuyon	kha	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Dau hieu
35.	Vu The Cuong	kha	Nguoi - Nguoi	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat	Nguoi - Nghe thuat
36.	Do Duc Cuong	kha	Nguoi - Dau hieu	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat	Nguoi - Ky thuat